А. С. МАКАРЕНКО

ПЕДАГОГИЧЕСКАЯ ПОЭМА



A.X.Makarenkô

Bài ca Sư phạm



Tác phẩm: Bài ca Sư Phạm – Tập 3

Tác giả: A.X. Makarenkô

Dịch giả: Hướng Minh

Đánh máy: 4DHN, Phuong.ptt, tmrquan, welcom1985, je_ry, lemontree123

Sửa lỗi & Tạo prc: lemontree123

Nguồn: tve-4u.org

Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook -

www.dtv-ebook.com

Nhà xuất bản Văn Hóa – Viện Văn Học - 1962

Nguyên tác: Педагогическая поэма - A. C. MAKAРЕНКО

*

* *

Là nhà tư phạm lớn nhất của thời đại chúng ta, Makarenkô cũng có quyền được xem là một trong những người sáng lập ra những đại biểu lớn nhất của khoa tư phạm học xô-viết... Đặc biệt là trong BÀI CA SƯ PHẠM, Makarenkô tỏ ra là một nhà nghệ thuật có tài, trên cơ sở những tài liệu cụ thể của cuộc sống đã tái hiện quá trình hình thành con người mới...

S.O. MÈLÍCH NUBARÔP

Chuyên gia Liên-xô, nguyên giáo tư tại trường

Đại học Tổng hợp Việt-nam (1960)

PHẦN THỨ BA

1. NHỮNG CÁI ĐINH

2. ĐỘI TIỀN PHONG

3. THÓI TỤC KURIAJÊ

4. "TRÔI CHẢY CẢ"

5. TÌNH CA

6. NĂM NGÀY

7. SỐ BA TRĂM BẢY MƯƠI BA DƯ

8. ĐIỆU GÔPAK

9. BIẾN DẠNG

10. Ở CHÂN NÚI ÔLANHPƠ

11. HỘI NGÀY MÙA

12. CUỘC SỐNG TIẾP TỤC

13. "HÃY GIÚP ĐỠ THẰNG BÉ ĐÓ"

14. PHẦN THƯỞNG

15. CHUNG CỤC

PHỤ LỤC

TÁC PHẨM CỦA MAKARENKÔ

PHẦN THỨ BA

1. NHỮNG CÁI ĐINH

Hai hôm sau, tôi phải nhận quyền quản đốc trại Kuriajê, nên ngày hôm ấy cần phải làm, phải nói cái gì với hội đồng đội trưởng, để cho trong khi vắng tôi các trại viên vẫn có thể tổ chức được cái việc vô cùng khó khăn: nhổ trại và vận chuyển tất cả mọi người với toàn bộ hành trang, khí giới sang bên đó.

Ở trại, những lo sợ và hi vọng, những não cân căng thẳng, những con mắt sáng ngời, những ngựa và xe tải, cả một biển xao động những chi tiết vụn vặt, những lời dặn dò quên mất và những dây thừng thất lạc, hết thảy những cái đó chằng chịt

quấn lấy nhau thành một búi phức tạp hết sức, khiến tôi không tin rằng các trại viên có thể xoay xở gỡ nổi.

Mới có một đêm trôi qua từ sau khi nhận bản hợp đồng giao trại Kuriajê cho chúng tôi, vậy mà trại đã chuẩn bị được sẵn sàng để ra đi, cả về mặt tinh thần, nhiệt tình lẫn nhịp độ. Bọn trẻ không sợ Kuriajê, có lẽ là vì chúng chưa nhìn thấy nó trong tất cả sự lộng lẫy kỳ quái của nó. Kuriajê vẫn là một ảo ảnh không thể nào rứt ra khỏi tâm trí tôi, khác nào một trong những con ma cà rồng khủng khiếp và quái đản nọ, có thể túm chặt lấy cổ họng tôi, mặc dầu cái chết của nó đã được chính thức công nhận từ lâu rồi.

Hội đồng đội trưởng đã quyết nghị rằng: sẽ chỉ có chín trại viên và một giáo viên cùng đi với tôi sang trại Kuriajê thôi. Tôi yêu cầu cho thêm người. Tôi vạch ra rằng với những lực lượng ít ỏi như vậy thì chúng tôi sẽ chẳng làm được trò trống gì, trừ phi làm mất uy tín của trại Gorki, rằng tất cả các giáo viên của Kuriajê đã bị thải hồi và, ở bên ấy, có rất nhiều người căm ghét chúng tôi thâm độc.

Kutlaty trả lời tôi với một nụ cười châm biếm đáng yêu:

- Hỏi cho cùng, thì dù bác đem đi mười người hay hai mươi người, cũng thế thôi: bác sẽ chẳng làm trò trống gì hết. Nhưng khi nào tất cả mọi người đến nơi, thì bấy

giờ lại là chuyện khác, ta sẽ nắm lấy chúng cả một mẻ. Bác hãy nhớ rằng bọn chúng có ba trăm đứa. Thế nào ta cũng phải chuẩn bị mọi sự cho tốt chứ. Bác hãy xem thử, chỉ riêng lợn cũng đã có ba trăm hai mươi con phải chuyên chở rồi. Và ngoài ra, xin bác hãy lưu ý: không biết các người ở Khackôp đã phát điên, hay họ cố tình làm như vậy: ngày nào họ cũng tống đến cho chúng ta những đứa mới.

Những trẻ mới đến cũng gây cho tôi một mối lo lắng nặng nề. Chúng vừa làm loãng cái tập thể của chúng tôi, vừa là một trở ngại khiến không thể nào duy trì được trại Gorki trong tất cả sự thuần khiết và tất cả sức mạnh của nó. Vậy mà,

với cái đội nhỏ nhoi của chúng tôi, chúng tôi phải tấn công vào một đám quần chúng ba trăm đầu người.

Trong khi chuẩn bị chiến đấu với Kuriajê, tôi dự tính đánh một đòn sấm sét; nhất định phải hạ cả bọn trẻ đó nhất loạt ngay một lúc. Kéo dài, hi vọng vào một cuộc tiến triển, trông đợi ở sự "thâm nhập dần dần", sẽ biến công cuộc của chúng tôi thành một việc bấp bênh. Tôi biết rất rõ rằng những cái "thâm nhập dần dần" không phải sẽ chỉ là những hình thức, truyền thống, phong cách của trại Gorki mà thôi, nhưng cũng sẽ là cả những truyền thống hỗn loạn của Kuriajê nữa. Thành thử các nhà trí giả ở Khackôp khi nhấn mạnh đòi hỏi sự thâm

nhập dần dần, nói thực ra, đều đã ngồi vào những chiếc ghế cũ kỹ thủ công nghiệp: họ trông mong rằng những đứa trẻ tốt sẽ ảnh hưởng tốt đến những đứa xấu. Song tôi đã biết trước rằng trong một tập thể có những hình thức tổ chức lỏng lẻo, những đứa trẻ ưu tú bậc nhất lại rất dễ biến thành những con thú dữ nhỏ. Tôi không công khai tranh luận với các nhà "trí giả" đó, vì tôi tính toán một cách hết sức chính xác rằng đòn quyết định sẽ được giáng trước khi kịp xảy ra những chuyện ồn ào bàn tán. Nhưng các trẻ mới đến gây trở ngại cho tôi. Kutlaty thông minh đã hiểu rằng phải chuẩn bị việc di chuyển chúng sang Kuriajê cũng cẩn thận như chuẩn bị di chuyển tất cả các tài sản

khác của trại.

Vì thế cho nên khi dẫn đầu "đội đặc biệt tiền phong" đi sang Kuriajê, tôi không khỏi hết sức lo âu ngoái đầu nhìn lại phía sau. Mặc dầu Kalina Ivanôvich đã hứa sẽ quản đốc trại cho tới giờ phút cuối cùng, song cuộc chia tay sắp tới khiến bác hết sức hoang mang buồn bã, nên bác chỉ còn có thể đi lang thang vơ vẩn giữa đám trại viên, khó khăn lắm mới nhớ ra một vài chi tiết về các công việc của trại, để rồi lại quên ngay tức khắc, tấm lòng già tràn ngập một nỗi buồn chua chát. Các trại viên nghe những lệnh của Kalina Ivanovich với một vẻ kính nể âu yếm, đáp lại bằng cái chào của họ, điểm theo một tiếng "Rõ!" ân cần và nhanh

nhảu, nhưng khi trở về chỗ làm việc, họ vội giũ bỏ ngay cái tình cảm thương hại vướng bận nọ đối với ông già, để bắt đầu suy nghĩ về chính những lo âu của họ.

Tôi giao lại cho Kôvan chỉ huy mọi việc ở trại, hắn chỉ sợ nhất là bị công xã Lunatsacxki "cho vào xiếc" vì công xã được lấy lại của trại cả điền trang với những ruộng đã gieo mạ và nhà cối xay gió. Các đại biểu của công xã đã bắt đầu chõ mũi vào các bộ phận guồng máy của trại, và bộ râu đỏ hung của chủ tịch Nextêrenkô đã từ lâu nhòm ngó Kôvan một cách nghi kỵ. Ôlia Vôrônôva không thích những cuộc tranh đấu ngoại giao giữa hai người và thường tìm cách khuyên bảo Nextêrenkô:

- Nextêrenkô, anh về đi. Anh sợ cái gì? Ở đây chẳng có ai là kẻ lừa gạt cả. Đi về đi, tôi bảo anh mà!

Nextêrenkô chỉ mỉm cười ranh mãnh bằng khóe mắt, và hất đầu chỉ Kôvan đang đỏ mặt tía tai tức giận:

- Này cô Ôlia, cô biết cái con người đó chứ? Hắn là kulăc, một tên kulăc từ trong xương trong tủy...

Kôvan lại càng bối rối và tức giận, cứ cố gân cổ lên mà nói:

- Thế anh tưởng là thế nào? Bao nhiêu sức lao động của anh em đã bỏ vào đấy, dễ thường tôi đem cho không anh hẳn? Tại sao lại thế! Vì anh là công xã

Lunatsacxki phỏng? Các anh đã ăn cho đầy diều vào và lúc nào cũng làm ra mặt bần nông... Anh trả tiền đi!

- Nhưng mà, này, anh nghĩ hộ xem, tôi lấy gì mà trả chứ?

- Thì việc gì tôi phải nghĩ hộ chuyện ấy! Anh thì anh đã nghĩ chuyện gì, khi tôi hỏi anh; chúng tôi gieo hạt nhé? Cái giọng của anh lúc bấy giờ mới ra phết ông chủ chứ: gieo đi! Đã vậy, thì đấy, anh trả tiền đi! Trả cho lúa tiểu mạch và lúa hắc mạch và cho củ cải...

Nghẹo đầu về một bên, Nextêrenkô cởi túi đựng thuốc lá, moi tìm kỹ ở đáy túi và mỉm cười với vẻ một người có lỗi:

- Có thể, đúng đấy, phải, tất nhiên... những lúa giống… Nhưng sao lại đòi trả công lao động? Anh em rất có thể lao động ủng hộ cho công xã, như người ta nói...

Kôvan cáu tiết, đứng phắt đậy khỏi ghế ngồi và bước ra đến cửa còn quay đầu lại, tức sôi lên như phát sốt:

- Với danh nghĩa gì mà xin ủng hộ, hử [1] bầy quỷ đại lãn ! Các anh là cái gì, một lũ ốm à? Lên mặt ta đây là xã viên thế mà ngoác mõm ra hòng nuốt tươi sức lao động của trẻ con. Các anh không chịu trả: được, tôi để lại tuốt cả cho tụi ở Gôntsarôpka.

Ôlia Vôrônôva đuổi Nexfêrenkô về nhà, và chỉ sau một khắc đồng hồ đã thấy cô ta đang thủ thỉ trong vườn với Kôvan, kết hợp trong con người mình với một tài khéo thuần túy phụ nữ những thiện cảm trái ngược của cô đối với trại và đối với công xã. Ôlia coi trại như người mẹ đẻ, nhưng ở trong công xã thì cô nghiễm nhiên chỉ huy, khuất phục nam giới bằng cái vốn hiểu biết rộng về nông học, thừa hưởng được của Sêrê, thu hút nữ giới bằng lời tuyên truyền kiên quyết và nhiệt liệt về mặt giải phóng phụ nữ, và khi gặp những trường hợp hoặc sự việc gay go, thì huy động một đội xung phong gồm hơn hai chục, nam nữ thanh niên vẫn răm rắp theo cô như theo Thánh nữ đồng trinh

[2]

của thành Orlêan vậy . Ôlia đã được bồi dưỡng về mặt văn hóa, về mặt nghị lực và lòng tin tưởng kiên quyết, tất cả những thứ đó như thấm nhuần sâu sắc vào từng thớ thịt trong con người cô, cho nên Kôvan, khi trông thấy cô, rất lấy làm kiêu hãnh và chỉ nói vắn tắt:

- Sự nghiệp tác thành của trại ta đấy!

Ôlia hãnh diện vì món tặng phẩm hậu hĩ của trại Gorki để lại cho công xã Lunatsacxki, dưới hình thức một điền trang chỉnh đốn trật tự, cấy luân phiên toàn bộ trong sáu năm, song món tặng phẩm ấy đối với chúng tôi là một sự tai hại lớn về kinh tế. Sự quan trọng của vốn

lao động đầu tư vào quá khứ được cảm thấy rõ rệt không ở đâu bằng trong nông nghiệp. Chúng tôi biết rất rõ phải tốn bao nhiêu công sức trong việc làm cỏ, phối hợp các mảnh đất trồng luân phiên, chỉnh đốn và thu xếp từng chi tiết, giữ gìn sao cho được luôn luôn sạch sẽ từng chiếc bánh xe nhỏ, từng yếu tố của một tiến trình chậm chạp, lâu dài và không có một chút vẻ ngoài hào nhoáng nào hết. Sự giàu có thật sự của chúng tôi nằm sâu trong các rễ chằng chịt của cây cối, trong các ngăn chuồng thoải mái, an bài thích hợp, trong lòng những dụng cụ vô cùng đơn giản như các bánh xe, càng xe, vành tay lái, cối xay nhỏ. Vậy mà bây giờ chúng tôi phải bỏ lại rất nhiều những đồ

vật cần thiết ấy và bứt nhiều thứ khác ra khỏi sự hòa hợp chung để đem xếp đống cả lên những toa xe lửa chật chội, nóng bức ngột ngạt, cho nên người ta bắt đầu hiểu rõ tại sao bộ mặt Sêrê đã biến thành xanh nhợt, ủ rũ, và trong dáng đi của anh ta đã xuất hiện một vẻ gì như kẻ bị nạn cháy nhà.

Nỗi buồn đó không ngăn trở Eđua Nikôlaiêvich chuẩn bị thu vén các kho báu của anh ta cho cuộc hành trình với một sự bình tĩnh khuôn phép, thành thử lúc lên đường đi Khackôp với đội tiền phong, tôi đã phóng tâm, tránh nhìn cái bóng dáng ảo não của anh ta. Chung quanh chúng tôi, các trại viên vẫn quay đảo lăng xăng như một bầy tiểu thần tiên,

quá chừng vui vẻ và bận rộn.

Những giờ sung sướng nhất của đời tôi cứ xa đi dần. Ngày nay, có đôi khi tôi buồn rầu hối tiếc rằng đã không dừng lại với một sự chăm chú thành kính và đặc biệt ở khoảng thời gian ấy, đã không buộc mình nhìn vào tận mắt cuộc đời vô cùng đẹp đẽ ấy với một vẻ đăm chiêu tha thiết, đã không giữ lại để nhớ mãi không bao giờ quên những phản ánh, những đường nét và màu sắc của mỗi khoảnh khắc, mỗi cử động, mỗi lời nói.

Hồi bây giờ hình như tôi thấy rằng số một trăm hai mươi trại viên của chúng tôi không phải chỉ là một trăm hai mươi đứa trẻ vô thừa nhận đã tìm được nơi ăn

chốn ở và công việc làm. Không, đó là một trăm vôn điện thế đạo đức, một trăm nghị lực điều hòa phối hợp, một trăm cơn mưa tốt lành mà thiên nhiên, chính cái mụ thiên nhiên đầy kiêu ngạo và tính thất thường kỳ lạ nọ, đang hân hoan và nóng lòng chờ đón.

Trong những ngày ấy, thực khó lòng thấy được một trại viên đi lại với một dáng dấp bình tĩnh. Chúng đã nhiễm thói quen chạy, hay đúng hơn bay từ chỗ này sang chỗ nọ, như những con én, lúc nào cũng kêu chiêm chiếp một cách bận rộn như thế, lúc nào cũng theo đúng kỷ luật một cách chính xác và tốt đẹp như thế, và cử động lúc nào cũng, duyên dáng như thế. Thậm chí có lúc tôi đã đâm ra dại dột,

nghĩ rằng: những người sung sướng chẳng cần gì đến một uy thế nào câu thúc, vì thay cho sự câu thúc đã có cái bản năng mới mẻ và hoan hỉ nọ của người, khiến ai nấy đều biết rất rõ mình phải làm gì và làm như thế nào.

Đã có những lúc tôi nghĩ như thế đấy. Song thường thì tôi bị xô ngã rất mau từ trên những từng cao tư tưởng hỗn loạn ấy xuống mặt đất, vì có những câu hỏi dồn của một chú Aliôsa Vonkôp nào đó, đang bực dọc quay cái bộ mặt tàn nhang của chú về phía xảy ra chuyện:

- Mày làm gì thế, hở thằng xuẩn? Mày dùng đinh nào để đóng cái hòm ấy? Dễ

thường mày tưởng những đinh ba đốt đi nhởn nhơ trên đường cái đấy phỏng?

Thằng bé hăm hở, mặt mũi đỏ gay, hạ búa xuống với cái vẻ bực dọc không chịu nổi, và bối rối lấy búa gãi gãi gót chân để trần:

- Ồ, thế thì phải lấy đinh mấy đốt mới được cơ?

- Hòm ấy thì lấy đinh cũ, mày hiểu không, những đinh đã dùng rồi ấy. Hãy gượm! Mày lấy ở đâu những đinh ba đốt này hả?

Ấy thế là... chuyện bắt đầu! Vonkôp cúi

xuống tâm hồn thằng bé nọ, hằm hè phân tích cái thằng nhãi con đã đột nhiên mâu thuẫn với ý kiến để dành đinh mới ba đốt.

Phải, trên cõi đời này còn có những tấn bi kịch! Ít người biết những cái đinh đã dùng rồi là như thế nào. Phải khéo léo đủ cách mới rút được chúng ra khỏi những tấm gỗ cũ, những đồ gẫy nát hư hỏng, và rút ra được những cái đinh vặn vẹo như những cẳng chân bị phong thấp, han rỉ, mũ méo mó, đầu cùn nhụt, thường bị gấp làm đôi, làm ba, quăn queo như những cái mở nút chai hay xoắn lại thành nút, tựa hồ cố tình như vậy, thậm chí người thợ khóa khéo nhất cũng không tài nào làm ra nổi. Phải ngồi xem mà dùng búa

với một mảnh sắt đường ray đánh lại chúng cho thẳng, và thường có khi búa chẳng nện vào đinh lại nện ngay vào ngón tay mình. Rồi sau cùng, khi đóng đinh cũ vào một đồ vật mới nào đó, thì nó quằn đi, gẫy ra và đâm thọc ngay vào một chỗ không đáng đâm. Có lẽ vì thế nên bọn trẻ ở trại Gorki rất ghét những đinh cũ và xoay xở kiếm đinh mới bằng những cách khả nghi, thành thử lại gây nên những cuộc điều tra tư pháp, làm mất cả cái thanh danh to lớn và rạng rỡ của cuộc xuất chinh đi Kuriajê.

Không nào phải chỉ có chuyện đinh mà thôi! Tất cả những cái bàn gỗ mộc, những chiếc ghế dài "mộc mạc" kiểu rất tiểu tư sản, vô số những ghế đẩu đủ thứ, những

bánh xe cũ, những khuôn thợ giày, những cái bào, những sách nát rời, hết thảy những thứ tích lũy của một cuộc sống ru rú, chắt chiu và phòng xa lối gia đình nội trợ, đều làm thương tổn cuộc viễn chinh anh dũng của chúng tôi... Nhưng bỏ lại những thứ đó thì thật tiếc.

Vả lại còn những đứa trẻ mới đến! Mắt tôi ngại nhìn chúng mỗi khi bắt gặp những thân hình ngượng ngập và kỳ quái của chúng. Để chúng ở lại đây, chuyển ngầm chúng sang một trại nhi đồng thiếu thốn nào đó bằng cách giấm giúi cho trại ấy một món hối lộ dưới hình thức một cặp lợn con hay mươi mười hai cân khoai tây chăng? Tôi kiểm điểm qua cả bọn chúng và chia ra từng nhóm, xếp

theo giá trị nhân tính và giá trị xã hội của chúng. Hồi đó mắt tôi đã khá thành thạo để chỉ thoạt nhìn, cầm bằng dấu hiệu bên ngoài, những sắc thái tinh tế của vẻ mặt, giọng nói, dáng đi, và nhiều nét đặc biệt nhỏ nhặt khác của cá tính, và có thể căn cứ vào cái mùi xông ra ở người chúng nữa, mà nói trước ngay được về mỗi trường hợp riêng là có thể làm được cái gì với thứ nguyên liệu ấy.

Chẳng hạn, Ôlec Ôcnep. Có bỏ công đem theo nó đi Kuriajê không? Không, thằng ấy thì không thể nào để nó ở lại được. Đây là một mẫu người hiếm có và thú vị. Ôcnep, một gã mặt dày mày dạn, phiêu lưu, mạo hiểm, có lẽ là dòng dõi những

[4]

người Normăng ngày xưa, mà nó giống ở tầm vóc dỏng cao và lông tóc

[5]

vàng. Có thể từ các ông tổ Varêgơ của nó đến đời nó đã có qua vài thế hệ những người trí thức Nga nhân hậu, vì trán nó cao và thanh tú, cái miệng hóm hỉnh, xẻ như lưỡi kiếm từ tai nọ sang tai kia, đôi mắt tinh nhanh và màu xám. Ôlec đã bị bắt trong một vụ bưu phiếu nào đó, vì thế nó mới bị tống đến trại với hai người cảnh vệ đi kèm. Ôlec Ôcnep vui vẻ ngoan ngoãn đi giữa hai người, mở to mắt tò mò nhìn vào cái tương lai không lấy gì làm dễ chịu lắm của nó. Sau cùng, được giải thoát khỏi hai người canh giữ

nó, Ôlec nghe những lời căn dặn đầu tiên của tôi một cách chăm chú lễ phép và nghiêm chỉnh, thân thiện làm quen với các trại viên cũ, nhìn bọn trẻ con với một vẻ ngạc nhiên vui thích, rồi, đứng ở giữa sân, dạng hai cẳng chân mảnh khảnh, nó phá lên cười:

- Thế ra cái trại ấy là đây à? Trại Maxim Gorki à?

- Ồ, ra thế đó! Nào, thử xem sao...

Nó được đặt vào đội tám, và Fêđôrenkô nháy mắt nhìn nó với một vẻ nghi kỵ:

- Coi bộ mày như thế mà lao động... thì xem chừng., không lấy gì làm... làm hăng hái lắm! có phải không? Mà mày lại đeo

một cái áo dài sát đít thế kia thì không thích hợp tí nào... mày có biết không...

Ôlec mỉm cười nhìn chiếc áo vét-tông công tử bột của nó, mà nó vén hết vạt nọ đến vạt kia lên, rồi vui vẻ nhìn thẳng vào mặt đội trưởng của nó:

- Cái này, cái này không hề gì đâu, đồng chí đội trưởng ạ. Áo vét-tông không làm trở ngại gì cả. Và nếu anh muốn, thì tôi cho anh đấy.

Fêđôrenkô cười phá lên, và các tay dũng sĩ của đội tám cũng cười theo.

- Nào thì đưa tao xem thử, xem ra thế nào?

Fêđôrenkô cứ mặc cái áo vét-tông chật căng của Ôlec mà đi khắp chỗ cho đến tối, khiến các trại viên thích thú vì cái vẻ diện oách chưa từng được thấy ở trại bao giờ, nhưng buổi tối thì hắn cởi trả Ôlec mà nghiêm khắc nói:

- Giấu cái của này đi, đừng để cho ai trông thấy nó nữa, rồi mày hãy mặc một chiếc áo đan không tay. Ngày mai mày sẽ đi chơi rong đằng sau cái máy gieo hạt.

Ôlec lạ lùng ngó đội trưởng của nó, rồi nhìn cái áo vét-tông với một vẻ giễu cợt:

- Xem chừng cu cậu này ở đậy không thích hợp.

Sáng hôm sau nó mặc áo may-ô và lẩm

bẩm một mình giọng mai mỉa:

- Vô sản! Phải đi chơi rong đằng sau máy gieo hạt. Cái nghề này hẳn là mới mẻ.

Trong nghề mới mẻ ấy, chẳng có cái gì là Ôlec được như ý hết. Không hiểu làm sao cái máy gieo hạt không hợp với nó, và nó buồn rầu đi theo sau, vừa đi vừa vấp vào các tảng đất, thỉnh thoảng lại nhẩy lò cò một chân, trong khi nó vụng về cố rút một cái gai ra. Nó không tài nào điều khiển được máy và cứ ba phút lại một lần kêu lên, gọi người đi đầu:

[6]

- Xê-nho ơi, xin quý ông hãy giữ ngựa quý ông lại, ở đây có tí chút vướng

mắc!...

Fêđôrenkô đổi nó sang công tác khác và giao cho nó điều khiển đôi ngựa thứ hai với cái bừa. Nhưng nửa giờ sau, Ôlec đã đuổi theo Fêđôrenkô và lễ phép yêu cầu rằng:

- Thưa đồng chí đội trưởng, đồng chí có biết thế nào không? Nó đã ngồi xuống.

- Ai đã ngồi xuống?

- Con ngựa của tôi đây này: nó đã ngồi xuống; anh ạ, và nó không động đậy gì nữa. Xin anh làm ơn nói với nó đi!

Fêđôrenkô chạy đến xem con Mary, ngã lụn xuống hai chân sau, và nổi giận:

- Đồ chết toi!... Mày làm thế nào mà ra thế này! Mày gây cho tao một chuyện mới rắc rối chửa! Cái cần ngang kia đem ra làm gì thế vậy?

Ôlec hết sức cố gắng làm dịu sự xúc động có tính cách nghề nghiệp ấy:

- Anh ạ, chả là có những thứ ruồi cứ bay mà lại!... Nó đã ngồi xuống như thế và không chịu động cựa gì nữa, trong khi đang cần làm việc, có phải không anh?

Từ đằng sau chiếc vòng cổ đã đưa lên đến tận tai nó, con Mary nhìn Ôlec với một con mắt đe dọa, khiến Fêđôrenkô cũng tức giận:

- Ngồi… Làm như thế một con ngựa cái

cũng biết ngồi ấy! Nhấc nó lên!

Ôlec nắm lấy dây cương và hét con Mary:

- Ếp!

Và Fêđôrenkô bật cười:

- Mày "ếp" kêu để làm cái gì thế? Thế ra mày làm nghề xà ích à?

- Đồng chí thấy đấy, đồng chí đội trưởng ạ...

- Mà tại sao mày cứ luôn mồm nói với tao: đồng chí đội trưởng...

- Nhưng biết gọi thế nào chứ?

- Thế nào... dễ tao không có tên hẳn?

- À, vâng!... Không, anh ạ, đồng chí Fêđôrenkô ạ, tôi không làm nghề xà ích, tất nhiên, nhưng xin thú thực với anh rằng đây là lần đầu trong đời tôi phải giao thiệp gần gũi với Mary. Tôi có những

[7]

người quen, cũng tên là Mary , nhưng các cô đó thì lại là chuyện khác, bởi vì anh biết cho rằng... với những cái "cần ngang", với "vòng cổ" này…

Đôi mắt đầy sức mạnh bình tĩnh của Fêđôrenkô nhìn một cách dữ tợn vào cái thân hình xơ xác và cầu kỳ của tên Varegơ, hắn nhổ nước bọt, rồi bảo:

- Múa lưỡi thế là đủ rồi, mày hãy liệu mà trông coi ngựa.

Đến tối, Fêđôrenkô dang hai cánh tay ra và, không vội vã, nói ý kiến nhận xét của mình:

- Nó làm được cái việc quỷ gì? Chỉ giỏi nghề ăn bánh tạc với chạy theo tán gái... Tôi cho rằng cái thằng đó không hợp được với chúng ta đâu. Và tôi còn có ý kiến nữa rằng: không nên đem theo nó đi Kuriajê.

Đội trưởng đội tám nhìn tôi với một vẻ nghiêm nghị và lo lắng, đợi tôi phê chuẩn lời phán quyết của hắn, Tôi hiểu rằng phán quyết ấy là ý chung của tất cả đội

tám, một đội xuất sắc, như ai cũng biết, vì có những quan niệm tin tưởng vững chắc và những đòi hỏi cao đối với mọi người. Song tôi trả lời Fêđôrenkô:

- Chúng ta sẽ đem theo Ôlec đi Kuriajê. Sang đấy, chú sẽ giải thích cho đội hiểu rằng phải làm cho nó trở nên một người lao động. Nếu các chú không làm thế, thì sẽ chẳng có ai làm cả và Ôlec sẽ biến thành một kẻ thù của chính quyền xô-viết, một tên vô lại. Chú hiểu chứ?

- Vâng, tôi hiểu, - Fêđôrenkô đáp.

- Vậy thì chú hãy nói cho đội hiểu.

- Được, đúng thế, sẽ phải nói cho họ hiểu, Fêđôrenkô vội tán thành, trong khi

đang có đã thiện chí, song bàn tay hắn, cũng vội vã như vậy, đã đưa lên ngay cái chỗ riêng mà người Xlavơ chúng ta xưa nay, khi gặp phải những vấn đề nan giải, thường vẫn đưa tay lên đó.

Vậy là Ôlec sẽ đi Kuriajê. Nhưng Ujikôp thì sao? Tôi tức giận mà trả lời cương quyết rằng: Ackađi Ujikôp không được đến Kuriajê, và nói chung, nó hãy cút đi cho rảnh! Trong bất cứ ngành công nghiệp nào khác, giả thử đem cung cấp cho ai một thứ nguyên liệu không thích đáng đến như thế, thì nhất định người đó sẽ lập hết ban điều tra này đến ban điều tra nọ, thảo hết biên bản này đến biên

[8]

bản nọ, yêu cầu Bộ N K V D và tất cả

các cơ quan kiểm soát can thiệp, rồi nếu không làm thế nào được thì viết thư cho báo Sự thật và sau cùng thế nào cũng tìm ra được kẻ có lỗi. Không ai bắt buộc anh phải làm những đầu máy xe lửa với những thùng đựng nước cũ hoặc lấy vỏ khoai tây mà làm đồ hộp, còn tôi, tôi không phải làm đầu máy xe lửa, hay đồ hộp, nhưng phải tạo nên con người xô-viết chân chính, với những nguyên liệu nào? Như Ackađi Ujikôp ư?

Từ ngày còn nhỏ, Ackađi Ujikôp đã đi lang thang trên đường cái và tất cả những bánh xe vành sắt của lịch sử và của địa dư đã lăn qua người nó. Cha nó không bao lâu bỏ gia đình. Nhà Ackađi lại có một người chủ mới, người này đã đóng

một vai trong cái trò khỉ của chính phủ [9]

Đenikin , đi theo chính phủ đó, người cha mới của Ackađi và tất cả nhà nó quyết định rời bỏ xứ sở để đi ở nước ngoài. Số phận trớ trêu lại chỉ định cho họ tới một nơi ít thích hợp đến như Jêrudalem. Ở thành phố ấy, Ackađi Ujikôp mất tiệt cả cha lẫn mẹ, chết vì bệnh tật thì ít mà vì sự bạc bẽo của người đời thì nhiều, thành thử nó sống trơ trọi trong khung cảnh kỳ lạ giữa những người A-rập và các dân tộc thiểu số khác. Trong thời gian ấy, người cha đẻ của Ujikôp đã nắm được những bí mật của chính sách kinh tế mới, và do đó đã trở nên một thành viên của một xí nghiệp

liên hợp nào đó, ông ta bỗng quyết định thay đổi thái độ đối với kẻ nối dõi của mình. Ông ta lùng tìm đứa con bất hạnh và khéo biết lợi dụng tình hình quốc tế đến nỗi Ackađi được trở về trên một chiếc tàu biển, lại có người đi hộ tống nữa và được đưa đến hải cảng Ôđetxa, ở đấy nó sa vào hai cánh tay mở rộng của người cha sinh ra nó. Nhưng mới được hai tháng, người cha đã kinh hoàng vì một số hậu quả chói lọi của nền giáo dục ngoại quốc ở con mình. Ackađi kết hợp tài tình cái chí lớn Nga với cái ngông A-rập, thành thử ông Ujikôp bố bị mất cắp sạch sành sanh. Ackađi chưa đủ hài lòng đem đi mại ở chợ giời những đồ vật quý trong nhà: đồng hồ, thìa và những cái đế

cốc bằng bạc; nó bán không những các bộ quần áo mặc trong mặc ngoài mà bán cả một số đồ đạc nữa, và ngoài ra nó còn dùng đến tập séc của bố, vì nó khám phá thấy nét bút trẻ trung của nó, như nghiệp dĩ gia truyền, hết sức giống với chữ ký rồng bay phượng múa của của bố.

Cũng vẫn những bàn tay mạnh mẽ ấy, vừa mới cách đây chưa được bao lâu, đã lôi Ackađi ra khỏi khu vực của phần mộ thành, nay lại bị huy động một lần nữa. Giữa lúc chúng tôi đang hết sức khẩn trương chuẩn bị chiến đấu, thì Ujikôp bố, một, người ăn mặc lịch sự kiểu Tây Âu, vẻ đĩnh đạc của một đại biểu một xí nghiệp lớn, hình dung chưa tiều tụy chút nào, đến ngồi trên chiếc ghế dựa trước

mặt tôi, và sau khi đã tỏ bày chi tiết cho tôi nghe những bước đường đã qua của Ackađi, ông ta kết luận với một giọng nói hơi run rẩy:

- Chỉ có riêng ông mới trả lại được cho tôi đứa con của tôi thôi.

Tôi nhìn đứa con, ngồi trên ghế đi-văng, và cảm thấy ghét nó quá, thậm chí tôi chỉ muốn giao trả nó lại ngay cho người bố buồn rầu của nó. Nhưng ngoài thằng con, người bố còn đem theo cả những giấy tờ, mà tôi thì không đủ sức tranh luận với những giấy tờ. Ackađi ở lại trại.

Người nó dài ngoằng, gầy còm, không cân đối. Đầu tóc đỏ hoe, hai bên thò ra

hai cái tai to tướng, hồng hồng và trong bóng; mặt không có lông mày, đốm những vết tàn nhang lớn, trên mặt cái gì cũng chầu cả xuống phía dưới, vì một cái mũi hùm hụp, nặng nề, vượt lấn hết cả mọi nét khác. Ackađi lúc nào cũng cúi mặt nhìn trộm. Đôi mắt đục lờ bao giờ cũng bẩn dử vàng vàng, trông ghê tởm gớm chết. Thêm vào đó, một cái mồm sùi bọt, lúc nào cũng há, một vẻ mặt suốt đời khó đăm đăm và ngay thuỗn.

Tôi biết rằng các trại viên sẽ đánh nó trong các xó tối và huých nó ở lối đi, rằng chúng sẽ không muốn ngủ cùng buồng, ăn cùng bàn với nó, rằng chúng sẽ ghét nó với cái ghét mạnh mẽ của người đàn ông mà tôi phải vận dụng nhiều nỗ

lực sư phạm lắm mới nén xuống được ở chính lòng mình.

Ngay hôm thứ nhất Ujikôp đã bắt đầu ăn cắp của các bạn nó và đái dầm ướt cả giường. Michia Jêvêli đến tìm tôi và vừa cau đôi lông mày đen vừa nghiêm nghị hỏi tôi:

- Không được, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác hãy nói thẳng thực cho cháu biết: cho cái của ấy đi có ích lợi gì? Bác xem đấy: từ Jêrudalem đến Ôđetxa, từ Ôđetxa đến Khackôp, từ Khackôp đến đây, rồi sau lại đến Kuriajê à? Có ích gì không? Không có đồ vật gì khác đáng chở hay sao? Không, bác hãy nói thử...

Tôi lặng thinh. Michia nhẫn nại đợi tôi trả lời, cau lông mày nhìn về phía Lapô đang mỉm cười. Rồi hắn lại nói:

- Cháu chưa bao giờ thấy một đứa nào như thế. Cứ là phải... cho nó uống tinh [10] mã tiền hay là vê một viên bánh mì... nhồi đanh ghim vào đấy mà ném cho nó.

Lapô cười:

- Như thế thì nó không ăn đâu!

- Ai? Thằng Ujikôp mà không ăn ấy à? Cậu cứ thử xem, nó thì nuốt liền... Cậu phải biết nó ăn tục ghê lắm! Nó ăn kinh người! Ồ, chỉ có nghĩ đến nó ăn mà mình

cũng không chịu nổi!...

Michia rùng mình lên vì ghê tởm. Lapô nhìn hắn, hai gò má gồ lên đến tận mắt, vẻ đau đớn.

Tôi thầm đồng tình với họ và tôi nghĩ: "Ừ, nhưng làm thế nào được? Ujikôp đến đây với những giấy tờ như thế..."

Bọn trai ngồi trầm ngâm trên chiếc đi-văng gỗ. Ở cửa phòng giấy, thập thò cái mõm sạch sẽ và tươi cười của Vatxia Alexêlep và Michia lập tức bùng lên vui sướng:

- Cứ những đứa như thế này, thì cho một trăm đứa cũng được!... Vaxka, lại đây.

Mặt Vatxia đỏ ửng lên và nó rụt rè tặng cho Michia một nụ cười bẽn lẽn với một cái nhìn đắm đuối không mong đền đáp của đôi mắt nhỏ xinh. Nó gục đầu vào đầu gối Michia và đột nhiên để cho tình cảm của nó thoát ra bằng một âm thanh duy nhất không thể nào tả được, nửa là thở dài, nửa là rên rỉ, nửa là tiếng cười:

- Hhm...

Vatxia Alexêlep đã tự ý đến trại; khi nó đến, nó có vẻ ủ rũ và sợ hãi sự chó má của cuộc đời. Nó đến giữa khi hội đồng đội trưởng đang họp vào một buổi tối mưa bão. Những điều kiện khí tượng hình như rất không thuận lợi, vậy mà lại là nguyên nhân cho việc mưu cầu của nó

được thành công, bởi vì giả gặp hôm tốt trời thì ngay đến bước vào trại hẳn là người ta cũng chẳng để cho nó vào nào. Nhưng hôm ấy đội trưởng đội canh gác dẫn nó vào phòng giấy và hỏi:

- Cái thằng này thì nhét nó vào đâu được? Nó đứng trơ ở dưới cổng mà khóc. Còn bên ngoài thì đang mưa.

Các đội trưởng ngừng thảo luận để nhìn thằng bé mới đến. Bằng tất cả mọi phương tiện nó sẵn có: tay áo, ngón tay, nắm tay, vạt áo ngắn và mũ chụp, thằng bé vội chùi xóa ngay sự biểu hiện nỗi buồn của nó, chớp chớp đôi mắt ướt nhìn Vania Lapô, mà nó nhận ra lập tức là chủ tịch cuộc họp. Nó có một bộ mặt kháu

khỉnh, má đỏ hồng, chân đi giày nông thôn tốt, chỉ có cái áo dạ ngắn chật hẹp là không thích hợp với cái phẩm chất tốt của toàn thể. Nó mười ba tuổi.

- Mày muốn gì? Lapô nghiêm khắc hỏi.

- Tôi muốn vào trại. – thằng bé nghiêm chỉnh đáp.

- Tại sao?

- Bố bỏ chúng tôi, còn mẹ thì bảo: mày xéo đi đâu thì xéo...

- Sao lại thế? Một người mẹ không thể nào nói như thế được.

- Là vì bà ấy thực ra không phải là mẹ

tôi.

Lapô chỉ lúng túng có một lát vì cái trường hợp mới mẻ đó.

- Gượm đã... Mày bảo sao cơ?... Thôi được: bà ấy không phải là mẹ mày. Thế thì bố mày phải nuôi mày, ông ấy bắt buộc phải nuôi, mày hiểu không?

Những giọt lệ chua xót lại lấp lánh trong đôi mắt thằng bé, nó lại vừa vội chùi đi vừa chuẩn bị nói. Những cặp mắt sắc của các đội trưởng vui lên khi nhận thấy những cử chỉ độc đáo của thằng bé xin vào trại. Sau cùng thằng bé nói:

- Cả ông ta nữa... ông ấy cũng không phải là bố tôi.

Hội đồng im lặng một lát, rồi bỗng cười phá cả lên, như nắc nẻ. Chính Lapô cùng cười, đến rơi nước mắt.

- Ừ thì, người anh em, cậu gặp phải hoàn cảnh bối rối khác thường đấy. Nhưng thế nào mà lại ra như thế?

Thằng bé không tìm cách làm cho mọi người thương, cũng không rời mắt nhìn bộ mặt vui thích của Lapô, giản dị kể rằng tên họ nó là Vatxia Alexêlep. Bố nó, làm nghề xà ích, đã bỏ nhà đi, rồi "chả biết tếch nơi nào" và mẹ nó đã tái giá với một người thợ may. Rồi mẹ nó bắt đầu ho và chết năm ngoái, sau đó người thợ may "đã lấy một người vợ khác mà chẳng báo trước gì cả". Đến nay "đúng

vào dịp lễ Phục sinh ông bỏ đi Kongrat, ở đấy lão viết thư bảo là lão không trở về nữa. Thư lão viết: "Mẹ con mày muốn sống thế nào thì sống".

- Phải nhận nó thôi, - Kutlaty nói. - Chỉ có cái là những chuyện mày kể, nói cho thực ra, thì có lẽ là mày bịa, có phải không? Ai đã bảo cho mày đến đây?

- Ai đã bảo tôi à? Ở ngoài ấy... một người ở ngoài ấy. Người ấy nói: có bọn con trai sống ở đây và gieo lúa.

Vatxia Alexêlep đã được nhận vào trại như thế. Không bao lâu nó được tất cả mọi người yêu mến, khiến ngay trong những câu chuyện bàn riêng cũng chẳng

ai nghĩ đến đặt thành vấn đề có thể bỏ Vatxia không đưa đi Kuriajê được. Nhất là Vatxia đã được hội đồng đội trưởng chấp nhận thì, vì lẽ đó nó hoàn toàn có quyền được coi như "hoàng tử chính thống" của trại vậy.

Trong số trẻ mới đến còn có Mackơ Sơnhaoxơ và Vêra Bêrêzôpxkaia.

Mackơ Sơnhaoxơ được gửi tới trại do ủy ban trẻ vị thành niên phạm pháp của thành phố Ôđetxa, vì tội ăn cắp, theo lời ghi trên tài liệu gửi nó tới.

Nó đến với một người dân cảnh áp dẫn, song thoạt nhìn thấy nó, tôi hiểu ngay rằng ủy ban đã lầm: nó có đôi mắt như

thế kia thì không thể nào ăn cắp được. Tôi không dám nhận việc tả đôi mắt ấy. Những đôi mắt như vậy hầu như không gặp thấy ở đời, mà hầu như chỉ thấy ở [11]

những họa sĩ như Nextêrôp , [12] [13]

Kônbăc , Raphael , và nói chung thì nó chỉ là đặc trưng trên mặt các vị thánh, thường thường là các vị thánh mẫu. Hầu như không thể nào hiểu nổi làm sao nó lại có được ở trên mặt một thằng bé Do-thái tội nghiệp nghèo khổ ở Ôđetxa. Và cứ trông mọi vẻ ngoài, thì Mackơ Sơnhaoxơ nghèo khổ thực: nó mười sáu tuổi mà người gầy gò không đủ áo che thân; chân nó thò ra khắp chỗ qua

nhưng lỗ thủng toang hoác của đôi giày chỉ còn là những di tích thô lỗ của giày thôi, song bộ mặt thì sáng sủa và rửa sạch sẽ, và tóc xoăn trên đầu nó được chải cẩn thận. Lông mi nó dầy và mềm như tơ, thậm chí khi nó chớp mắt thì những hàng mi ấy tựa hồ xòe ra như quạt.

Tôi hỏi nó:

- Trong giấy viết là chú đã ăn cắp. Có đúng thế không?

Một nỗi buồn u ám và thanh khiết bỗng trào ra khỏi đôi mắt của Mackơ thành một làn sóng cơ hồ cảm xúc thấy được. Mi mắt nó chớp nặng nề, nó nghiêng nghiêng bộ mặt đau đớn, xanh lướt và

hốc hác.

- Thưa đúng, tất nhiên... Vâng... Cháu đã ăn cắp.

- Vì đói à?

- Không ạ, không thể bảo là vì thế. Cháu đã ăn cắp, nhưng không phải là vì cháu đói.

Mackơ vẫn nhìn tôi với cái nhìn như trước, nghiêm chỉnh và buồn, bình tĩnh và chăm chú.

Tôi lấy làm ngượng vì đã tra vấn đứa bé mệt mỏi và buồn rầu ấy. Tôi cố gắng làm cho nụ cười của tôi hiền hòa hơn và bảo nó:

- Tôi không phải nhắc lại cho chú biết những chuyện ấy làm gì. Chú đã ăn cắp, thì thôi, đành là chú đã ăn cắp. Người nào cũng có những sự không may riêng. Phải quên những chuyện đó đi... Chú đã đi học ở đâu chưa?

- Có ạ, cháu đã có học! Cháu đã học hết năm ban và cháu muốn tiếp tục nữa.

- Thế thì hay. Tốt lắm... Chú sẽ ở đội bốn, của Taranet. Chú hãy đi tìm Taranet, đội trưởng của đội bốn, với tờ giấy này. Taranet sẽ làm mọi việc cần thiết.

Mackơ cầm lấy tờ giấy, nhưng đáng lẽ đi ra cửa, nó lại dừng chân do dự, trước bàn giấy tôi:

- Thưa đồng chí giám đốc, cháu muốn thưa với bác một điều. Cháu cần phải thưa với bác, bởi vì khi đến đây, lúc nào cháu cũng nghĩ sẽ thưa với bác như thế nào, và bây giờ thì cháu không thể nào nén được nữa...

Mackơ mỉm cười buồn bã và nhìn thẳng vào mắt tôi bằng một cái nhìn van lơn.

- Chuyện gì thế? Nào, chú cứ nói đi...

- Cháu đã có ở một trại nhi đồng và ở đấy không thể bảo là không tốt. Nhưng cháu cảm thấy rằng ở đấy tính khí cháu rồi không biết sẽ ra sao. Bọn người của Đênikin đã giết cha cháu, còn cháu, là thanh niên đoàn Kômxômôn, cháu thấy

tính khí cháu trở thành yếu đuối quá. Như thế thì tệ lắm, cháu hiểu vậy. Cháu phải có tính khí một con người bônsêvich. Điều đó bắt đầu làm cho cháu băn khoăn nhiều lắm. Bác ạ, nếu cháu nói sự thật ra, thật ra, thì bác sẽ không đuổi cháu trở về Ôđetxa chứ?

Vẻ nghi ngại, Mackơ chiếu rọi vào mặt tôi đôi mắt to rất đẹp của nó.

- Dù sự thật chú nói với tôi như thế nào, tôi cũng sẽ không đuổi chú đi đâu hết.

- Thưa đồng chí giám đốc, cháu xin cảm ơn bác, cảm ơn bác lắm! Cháu cũng đã nghĩ rằng bác sẽ nói với cháu như thế, vì vậy cho nên cháu mới quyết tâm. Cháu

đã nghĩ như thế là vì cháu đã đọc một bài trong báo *Vixti*, dưới đầu đề: "Con người mới được rèn luyện ở đâu", nói về trại của bác. Vậy là cháu thấy ngay cháu phải đi đâu và cháu đã yêu cầu. Nhưng cháu đã yêu cầu mãi, mà chẳng có kết quả gì hết. Người ta bảo cháu: trại ấy chỉ dành cho những đứa phạm pháp, tại sao mày lại muốn đến đấy? Thế là cháu trốn khỏi trại đó và cháu lên thẳng một toa xe điện. Thế rồi mọi chuyện xảy ra nhanh đến nỗi bác không thể tưởng tượng được: cháu vừa mới thò tay vào túi một người nào đó, ấy thế là mọi người đã túm lấy cháu và họ muốn đánh cháu. Rồi sau họ đưa cháu lên ủy ban.

- Thế ủy ban đã tin ở chuyện ăn cắp của

chú à?

- Làm sao không tin cho được? Các ông ấy là những người chính trực, và lại có cả những nhân chứng nữa, với biên bản và mọi cái hợp lệ. Cháu khai rằng trước kia cháu đã ăn cắp móc túi rồi.

Tôi bật lên cười thật sự. Tôi thích thú nhận thấy rằng mối nghi ngờ của tôi đối với sự xét xử của ủy ban là đúng. Mackơ, được yên tâm, đi tìm đội bốn để gia nhập hàng ngũ.

Vêra Bêrêzôpxkaia lại có một tính khí khác hẳn.

Bấy giờ là mùa đông. Tôi đi ra ga để chào bà Maria Konđratiepna và nhờ bà

chuyển hộ một bức công văn khẩn về Khackôp. Tôi gặp bà ta ở sân ga, đang tranh cãi gay go với một người lính cảnh vệ đường sắt. Người lính nắm cánh tay một cô gái vào trạc mười sáu tuổi, chân không bít tất, đi giày cao su. Cô gái khoác trên vai một chiếc áo choàng ngắn, kiểu đã cũ, có lẽ là của một bà già tốt bụng nào cho cô ta. Cái đầu để trần trông thật gớm ghiếc. Mớ tóc vàng rối bù không còn màu vàng nữa: nó phồng lên ở một bên phía sau tai thành một cái gối dầy, rất êm, rồi vươn lên trán và xuống má thành những búi sẫm màu và dính bết. Cô giằng co gỡ mình ra khỏi tay người lính mà nhoẻn miệng cười: một cô gái rất xinh. Nhưng trong đôi mắt tươi cười và

linh lợi, tôi có thể nhận thấy những tia u ám của sự thất vọng bất lực của một con thú dữ nhỏ yếu đuối. Nụ cười là hình thức tự vệ duy nhất, là khóe ngoại giao nhỏ mọn của cô ta.

Người lính bảo Maria Konđratiepna:

- Đồng chí lý luận thì hay thật đấy, đồng chí ạ, nhưng đồng chí có biết đâu mọi cái khó chịu mà nó gây cho chúng tôi. Mày đã ở trên tàu tuần lễ trước có phải không? Và say rượu nữa...có đúng không?

- Tôi say rượu bao giờ chứ? Anh ấy bịa hết. Cô gái vừa nói vừa mỉm cười với người lính, lần này thì là một nụ cười

hoàn toàn quyến rũ, rồi cô đột nhiên gỡ cánh tay anh ta nắm và đưa vội nó lên môi, như thể nó khiến cô đau lắm. Rồi cô nói với một vẻ đỏm dáng bình tĩnh:

- Đấy, thế là tôi đã thoát khỏi tay anh.

Người lính gác muốn tiến lại phía cô, nhưng cô nhảy lùi lại ba bước rồi phá lên cười khiến từ đầu đến cuối sân ga đều nghe thấy, không để ý gì đến đám đông vây quanh chúng tôi.

Maria Konđratiepna đang hoảng hốt nhìn quanh, chợt trông thấy tôi:

- Ô, Antôn Xêmiônôvich, ông bạn tốt của tôi!

Rồi kéo tôi ra một góc, bà nói nhỏ một cách sôi nổi:

- Này gớm ghiếc quá ông ạ! Ông thử nghĩ coi, sao lại có thể như thế được? Đây là một người đàn bà, một người đàn bà đẹp...Mà không, không phải là vì nó đẹp...Nhưng người ta không có quyền làm như thế!

- Maria Konđratiepna, bà muốn gì?

- Tôi muốn gì ấy ư? Thôi đi, đừng ra bộ ngây thơ, cái thứ người nhẫn tâm!

- Này, bà nói gì thế?

- Phải, nhẫn tâm! Chỉ hoàn toàn lo lắng và tính toán lợi ích của mình thôi, chả

phải thế ư? Việc này không có lợi cho ông chứ gì? Mặc con bé kia, cho các người lính săn sóc đến nó, có phải không?

- Nhưng bà hãy nghe lời tôi nói, nó là một con đĩ...cho vào một tập thể nam thanh niên thế nào được?

- Thôi miễn lý luận, nhà sư phạm...khốn khổ!

Tôi tái mặt đi dưới lời nhục mạ và tức giận nói:

- Được rồi, nó sẽ đi với tôi về trại, ngay lập tức.

Maria Konđratiepna nắm lấy hai vai tôi:

- Ông bạn tốt, ông Makarenkô của tôi ơi, cảm ơn, cảm ơn ông!...

Bà ta chạy bổ lại chỗ cô gái, quàng vai cô ta mà nói thầm riêng chuyện gì đó. Người lính bực tức quát bảo công chúng:

- Tại sao các người há mồm ra mà đứng cả đây thế này? Có lẽ các người tưởng mình ở rạp chiếu bóng chắc? Đi đi, ai đi việc nấy đi!...

Rồi anh ta nhổ nước bọt, nhún vai và bỏ đi.

Maria Konđratiepna dắt cô gái lại chỗ tôi, cô ta vẫn mỉm cười.

- Tôi nhờ ông trông nom cho em Vêra

Bêrêzôpxkaia. Em rất muốn đến trại...Vêra, đây là ông giám đốc của em. Em coi đó, ông tốt lắm, và về đấy em sẽ được sung sướng.

Vêra mỉm cười với tôi, cả với tôi nữa:

- Tôi sẽ đi...vâng...

Chúng tôi từ biệt bà Maria Konđratiepna và ngồi lên xe trượt tuyết.

- Cô sẽ bị lạnh cóng mất, tôi nói và lôi ở dưới ghế ngồi ra một tấm áo ngựa.

Vêra quấn áo vào người và vui vẻ hỏi:

- Về trại thì tôi sẽ làm gì?

- Cô sẽ học và lao động.

Sau một lúc lâu im lặng, Vêra nói với cái giọng nũng nịu "đặc là đàn bà":

- Ôi, trời ơi!...Tôi sẽ chẳng học đâu và bác đừng nên có những ý nghĩ như thế...

Đêm đã buông xuống, trời đầy mây, đen tối, hãi hùng. Chúng tôi đã đi tới giữa cánh đồng, đến mỗi khúc quành xe lại trượt láng đi. Tôi nói khe khẽ với Vêra, để cho Xôrôka ngồi trên ghế đằng trước khỏi nghe thấy:

- Ở trại, tất cả anh chị em trai gái đều học cả, và cô sẽ làm theo mọi người. Cô sẽ học được và một cuộc đời tốt đẹp sẽ bắt đầu cho cô.

Cô ta ngồi sát hẳn vào tôi và nói to lên:

- Một cuộc đời tốt đẹp...Ồ, trời mới tối làm sao...Tôi sợ...Bác đem tôi đi đâu thế này?

- Cô im đi.

Cô ta im. Xe chúng tôi đi vào khu rừng. Xôrôka lẩm bẩm chửi rủa ai đó, có lẽ là người đã bày ra đêm tối và những con đường rừng chật hẹp.

Vêra nói thì thầm:

- Tôi muốn nói với bác một điều...Bác có biết điều gì không?

- Cô nói đi.

- Bác ạ...Tôi có mang...

Sau vài phút, tôi hỏi cô ta:

- Cô bịa ra cái chuyện đó đấy à?

- Không đâu...Bịa để làm gì chứ? Tôi nói thực, đúng như thế đấy.

Ánh đèn của trại đã lấp lánh ở xa xa. Chúng tôi lại nói thì thào. Tôi bảo Vêra:

- Chúng ta sẽ phá thai. Tháng thứ mấy?

- Thứ hai.

- Ta sẽ làm thế.

- Họ sẽ chế giễu.

- Ai kia?

- Ở trại bác...bọn trai.

- Sẽ không ai biết hết.

- Chuyện sẽ vỡ lở.

- Không, chỉ có tôi với cô biết chuyện, ngoài ra không ai biết được.

Vêra bật cười tự nhiên:

- Phải, ...Bác cứ nói thế đi!

Tôi lại im lặng. Xe đi bước một để lên dốc của trại. Xôrôka, ở trên xe trượt tuyết nhảy xuống, vừa đi bên đầu ngựa vừa huýt sáo một điệu hát quen thuộc. Bỗng Vêra gục đầu xuống đầu gối tôi và khóc nức lên chua xót.

- Tại sao cô ấy khóc? Xôrôka hỏi.

- Cô ấy buồn, tôi trả lời.

- Có lẽ cô ấy có cha mẹ, Xôrôka đoán. Như thế thì phiền quá thật!

Hắn leo lên ghế đằng trước và vung roi ngựa:

- Nước kiệu, đồng chí Mary nhé, nước kiệu! Thế!

Xe chúng tôi vào trong sân trại.

Ba hôm sau, Maria Konđratiepna từ Khackôp lại đến trại. Tôi không nói gì với bà về tấn bi kịch của Vêra. Sau một tuần lễ nữa, chúng tôi tuyên bố ở trại là

phải cho Vêra đi bệnh viện vì cô ta đau thận. Ở bệnh viện trở về, cô ta có vẻ buồn và nhẫn nại, nhẹ nhàng hỏi tôi:

- Bây giờ tôi phải làm gì?

Tôi nghĩ ngợi và khiêm tốn đáp:

- Bây giờ thì chúng ta sẽ cố gắng sống dần dần.

Cứ xem vẻ nhìn của cô ta, vừa khinh suất vừa do dự, tôi hiểu rằng, đối với cô, sống là chuyện khó khăn nhất và cũng là khó hiểu nhất.

Vậy Vêra Bêrêzôpxkaia sẽ đi Kuriajê với chúng tôi, dĩ nhiên rồi. Thành thử ai cũng đi hết, kể cả số hai chục trẻ mới mà

Ủy ban Giáo dục, mấy ngày gần đây, đã đặt trên ngưỡng cửa tôi, với một thái độ hoàn toàn thờ ơ đối với những kế hoạch chiến lược của tôi. Giá chỉ đem theo đi Kuriajê số mười một đội cũ những đội viên đã dạn dày thử thách của trại Gorki thì hay biết mấy! Các đội ấy đã gay go chiến đấu, trải qua quá trình lịch sử sáu năm của trại. Họ có một vốn liếng chung về tư tưởng, truyền thống, kinh nghiệm, lý tưởng, tập quán. Với họ, hình như không phải sợ điều gì hết. Giả thử không có những đứa trẻ mới thì hay biết bao: mặc dù bề ngoài thấy chúng tan hòa trong các đội, tôi đi mỗi bước vẫn cứ gặp chúng, và nhìn thấy chúng tôi lại băn khoăn: có một cái gì không ổn trong lối

nói năng, đi đứng, vẻ nhìn của chúng; chúng còn có những bộ mặt "hạng bét", những bộ mặt xấu.

Cũng không sao, mười một đội của tôi có vẻ là sắt. Song nếu mười một đơn vị bé nhỏ ấy nhỡ bị mai một đi ở Kuriajê thì thực tai họa biết bao! Hôm trước ngày lên đường của đội đặc biệt tiền phong, lòng tôi băn khoăn lo sợ không sao tả được. Djurinxkaia vừa đến trại do chuyến xe lửa tối, đóng cửa ngồi riêng với tôi trong phòng giấy và nói:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, tôi lo sợ. Từ chối bây giờ chưa phải là quá muộn.

- Có chuyện gì đã xảy ra thế, bà Liubôp

Xavêliepna?

- Hôm qua tôi đã đến Kuriajê. Kinh sợ làm sao! Tôi không thể nào chịu đựng nổi những ấn tượng như thế. Bác ạ, tôi đã bị cầm tù ngoài mặt trận; tôi chưa từng bao giờ thấy đau đớn như bây giờ.

- Nhưng bà phiền lòng như thế để làm gì?

- Tôi cũng không biết nữa, tôi không biết kể chuyện lại như thế nào cho được bác ạ. Nhưng bác hiểu rõ đấy: ba trăm thanh niên hoàn toàn ngu muội, hư hỏng, hung hãn…Bác thấy không, thật là một cảnh hỗn mang súc vật, sinh lý…thậm chí không phải là vô chính phủ nữa…Rồi sự

bần cùng nọ! Cái mùi hôi hám nọ, những chấy rận nọ!...Bác không nên đưa trại đến đấy; đó là một ý kiến hết sức ngu xuẩn của chúng ta.

- Nhưng xin lỗi bà! Nếu Kuriajê gây cho bà một ấn tượng chán nản đến thế, thì ta lại càng phải làm một cái gì chứ.

- Liubôp Xavêliepna thở dài nặng nề:

- Chà, chúng ta còn là phải nói đến chuyện đó rất lâu. Dĩ nhiên là phải làm cái gì, đó là bổn phận của chúng ta, nhưng không được đem hi sinh cái tập thể của bác đi. Bác không biết giá trị của nó đâu, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Phải giữ gìn lấy nó, phát triển nó, nâng niu nó.

Ta không có quyền chỉ vì một ý muốn thất thường chốc lát mà đem ném tung nó ra cho gió cuốn.

- Ý muốn thất thường của ai?

- Của ai, tôi không biết, Liubôp Xavêliepna trả lời mệt mỏi. Tôi không nói bác đâu; bác ở vào một tình thế rất là đặc biệt. Nhưng đây này, tôi muốn bảo bác rằng: bác có rất nhiều kẻ thù hơn là bác tưởng đấy.

- Được, thế rồi làm sao?

- Có những người sẽ lấy làm hài lòng nếu bác mất thể diện ở Kuriajê.

- Tôi biết thế.

- Đấy! Thế thì ta hãy hành động cho nghiêm túc! Phải từ chối đi thôi. Bây giờ làm như vậy chưa phải là khó.

- Tôi chỉ có thể mỉm cười vì lời đề nghị ấy.

- Bà là bạn thân của chúng tôi. Sự chú ý và lòng yêu mến của bà đối với chúng tôi quý hơn tất cả vàng trên thế giới. Nhưng … xin bà tha thứ cho: hiện lúc này bà đang đứng trên quan điểm sư phạm cũ.

- Tôi không hiểu.

- Cuộc đấu tranh với Kuriajê không những là cần cho bọn trẻ ở Kuriajê và cho những kẻ thù của tôi, mà nó còn cần cho chúng tôi, cho mỗi trại viên nữa.

Cuộc đấu tranh ấy có một ý nghĩa thực sự. Bà hãy thử gặp các trại viên mà xem, bà sẽ thấy việc rút lui là không thể được nữa rồi.

Sáng hôm sau đội đặc biệt tiền phong lên đường đi Khackôp. Liubôp Xavêliepna ngồi cùng toa xe lửa đi với chúng tôi.

2. ĐỘI TIỀN PHONG

Đi đầu đội đặc biệt tiền phong là Vôlôkhôp. Hắn hết sức ít nói, ít cử chỉ và cũng rất ít biểu lộ tình cảm ra nét mặt, nhưng trong cách xử sự, tiếp xúc với mọi người mọi việc, hắn vẫn biết tỏ rõ thái độ, mà thái độ ấy bao giờ cũng ngụ một ý mỉa mai có phần hơi uể oải chán chường và đầy một lòng tự tin không gì lay chuyển nổi. Những đức tính ấy vốn dĩ vẫn sẵn có, dưới hình thức sơ khai, ở trong con người bất cứ một kẻ lưu manh thành thạo nào, nhưng sau khi đã được đời sống tập thể mài giũa nhẵn đi rồi thì chúng đem lại cho cá tính một phong

cách vừa cao quý, vừa kín đáo, nó phản ánh sâu sắc một sức mạnh bình tĩnh và không thể nào thắng nổi. Trong chiến đấu cần phải có những tay đội trưởng như vậy, vì họ gan dạ, liều lĩnh vô bờ bến, nhưng đồng thời lại biết tự kiềm chế mình một cách vô cùng chắc chắn. Một điều khiến tôi yên lòng hơn cả: Vôlôkhôp cũng chẳng buồn nghĩ đến Kuriajê và bọn người ở đó nữa. Đôi khi, nghe bọn trẻ cứ nói huyên thuyên bất chỉ, hắn chịu không nổi mới bất đắc dĩ buông ra một câu:

- Mặc xác tụi Kuriajê có được không? Rồi các cậu xem, chúng nó cũng giống mọi người thôi.

Mặc dù vậy, Vôlôkhôp cũng rất chú ý

đến thành phần đội đặc biệt tiền phong. Hắn lặng lẽ thận trọng tước bỏ từng tên người ứng cử, quyết định vắn tắt:

- Không được … không đủ đồng cân.

Đội đã được thành lập nên một cách rất có ý nghĩa. Toàn là những thanh niên Kômxômôn, đồng thời lại gồm đại biểu của các luồng tư tưởng chính và phong cách riêng của trại. Tham gia đội có:

1. Vichia Bôgôiaplenxki, mà hội đồng đội trưởng vì không muốn xuất trận với một cái tên cha sinh sặc mùi giáo hội hỗn [14] xược đến thế , nên đã đặt cho hắn một tên khác, oai nhất từ trước đến giờ:

[15]

Gorkôpxki . Gorkôpxki người gầy còm, xấu xí và thông minh như một con chó săn. Rất tôn trọng kỷ luật, lúc nào cũng sẵn sàng hoạt động. Hắn có ý kiến riêng của hắn về mọi sự việc và biết nhận xét mọi người một cách mau mắn, dứt khoát. Tài năng chủ yếu của hắn là hiểu rất rõ mỗi trại viên và đánh giá rất chắc chắn thực chất của từng người. Đồng thời tư tưởng của Vichia không bao giờ phân tán và ý niệm của hắn về từng cá nhân lập tức được tổng hợp thành những tính cách tập thể, thành sự hiểu biết những tập đoàn, những đường nét và hiện tượng điển hình.

2. Michia Jêvêli, người quen biết cũ của

chúng ta, hiện thân đầy đủ nhất và đẹp nhất của tinh thần Gorki chân chính. Michia đã lớn bổng hẳn lên để trở thành một thanh niên rất bảnh, đầu ngay ngắn, mắt hơi xếch, sắc và đen láy. Ở trại bao giờ cũng có nhiều trẻ tập bắt chước Michia, từ cách cương quyết tỏ ý kiến bằng một cử chỉ gọn gàng bất ngờ, đến cách ăn mặc sạch sẽ và lịch sự, cách đi đứng và cả đến lòng yêu nước chân thực, vui vẻ và ngoan ngoãn của người trại viên Gorki. Michia coi việc di cư đi Kuriajê là một việc có ý nghĩa chính trị lớn, vì tin tưởng chắc chắn rằng chúng tôi đã tìm ra những hình thức đúng đắn "tổ chức tụi nhãi con" và chúng tôi phải đem phổ biến sự phát minh của chúng tôi

vì lợi ích của nước cộng hòa những người vô sản.

3. Mikhailô (Misa) Ôptsarenkô, một gã hơi độn nhưng chăm làm nhất hạng, chỉ nghĩ đến trại và lợi ích của trại và cứ nói bô bô điều đó ra miệng. Hành tung trước kia của Misa rối ren hết sức khiến chính hắn cũng khó lòng nhớ lại được rõ ràng. Hắn đã cư trú ở hầu hết các thành phố của Liên bang mà chẳng thu nhặt được chút kiến thức nào vì hắn không kham chịu nổi công tác cố định, dù là ở nguyên một cái máy nào hoặc một chỗ làm việc nào. Nhưng ngược lại, hắn có những tài năng không thể chối cãi được về mặt sự vụ. Hắn biết tổ chức công tác của một đội, tổ chức việc xếp đồ đạc và vận

chuyển bao giờ cũng nhanh và tốt. Hắn vừa làm vừa làu bàu, thừa dịp lên mặt dạy người nhưng không làm cho ai phải bực mình chỉ vì những lời của hắn, cũng như con người hắn, bao giờ cũng toát ra cái hương thơm dễ chịu của một sự ngu xuẩn đầy thiện ý đi đôi với một tấm lòng tốt vô cùng tận. Misa Ôptsarenkô là người khoẻ nhất trại, khỏe hơn cả Xilanti Ôtsênăc, và hình như Vôlôkhôp, khi chọn hắn, đã chú ý đặc điểm ấy nhất.

4. Đơnit Kutlaty, cá tính vững mạnh nhất của trại vào hồi tấn công Kuriajê. Nhiều trại viên phải toát mồ hôi lạnh mỗi khi thấy Đơnit lên tiếng ở hội nghị toàn trại nhắc đến tên mình. Hắn có tài đem lời hùng biện ngon sớt và rất thích đáng ra

dấn một người xuống bùn để hết sức thuyết phục hội nghị trục xuất y ra khỏi trại. Ghê gớm nhất là Đơnit, thật sự thông minh, thường có một cách biện luận đúng đắn, chắc như quả tạ khiến mọi người phải kinh ngạc. Thái độ của hắn tỏ rõ một lòng tin tưởng nghiêm túc, sâu sắc, coi trại là một tổ chức hữu ích, đoàn kết nhất trí, vô cùng chặt chẽ. Có lẽ hắn hình dung trại như một cái xe tải chắc chắn và tốt dầu mỡ, người ta có thể yên tâm không vội vã ngồi trên xe mà đi xa một nghìn vecxtơ, rồi sau khi bận rộn độ nửa giờ tu sửa với một cái búa và một hộp mỡ, người ta lại đi được một nghìn vecxtơ nữa. Vẻ ngoài Kutlaty trông giống một tên kulăc cổ điển và trên sân khấu

của trại hắn cũng chỉ chuyên đóng vai ấy thôi. Mặc dù vậy, hắn vẫn là người sáng lập thứ nhất đoàn Thanh niên Kômxômôn của trại, một đoàn viên hoạt động tích cực nhất. Ít nói, theo truyền thống của trại Gorki, hắn nhìn các tay hùng biện với một vẻ không ưa thầm lặng và những lời lẽ tràng giang đại hải khiến hắn như bị nhức nhối thật sự trong cơ thể.

5. Đội trưởng đã chọn Epghêniep để làm một cái mồi hấp dẫn cần thiết đối với dân làng chạy. Hắn là một đoàn viên thanh niên Kômxômôn tốt, một người bạn vui vẻ, chắc chắn, nhưng vẫn còn giữ trong ngôn ngữ cử chỉ nhiều dấu tích còn mới nguyên về những ngày ồn ào hỗn độn sống trên hè phố hay trong nhà cải tạo.

Vốn là một tay đóng kịch có tài nên khi nào cần đến, hắn có thể nói chuyện dễ như không với bọn kia ngay bằng dụng ngữ riêng của họ.

6. Jôra Vonkôp, cánh tay phải của Kôvan trong đoàn Thanh niên Kômxômôn, giữ nhiệm vụ chính trị viên trong đội và là người khởi thảo ra bản hiến pháp mới của đội. Jôra là một nhà chính trị bẩm sinh: nhiệt tình, quyết tín, kiên trì. Chọn cho hắn đi, Kôvan nói:

- Về mặt chính trị, Jôra sẽ đả cho cái tụi mạt hạng ấy một trận cẩn thận. Những quân súc sinh, chúng cứ tưởng chúng đang sống trong thời đại đế quốc chủ nghĩa hẳn. Nếu cần chơi quả đấm, Jôra

sẽ không có chịu tụt hậu đâu nhé.

7 và 8. Tôxka Xôlôviep và Vania Sêlaputin, đại diện cho thế hệ trẻ. Vả chăng, cả hai đều uốn tóc rất diện theo kiểu "nhà chính trị", nhưng Tôxka thì tóc vàng còn Vania tóc nâu. Tôxka có một bộ mặt thanh niên rất kháu khỉnh, xinh tươi. Vania thì mặt linh lợi, láu cá và mũi hếch.

Sau cùng, người thứ chín là trại viên… Kôxchia Vetkôpxki. Hắn trở về trại một cách nhanh chóng, tầm thường và thực tế hết sức. Ba hôm trước khi chúng tôi lên đường, Kôxchia xuất đầu lộ diện, gầy, xanh và ngượng ngùng. Mọi người đón tiếp hắn một cách dè dặt và Lapô chỉ

nói:

- Thế nào, hòn "Lạy – Chúa – cho – qua" ở ngoài ấy ra sao?

Vetkôpxki vẻ nghiêm chỉnh mỉm cười:

- Thây kệ nó! Mình cũng chẳng hề đi tới đó nữa.

- Tiếc nhỉ! Lapô nói, cái hòn quỷ ấy cứ đứng trơ ra đấy, chẳng làm cóc gì cả!

Vôlôkhôp nháy Kôxchia một cách thân thiện:

- Thế là cậu đã chén đẫy hàng đống thứ thú vị rồi phỏng?

Kôxchia trả lời không đỏ mặt:

- Đúng thế.

- Bây giờ thì cậu muốn tráng miệng cái gì đây?

Kôxchia phá lên cười:

- À, cái đó ấy à? Mình đợi hội đồng đội trưởng quyết định cậu ạ. Họ sành nấu cho mình những món ngon lành và mặn mà đáo để…

- Chúng tôi không có thì giờ lo thực đơn cho cậu bây giờ, Vôlôkhôp trả lời nghiêm khắc. Và tôi nói cho cậu biết đây: vì Aliôsa Vonkôp bị đau chân, nên cậu sẽ đi thay nó. Lapô, cậu nghĩ thế nào?

- Cho hắn đi cũng được.

- Thế còn hội đồng? Kôxchia hỏi.

- Hiện thời đang chuẩn bị chiến đấu; miễn hỏi ý kiến hội đồng cũng được.

Thế là Kôxchia gia nhập đội đặc biệt tiền phong một cách thực bất ngờ cho hắn cũng như cho chúng tôi. Hôm sau hắn đã mặc lại quần áo trại viên.

Cùng đi với chúng tôi còn có Ivan Đênitxôvich Kirghizôp, một giáo viên mới mà tôi đã cố tình lôi kéo ra khỏi cái chức nhiệm sư phạm của anh ta ở Pirôgôpka để thay chân Ivan Ivanôvich đã từ bỏ chúng tôi. Đối với người không am hiểu thì Ivan Đênitxôvich chỉ là một

ông giáo thôn quê tầm thường. Nhưng sự thực Ivan Đênitxôvich đúng là nhân vật chính diện mà văn học Nga vẫn cố công tìm kiếm bấy lâu. Ivan Đênitxôvich ba mươi tuổi. Anh là một người tốt bụng, thông minh, điềm đạm và nhất là có năng lực làm việc, đức tính mà ai cũng biết rằng các nhân vật trong văn học Nga, dù chính diện hay phản diện, đều khó mà tự hào có được. Cái gì Ivan Đênitxôvich cũng biết làm và lúc nào cũng đang làm một cái gì đấy, nhưng nhìn xa thì hình như lúc nào người ta cũng còn có thể giao cho anh làm một cái gì nữa được. Khi đến gần, người ta mới bắt đầu nhận thấy là không thể giao thêm gì hết, nhưng đầu lưỡi đã quen, không kịp hãm lại, và

bạn đã trót nói tuy không khỏi ngượng ngùng và hơi ấp úng.

- Anh Ivan Đênitxôvich này… ngoài kia… phải đóng hòm các thứ ở phòng vật lý…

Ivan Đênitxôvich nhô đầu lên khỏi một cái hòm hay một quyển vở, mỉm cười:

- Phòng vật lý à? Ừ nhỉ… được! Tôi đi gọi ngay vài cậu, và làm luôn…

Bạn bẽn lẽn rời xa, nhưng Ivan Đênitxôvich đã quên cách xử sự tàn nhẫn của bạn và ngọt ngào bảo một người nào đấy, bằng tiếng Ukren của anh ta:

- Này chú em, chú đi gọi anh em đằng

kia nhé…

Chúng tôi đến Khackôp sớm. Ông Thanh tra giáo dục Iuriep, hớn hở như hòa nhịp với buổi sáng mai ngày tháng năm ấy và với khí phách chiến đấu của chúng tôi, chờ đón chúng tôi ở nhà ga. Vừa vỗ vai mọi người, ông vừa nói:

- Các chú ở Gorki trông hùng thật!… tốt lắm, tốt lắm! Bà Liubôp Xavêliepna cũng có mặt ở đây à? Tốt lắm! Vậy thế này nhé! Tôi có xe, chúng ta đi tìm Khalabuđa rồi đến thẳng Kuriajê. Liubôp Xavêliepna, bà cũng đi chứ? Tốt lắm! Trẻ con chỉ việc đi xe lửa ngoại ô đến Ryjôp, rồi từ Ryjôp thì gần không, hai cây số… đi tắt qua đồng cỏ cũng được.

Nhưng mà này… có phải mời các bác ăn không nhỉ? Hay là để đến Kuriajê họ cho ăn, các bác nghĩ thế nào?

Bọn trai dán mắt nhìn tôi chờ đợi trong khi vẫn ngó Iuriep một cách mỉa mai. Các râu tua hiếu chiến của họ, kích thích đến tột độ, đang hau háu thăm dò cái đối tượng thứ nhất mà Khackôp đem lại cho họ là Iuriep.

Tôi nói:

- Có điều rằng đội đặc biệt tiền phong của chúng tôi, bác ạ, có thể coi là cấp bậc thứ nhất của trại Gorki. Chúng ta đến nơi thì họ cũng phải đến nơi. Tôi tưởng chúng ta nên thuê hai xe.

Iuriep nhảy lon ton phấn khởi:

- Mà phải, tốt lắm! Ấy lề lối của họ… là như thế đấy… cứ theo tác phong của họ. Ồ, thế thì tuyệt! Mà bác biết không? Tiền xe, tôi sẽ tính vào quỹ Ủy ban Giáo dục! Và tôi còn cho bác biết là tôi sẽ lên xe cùng với họ, cùng với các chú trai nhé…

- Lên đường! Vôlôkhôp nhe nanh vuốt ra hô.

- Đẹ-ep quá! Đẹ-ep quá!… Nào thôi… ta đi gọi xe?

Vôlôkhôp ra lệnh:

- Tôxka, đi gọi!

Tôxka chào và kêu lớn: “Rõ!”. Iuriep rạng rỡ nhìn theo. Ông xoa hai tay, như nhảy múa tại chỗ:

- Đấy, rõ ra vẻ chưa, đấy, rõ ra vẻ chưa?...

Ông chạy lăng xăng ở sân, mắt dán vào Tôxka. Tôxka thì tất nhiên không thể mỗi chốc quên ngay cái vinh diệu là đội viên của đội đặc biệt. Hắn đã nhảy thoắt ngay qua nhà ga.

Bọn trai nhìn nhau.

Gorkôpxki hỏi nhỏ:

- Cái quái vật ấy là ai thế?...

Một giờ sau, ba xe của chúng tôi leo qua dốc Kuriajê rồi đỗ lại ở bên cạnh tường sứt mẻ của nhà thờ. Vài hình thù cáu ký ghét bẩn và xồm xoàm lông lá uể oải lại gần xe, vừa đi vừa kéo lê mặt đất gấu quần xơ mướp lê thê, và nhìn không có vẻ gì tò mò đặc biệt các trại viên Gorki, [16] thon mảnh như những thị đồng và nghiêm khắc như những viên thẩm phán.

Hai giáo viên đi tới chỗ chúng tôi và cũng chẳng buồn che giấu ác cảm, họ đưa mắt nhìn nhau:

- Xếp họ vào đâu? Có thể đặt giường cho các bác trong phòng các thầy, còn trẻ con thì tìm chỗ ở các buồng ngủ cũng được.

- Cái đó không quan hệ. Chúng tôi tự thu xếp chỗ nào cũng được. Ông giám đốc đâu?

Ông giám đốc lên tỉnh. Nhưng có một gã nào đó mặc quần xám nhạt, lốm đốm những vết mỡ tròn, không khỏi làm khó dễ và nhắc lại rằng đúng ra không phải đến phiên việc hắn, rồi sau mới chịu nhận là mình đang ở phận sự công tác và bằng lòng dẫn chúng tôi đi xem trại. Tôi không phải xem gì hết. Iuriep cũng ít chú ý đến những cái mắt trông thấy. Djurinxkaia im lặng buồn rầu. Còn bọn trai thì không đợi hướng dẫn viên chính thức đã tự động chạy đi thăm trại. Ivan Đênitxôvich thong thả kéo lê bước đi theo họ.

Khalabuđa thì đang giơ ba-toong chỉ trỏ tứ phương, nhắc lại tỉ mỉ những hoạt động tổ chức của mình và kể ra từng thứ các bất động sản của Kuriajê, tất cả đối với ông ta, đều thu vào một mẫu số chung: lúa hắc mạch. Bọn trai đã trở về với những bộ mặt cau lại vì kinh ngạc. Kutlaty nhìn tôi với một vẻ muốn nói "Bác Antôn Xêmiônôvich, làm sao bác lại đi mua dây mà quàng vào cổ như thế?"

Mắt Michia Jêvêli ánh lên một vẻ bực tức: hai tay thọc túi quần, hắn nhìn chung quanh qua vai hắn và Djurinxkaia nhận thấy rất rõ các động tác khinh bỉ ấy:

- Thế nào, các em, ở đây không tốt ư?

Michia không trả lời. Vôlôkhôp bỗng phá lên cười.

- Tôi cho rằng ở đây không tẩn chúng nó thì không làm nên trò trống gì hết.

Liubôp Xavêliepna tái mặt đi:

- Thế nào?

- Cái bầy đoàn này, phải móc vào mang chúng nó mà lôi đi mới được, Vôlôkhôp giải thích rồi bỗng đưa hai ngón tay móc vào cổ áo để kéo lại gần Djurinxkaia một đứa trẻ khẳng khiu, đen thủi và gầy nhom, mặc một cái "áo tổ đỉa" dài thượt nhưng đầu để trần và chân đi đất.

- Bà xem tai nó này.

- Thằng bé ốm yếu ngoan ngoãn quay mình. Tai nó quả thật là một tuyệt phẩm. Cái đen đủi không nói làm gì, cũng không nói cả đến ghét cáu ký đã có thì giờ đóng chóc và sơn mấy mươi tầng các thứ nước thiên nhiên, nhưng tai nó còn loang lổ hàng đống mụn, mủ máu đỏ lờ, vẩy khô đóng sẹo và từng mảng phát ban.

- Tại sao tai cháu như thế? Djurinxkaia hỏi.

Nó mỉm cười bẽn lẽn, cọ chân nọ vào chân kia, và chân nó cũng cùng một kiểu như thế.

- Đó là ghẻ, nó trả lời bằng một giọng khàn khàn.

- Còn bao nhiêu ngày nữa thì mày chết? Tôxka hỏi.

- Chết à? Có khối đứa như thế ở đây mà cho đến nay có đứa nào chết đâu!

Các trại viên, không hiểu vì lẽ gì, lẩn mặt đi đâu mất cả. Chỉ có vài hình thù nhăn nhó lang thang trong câu lạc bộ đầy rác rưởi, ở các cầu thang nhớp nháp những bãi khạc nhổ như sao sa, ở các lối đi ngổn ngang từng đống phân lớn nhỏ. Cũng chẳng có một bóng người nào trong các phòng ngủ bừa bộn, nồng nặc mùi hôi mà cả đến ánh mặt trời cũng không tài nào lọt vào nổi qua những cửa sổ phủ đầy cứt ruồi.

- Các trại viên đi đâu cả? Tôi hỏi người giáo viên trực nhật.

Hắn ngoảnh mặt đi một cách hợm hĩnh và trả lời qua kẽ răng:

- Câu hỏi thừa.

Một đứa trẻ trạc mười lăm tuổi, mặt tròn, đi cạnh chúng tôi không rời một bước.

- Này, ở đây các cháu sống thế nào?

Nó nghếch lên phía tôi một bộ mặt nhỏ xíu, tinh ranh, nhưng cũng không rửa, như mặt mọi đứa khác ở Kuriajê:

- Sống thế nào ư? Ở đây thì gọi là sống sao được! Nhưng người ta bảo rồi sắp

khá hơn, có thực không bác?

- Ai bảo thế?

- Chúng nó kháo rằng rồi sắp thay đổi, nhưng chúng nó bảo hễ động một tí là người ta sẽ đánh các cháu bằng roi.

- Đánh các cháu? Tại sao?

- Những đứa nào ăn cắp. Ở đây khối.

- Bác hỏi, tại sao cháu không rửa mặt?

- Chả có gì mà rửa! Nước không có! Trạm máy điện hỏng và không bơm được. Lại chẳng có khăn mặt, cũng chẳng có xà phòng…

- Vậy người ta không cho các cháu sao?

- Trước có cho… Nhưng chúng nó ăn cắp hết. Ở đây, ai cũng ăn cắp. Và bây giờ thì ở kho chả còn gì sất.

- Tại sao thế?

- Một đêm, chúng nó cướp kho. Chúng nó bẻ khóa và lấy ráo. Ông giám đốc muốn bắn…

- Thế rồi sao?

- Chả sao cả… ông ấy lại không bắn. Ông ấy bảo: tao bắn. Chúng nó nói: Đây, cứ bắn đi! Thế rồi, ông ấy không bắn, ông chỉ cho đi tìm dân cảnh.

- Thế, dân cảnh đã làm gì?

- Cháu chả biết.

- Cháu cũng có lấy gì trong kho chứ?

- Không, cháu chẳng vớ được gì hết. Cháu muốn lấy một cái quần, nhưng ở đó chỉ có toàn quần lớn, và lúc cháu đến, chỉ nhặt được có hai cái chìa khoá nằm trên sàn.

- Việc xảy ra đã lâu chưa?

- Mùa rét năm ngoái.

- Được rồi… Tên cháu là gì?

- Malikôp Piôtr.

Chúng tôi đi lại phía trường học. Iuriep lặng yên nghe chuyện. Khalabuđa tụt lại

đằng sau, đi theo chúng tôi. Bọn trai Gorki đã vây lấy ông: họ thực tài đánh hơi những nhân vật lý thú. Khalabuđa vểnh bộ mặt có chùm râu hung đỏ, nói chuyện với bọn trai về mùa gặt tốt. Cái ba-toong gốc bằng gỗ rắn của ông ta kéo lê đằng sau, cào mặt đất.

Sau cùng chúng tôi đến trường học. Đây là lữ xá cũ của tu viện mà Ban Bảo vệ nhi đồng đã xây dựng lại. Tòa nhà độc nhất của trại không có buồng ngủ: một hành lang bất tận và hai bên là các lớp học, dài và hẹp. Tại sao lại đặt trường học vào đây? Những gian này chỉ làm buồng ngủ là tốt.

Một lớp học dán đầy những yết thị,

quảng cáo và tranh bôi bác của trẻ con được giới thiệu với chúng tôi là "Nhà Thiếu niên". Rõ ràng là người ta dành riêng phòng này cho các cuộc thanh tra và để tôn trọng những nghi thức chính trị: chúng tôi phải chờ không kém nửa giờ đồng hồ trước khi người ta tìm thấy chìa khóa "Nhà Thiếu niên".

Chúng tôi ngồi nghỉ trên một chiếc ghế dài. Bọn trai của tôi im lìm như thóc. Vichia khẽ thì thào sau vai tôi:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, phải ngủ ở buồng này, chung tất cả thôi. Nhưng bác đừng có nằm giường. Phải biết là ngoài kia lắm rận, chết khiếp đi được!

Jêvêli ghé về phía tôi qua đầu gối Vichia:

- Ở đây có những đứa không đến nỗi nào. Nhưng phải biết chúng nó ghét các giáo viên của chúng ghê lắm! Song cứ để tự nhiên thì chúng nó chẳng chịu làm việc đâu…

- Vậy làm sao?

- Chúng nó sẽ chẳng chịu làm việc nếu không có chuyện tan hoang om sòm…

Mọi người bắt đầu bàn về cách thức bàn giao trại. Viên giám đốc đã ở tỉnh đâm bổ về bằng xe thuê. Trông bộ mặt ngây độn và nhợt nhạt của y, tôi nghĩ bụng: thực ra, cũng không thể nào đưa y ra truy

tố trước pháp luật được. Ai đã đem đặt cái con người thảm hại này vào địa vị thiêng liêng của nhà giáo dục?

Viên giám đốc lấy giọng gây gổ mà tỏ bày rằng phải bàn giao thực sớm; và nói chung y không đảm bảo gì hết cả.

Iuriep hỏi:

- Nghĩa là thế nào: bác không đảm bảo gì hết là làm sao?

- Thế đó, bọn trẻ khó chịu lắm. Nên coi chừng mọi sự quá trớn có thể xảy ra, và chúng nó có khí giới đấy.

- Nhưng tại sao chúng nó lại khó chịu thế? Chẳng phải là bác đã gây ra cho

chúng đó ư?

- Tôi ấy à? Tôi lại còn phải mớm cho chúng ư? Tự chúng nó thừa đoán được có chuyện gì rồi. Các bác tưởng chúng không biết à? Chúng biết tuốt.

- Đúng ra thì chúng biết cái gì?

- Chúng biết cái gì chờ đợi chúng, viên giám đốc nói bằng một giọng ý nghĩa, và bằng một cách có ý nghĩa hơn nữa y ngoảnh mặt quay ra cửa sổ, để tỏ rằng chỉ một sự có mặt của chúng tôi cũng đủ báo hiệu không có gì là tốt cho lũ trẻ nuôi hết.

Vichia nói nhỏ vào tai tôi:

- Đồ đểu! Đồ đểu!

- Im, Vichia! Tôi nói. Nếu xảy ra sự gì quá khích thì bề nào bác cũng phải chịu trách nhiệm, dù là xảy ra trước hay sau cuộc bàn giao trại. Tôi lại yêu cầu chúng ta làm xong mau chóng mọi hình thức.

Chúng tôi quyết định hôm sau sẽ làm việc bàn giao, vào lúc hai giờ chiều. Tất cả nhân viên, bốn mươi người, là chỉ kể riêng các giáo viên, sẽ phải giải tán và rời khỏi các phòng nội trong ba ngày. Một thời gian phụ thêm là năm ngày được ấn định cho việc bàn giao vật liệu.

- Thế bao giờ người chủ nhiệm của các bác đến?

- Chúng tôi không có người chủ nhiệm. Chúng tôi sẽ cử một trẻ nuôi của chúng tôi ra nhận các thứ.

Viên giám đốc xù lông nhím:

- Tôi sẽ không giao cái gì cho một trẻ nuôi hết thảy.

Bằng ấy sự ngu xuẩn đúc lại bắt đầu làm tôi phát cáu. Nói cho cùng, y sẽ giao lại cho tôi được cái gì?

- Này bác ạ, tôi nói, về phần tôi thì có biên bản hay không có biên bản gì, tôi cũng không cần lắm đâu. Cần cho tôi, chỉ có là nội trong ba ngày không còn ai trong bọn các bác ở lại đây nữa.

- Ha ha, nghĩa là chúng tôi làm phiền?

- Chính thế đấy!

Viên giám đốc bị chạm nọc, nhảy lên và đi mau ra cửa, vẻ tức tối.

Người giáo viên trực nhật lật đật theo hắn. Đến ngưỡng cửa, viên giám đốc phóng lại một câu:

- Không phải chúng tôi, mà là những người khác sẽ làm phiền các ông!

- Bọn trai cười. Djurinxkaia thở dài. Iuriep có vẻ ngượng ngắm một cái gì ở bậu cửa sổ. Khalabuđa không nao núng xem hoài những quảng cáo phủ mặt tường.

- Thôi, ta đi về thôi, các bác nhỉ, Iuriep nói. Mai ta trở lại phải không, bà Liubôp Xavêliepna?

- Bà nhìn tôi buồn rầu.

- Xin các bác đừng lại, tôi yêu cầu.

- Tại sao thế?

- Lại làm gì? Các bác sẽ không giúp đỡ gì cho tôi cả, và chúng ta sẽ mất thời giờ chuyện vãn.

- Iuriep cáo từ, vẻ hơi phật ý. Liubôp Xavêliepna bắt tay chúng tôi chặt chẽ, cả tôi và bọn trai. Bà hỏi:

- Các anh không sợ chứ?

Họ trở về tỉnh.

Chúng tôi ra sân. Chắc là sắp đến bữa ăn, vì từ bếp, người ta đang chuyển những xoong xúp lên buồng ngủ. Vetkôpxki kéo tay áo tôi, cười: Michia và Vichia đã giữ lại hai đứa trẻ mang xoong như vậy.

- Sao lại được làm thế hử? Vichia hỏi giọng trách mắng. Những đứa này là cái giống gì? Mày không hiểu sao? Thế mày là giống ăn thịt người à?

Thoạt đầu, tôi còn không hiểu. Kôxchia nhấc bổng tay áo một đứa giữ việc phát bánh của Kuriajê. Dưới cánh tay kia, nó kẹp một ổ bánh mì mà cùi đã bị vạc mất

một nửa. Kôxchia rung cổ tay áo thằng bé bối rối: cả cái cửa tay ấy dúng vào xúp chảy tong tong; những miếng su hào và củ cải dính vào tay áo, lên đến tận vai.

- Này, trông này, Kôxchia cười ngất, và chúng tôi cũng không sao nhịn được: thằng ranh nắm một miếng thịt trong tay.

- Còn thằng kia?

- Cũng thế! Michia nói tung lên. Đi đường, chúng nó vớt thịt trong xúp… Mày không biết xấu à? Đồ khốn kiếp, ít ra mày cũng phải cuộn tay áo mày lên chứ?

- Ồ, ở đây sẽ gay lắm đấy, bác Antôn

Xêmiônôvich ạ, Koxchia nói.

Bọn trai của chúng tôi không biết tản mát đi đâu. Ánh sáng của một ngày tháng năm êm dịu ngả trên đồi của tu viện âm thầm, nhưng tu viện không đáp lại cái nụ cười ấm áp đó. Tôi nhìn trong tưởng tượng thấy thế giới ngăn đôi do một mặt phẳng trong suốt: trên cao trời xanh lồng lộng, hương vị không khí đậm đà, và mặt trời, chim bay và đỉnh yên tĩnh của những đám mây cao. Từng mảng trời buông rủ xuống đất, móc vào đó là những xóm nhà tranh xa xa, những khu rừng con xinh xắn, và dải sông nhỏ vui vẻ uốn khúc như con rắn nước. Những ruộng trồi đen, xanh và hung đỏ, trải nằm tinh tươm dưới nắng như một tấm thảm ngày hội. Tất cả những

cái đó không biết là tốt hay xấu, nhưng thực ra ưa nhìn, giản dị và dễ yêu, khiến người ta những muốn hòa mình vào cái ngày trong sáng của tháng năm này.

Nhưng dưới chân tôi là mảnh đất bỉ ổi của Kuriajê, với những bức tường đẫm mùi mồ hôi, hương trầm và bọ rệp, với những tội lỗi ngàn đời của các giáo sĩ, và ghét trộn máu mủ của lũ trẻ vô thừa nhận. Không, nhất định đây không phải là thế giới, nhưng một cái gì khác, cơ hồ là chuyện bịa đặt đó thôi!

Tôi đi thơ thẩn trong trại: không một ai đến gần tôi cả, nhưng trại viên có vẻ đông hơn. Chúng nhìn tôi xa xa. Tôi đi qua các phòng ngủ. Phòng ngủ nhiều vô

kể, khiến tôi không hình dung được đi đến đâu mới hết thấy, phòng ngủ đóng chật ních cả những tòa ngang dãy dọc lớn nhỏ này. Bây giờ thì có nhiều trại viên. Chúng ngồi trên các đống rẻ nhàu nát, những tấm phản mộc, hay trên thành giường sắt. Chúng ngồi cho tiêu bữa ăn, tay thu vào giữa đầu gối quần rách. Một vài đứa giết rận; trong các xó xỉnh, chỗ này chơi bài lá, chỗ kia ăn nốt xúp nguội ở đáy xoong quện bồ hóng. Chúng không chú ý đến tôi: một thế giới trong đó tôi không có mặt.

Trong một buồng ngủ, một nhóm trẻ con đang xem tranh ảnh một số báo Đồng ruộng[17] cũ, khiến tôi ngạc nhiên. Tôi

hỏi:

- Các cháu, các cháu hãy cho bác biết các cháu cất gối đi đâu cả?

Cả bọn ngẩng đầu lên ngó tôi. Một đứa mũi nhọn đáp lại cái nhìn của tôi bằng một vẻ mỉa mai châm biếm:

- Gối của các cháu ấy à? Có phải bác là đồng chí Makarenkô, Antôn Xêmiônôvich không?

- Phải.

- Bác vào đây chơi, bác nhìn xem à?

- Đúng rồi, bác vào chơi, bác nhìn xem.

- Ngày mai, từ hai giờ…

Tôi ngắt lời nó:

- Phải, ngày mai, từ hai giờ, nhưng cháu vẫn chưa trả lời câu bác hỏi: gối của các cháu đâu?

Bác muốn các cháu kể chuyện bác nghe à?

Lấy đầu ra hiệu một cách dễ ưa, nó mời tôi ngồi trên cái đệm cáu ghét và vá víu của nó. Tôi ngồi.

- Tên cháu là gì?
- Vania Zaïtsenkô.
- Cháu biết đọc biết viết không?
- Năm ngoái cháu ở ban thứ tư, nhưng mùa rét năm nay… mà chắc bác biết rồi… không có trường.

- Ừ… vậy chứ ga trải giường với gối của các cháu đâu?

Đôi mắt xám của Vania bao trùm các bạn nó bằng một cái nhìn mau, lấp lánh vẻ hài hước, rồi nó lên ngồi trên mặt bàn. Các bạn nó ngồi trên giường, đứa nọ sát nách đứa kia. Giữa bọn, tôi bỗng nhận ra khuôn mặt tròn của Malikôp.

- Cháu cũng ở đây à?

- Phải-phải… đoàn các cháu đây! Thằng này là Tima Ôđariuc và kia là Ilia… Fônarenkô Ilia!

Tima là một đứa trẻ tóc đỏ hoe, da đầy vết tàn nhang, mắt không có lông mi, miệng mỉm cười chân thật. Ilia thì mồm dầy, trắng nhợt và mụn mặn, nhưng có

đôi mắt tốt: chững chạc và đóng khung chắc chắn. Qua đầu các bạn nó, Zaïtsenkô nhìn cái buồng ngủ hầu vắng vẻ và bắt đầu nói giọng thầm thì, gần như vụng trộm:

- Bác hỏi gối ở đâu, có phải không? Cháu nói ngay cho bác biết: không có gối, thế thôi!

Với một cái giọng cười đột ngột và ầm ỹ, nó xòe hai bàn tay ra như tay ếch. Những đứa khác cũng cười rộ.

- Ở đây thú vị lắm, Zaïtsenkô nói, bởi vì rất buồn cười! Không có gối… ban đầu thì có đấy, thế rồi, huýt… biến cả!

Và lại cười:

- Cái thằng tóc đỏ này đi ngủ có gối và trở dậy thì không… huýt… biến rồi!

Zaïtsenkô nhìn Ôđariuc qua đôi khe đôi mắt lim dim vui vẻ. Nó ngả người ra đằng sau mà cười, và chân nó thúc đầu gối tôi mạnh hơn.

- Bác Antôn Xêmiônôvich này, muốn có gối, thì cái gì cũng phải ghi, có phải không? Phải đếm và viết các thứ vào sổ có phải không? Phát bao giờ, phát cho ai, và mọi thứ. Nhưng ở đây, chẳng những là gối, mà đến cả người cũng chẳng ai ghi nữa… Chẳng ai ghi… Mà người ta cũng chẳng đếm… không ai làm cả!

- Sao lại thế?

- Thế đấy thôi! Bác tưởng dễ có người nào đã ghi là ở đây có thằng Ilia

Fônarenkô đó hẳn? Chẳng ai ghi! Chẳng ai biết! Và chẳng ai biết cháu cả. Ồ, bác ơi, bác ơi! Có nhiều đứa như cháu: sống ở đây rồi đi nơi khác ít lâu chơi, rồi lại trở về. Đây nhé: bác tưởng có ai đưa Tima lại đây à? Chẳng ai đưa cả! Nó tự dẫn xác đến, thế là nó ở.

- Vậy là nó thích ở đây ư?

- Không, nó đến đã hai tuần lễ nay. Nó ở trại Bôgôđukhôp trốn đi. Nó đã muốn đến trại Gorki đấy, bác ạ.

- Vậy ở Bôgôđukhôp người ta đã biết chuyện à?

- Chà! Ai cũng biết, làm gì mà chả biết!

- Thế thì tại sao chỉ có mình nó trốn đến đây?

- Cái đó là tùy thích mỗi người, tự nhiên thôi. Có nhiều đứa không thích kỷ luật. Người ta bảo ở bên bác nghiệt lắm: mỗi khi trả lời phải nói: "Rõ!", kèn thổi một cái đã dậy mau, chạy đi, một, hai, ba. Phải không? Rồi lao động. Ở đây cũng thế, anh em không ưa cái đó…

- Chúng nó sắp trốn, Milikhôp nói.

- Bọn Kuriajê ấy ư?

- Phải-phải… chúng nó sắp trốn, bọn Kuriajê ấy. Tứ phía. Chúng nó bảo thế này: "Các cậu chưa biết Makarenkô à? Hắn muốn có huân chương, thế mà bọn mình lại phải lao động à?". Chúng nó sắp chuồn ráo.

- Đi đâu?

- Thiếu gì chỗ! Ối cha! Đến bất cứ

trại nào chả được. Còn các cháu thì sao?

- Chúng cháu, chúng cháu là một đoàn, Zaïtsenkô nói vội một cách vui vẻ. Bốn đứa đi với nhau. Mà bác ạ, chúng cháu không ăn cắp. Chúng cháu không thích, có thế thôi! Đây này, như Tima… giá lấy cho nó, thì không bao giờ, nhưng lấy cho đoàn…

Tima ngồi trên giường bỗng đỏ ửng hai má lên một cách chân thật, trong khi nó lim dim đôi mắt bẽn lẽn nhìn tôi qua hàng mi.

- Thôi, thế chào đoàn nhé, tôi nói. Bây giờ chúng ta sẽ chung sống với nhau.

Cả bọn vừa cười vừa chào lại tôi.

Tôi tiếp tục đi. Vậy là đã được bốn đứa về phe tôi.

Nhưng ngoài ra, còn hai trăm bảy mươi sáu đứa, có lẽ hơn nữa. Zaïtsenkô nói có phần đúng: các trẻ nuôi ở đây không điểm số mà cũng chẳng thống kê. Con số đáng sợ hãi và không tính ra đó bỗng khiến tôi kinh hoảng. Sao tôi lại có thể nhẹ dạ lăn mình vào một công cuộc tai hại mọi đường như thế? Không những đem thí liều sự thành công của tôi, mà cả sự sống còn của một tập thể nữa? Chừng nào khoản "280" ấy đối với tôi chỉ là ba con số viết trên giấy, thì tôi còn nghĩ là tôi mạnh, nhưng hôm nay bọn hai trăm tám mươi ấy có mặt đây, doanh trại thảm hại của chúng bao trùm lấy năm người

nhỏ nhoi của tôi, lòng tôi bỗng se thắt và tôi thấy lạnh bắp chân; một sự bạc nhược, một mối lo âu rầm rứt tràn lấn người tôi.

Ở giữa sân, một nhóm ba người đi lại gần. Những gã mười bảy tuổi, đầu đặc biệt có cạo, và chân đi giày tốt. Gã thứ nhất mặc một chiếc áo vet-tông nâu tương đối mới, nhưng phủ ngoài một cái áo sơ-mi nhàu nát và giày bẩn vì ăn uống; gã thứ hai mặc áo bành-tô da và gã thứ ba thì sơ-mi trắng sạch sẽ. Gã mặc vét-tông thọc tay vào túi quần và vừa nghẹo đầu trên vai, vừa đi ngang qua mặt tôi mà đột ngột huýt sáo miệng một điệu hát hạ lưu "ở Ôđetxa" phô hàm răng trắng đẹp của y. Tôi để ý đôi mắt ốc nhồi

của y đục dưới hàng lông mày đỏ cạch và rậm rạp. Đi gần y, quàng vai nhau, hai gã kia hút thuốc và lưỡi chúng đưa điếu thuốc lá chuyển từ góc mép này sang góc mép kia. Một vài trẻ Kuriajê đã sán lại gần bọn chúng tôi.

Gã lông mày đỏ nháy một mắt, hỏi lớn:

- Makarenkô là đấy, có phải không?

Tôi đứng lại trước mặt y, và cố gắng hết sức không để lộ tí gì trên nét mặt, tôi trả lời:

- Phải, tên tôi đó. Còn chú, tên chú là gì?

Y lại huýt sáo, không đáp, vừa lim dim đôi mắt ngó tôi, vừa đung đưa người trên

một chân. Rồi, bỗng quay phắt lưng lại, y nhún vai và vẫn không ngừng huýt sáo, y rảo bước, vừa đi vừa móc túi quần. Mấy đứa bạn y vẫn đi theo, vẫn quàng vai nhau, và hát ông ổng như lệnh vỡ:

Son trẻ và qua khắp các đô thành,

Chạy theo vui thú của ta…

Những trẻ vây quanh chúng tôi vẫn ngó chúng tôi, và một đứa bảo nhỏ đứa đứng bên:

- Ông đốc mới…

- Cùng một giuộc… đứa kia trả lời theo giọng.

- Đồng chí đang nghĩ nên bắt đầu làm gì phải không, đồng chí Makarenkô?

Tôi quay lại: một thiếu phụ mắt đen mỉm cười với tôi: thực lạ lùng được thấy ở đây một chiếc cà-vạt đen nghiêm khắc nổi bật trên một cái áo blu trắng rất sạch.

- Tôi là Guliaêva.

Tôi biết: đó là chị hướng dẫn viên ở xưởng may và là người đảng viên duy nhất của Đảng ở Kuriajê. Chị thực ưa nhìn: người bắt đầu đẫy, những thân còn mềm mại; mái tóc xoăn, đen bóng, cũng còn thanh xuân; ở người chị toát ra một nghị lực chưa tiêu phí. Tôi vui vẻ đáp.

- Chúng ta hãy cùng bắt đầu.

- Ồ không, tôi sẽ là một người giúp việc tồi cho bác, tôi không biết gì đâu.

- Tôi sẽ bảo cho chị biết.

- Thế thì được… Tôi đến mời bác qua thăm nhóm con gái. Bác chưa đến thăm họ. Họ đợi bác… nóng lòng sốt ruột lắm đấy. Tôi cũng được hãnh diện một phần nào: họ đã chịu ảnh hưởng của tôi; lại có được ba nữ đoàn viên Thanh niên Kômxômôn nữa. Ta đi đi.

Chúng tôi đi về phía nhà chính giữa, có một tầng.

- Bác đòi thải hồi tất cả nhân viên là chí phải, Guliaêva nói. Bác hãy đuổi tuốt họ đi, từ trên xuống dưới, không nể nang ai hết… và cả tôi nữa.

- Chị thì không đâu, chúng tôi đã bàn luận ổn thỏa rồi. Chính là tôi đang cần đến sự giúp đỡ của chị.

Phòng ngủ của con gái, rất rộng rãi, có sáu mươi giường. Tôi ngạc nhiên: giường nào cũng có chăn, đã đành là cũ và tồi. Ở bên dưới có ga trải giường. Và lại cả gối nữa.

Bọn con gái đang đợi chúng tôi thực. Họ mặc áo dài nhỏ bằng vải hoa cũ vá. Cô lớn nhất mười lăm tuổi.

- Chào các em! Tôi nói.

- Đấy nhé, tôi dẫn bác Antôn Xêmiônôvich đến đấy: các em cứ muốn gặp bác mãi.

Họ chào lầm rầm rồi nhẹ nhàng đến gần, đi qua đâu sắp lại giường đó. Tôi bỗng thấy thương các em gái bé đó vô cùng và tôi rất muốn ít nhất cũng làm một

cái gì nho nhỏ cho vui lòng các em. Họ ngồi giường chung quanh chúng tôi, và e dè ngó tôi. Tôi tuyệt nhiên không hiểu tại sao tôi lại thương họ đến thế. Có lẽ vì họ xanh xao, môi nhợt nhạt, mắt nhìn thận trọng, hay có lẽ vì áo họ vá. Một ý nghĩ qua óc tôi: không thể nào để cho các em gái nhỏ mặc rẻ rách như vậy, họ sẽ đeo cái nhục ấy suốt đời.

- Các em hãy kể chuyện đời sống của các em cho tôi nghe đi, các em! Tôi hỏi.

Họ im lặng, nhìn tôi và chỉ mím môi cười. Tôi đột nhiên hiểu rõ: chỉ có môi họ biết mỉm cười và bọn thiếu nữ này không hề được biết cả đến một nụ cười sinh động thực sự là như thế nào. Tôi thong thả ngó từng bộ mặt, rồi lại nhìn

Guliaêva và hỏi:

- Chị ạ, tôi đã có kinh nghiệm, nhưng ở đây có cái gì tôi không hiểu.

- Cái gì chứ?

Bất thình lình, em gái ngồi trước mặt tôi, một em tóc rất nâu, áo dài màu hồng cũn cỡn lúc nào cũng để trơ đầu gối, nhìn tôi bằng đôi mắt đã từ lâu không biết chớp nữa, nói:

- Bác nên đến đây mau với các trại viên Gorki của bác đi, vì đời sống ở đây nguy hiểm lắm.

Bấy giờ tôi mới chợt hiểu trong chớp nhoáng: bộ mặt em gái tóc màu nâu đó, cái nhìn trân trân, miệng nói run rẩy, tất cả đều biểu lộ sự kinh hoảng, nói nôm là

cái sợ.

- Các em ấy bị khủng bố, tôi bảo Guliaêva.

- Đời sống của các em gay đấy, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, gay lắm.

Mắt Guliaêva đỏ lên và chị bỗng lánh ra phía cửa sổ.

Tôi nhất định nài:

- Các em sợ gì? Kể chuyện đi!

Trước còn rụt rè, đẩy lẫn nhau và lần lượt nói, sau cùng thành thực bộc lộ, họ tả cho tôi nghe cảnh sống của họ một cách rõ rệt tàn khốc:

Họ chỉ cảm thấy được yên ổn tương đối

trong phòng ngủ. Họ sợ ra sân, vì bọn con trai săn đuổi họ, cấu véo, nói đểu; chúng nhìn vào buồng vệ sinh và mở cửa ra. Thường họ bị đói, vì người ta không để lại gì cho họ ở phòng ăn. Bọn trai cướp món ăn của họ và đem về buồng chúng. Lệ cấm đem dĩa ăn lên buồng ngủ và nhân viên nhà bếp không cho làm thế, nhưng bọn trai không đếm xỉa gì đến nhân viên; chúng lấy cả xoong lẫn bánh, còn bọn con gái thì không làm thế được. Họ đến phòng ăn và đợi; rồi người ta bảo họ là bọn con trai cướp sạch cả rồi, không còn gì ăn nữa; một đôi khi người ta cho họ được một ít bánh. Ở lại phòng ăn thì nguy hiểm vì bọn trai đến đó đánh nhau, chúng gọi mình là con đĩ và tệ hơn

thế nữa, văng cho mình nghe đủ thức đểu cáng. Chúng còn bắt nộp cho chúng cái này cái nọ để chúng đem bán, nhưng bọn con gái không chịu. Thế là chúng xông lên buồng ngủ, vớ một cái chăn hay cái gối đem ra tỉnh bán. Bọn thiếu nữ chỉ dám giặt quần áo ban đêm, nhưng ban đêm cũng lại thành nguy hiểm: bọn trai nấp trong nhà giặt và làm những chuyện không thể nói ra được. Valia Gôrôtkôva và Mania Vatxilenkô đi giặt; họ trở về và khóc cả đêm; sáng ra họ đi ngay và không biết bỏ trốn đi đâu. Một người bạn họ lên thưa ông giám đốc, thế là hôm sau, lúc đi vệ sinh, chúng túm lấy cô này và bôi trát lên mặt cô ta… với thứ ấy… ngay tại chỗ. Mọi người nói mọi sự sẽ

thay đổi, nhưng có nhiều gã bảo rằng chẳng đi đến đâu, rằng sẽ chẳng có trò gì ráo, bởi vì bọn Gorki đông được mấy hột và thế nào chúng nó cũng sẽ tống cổ đi thôi.

Trong khi nghe chuyện, Guliaêva không rời mắt nhìn tôi. Tôi mỉm cười với chị thì ít mà với những giọt nước mắt chị rỏ nhiều hơn.

Khi họ kể xong câu chuyện thương tâm, một em gái, mà mọi người gọi tên là Xmêna, nghiêm chỉnh hỏi tôi:

- Bác bảo những chuyện như vậy có thể dung thứ được ở dưới chính thể xô-viết không?

Tôi trả lời:

- Chuyện các cháu vừa kể là một sự đồi bại lớn; cái đó không thể dung thứ được dưới chính thể xô-viết. Vài hôm nữa thôi, mọi sự ở đây sẽ thay đổi. Các cháu sẽ sung sướng; sẽ không còn làm nhục các cháu, và chúng ta sẽ vứt hết những cái áo này đi.

- Vài hôm nữa? một thiếu nữ tóc vàng nhạt, ngồi trên bậu cửa sổ, hỏi lại với một vẻ trầm ngâm.

- Nói đúng thì trong mười hôm nữa, tôi đáp.

Tôi đi thơ thẩn trong trại cho đến tối, óc rối bời những tư tưởng nặng nề hết sức.

Ở trong khoảng mảnh đất tròn này, bốn

bề tường thành khổng lồ bao bọc từ thượng cổ, chung quanh cái nhà thờ vô lý, nham nhở này, trên mỗi thước vuông đất ô trọc, những vấn đề sư phạm đã mọc lên trong một rừng cỏ lác đắc thắng. Trong cái chuồng ngựa cũ kỹ, ọp ẹp, ngập phân lên đến tận giầm nhà, ở chuồng bò, dùng làm dưỡng lão sở cho một chục cô bò già, trong khắp sân trại, giữa những lối đi đã mờ dấu vết của vườn cây quả bị phá trụi, ở cả khoảng không gian chung quanh tôi, đâu đâu cũng chồi lên những cảnh khô kiệt của nền giáo dục xã hội. Ở các phòng ngủ trại viên, và gần bên, ở các buồng nhân viên trống rỗng, trong những nơi gọi là câu lạc bộ, ở dưới bếp, ở phòng ăn, những

cành khô đó đu đưa những quả độc sần sùi, mà tôi bắt buộc phải nuốt trong những ngày sắp tới.

Nghĩ như thế, tức giận nổi lên trong lòng tôi. Tôi lại bắt đầu cảm thấy phẫn nộ như năm một nghìn chín trăm hai mươi. Sau lưng tôi bỗng hiện lên con quỷ cám dỗ của lòng căm thù buông thả. Tôi muốn liền lúc đó, ngay lập tức, luôn tức khắc, túm lấy cổ áo một kẻ nào, ấn mũi nó xuống những đống và vũng tanh tưởi kia, bắt nó phải làm những động tác tối sơ đẳng… không phải của khoa sư phạm, cũng không phải của lý thuyết giáo dục xã hội, cũng không phải nhiệm vụ cách mạng, cũng không phải của tinh thần phấn khởi cộng sản, không, không, nhưng của

lương tri tầm thường, của sự chính trực tiểu tư sản tầm thường và đáng bỉ. Tức giận đánh bạt ở trong tôi cái sợ thất bại. Những e ngại rấm rứt bị tiêu diệt không thương hại bởi lời hứa đối với bọn con gái. Mấy chục em gái nhỏ mặt tái nhợt kia, nép mình trong im lặng trong kinh hoảng, tôi đã trót liều bảo đảm cho họ một cuộc sống nhân đạo trong hạn mười ngày; trong tâm tư tôi, bỗng chốc họ đã trở thành những đại diện của chính lương tâm tôi vậy.

Bóng tối lan dần. Ở trại không có ánh sáng. Hoàng hôn buồn rầu và vội vã bò từ những tường tu viện đến nhà thờ. Trẻ vô thừa nhận lúc nhúc trong các xó, các khe, vớ lấy suất bữa ăn tối ở dọc đường

và sửa soạn chỗ ngủ. Không một tiếng cười, không một tiếng hát, không một giọng nói hân hoan. Thỉnh thoảng nghe, có tiếng càu nhàu bị nén đi, một cuộc cãi lộn tục tĩu và bạc nhược. Hai đứa say rượu vừa trèo lên thềm mất bậc của một phòng ngủ, vừa văng những câu đểu cáng bỉ ổi. Qua bóng tối bắt đầu buông rủ, Vetkôpxki và Vôlôkhôp nhìn chúng tôi với một vẻ khinh bỉ lặng lẽ.

3. THÓI TỤC KURIAJÊ

Hồi hai giờ ngày hôm sau, viên giám đốc ký một cách ngạo nghễ vào văn bản trao quyền, giải tán cả nhân viên, rồi bước lên xe thuê đi thẳng. Nhìn theo cái gáy của y đi xa dần, tôi thèm sự thành công rực rỡ của con người ấy: tự do như không khí từ nay, và chẳng có ai theo đuổi hết, dù chỉ là ném theo y một hòn đá.

Vì không có cánh như y, tôi nặng nề đi lại giữa những người trần tục Kuriajê, lòng se thắt.

Này đây là Vania Sêlaputin, hân hoan dưới ánh mặt trời tháng năm. Hắn rạng rỡ như một viên kim cương sáng chói, vì nụ cười và vì cảm động. Cùng với hắn, cái chuông đồng đóng vào tường nhà thờ cũng cố gắng ánh hào quang. Nhưng già nua và bẩn thỉu, chuông chỉ phác họa nên một nét nhăn nhợt nhạt dưới mặt trời. Nó lại còn bị rạn, khiến Vania tốn hoài công mà vẫn không tài nào làm cho nó kêu được ra hồn. Nhưng hắn vẫn cứ phải kéo chuông báo hiệu họp toàn trại.

Tinh thần trách nhiệm là một thứ tình cảm bất tiện, nặng nề, day dứt; tự bản chất nó, nó là vô lý. Cằn nhằn về mỗi cái rơm cái rác, nó cố tình mưu mô len lỏi vào từng khe kẽ nhỏ và náu mình ở đó, giận dữ, lo

lắng đến phát run lên. Trong khi Sêlaputin kéo chuông, nó lại bám nhằng vào cái chuông: chịu làm sao nổi những tiếng rè rè lộn ruột này tung lên trên trại?

Đứng bên cạnh tôi, Vichia Gorkôpxki chăm chú dò xét nét mặt tôi. Vẻ lo âu, hắn ngoảnh nhìn ra gác chuông, ra cổng tu viện, và con ngươi mắt hắn mở rộng, thốt nhiên sầm tối lại, ánh lên một vẻ láu lỉnh. Vichia vươn cổ lên cười lặng lẽ, hơi đỏ mặt và nói giọng ồm ồm:

- Hà, phải đi chỉnh đốn cái này ngay lập tức, chứ không phải chuyện chơi.

Hắn chạy ra gác chuông, vừa đi vừa hội ý với Vôlôkhôp. Nhưng Vania đang cố làm cho cái chuông ho lên một chập

thứ hai nữa. Hắn cười:

- Chúng nó không hiểu à? Mình kéo chuông, kéo chuông hoài, mà cứ như là mình hát vậy thôi!

Câu lạc bộ đặt trong nhà thờ cũ mùa đông. Cửa sổ cao căng lưới sắt, bụi bặm, với hai cái lò sưởi lớn. Trong khoảng bán nguyệt hát kinh, đặt một cái bàn ốm trên một bục gỗ mặt rỗ hoa. Câu châm ngôn Trung quốc "ngồi còn hơn đứng" không được chấp nhận ở Kuriajê: không có gì để ngồi trong câu lạc bộ này cả. Vả chăng, dân ở trại Kuriajê không hề nghĩ đến điều đó. Thỉnh thoảng có kẻ thò vào cửa một cái đầu bù xù, rồi lại rụt ra ngay. Họ đi lang thang trong sân, từng

tốp ba bốn người, co ro, đợi bữa ăn. Vì những rối loạn nội bộ hồi này, nên bữa ăn hôm nay dọn muộn. Song đấy chỉ là đám quần chúng bình dân: những động lực chính của nền văn minh Kuriajê đều ẩn mặt.

Không có giáo viên. Bây giờ tôi hiểu thế nào rồi. Đêm đó, nằm trên mặt bàn cứng của câu lạc bộ Thiếu niên, chúng tôi không được hưởng tí nào những êm đềm của giấc ngủ, và bọn trai kể cho tôi nghe nhiều chuyện kỳ thú về thói tục tập quán ở Kuriajê.

Ở trại bốn mươi giáo viên chiếm bốn mươi buồng. Một năm rưỡi trước đây họ phớn phở trang trí các buồng đó bằng

những vật cụ thể biểu hiện văn hóa, thảm dệt, trường kỷ kiểu tỉnh nhỏ. Họ còn có những tài sản dễ mang xách và dễ chuyển hơn từ chủ này qua chủ khác. Chính những tài sản đó bắt đầu sang tay các trẻ nuôi Kuriajê bằng cái lối giản dị nhất, mà thành La-mã cũ cũng đã biết và gọi là ăn trộm có đào ngạch bẻ khóa. Hình thức chiếm hữu cổ điển ấy lan tràn mạnh đến nỗi các giáo viên vội vã theo nhau dọn hết về tỉnh những đồ dùng văn minh, khiến buồn họ chỉ còn trơ một ít đồ đạc tối sơ sài, nếu có thể gọi là đồ đạc một số báo *Tin tức* trải lên sàn làm giường cho các giáo viên trực nhật.

Nhưng các giáo viên Kuriajê không những quen run sợ lo cho tài sản, mà còn

lo cho tính mệnh, và nói chung cho sự toàn vẹn của thân hình họ, nên không bao lâu bốn mươi buồng của họ đã biến thành những pháo đài, mà ở trong phạm vi các tường bao bọc đó họ thực thà để cho qua hết những giờ làm phận sự. Trong đời tôi từ trước đến giờ và cả về sau này nữa, tôi chưa từng thấy những sự bố trí phòng thủ nào ghê gớm bằng những thứ đóng ở cửa sổ, cửa ra vào và các lỗ hở khác trong các buồng giáo viên Kuriajê; móc sắt khổng lồ, gióng sắt hạng đại, chốt Ukren cài then, khóa Nga nặng gần mười cân, treo từng chùm vào các khuôn và bậu cửa.

Từ lúc đội đặc biệt tiền phong đến đây, tôi chưa trông thấy một giáo viên nào. Vì

thế việc giải tán họ chỉ có tính cách tượng trưng thuần túy. Hơn nữa, qua thăm các buồng của họ, tôi có ý nghĩ như họ là những khái niệm trừu tượng, vì chỉ có những chai vôtka và bọ rệp còn lại là những vật độc nhất nhắc nhở tới cuộc sống của con người trong đó.

Có một gã tên là Lôikin bề ngoài và tuổi tác rất khó phân định, đi vút qua trước mặt tôi. Y cố chứng tỏ cho tôi thấy tài sư phạm của y để được ở lại trại Gorki mà "tiếp tục, dưới sự lãnh đạo của ông, dìu dắt bọn thanh niên trên con đường tiến bộ". Y xoay quanh tôi suốt nửa tiếng đồng hồ, thao thao bất tuyệt giở hàng tràng lý sự vụn về khoa sư phạm.

- Ở đây thật hỗn độn, hỗn độn hoàn toàn! Ông xem đấy, ông kéo chuông mà chúng nó không đến. Tại sao thế? Tôi xin thưa ông rõ: đường lối sư phạm phải khéo léo mới được. Người ta bảo phải liệu chiều che gió là rất đúng. Nhưng làm thế nào mà liệu được, xin lỗi ông, nếu đứa trẻ cứ ăn cắp mà không ai ngăn cản nó. Tôi, tôi biết đối xử với chúng; có việc gì chúng cũng tìm đến tôi và chúng kính trọng tôi, nhưng... dạo nọ tôi có việc về thăm bà mẹ vợ hai ngày, bà ấy ốm, chúng nó đã lấy kính cửa và vơ sạch các thứ ở buồng tôi, khiến tôi nhẵn nhụi y như khi chui ở bụng mẹ ra, chỉ trừ có cái áo blu thôi. Người ta phải hỏi tại sao lại như thế được. Ăn cắp của người xấu với

mình thì đã đành, nhưng tại sao lại lấy cắp của người tốt với mình? Xin thưa: đường lối sư phạm phải khéo léo mới được. Tôi họp các trẻ lại, tôi nói chuyện với chúng một lần, hai lần, ba lần, ông ạ. Tôi làm cho chúng thích nghe, thế là được rồi. Tôi ra cho chúng một bài toán nhỏ. Tôi có trong túi này bảy kôpéc, hơn túi kia và tất cả có là hai mươi hai kôpéc, hỏi mỗi túi có bao nhiêu? Ông thấy có tài tình không chứ?

Và Lôikin hiếng mắt nhìn với một vẻ tinh ranh. Tôi hỏi cho lịch sự:

- Thế thì sao?

- Không, chính ông hẵng trả lời đi, bao nhiêu?

- Bao nhiêu cái gì?

- Bao nhiêu kôpéc trong mỗi túi, ông nói đi, Lôikin nài.

- Đó là điều… mà ông muốn tôi nói à?

- Vâng, ông cho biết có bao nhiêu kôpéc trong mỗi túi.

- Đồng chí Lôikin này, tôi tức giận bảo y, đồng chí có học hành ở đâu không đấy?

- Sao lại không. Nhưng tôi phần nhiều tự học. Cả đời tôi, tôi tự đào tạo lấy, và tất nhiên tôi không qua các trường sư phạm và học viện giáo dục. Và xin thưa ông rõ: ở đây chúng tôi có người ở đại học xuất thân, lại có người có bằng tốc ký, lại một luật gia nữa, nhưng ông cứ thử truy họ một tí chơi như thế xem…

hay thế này cũng được: hai anh em hưởng gia tài…

- Vậy ra chính hắn… cái anh chàng tốc ký đó, đã viết cái này lên tường à?

- Phải, hắn đấy, … Anh ta vẫn muốn lập nhóm tốc ký, nhưng sau khi bị chúng đánh cắp, anh ta bảo tôi: tôi không muốn làm giữa bọn mọi rợ này nữa, rồi anh ta bỏ chuyện lập nhóm mà chỉ giữ phận sự giáo viên thôi.

Trong câu lạc bộ, một mảnh bia treo gần lò sưởi mang khẩu hiệu này:

TỐC KÝ LÀ ĐƯỜNG TIẾN LÊN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Lôikin còn nói lâu nữa, rồi tan biến đi đâu mất lúc nào không biết. Tôi chỉ còn nhớ Vôlôkhôp lẩm bẩm tiễn theo chân y bằng câu vĩnh biệt này:

- Chán mớ đời!

Ở câu lạc bộ có những việc khó chịu và bực mình đang chờ đợi chúng tôi: trẻ nuôi ở Kuriajê không đến họp toàn trại. Mắt Vôlôkhôp buồn rầu nhìn đăm đăm các tường cao trống trải; Kutlaty cáu sườn đến tái người, hàm răng nghiến lại, lầm bầm không biết nói gì. Michia mỉm cười nửa ngượng nửa khinh; chỉ có Misa Ôptsarenkô giữ nguyên vẻ hiền lành bình tĩnh, nói tiếp một câu chuyện bắt đầu từ

lâu rồi:

- Cốt yếu là cày… rồi gieo giống. Thử coi có đời thuở nào: tháng năm ngựa treo giò, mọi việc chững cả lại!...

- Ở các buồng ngủ cũng chẳng có đứa nào nốt, chúng nó ra tỉnh tuốt, Vôlôkhôp nói, rồi dùng một danh từ hết sức rõ ràng, hắn khạc ra một câu chửi, bất chấp sự có mặt tôi.

- Không cho ăn, trước khi chúng chịu đến họp, Kutlaty đề nghị.

- Không, tôi nói.

- Sao lại "không"! Kutlaty kêu lên, nói cho đúng; chúng ta ngồi đây làm cái gì? Ở ngoài đồng phải biết là lắm cỏ, mà cũng chưa ai buồn cày, thế là thế nào? Vậy mà chúng ăn tiệc ở ngoài ấy à?

Những quân ăn không ngồi rồi được tự do à? Hay là sao đây?

Vôlôkhôp đưa lưỡi liếm đôi môi đã se lại vì tức giận và nói:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, chúng ta hãy đi về phòng nói chuyện.

- Còn bữa ăn thì sao?

- Chúng hãy đợi đấy, ma quỷ chẳng bắt chúng đi mất đâu mà sợ. Mà đằng nào chúng cũng còn ở ngoài tỉnh kia mà.

Ở câu lạc bộ Thiếu niên, sau khi mọi người đã ngồi yên trên các ghế dài, Vôlôkhôp nói lời hiệu triệu như sau:

- Bây giờ bàn chuyện cày à? Gieo giống à? Nhưng chúng nó chẳng có gì hết thì gieo cái cóc khô gì, đến khoai cũng

không có. Chúng nó, thì cũng đếch cần, tụi mình gieo lấy một mình được, nhưng nào có cái gì chứ! Lại còn… bao nhiêu cái bẩn thỉu, khắm khú. Khi bọn trai nhà mình đến nơi, thì thực xấu hổ, người ở sạch không biết đặt chân vào đâu. Lại còn các buồng ngủ, giường, đệm với gối? Lại quần áo? Chúng đi chân đất cả, mà quần áo ở đâu? Rồi bát đĩa, này, lại thìa nữa, chẳng có gì ráo? Bắt đầu làm cái gì? Phải bắt đầu làm cái gì đi chứ!

Bọn trai nhìn tôi, nóng lòng chờ đợi,
tuồng như tôi biết nên bắt đầu làm cái gì.

Tôi không lo ngại về những trẻ ở Kuriajê
bằng những công việc cụ thể, lặt vặt,
nhiều vô kể, họp thành một mớ bòng

bong phức tạp đến nỗi ba trăm đứa trẻ ở nhà này cho chui vào đấy cũng đến hết đường ra.

Theo hợp đồng với Ban Bảo vệ nhi đồng, tôi được lĩnh hai vạn rúp để tu sửa Kuriajê, nhưng người ta đã thấy số tiền đó chỉ là một giọt nước trong biển nhu cầu cấp bách. Bọn trai đã nhận định đúng, khi lập danh sách những đồ vật thiếu. Sự nghèo nàn cùng cực của Kuriajê ra tất cả khi Kutlaty tiếp nhận vật liệu. Viên giám đốc đã lầm lo rằng biên bản phải mang những chữ ký không xứng đáng. Viên giám đốc thực là vô sỉ: tờ biên bản chẳng hóa ra rất ngắn. Các xưởng có vài cái máy tiện, chuồng ngựa vài con ngựa xấu, ngoài ra không có gì

hết: không có dụng cụ, không có nguyên liệu, không có nông cụ. Chuồng lợn cũ nát và ngập ngụa đầy phân, có nửa tá lợn kêu eng éc. Bọn trai không thể nhịn cười nhìn những con vật lanh lẹn và tinh quái ấy, đầu to tướng cắm trên những chân mảnh khảnh, thực khác xa những con lợn Anh của chúng tôi. Bới được một cái cày ở một góc sân, Kutlaty mừng như được gặp lại một người thân thích. Mọi người vừa khám phá ra một cái bừa dưới một đống gạch. Nhà trường chỉ giao cho có vài cái chân bàn, chân ghế, cùng với những mảnh vụn bảng lớp học; hiện tượng đó cũng rất tự nhiên thôi, vì mùa đông nào chẳng có lúc chấm dứt và khi sang xuân người chủ nhà nào chẳng còn

lại một chút ít củi để dành.

Phải mua, phải làm, phải xây tất cả mọi thứ. Trước hết, phải dựng những nhà xí. Phương pháp sư phạm không nói gì đến các nhà xí, và có lẽ vì thế nên ở Kuriajê người ta đã phớt nhẹ, không cần đến cái tổ chức ích lợi và cần yếu ấy.

Tu viện Kuriajê xây trên một ngọn đồi cao bốn bề dốc đứng. Riêng dốc phía nam là không có tường thành. Đứng ở đấy nhìn qua ao của nhà tu, biến thành đầm lầy, thấy những mái tranh xóm Pôtvorki. Cảnh tạm ưa nhìn về mọi mặt; một bức tranh Ukren xinh xắn, có thể mơn trớn lòng bất cứ một thi sĩ trữ tình nào từ thơ ấu đã quen với những vần

[18]

ngày xanh, lều tranh, anh em cộng

[19]

thêm một ít rừng thưa với vườn xưa .
Được hưởng một cảnh đẹp như thế, dân Kuriajê đen bạc chỉ trả ơn dân Pôtvorki bằng cách biến cho mắt họ cái cảnh tượng này: hàng dãy con người thiên nhiên ngồi xổm trên bờ khe, làm cái việc cuối cùng biến hóa hàng triệu đồng ngân sách giáo dục xã hội thành một sản phẩm từ nay không dùng làm gì được nữa.

Vấn đề ấy khiến bọn trai của tôi rất thắc mắc, và Masi Ôptsarenkô hết sức nghiêm nghị, hùng hồn phát biểu ý kiến than phiền:

- Vậy còn ra cái thể thống gì? Làm thế nào bây giờ? Việc ấy mà cũng phải đi Khackôp à? Mà đi bằng gì đây?

Từ lúc bắt đầu cuộc họp có hai người thợ mộc ở Pôtvorki đứng sẵn ở cửa câu lạc bộ Thiếu niên. Người nhiều tuổi, dáng bộ quân nhân, mũ cát-két kaki, nhiệt liệt ủng hộ đề án của tôi:

- Tất nhiên không thể thế được. Đã có ăn thì không thể cứ trơ ra như gỗ. Còn nói đến ván, thì ở Ryjôp có một xưởng đấy. Các anh đừng ngại, ngoài ấy ai cũng biết tôi. Các anh cứ giao cho tôi đủ số tiền cần, rồi chúng tôi dựng cho các anh một lớp nhà xí đẹp hơn cả nhà xí của các thày tu từ trước đến giờ. Nếu các anh muốn rẻ thì đóng gỗ ghép hay làm gỗ

mỏng cũng tạm được, như thế thì nhẹ đấy; nhưng nếu các anh đồng ý thì tôi khuyên các anh nên dùng ván bốn phân, hay năm phân, như thế có điều là tốt hơn, vệ sinh hơn: không có gió lùa, mùa rét thì lặng gió, mùa nóng gỗ không bị nứt.

Có lẽ là lần thứ nhất trong đời tôi, tôi thực tình cảm động nhìn con người rất tốt đó, có tài xây dựng và tổ chức cho cả mùa đông lẫn mùa hè, cả gió máy lẫn "lặng gió". Tên họ anh ta cũng dễ nghe: Bôrôvôi (Miễu). Tôi trao cho anh một tập giấy bạc và còn thú vị được nghe anh góp ý cứ ngon ơ với người giúp việc, một gã hồng hào tươi tỉnh:

- Vania ạ, thế tao đi lấy gỗ nhé, còn mày, mày cứ bắt đầu đi. Chạy đi lấy

xẻng, đem cả xẻng của tao lại nữa. Trong khi đợi, cứ dựng lán cho các anh ấy. Nhưng đề nghị một anh nào chỉ chỗ với cách làm…

Kirghizôp và Kutlaty tươi tỉnh đi chỉ dẫn, còn Bôrôvôi bọc tiền vào một mảnh rẻ và ủng hộ tinh thần tôi một lần nữa:

- Đồng chí giám đốc ạ, chúng tôi sẽ làm cho đồng chí, đồng chí cứ yên tâm.

Tôi thấy yên tâm. Óc thấy thư thái hơn; chúng tôi đã giũ cái vẻ vụng về ngượng ngập và cái đình trệ của giai đoạn sửa soạn, để mở đầu công tác sư phạm ở Kuriajê.

Vấn đề thứ hai mà chúng tôi giải quyết

ổn thỏa chiều hôm ấy cũng liên quan đến đời sống hàng ngày: vấn đề đĩa và thìa. Phòng ăn trần cuốn tò vò, tường trát vữa, treo hình những bộ mặt u buồn nghiêm trọng của các giáo trưởng và đức mẹ dõi nhìn chúng tôi, ngón tay có khi trỏ ra ban phép; trong phòng có những bàn với ghế dài, nhưng ở Kuriajê tuyệt nhiên không có một thứ đĩa bát gì hết. Sau một nửa giờ ngoại giáo khéo léo ở chuồng ngựa, Vôlôkhôp đặt Epgêniep lên được một cái xe tàng hai chỗ ngồi và tống hắn ra tỉnh với nhiệm vụ mua bốn trăm đôi đĩa và cũng bằng ấy thìa gỗ.

Khi vượt qua cổng, xe được chào bằng những tiếng reo vui, sau đó là cảnh ôm hôn và bắt tay nhau tíu tít giữa một đám

đông. Một làn gió thân mật, mừng rỡ, bay đến với cả bọn trai, họ kéo ùa ra cổng. Tôi cũng đi theo họ và rơi ngay vào tay Karabanôp, hắn ít lâu nay quen lối biểu dương sức lực của hắn trên lồng ngực tôi.

Đội đặc biệt bảy có mặt đầy đủ dưới sự chỉ huy của Zađôrôp. Trong thâm tâm tôi, cả cái bầy dân bản xứ Kuriajê bí mật và ghê gớm bỗng hóa thành một vấn đề nhỏ chẳng có nghĩa lý gì, mà ngay đến chính Lôikin có lẽ cũng chẳng chịu coi là chuyện đáng quan tâm.

Thật là một sự vui mừng lớn được thấy lại trong giây phút khó khăn này tất cả học viên trung học công nông của chúng

tôi. Burun vạm vỡ chắc nịch; Karabanôp, mà tôi rất mừng nhận thấy sự mài giũa của học vấn trên cái căn bản nhiệt thành hăm hở; Antôn Bratsenkô mà tâm hồn rộng lớn còn phải bó trong khuôn khổ chật hẹp của nghề thú ý; Matvây Biêlukhin vui vẻ và hào hiệp; Ôtxatsi nghiêm chỉnh, cứng rắn như thép hợp kim; Vecsơnep, nhà trí thức đi tìm chân lý; Marutxia Leptsenkô tế nhị, mắt đen; Naxchia Nôtsêvnaia; Gêorghiepxki, "con trai thống đốc Irkutxk", và Snaiđe và Krainik và Gôlôt, và sau hết người trò yêu, người con đỡ đầu của tôi, Alecxanđrơ Zađôrôp, đội trưởng đội đặc biệt bảy. Bọn kỳ cựu trong đội sắp rời trường trung học, và chúng tôi cũng tin

chắc rằng họ sẽ thi lên trường cao đẳng có kết quả. Dù sao thì đối với chúng tôi, họ vẫn là trại viên nhiều hơn là học sinh trung học, và lúc đó chúng tôi không có thì giờ kiểm điểm những thành tích học hành của họ. Sau những lời chào đón lúc đầu, chúng tôi lại họp ở câu lạc bộ Thiếu niên. Karabanôp len vào sau bàn, ngồi chễm chệ trên ghế và nói:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, chúng cháu biết, sự tình đã rõ: một là thắng hai là chết! Cho nên chúng cháu về đây!

Chúng tôi kể lại công việc ngày đầu tiên của chúng tôi. Trán họ tối sầm lại, họ lo ngại nhìn nhau, trong khi các ghế ngồi kêu lắc rắc dưới người họ. Zađôrôp

trầm ngâm nhìn cửa sổ và lim dim một bên mắt:

- Không… dùng sức lực bây giờ chưa được, chúng nó đông quá thật!

Burun lắc hai cánh vai nặng nề của hắn, mỉm cười:

- Không ngại, Xasa ạ, cậu biết không! Chúng nó đông, thì cần đếch gì! Không sợ số nhiều, nhưng mẹ kiếp, vấn đề là không nắm được chúng. Cậu bảo chúng nó đông, nhưng chúng nó đâu? Đâu chứ? Cậu sẽ túm được đứa nào? Phải làm thế nào, cách này hay cách khác… đúng thế… phải tập hợp chúng lại. Cậu làm thế nào mà tập hợp chúng?

Guliaêva bước vào, nghe chúng tôi

thảo luận, mỉm cười đáp lại cái nhìn nghi kỵ của Karabanôp và nói:

- Tập hợp tất cả chúng nó thì không bao giờ các anh làm được đâu, vô ích thôi…

- Để rồi xem! Xêmiôn cáu trả lời. Sao lại "vô ích"? Chúng ta làm được! Hai trăm tám mươi đứa thì có lẽ không, nhưng một trăm tám mươi đứa đến thì chắc được lắm. Rồi sẽ liệu sau. Chú cứ ngồi phỗng ở đây làm cái thá gì chứ?

Kế hoạch đặt như sau. Dọn ăn ngay lập tức. Dân Kuriajê đang kiến bò bụng dữ, và tất cả đang chờ bữa ăn ở các buồng ngủ. Thì cho những của nợ ấy ăn! Nhưng, trong bữa ăn tất cả mọi người phải lên

các buồng ngủ để khuấy động. Bảo bọn bã rả ấy rằng: chúng mày phải đi họp, chúng mày là người hay là cái giống gì? Đi họp! Đó là lợi ích của chúng mày, đồ sâu bọ; họp sẽ có chuyện hay: một cuộc đời mới nở ra cho chúng mày, trong khi chúng mày, đứa nào đứa nấy, chỉ biết bò trong hang lỗ, như con bọ đất. Nếu có đứa nào muốn làm mặt anh chị, thì cứ bỏ rơi. Chỉ bảo nó: mày giở cựa ra đây, bên cạnh xoong xúp của mày, thì chi bằng đi họp mà nói lên mày muốn cái gì. Thế thôi. Rồi sau bữa ăn thì kéo chuông họp.

Ở cửa nhà bếp, có vài chục trẻ nuôi ngồi đợi phát suất ăn. Đứng chắn ngang cửa, Misa Ôptsarenkô đang giảng bài cho cái gã lông đỏ hôm qua đã hỏi tên tôi:

- Kẻ nào không làm việc thì không có ăn, thế mà mày, mày lại đến bảo tao rằng cứ có đi! Chả có gì cho mày hết. Có hiểu không, chú em? Nếu mày biết nghĩ một chút thì mày phải hiểu chứ. Thỉnh thoảng, nếu tao có dọn bữa ăn cho cả cái thứ mày, thì đó chỉ là thiện ý của tao thôi. Bởi vì mày đã không kiếm ra ăn, mày có hiểu không, em bé? Ai thì cũng có làm mới có ăn, còn mày, vì mày chỉ là một đứa ăn không, thì chả có gì cho mày sất, em ạ. Tao có thể bố thí mà cho mày ăn, thế thôi.

Gã lông đỏ nhìn Misa bằng một con mắt thú dữ tức giận. Mắt kia thì không nhìn và bộ mặt hắn nói chung từ tối hôm qua đến giờ có nhiều sự thay đổi lớn: vài

chỗ trên mặt đã phồng to lên rất nhiều và đổi thành màu xanh. Môi trên và má bên phải lem nhem vết máu. Nhận thấy thế, tôi bắt buộc phải hỏi Misa cẩn thận:

- Thế là thế nào? Ai làm cho mặt mũi nó ra như thế?

Nhưng Misa mỉm cười đường hoàng và cho là tôi đã đặt câu hỏi không đúng:

- Bác mà hỏi lại cháu câu ấy à, bác Antôn Xêmiônôvich? Có phải mặt cháu đâu, mà là mặt mo của nó chứ, cái thằng Khôvrak ấy. Cháu thì việc cháu cháu làm, và cháu có thể báo cáo tường tận với bác, là giám đốc của cháu. Vôlôkhôp bảo cháu: mày đứng gác ở cửa không cho ai vào bếp cả! Thế thì cháu cứ gác chứ!

Cháu có chạy theo nó không, hay là cháu lên phòng ngủ tìm nó, hay là cháu gây chuyện với nó? Thằng Khôvrak thử tự nói ra xem nào: chúng nó dẫn xác đến đây là chỗ chúng chẳng có việc gì mà đến cả, và có thể là nó ngu dại húc đầu vào cái gì đó chăng.

Khôvrak bỗng khóc thút thít nghếch đầu về phía Misa, tỏ ý kiến:

- Phải, tụi mày muốn lấy chuyện ăn bắt bí chúng tao, cũng được, nhưng mày có quyền gì mà đánh tao? Mày không biết tao à? Được, rồi mày sẽ biết tay tao!...

Hồi ấy chưa có sự định nghĩa thế nào là người đánh trước, nên tôi bắt buộc phải suy nghĩ. Trong lịch sử cũng có những

trường hợp mờ ám như vậy, và cách giải quyết thường rất khó khăn.

Tôi cẩn thận giữ mực trung dung:

- Chú có quyền gì mà đánh nó?

Misa vẫn mỉm cười, giơ cho tôi xem một con dao Phần Lan:

- Bác xem lưỡi dao đây. Cháu lấy ở đâu ra? Có lẽ cháu ăn cắp của thằng Khôvrak chắc? Ở đây người ta đã diễn thuyết nhiều quá. Vôlôkhôp bảo: không cho ai vào bếp cả. Cháu đứng nguyên đây, thế mà nó tự dẫn đến với con dao nối vào người nó cho thêm dài và bảo cháu: giãn ra! Cháu, tất nhiên là cháu không cho nó vào, bác Antôn

Xêmiônôvich ạ, nhưng mà nó lại tấn công: giãn ra, thế là nó xông luôn. Thế thì cháu phải đẩy nó chứ. Ồ, mà cháu đẩy nó nhè nhẹ và lịch sự thôi, nhưng cái thằng xuẩn ấy, nó lại vung tay khua lưỡi dao cạo của nó lên. Nó không thể hiểu thế nào là trật tự. Thật đồ ngu!

- Nhưng chú cũng đã đánh nó, chú trông… đánh đến đổ máu… Chú tống nó bằng nắm tay phải không?

Misa chưng hửng, nhìn nắm tay:

- Nắm tay thì là của cháu, tất nhiên, bác bảo cháu cất nó đi đâu được? Chỉ có điều rằng cháu không rời khỏi chỗ. Vôlôkhôp bảo cháu: đứng ở đây, thì cháu ở đây. Nhưng mà cái thằng kia nó lại đến làm cái trò chong chóng như cái thằng

xuẩn.

- Nhưng chú, chú không làm cái trò chong chóng à?

- Thế thì ai cấm được cháu? Cháu làm việc phận sự, thì cháu cũng có quyền xê cái chân, hay chẳng hạn cháu không cần để cánh tay phía này, cháu có thể để cho nó sang phía kia, là thường chứ. Tự nhiên nó đến dính vào đấy, thì lỗi tại ai? Mày đi đâu, thì mày phải biết chứ, hử thằng Khôvrak! Một đoàn xe lửa đang chạy, chẳng hạn… Mày trông thấy nó đến, thì mày phải dẹp vào và mở mắt ra chứ. Còn nếu mày nằm ngang trên đường, với con dao của mày, thì tất nhiên đoàn xe lửa không có thì giờ quay lại, người ta chỉ có việc xúc mày đi bằng thìa thôi, hạ

màn. Hay là khi mày đến gần một cái máy đang chạy, thì phải để ý chứ, mày có phải là đứa còn ấp vú mẹ đâu!

Misa giải thích tất cả những điều đó cho Khôvrak nghe bằng một giọng ôn tồn, có điểm một chút ái ngại nữa, vừa nói vừa làm cử chỉ thuyết phục với cánh tay phải, để chứng minh đoàn xe đang đi và Khôvrak nên lánh dẹp vào đâu. Gã này lặng yên nghe hắn. Ánh nắng mặt trời tháng năm bắt đầu làm khô máu đọng trên má nó. Nhóm học viên trung học của chúng tôi chăm chú nghe Misa Ôptsarenkô diễn thuyết, họ nhận thấy cương vị khó khăn của hắn, và cho những lời lẽ khôn ngoan nhũn nhặn của hắn là phải.

Trẻ Kuriajê đã xúm đông lại trong khi chúng tôi nói chuyện. Tôi nhận thấy trên mặt chúng vẻ khoái trá được nghe những lý luận đanh thép của Misa, những lý luận càng thêm đích đáng đối với chúng khi được nói lên ở miệng kẻ thắng. Tôi vui vẻ thấy rằng tôi đã đọc được một cái gì trên gương mặt các trẻ nuôi mới của tôi. Tôi đặc biệt chú ý những dấu hiệu hầu như phảng phất của cái vui láu lỉnh bắt đầu trổ ra ngoài những tầng ghét và vết xúp bẩn nguếch ngoác, khác nào những chữ xóa mờ trên một bức điện báo. Chỉ có trên nét mặt Vania Zaïtsenkô đứng trước cái đoàn nhỏ của nó, là cái vui ấy biểu lộ rõ rệt nhất, như in thành chữ chói lọi trên một băng vải căng khẩu

hiệu ngày hội. Tay chống nẹ trên thắt lưng quần nhỏ, chân đi đất giạng ra, Vania nhìn mặt Khôvrak một cách hết sức chăm chú và giễu cợt. Nó bỗng giậm chân tại chỗ và hát lên hơn là nói, ngả ra đằng sau cái mình thon thon của nó:

- Khôvrak này, cậu không thích xơi quả đấm vào mõm, có phải không? Cậu không thích, có phải không?

- Câm họng, ranh con, thằng kia nạt nộ bằng một giọng cáu kỉnh và đã khan cả tiếng.

- Ha!... nó không thích! Và Vania trỏ ngón tay vào Khôvrak. Nó được sát thuốc lào một trận, chỉ có thế thôi!

Khôvrak xông vào Zaïtsenkô, nhưng

Karabanôp kịp thời đặt tay lên vai nó, ấn nó dụi hẳn xuống, làm vẹo cả mình nó trong cái áo vét-tông diện mốt. Nhưng Vania không hoảng. Nó chỉ đứng sát lại gần Misa Ôptsarenkô. Khôvrak vùng lại phía Xêmiôn, mồm méo xệch đi, gỡ bật được mình ra. Xêmiôn mỉm cười kẻ cả. Khôvrak đưa mắt long lanh những ánh lửa căm hờn nhìn khắp vòng cử tọa và lại bắt gặp đôi mắt chăm chú và thích chí của Vania. Khôvrak bối rối ra mặt: sự thất bại và sự cô độc của nó, vếch máu vừa mới khô trên má nó, những câu châm ngôn trịnh trọng của Misa và nụ cười của Karabanôp, tất cả những cái đó phải có thì giờ mới phân tích được, cho nên nó càng khó bỏ qua sự khinh miệt của Vania

và khó rứt bỏ được cái thái độ khiêu khích cố hữu, bỉ ổi của nó, xưa nay vốn không sao kìm hãm nổi. Nhưng Vania đáp lại sự khiêu khích đó bằng nét mặt châm chọc cay chua ghê gớm:

- Trông mày mới đáng sợ và ghớm ghiếc làm sao chứ… Tối nay chắc là tao không ngủ được đâu… Tao sợ chết khiếp đi, chỉ có thế thôi! Chỉ có thế thôi!

Bọn trai Gorki và Kuriajê cùng phá lên cười. Khôvrak rít lên:

- Đồ chó! Và lại muốn xông lên, theo một kiểu tấn công du côn của nó.

Tôi nói:

- Khôvrak!

- Cái gì cơ? Nó hỏi lại qua vai nó.

- Lại đây!

Không vội vâng lời, nó ngó giày tôi, tay vẫn lùa vào túi quần như thường lệ. [20]

Tôi lấy giọng đanh thép ra lệnh :

- Lại gần đây, bảo!

Mọi người im lặng chung quanh chúng tôi, trừ có Pêchia Malikôp thầm thì kinh hoảng:

- Ồ, ồ!

Khôvrak tiến lại phía tôi, nheo mặt và nhìn tôi chằm chằm, cố làm tôi bối rối. Nó đứng lại cách hai bước, và lại đung đưa một bên chân như hôm qua.

- Đứng nghiêm!

- Đứng nghiêm, lại còn thêm trò ấy nữa à?

Khôvrak cằn nhằn, song nó cũng sửa lại tư thế, rút tay ra khỏi túi quần, nhưng để bàn tay phải chảnh hoảnh chống háng, ngón xòe ra đằng trước.

Karabanôp hạ cái bàn tay ấy của nó xuống:

- Chú em ơi, người ta bảo chú "đứng nghiêm". Thì không phải là bảo chú múa xòe. Ngẩng đầu lên!

Khôvrak cau lông mày, nhưng tôi trông thấy nó đã chỉnh. Tôi nói:

- Bây giờ chú là một trại viên Gorki. Chú phải tôn trọng các bạn chú. Chú

không được đánh đập các em nhỏ, nhớ chưa?

Mi mắt nó chớp chớp và một nụ cười thoáng qua viền nhẹ đầu môi dưới thanh thanh của nó. Trong câu nói của tôi có nhiều đoạn dọa nạt hơn là ôn hòa và tôi thấy nó đã chú ý điều đó. Nó trả lời gọn lỏn:

- Cũng có thể.

- Không được nói "cũng có thể", phải nói "rõ", đồ súc vật! Biêlukhin quát oai hùng, như tiếng lệnh.

Matvây nắm vai Khôvrak quay tròn người nó, không kiểu cách, rồi phát vào bàn tay buông xuôi mỗi bên của nó, hắn đưa nhanh cánh tay nó lên chỉnh chện

theo kiểu chào và nói dằn từng tiếng:

- Không được đánh đập các em nhỏ! Nhắc lại đi!

Khôvrak há mồm như cá chép:

- Nhưng tại sao các anh lại hành hạ tôi thế? Tôi làm gì? Tôi có làm gì xấu? Chính hắn giã tôi, ai cũng thấy! Tôi, tôi có làm gì hắn...

Công chúng Kuriajê xúm lại gần nữa, chăm chú hết sức vì những sự việc đó. Karabanôp quàng lấy vai Khôvrak, đầm ấm bảo nó:

- Bạn ơi! Chú nó ơi! Dù sao chú cũng là người thông minh chứ! Misa làm việc phận sự, có phải để bảo vệ quyền lợi của hắn đâu, mà là quyền lợi của cả

mọi người. Thôi, đi ra chơi gốc sồi, tôi nói cho chú nghe.

Họ đi về phía miễu, chung quanh xúm xít cả một bầy những chú thích thú các vấn đề đạo đức.

Vôlôkhôp cho lệnh dọn bữa ăn. Đã từ lâu, tên đầu sỏ có ria mép và đội một cái mũ vải trắng, đã gập đầu ra hiệu thân thiện với Vôlôkhôp, trước khi lẩn mặt. Vania Zaïtsenkô kéo mạnh tay áo cả đoàn của nó và dằn giọng nói nhỏ:

- Các cậu thấy không, nó đội một cái mũ chụp trắng. Như vậy nghĩa là thế nào? Tima, mày thử nghĩ xem!

Tima đỏ mặt, nhìn xuống và nói:

- Đấy là mũ của nó, tớ biết.

Cuộc họp toàn trại bắt đầu vào năm giờ. Hoặc vì bọn học viên của chúng tôi đã tuyên truyền có kết quả, hoặc vì một lý do nào khác, dân Kuriajê đến họp khá đông. Và khi Vôlôkhôp đặt Misa Ôptsarenkô ở cửa ra vào, khi Ôtxatsi và Sêlaputin ghi tên những người có mặt, bắt đầu cuộc kiểm điểm cần thiết cho công cuộc sư phạm, xem có bao nhiêu người khả dĩ giáo dục được, thì những kẻ đến chậm chen nhau ở ngoài cửa, lo sợ hỏi:

- Thế những người không ghi tên có được phát xúp không?

Lòng ngôi nhà thờ cũ không đủ sức chứa

cả cái đống quặng mỏ người ấy. Đứng trên đàn lễ cao nhìn xuống bầy trẻ vô thừa nhận, tôi kinh ngạc nhận thấy số đông và sự thiếu tính cách của chúng. Chỉ ở vài chỗ, họa hoằn mới thấy những bộ mặt lý thú và linh hoạt, hoặc thấy có tiếng nói của con người và tiếng cười ngay thật của trẻ con. Bọn con gái đồn nhau vào khoảng lò sưởi cuối nhà thờ, im lìm sợ hãi. Trên cái mặt biển pha màu bùn đen của những "ảo tổ đỉa", những đầu tóc bù xù, nồng nặc hôi hám ấy, nổi lên thành vệt tròn tròn những bộ mặt thô, lạnh, cứng như chết, mồm há hốc, mắt nhìn cay độc, và thớ thịt mềm nhũn.

Tôi nói vắn tắt cho chúng nghe về trại Gorki, về đời sống và sự làm việc ở đấy.

Tôi phác qua mục đích của chúng tôi: sạch sẽ, lao động, học tập, một cuộc đời mới và một cảnh hạnh phúc nhân loại mới. Chúng sống trong một nước sung sướng, không có những chúa phong kiến và tư bản, ở đó con người được lớn lên tự do và phát triển khả năng trong hoạt động vui tươi. Tôi thấy chóng mệt, vì thiếu sự chú ý sinh động của các thính giả. Tựa hồ tôi nói chuyện với những tủ đứng, những thùng gỗ và những cái hòm. Tôi nói rằng các trẻ nuôi phải tự tổ chức thành đội hai mươi người một, và yêu cầu chúng chỉ định mười bốn tên để bầu đội trưởng. Chúng câm lặng. Tôi yêu cầu chúng đặt câu hỏi. Chúng vẫn im lìm. Kutlaty bước lên bậc và nói:

- Nói cho đúng, thì các chú không biết xấu hổ à? Các chú nhét bánh mì, tọng khoai tây và xúp bắp cải, nhưng ai là người có nhiệm vụ phải làm những cái đó cho các chú? Nói đi, ai? Và nếu mai tôi không cho các chú ăn thì sao? À, xem nào?

Câu hỏi không có ai trả lời. Nói chung "nhân dân cứ im lặng".

Kutlaty tức giận:

- Thế thì tôi đề nghị từ mai mỗi ngày làm việc sáu giờ. Cũng phải gieo thóc chứ, những của khỉ! Các chú có làm việc không?

Có kẻ nào kêu lên ở một góc xa?

- Có làm!

Cả đám thong thả ngoảnh nhìn về phía ấy, rồi chỉnh đốn lại hàng ngũ những khuôn mặt ỉu xịu…

Tôi nhìn Zađôrôp. Hắn bật cười, đáp lại vẻ tiu nghỉu của tôi và đặt tay lên vai tôi:

- Không hề gì, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, rồi sẽ qua thôi.

4. "TRÔI CHẢY CẢ"

Chúng tôi tận lực làm việc cho đến tối mịt, để cố tổ chức dân Kuriajê. Anh em học viên trung học đi sục các buồng ngủ, thống kê lại số trẻ nuôi và cố thành lập các đội. Tôi cũng đi la cà các buồng, với Gorkôpxki, mà tôi đã gọi đi theo để lấy hắn làm đồ dùng đo lường. Chúng tôi phải phát hiện, dù chỉ bằng mắt nhìn, những dấu hiệu thứ nhất của một tập thể, và tìm cho ra, dù chỉ rải rác đó đây, những dấu vết của "chất keo xã hội" [21]

. Đưa mũi thính ra đánh hơi trong bóng tối của một phòng ngủ, Gorkôpxki

hỏi:

- Thế nào? Ở đây là đoàn nào nhỉ?

Nhưng ở đây hầu như chẳng có đoàn với đơn vị nào hết. Có trời biết dân Kuriajê chui rúc vào những lỗ nào. Chúng tôi hỏi các trẻ có mặt ở các buồng ngủ xem ai là bạn thân, người tốt kẻ xấu là ai, song những câu trả lời chẳng hài lòng tí nào. Phần đông trẻ ở Kuriajê không biết cả những đứa nằm bên cạnh: ngay đến tên cũng ít khi biết và chỉ gọi chúng bằng các biệt danh: những thằng Lá-to, thằng Mõm-giày, thằng Con-kiến, thằng Sốp-phơ, hoặc nhớ một vài dấu hiệu bên ngoài:

- Đây là chỗ một thằng gầy gầy nằm,

và kia là một thằng từ Vankia đưa đến.

Ở một vài chỗ chúng tôi thấy thoảng có chút mùi ẩm mốc của chất keo xã hội, song các phần tử dính nhau chẳng giúp được gì cho chúng tôi.

Dù sao, đến tôi tôi cũng đã biết đại khái thành phần của Kuriajê.

Tất nhiên, đó chính thực là những trẻ vô thừa nhận, nhưng không phải những trẻ đầu đường xó chợ theo lối cổ điển mà người ta thường nghĩ. Trong văn chương và trong óc tưởng tượng những nhà tri thức của ta, hình ảnh một đứa trẻ vô thừa nhận không hiểu sao đã hóa thành một

loại nhân vật của Bairơn . Trước hết nó phải là một nhà hiền giả, lại thêm cơ trí rất mực, vô chính phủ và phá hoại, một kẻ phóng khoáng, cương quyết thù ghét tất cả mọi thuyết đạo đức. Các sư tăng hoảng sợ và sướt mướt của khoa học giáo dục xã hội đã tô điểm cái kiểu mẫu ấy bằng cả một bộ lông vũ lộng lẫy nhiều ít, rứt ở cái đuôi khoa xã hội học, phản xạ học và các môn học khác nữa của các bà con giàu có của ta. Họ đã tin sâu sắc rằng những trẻ vô thừa nhận có tổ chức, có lãnh đạo, có kỷ luật, có cả một chiến lược xẻo túi và có nội quy. Người ta còn cho chúng cái hân hạnh gọi chúng bằng những danh từ hết sức khoa học:

“Một tập thể tự phát”, v.v…

Hình ảnh đứa trẻ vô thừa nhận đã đủ là nịnh, còn được những tác phẩm của bọn trưởng giả (Nga và ngoại quốc) tô vẽ thêm cho nhiều trang sức mới. Tất cả những trẻ vô thừa nhận đều là ăn cắp, nghiện rượu, trụy lạc, nghiền bạch cống và mắc bệnh giang mai. Lịch sử thế giới chỉ biết có Pie Đệ nhất là người mà thiên hạ đã gán cho đến chừng ấy tội nặng. Cái đó, ta nói với nhau thôi, đã giúp mạnh cho những kẻ quen nghề nói láo ở Tây Âu dựng đứng về đời sống của chúng ta những mẩu chuyện xuẩn ngốc và lộn ruột hết sức.

Nhưng… sự thực không có tí gì như thế

hết.

Nhất định phải bác bỏ cái thuyết công nhận sự tồn tại vĩnh viễn của một xã hội trẻ con vô thừa nhận, mà người ta cho rằng nó tràn ngập các phố phường, không những gieo "tội ác kinh khủng", ăn mặc ngộ nghĩnh, mà còn tuyên truyền "lý luận" nữa. Những nhà sản xuất vịt lãng mạn về kẻ lưu manh vô chính phủ trên đường phố xô-viết đã không nhận thấy rằng sau nội chiến và nạn đói, hàng triệu những trẻ con phiêu dạt đó, nhờ sự cố gắng vĩ đại của toàn quốc đã được cứu vớt trong các nhà dạy trẻ. Đa số đã trưởng thành từ lâu, và hiện đang làm việc trong các nhà máy và các cơ quan xô-viết. Còn tìm hiểu xem đến mức độ

nào quá trình cải tạo những trẻ ấy đã diễn biến không đau đớn, thì đó lại là vấn đề khác.

Trong một chừng mực lớn và do lỗi của chính các nhà văn lãng mạn đó, công tác của các nhà dạy trẻ đã được tổ chức một cách hết sức chật vật nặng nề, và nhiều khi đi tới kết quả như kiểu tổ chức ở Kuriajê. Cho nên người ta thường thấy luôn luôn có những trẻ con trai (tôi chỉ nói đến con trai) bỏ các nhà đó để ra sống ngoài đường phố, chính không phải vì chúng thích chọn cuộc sống ấy, cũng không phải chúng nghĩ rằng cuộc đời lang thang đầu đường xó chợ hợp với chúng hơn cả. Chúng chẳng có một lý luận riêng nào về đường phố hết, nhưng

chúng đi với hi vọng tìm được một trại nào tốt hơn hay một nhà dạy trẻ nào tốt hơn. Chúng đứng chật ngưỡng cửa những cơ quan SPON (Cơ quan bảo vệ xã hội và pháp lý đối với nhi đồng), những phòng giấy của Vụ Giáo dục xã hội, của Ban Bảo vệ nhi đồng và của các ủy ban, nhưng chúng ưa chọn những nơi mà chúng trông thấy chúng có cơ hợp tác được vào công việc xây dựng của chúng ta, nhưng vẫn tránh được những công ơn của ảnh hưởng sư phạm. Chúng cũng không mấy khi tránh được khỏi. Cái đoàn thể sư phạm bền bỉ và tự mãn không dễ để trốn thoát những con vật hy sinh dành cho mình, và nói chung họ không quan niệm được rằng đời sống con người lại

có thể không trải qua một cuộc nhào nặn sơ bộ của máy giáo dục xã hội. Vì lẽ đó phần đông những trẻ đi trốn bắt buộc phải chịu đựng lại cái quá trình sư phạm trong một trại nào khác, mà rồi ở đấy người ta vẫn có thể bỏ trốn nữa. Trong khoảng thời gian giữa hai trại, lý lịch những công dân trẻ tuổi đó tất nhiên là trôi ở đường phố. Còn đối với các vấn đề đạo đức, chúng không có thì giờ cũng không có thói quen, lại không có bàn học để ngồi mà chăm lo đến, thì việc giải quyết các vấn đề hộ khẩu, chẳng hạn, ở ngoài vòng đạo đức và nguyên tắc, đối với chúng cũng lại là lẽ tất nhiên thôi. Về các mặt khác cũng vậy, những dân đường phố không hề tự hào rằng hành động của

chúng rập thật đúng các khuôn vàng thước ngọc của khoa đạo đức học; nói chung, trẻ vô thừa nhận chưa bao giờ có khuynh hướng thiên về chủ nghĩa hình thức. Có một vài ý niệm về sự thích nghi, chúng thành thực tin rằng chúng đi đường thẳng tới nghề làm thợ luyện kim hay lái xe, và để đạt tới mục đích ấy thì có hai việc này là cần: một là bám chắc lấy mặt quả địa cầu, dù có phải khoắng các ví đầm và ví tiền bỏ túi cũng được, hai là số người càng gần càng tốt một nhà ga-ra hay một xưởng chữa máy.

Trong văn chương khoa học của ta đã có ít nhiều sự cố gắng để lập nên một hệ thống thỏa mãn phân loại cá tính con người. Ở đây người ta đã cố sức dành

cho trẻ vô thừa nhận một chỗ xứng hợp với chúng, dưới đầu đề: phản đạo đức và bất túc. Nhưng trong tất cả các lối phân loại ấy, tôi cho đúng nhất là lối mà các công xã viên công xã Dzeejinxki ở Khackôp đã lập nên theo lợi ích ứng dụng thực tế.

Cứ theo giả định thực tiễn của họ, thì các trẻ vô thừa nhận phân ra làm ba nhóm. Thuộc vào nhóm "hạng nhất" là những đứa trẻ hết sức tích cực tham gia vào việc xếp đặt vận mệnh của mình, không lùi bước trước một sự khó khăn phiền phức nào: những đứa trẻ sẵn sàng, trong khi theo đuổi lý tưởng, ở đây là nghề thợ luyện kim, bám lấy bất cứ bộ phận nào của một đoàn xe lửa chở hành khách:

những đứa trẻ thích thú hơn ai hết những cơn lốc của các chuyến xe tốc hành và các chuyến xe nhanh đặc biệt, không phải vì chúng bị cám dỗ bởi các toa ăn, toa ngủ tiện nghi và bởi sự lễ độ của các nhân viên trên xe. Có người muốn bôi nhọ loại du khách đó, bảo rằng mục đích những cuộc viễn du bằng những xe lửa của chúng là những làn gió nhẹ thơm của miền Crimê và nước khoáng chất ở

[23]

Xôtsi . Không đúng. Cái mà chúng chú ý hơn là những nhà máy khổng lồ ở Đniêprôpêtrôpxki, ở Đônetz và ở Zapôrôjiê, những tàu thủy ở Ôđetxa và Nikôlaiep, những xí nghiệp ở Khackôp và Mạc-tư-khoa.

Tuy cũng có nhiều ưu điểm, nhóm "hạng nhì" không có được tất cả phẩm chất tinh thần cao quý của nhóm "hạng nhất". Bọn này cũng tìm, nhưng mắt họ không khinh bỉ bỏ qua các nhà máy dệt và nhà máy thuộc da; họ còn bằng lòng làm việc ở một xưởng đóng thùng, đóng dấu, và, tồi hơn nữa, họ hạ mình xuống đến cả nghề hộp giấy, và họ cũng không xấu hổ làm nghề đi hái thuốc.

Nhóm "hạng nhì" cũng bôn ba đây đó, nhưng họ ưng ngồi trên cái chắn đằng sau của một toa xe điện; họ không biết cảnh

[24]

ga lộng lẫy ở Jmêrinka và những quy tắc nghiêm ngặt của Mạc-tư-khoa.

Các công xã viên của trại Dzecjinxki bao giờ cũng chỉ lựa thu hút bọn "hạng nhất". Cho nên thiếu người thì họ tuyển dụng bằng cách tuyên truyền trên các chuyến xe tốc hành. Theo ý kiến họ, thì nhóm "hạng nhì" yếu hơn nhiều.

Nhưng ở Kuriajê số đông không phải bọn "hạng nhất", cũng không phải bọn "hạng nhì", mà là bọn "hạng ba". Trong giới trẻ vô thừa nhận, cũng như trong giới các nhà bác học, có rất ít kẻ "hạng nhất", "hạng nhì" có nhiều hơn một chút, còn tuyệt đại đa số là "hạng ba": cái tuyệt đại đa số ấy chẳng đi đâu cả và chẳng tìm tòi gì cả, nó trao một cách rất đơn giản những tâm hồn non trẻ của nọ, dễ nặn như sáp mềm, cho ảnh hưởng tổ chức

của khoa giáo dục xã hội.

Đến Kuriajê tôi rơi đúng ngay vào một ổ lớn loại "hạng ba". Trong cái tiểu sử ngắn ngủi của chúng, những đứa trẻ đó cũng đã đếm được đến ba, bốn trại hoặc nhà dạy trẻ, có khi hơn, đến mười một nhà nữa. Cái đó chẳng phải là kết quả những ước vọng của chúng hướng về một tương lai tốt đẹp hơn, nhưng là ảnh hưởng những sáng kiến nhất thời của Ủy ban nhân dân Giáo dục, nhiều khi mơ hồ đến nỗi tai người thành thạo nhất thường cũng không tài nào phân biệt nổi đâu là bắt đầu và đến đâu là kết thúc những biện pháp cải tổ, đúc lại, thải bớt, giảm nhẹ, mở rộng, thanh toán, phục hồi, khuếch trương, điển hình hóa, tiêu chuẩn

hóa, sơ tán rồi lại tái sơ tán.

Vì chính tôi, tôi cũng đến Kuriajê với những ý định cải tổ, cho nên tôi cũng cấp phải cùng một vẻ thờ ơ ấy, nó là thái độ tự vệ độc nhất của các trẻ vô thừa nhận chống lại những trò đánh đố sư phạm của Ủy ban nhân dân Giáo dục.

Cái vẻ thờ ơ li lịt ấy, kết quả của một quá trình giáo dục dài, chứng minh một phần nào sức mạnh lớn lao của khoa sư phạm.

Phần đông trẻ nuôi ở Kuriajê vào trạc từ mười ba đến mười lăm tuổi, nhưng nét mặt chúng đã in sâu dấu vết của những tính di truyền dị tạp. Cái mà ai cũng

trông thấy ngay lập tức là trong bọn chúng, hoàn toàn không có một tí gì là ý thức xã hội, mặc dầu từ lúc ra đời chúng đã lớn lên dưới ảnh hưởng của sự "giáo

[25]

dục xã hội" . trong mỗi động tác của chúng đều có một sự tự phát nguyên sơ và gốc ở nhu cầu sinh trưởng, nhưng đó không phải là cái tự phát của đứa trẻ phản ứng ngây thơ đối lại mọi hiện tượng của đời sống. Chúng không biết một đời sống hết thảy. Tầm con mắt của chúng chỉ giới hạn đến cái bảng ghi các món ăn mà chúng chịu sức hấp dẫn do một phản ứng ủy mị và bực dọc. Làm thế nào len lỏi qua một bầy gấu nhỏ, đồng bào của chúng, để tới được cái nồi mà ở đấy mọi

người ăn ngốn ngấu, tất cả vấn đề đối với chúng chỉ có thế. Chúng giải quyết vấn đề đó có khi lợi nhiều, có khi bất lợi. Đời sống cá nhân của chúng như cái quả lắc đi lại giữa hai vị trí ấy không sai lệch được sang đường nào khác. Tự ý chúng, chúng chỉ ăn cắp những đồ vật giữ gìn thực sơ suất, hoặc những thứ mà cả bầy chúng ùa vào lấy một lúc. Ý chí của những đứa trẻ ấy từ lâu bị giày xéo bởi những cách đối xử hung tợn, những quả đấm và những lời nói phũ phàng tục tĩu của bọn đàn anh, "đầu sỏ", bọn này cứ tăng lên như dòi do sự không chống lại của khoa giáo dục xã hội và cái "kỷ luật tự ngã" của nó.

Dầu sao thì lũ trẻ đó cũng không ngu độn

tí nào; chúng là những đứa trẻ giống mọi đứa trẻ khác, mà chẳng may số phận đặt vào một hoàn cảnh hết sức vô lý: một mặt chúng bị tước đoạt hết hạnh phúc của sự phát triển con người; một mặt khác người ta lại thoát ly chúng khỏi những điều kiện tốt lành của cái nhu cầu đơn giản phấn đấu để sinh tồn, vì đã có cái nồi kia, dù chẳng ngon lành bổ béo gì, nhưng hàng ngày nó vẫn cứ được đưa đến ấn vào mũi chúng.

Trên bối cảnh đó, nổi lên một vài nhóm có tính chất khác. Bộ tham mưu các tay "đầu sỏ" dĩ nhiên là ở buồng ngủ của Khôvrak. Bọn trai của chúng tôi kháo rằng tụi chúng có mười lăm đứa và Kôrôtkôp đóng vai chính. Tôi chưa biết

mặt hắn, vả chăng loại trẻ nuôi này hầu hết thì giờ sống ở ngoài tỉnh. Epgêniep gặp lại những bạn cũ trong bọn, cho biết rằng chúng chỉ là kẻ cắp ở ngoài tỉnh, lấy trại làm nơi trú ngụ. Vichia Gorkôpxki không đồng ý:

- Kẻ cắp, những ngữ ấy à? Đồ mạt hạng!

Vichia kể chuyện rằng Kôrôtkôp, cũng như Khôvrak, Pêretz, Tsurilô, Pôtnêbexny và cả tụi đều làm ăn ở trong trại. Bắt đầu chúng đã quét sạch các buồng giáo viên, các xưởng và kho. Cũng có thứ ăn cắp được của các trẻ nuôi: số đông trong bọn chúng được nhận giày mới vào dịp ngày mộng Một tháng Năm;

theo Gorkôpxki, thì những giày đó là món hàng chính của chúng. Ngoài ra, chúng còn trổ tài ở trong làng và có đứa ra đến đường cái. Trại ở trên con đường lớn đi Akhtyrka.

Vichia bỗng nháy mắt cười:

- Các cậu có biết bây giờ chúng bày ra chuyện gì không, những quân chó đểu! Tụi oắt sợ chúng, run như cầy sấy trước mặt chúng, đúng thế đấy, thế là chúng biến thành những nhà tổ chức, các cậu ạ! Chúng gọi tụi nhãi là bọn "cún săn". Thằng nào thằng nấy trong bọn chúng cũng đều "cún săn" riêng của mình. Buổi sáng chúng nó bảo: - Mày muốn đi đâu thì đi, nhưng đến chiều phải có cái gì

đem về. Bọn ôn có đứa ăn cắp trên xe lửa, trong chợ, nhưng phần đông không ăn cắp nổi, thì đi ăn xin. Chúng đứng ở phố, ở trên cầu hay ở Ryjôp, Người ta bảo mỗi ngày chúng vớ được từ hai đến ba rúp. Thằng Tsurilô có những "cún săn" giỏi nhất. Chúng đem về được đến năm rúp. Và lệ là: cún được một phần tư, còn lại là phần của chủ nó. Đấy, các cậu đừng thắc mắc rằng sao các buồng ngủ chẳng có cái gì. Chúng nó diện côm-lê và có tiền, nhưng chúng đều ẩn giấu tất cả! Ở Pôtvorki có những cửa hàng lúp xúp oa trữ cho chúng và có vô thiên lủng những thằng trai mất dạy. Tối nào chúng cũng ăn chơi trác táng ở ngoài đó.

Một nhóm thứ hai gồm những đứa trẻ như

Zaïtsenkô và Malikôp. Đi sâu vào tìm hiểu trại, thấy rằng bọn trẻ chúng cũng khá đông, có đến ba chục đứa. Có điều kỳ lạ là trải qua bao nhiêu giông tố của đời sống, bọn trẻ này vẫn giữ nguyên được đôi mắt sáng long lanh, cái tính gây gổ trẻ con rất dễ ưa, và những tài năng phân tích còn tươi mới, khiến chúng phản ứng lại được mỗi biến cố với một tinh thần phấn đấu rất là mau mắn, tôi yêu loại tính cách đó lắm, tôi yêu chúng vì những cảm xúc của tâm hồn chúng đẹp đẽ vào cao quý, vì chúng có ý thức sâu sắc về danh dự, và cũng vì tất cả bọn chúng đều nhất quyết sống độc thân và ghét đàn bà nữa. Ngay từ lúc đội tiền phong của tôi mới đặt chân tới đây,

chúng đã nghếch mũi lên hít thở luồng gió mát mẻ đó, rồi chúng vểnh đuôi chạy khắp các buồng ngủ, sẵn sàng tích cực đem những tài năng nói trên ra thi thố. Chúng còn sợ quá ra mặt ngả về phe tôi, nhưng dù sao tôi cũng tin chắc được sự ủng hộ của chúng.

Vichia và tôi tình cờ xúc tiếp với một thành phần xã hội thứ ba nữa, mà khi gặp, Vichia đã đứng sững người, như con chó săn ngạc nhiên trước một con thỏ vậy. Ở tận cùng sân trại là một căn nhà biệt lập, có hàng hiên gỗ chạm trổ. Vania Zaïtsenkô trỏ căn nhà ấy nói:

- Đấy là chỗ ở của những nhà nông học.

- Những nhà nông học nào? Có mấy người?

- Mười bốn người.

- Mười bốn nhà nông học? Sao nhiều thế?

- Chính họ đã gieo lúa hắc mạch, cho nên bây giờ là nhà của họ.

Tôi đoán chừng trong chuyện này lại có trò gì của Khalabuđa đây, nên càng hoài nghi:

- Các cháu gọi như thế để trêu chọc họ có phải không?

Nhưng Vania nghiêm nét mặt và lắc đầu lia lịa nhìn về phía căn nhà:

- Thực đấy, họ là những nhà nông học thực, bác ạ! Họ đã cày ruộng và gieo lúa

hắc mạch! Và rồi nó đã mọc, bác ạ! Cao đến thế này rồi!

Vichia cáu tiết chằm chằm nhìn nó:

- Những thằng mặc sơ-mi-xanh kia đấy à? Nhưng chúng nó cũng là những trẻ nuôi của trại chứa? Mày muốn đùa tếu phỏng?

- Không, tôi không đùa tếu! Vania kêu lên, tôi không đùa tếu! Họ sắp có giấy chứng nhận, và hễ nhận được giấy một cái là họ đi liền…

- Thôi, được rồi. Ta vào thăm các nhà nông học của cháu.

Căn nhà có hai buồng ngủ. Một lũ thanh niên quả thực mặc sơ-mi-sa-tanh mịn màu xanh, đầu tóc chải chuốt, dáng bộ có

tí chút ra vẻ đạo đức, đương ngồi trên các giường có chăn tương đối mới. Trên tường có dán cẩn thận những tấm ảnh bưu thiếp, những bài báo cắt và những chiếc gương nhỏ khung gỗ. Ở thành cửa sổ buông rủ xuống những riềm bằng giấy sạch sẽ, trổ hoa lá.

Những gã trai nghiêm nghị ấy đáp lại lời chào của tôi có phần lạnh nhạt và không tỏ vẻ gì tức giận khi Vania giới thiệu họ với chúng tôi bằng những lời cảm phục này:

- Các anh ấy đấy, tất cả đều là những nhà nông học, như cháu đã nói với bác, và anh Vôxkôbôinikôp này là toán trưởng đây!

Vichia Gorkôpxki nhìn tôi, tuồng như người ta đang bảo chúng tôi làm quen không phải với những nhà nông học, nhưng với những ma xó, ma trơi, mà hắn không bao giờ có thể tin được rằng có thực.

- Này các chú, hỏi các chú đừng giận, nhưng các chú hãy cho tôi biết tại sao mọi người lại gọi các chú là những nhà nông học?

Vôxkôbôinikôp, một gã thanh niên cao lớn, bộ mặt xanh xao cố làm ra vẻ đạo mạo, nhưng cả hai cái đó lấn chen nhau cũng không sao che giấu nổi cái đêm tối của một bộ óc lì lịt, ngu độn. Hắn cất mình lên khỏi giường, gắng thọc mãi tay vào túi quần chật hẹp và nói:

- Chúng tôi là những nhà nông học. Chúng tôi sắp được giấy chứng nhận…

- Ai sẽ trao cho các chú?

- Còn ai nữa? Ông giám đốc.

- Ông nào?

- Ông cũ.

Vichia bật cười:

- Có lẽ ông ấy cũng trao cả cho tớ một chiếc đấy nhỉ?

- Có cái gì mà chế nhạo. Vôxkôbôinikôp nói, cậu không hiểu gì thì cậu im đi. Cậu hiểu cái gì?

Vichia nổi nóng:

- Tớ hiểu rằng tất cả các cậu là những đồ ngốc nghếch. Cậu hãy giải thích tử tế cho tớ biết ai là kẻ giả ngu giả

dại trong cái việc này?

- Thế thì có lẽ là cậu đấy, Vôxkôbôinikôp trả lời hóm hỉnh, nhưng Vichia không thể chịu thêm được một câu châm chọc nào nữa:

- Này tớ bảo thôi đấy nhé… Kể chuyện mau đi!

Chúng tôi ngồi lên giường. Các nhà nông học cố nén cái đạo mạo và đạo đức của họ xuống, vừa kháng cự vừa ra vẻ bị xúc phạm, nói ít và điểm xuyết lời của họ bằng những cái nhăn mặt nghi kỵ và khinh bỉ. Họ cho chúng tôi biết những sự bí mật về lúa hắc mạch của Khalabuđa và sự nghiệp phi thường của họ. Mùa thu năm ngoái ở Kuriajê có một người được Khalabuđa ủy quyền, giao cho nhiệm vụ

đặc biệt là gieo lúa hắc mạch. Hắn thuyết phục cho mười lăm anh lớn nhất làm công việc ấy và đối xử với họ rất hậu: họ được ở một nhà riêng, người ta sắm cho họ nào giường, nào quần áo, nào chăn, nào com-lê, nào áo bành-tô, lại thêm năm mươi rúp cho mỗi cậu, và người ta cam đoan với họ rằng khi làm xong công việc, họ sẽ được phát bằng nông học. Tất cả điều khoản của hợp đồng, giường và mọi thứ, đều đã thực hiện, vậy các gã trai kia không có lý do gì mà nghi ngờ câu chuyện cấp bằng lại không là thực, nhất là cả bọn họ đều rất dốt và không có cậu nào học quá cấp hai trường lao động. Việc trao bằng hoãn đến sang xuân. Nhưng cái đó cũng không hề khiến họ lo

ngại gì, mặc dù người ủy quyền của Khalabuđa đã biến vào đám sương mù của những kinh doanh kỹ nghệ phức tạp của Ban Bảo vệ nhi đồng: ông giám đốc trại đã hào hiệp đảm nhận nghĩa vụ thay hắn. Hôm qua, lúc ra đi, ông ta đã xác nhận rằng có sẵn bằng rồi, chỉ còn có việc gửi về trại, để tổ chức lễ trao long trọng cho các nhà nông học.

Tôi bảo họ:

- Các chú ạ, người ta chỉ đùa giễu các chú đó thôi. Trước khi thành nhà nông học, phải có nhiều, trải mấy năm; có những trường chuyên môn và học viện riêng cho việc ấy, mà muốn vào đó cũng phải qua nhiều năm học các lớp một nhà

trường phổ thông đã. Nhưng các chú… Bảy lần tám là bao nhiêu?

Một gã bảnh trai tóc nâu bị hỏi bất thình lình, trả lời không vững dạ:

- Bốn mươi tám.

Vania Zaïtsenkô ngây thơ mở rộng đôi mắt nhỏ bé, kêu lên rằng:

- Ối giời ôi! Nhà nông học thế à? Bốn mươi tám! Anh này biết đi chợ đấy nhỉ? Thế có chết không!

- Việc gì đến mày? Việc của mày đấy à? Vôxkôbôinikôp quát nó.

- Năm mươi sáu! Vania nói, và mặt nó trắng hẳn ra vì nhiệt thành tin tưởng. Là năm mươi sáu!

Một gã xương xẩu, vai rộng, mà mọi

người gọi tên là Xvatkô hỏi:

- Thế nào? Người ta hứa dành chỗ cho chúng tôi trong một nông trường quốc doanh, vậy bây giờ sao?

- Cái đó, có thể được, tôi trả lời. Làm việc trong một nông trường quốc doanh thì tốt lắm, nhưng ở đấy người ta không tuyển các chú làm nhà nông học đâu, mà làm thợ thôi.

- Các nhà nông học tức giận sôi lên, nhảy như cá chép trên giường. Xvatkô cáu đến tái mặt đi.

- Ông tưởng người ta không công nhận chúng tôi à? Hiểu rồi, chúng tôi hiểu hết! Ông đốc đã bảo trước chúng tôi, phải! Chả là bây giờ ông đang cần cày ruộng mà không ai muốn làm cả, cho

nên, đúng thế, ông tìm cách cho chúng tôi vào rọ! và ông cũng phỉnh phờ cả đồng chí Khalabuđa nữa. Nhưng ông muốn thế không xong đâu, vô ích!

Vôxkôbôinikôp lại thọc tay vào túi và lại vươn cái thân dài lêu nghêu của hắn lên trần nhà.

- Ông đến đây để lừa gạt chúng tôi phải không? Nhiều người biết chuyện đã bảo chúng tôi rồi. Chúng tôi đã mất bao nhiêu công gieo ngần ấy lúa. Còn ông, ông cần có người để bóc lột. Thôi đủ rồi!

Vichia bình tĩnh nói:

- Thật là một lũ bò!
- À, để tao đập cho vỡ mồm nó ra…

Bọn Gorki! Chúng nó đến đây để ăn cỗ sẵn à?

Tôi đứng dậy. Các nhà nông học quay cả lại chúng tôi những bộ mặt tối tăm, tức giận. Tôi gắng cáo từ họ một cách hết sức bình thản:

- Cái đó tùy các chú đấy. Các chú muốn làm những nhà nông học, thì mặc các chú… Bây giờ chúng tôi không cần đến các chú, không có các chú cũng không sao.

Chúng tôi đi ra cửa. Nhưng Vichia không nhịn được, và bước đến ngưỡng cửa, hắn nói rắn rỏi:

- Chúng mày quả là những thằng ngu xuẩn!

Câu tuyên bố ấy khiến các nhà nông học tức đến nỗi Vichia phải trút mau xuống bực thềm với tốc độ số ba.

Ở câu lạc bộ Thiếu niên, Jôra Vonkôp đang điểm duyệt những trại viên ở Kuriajê được tôn lên làm đội trưởng một cách xứng đáng hay không xứng đáng. Tôi đã bảo hắn trước là không ăn thua gì đâu và ta không cần đến thứ đội trưởng ấy. Nhưng hắn cứ muốn thí nghiệm xem sao.

Ngồi trên ghế dài, các tuyển sinh chỉ định cọ chân nọ vào chân kia như kiểu ruồi. Jôra lúc ấy giống một con hổ: đôi mắt sắc của hắn nảy lửa. Các tuyển sinh có vẻ là những kẻ được triệu tập đến để

chơi một trò chơi mới, nhưng chúng thấy lề lối rắc rối, và các trò chơi cũ rút lại vẫn hay hơn. Chúng cố gắng mỉm cười lịch sự trước những lời giải thích nhiệt thành của Jôra, song các điệu bộ đó không làm cho hắn vui thú tí nào:

- Này, có gì mà mày cười? Mày cười cái gì? Mày hiểu người ta bảo mày điều gì chứ? Hết lối sống ăn bám nhé! Mày có biết chính quyền xô-viết là thế nào không?

Mặt các tuyển sinh trở nên trịnh trọng và những má nở nang của chúng nheo lại thành một nụ cười bẽn lẽn.

- Đây này, tao giải thích cho chúng mày nghe: mày là đội trưởng, lệnh của

mày phải được thi hành.

Một gã tóc vàng, trán to, đại lãn ra mặt và bị thịt, tên là Pêtruskô, lại nhếch mồm cười tủm tỉm mà hỏi sao lại:

- Nhưng nếu thằng kia không chịu thì sao?

Xpiriđôn Khôvrak cũng ở trong bọn được bầu. Cuộc nói chuyện vừa rồi với Karabanôp và Biêlukhin xem chừng có làm cho nó chùn, nhưng bây giờ thì nó chán ngán: người ta lại bắt nó phải có những quan hệ bất lợi và khó chịu đối với bạn hữu.

Tối hôm ấy, sau những lời hiệu triệu nhiệt liệt của Jôra giữa sự thờ ơ tươi cười của bọn trai Kuriajê, dù sao chúng

tôi cũng đã lập được hội đồng đội trưởng, kiểm điểm được tất cả dân trong trại, và dựng được cả một bản công tác cho ngày hôm sau nữa. Vôlôkhôp và Kutlaty trong khi ấy đã sửa chữa lại những nông cụ cần thiết. Hội đồng đội trưởng với dụng cụ đều chẳng ra hồn, cho nên chúng tôi đi ngủ với một cảm giác mệt mỏi và thất bại. Mặc dầu Bôrôvôi với anh phụ việc đã bắt đầu làm, và chung quanh các đống đất đào đen bóng đã lấp lánh những vỏ bào tươi, toàn thể vấn đề Kuriajê vẫn còn một mớ bòng bong chưa tìm thấy cái đầu mối, mà thế nào cũng phải rút ra cho kỳ được mới mong gỡ nổi.

Hôm sau, các học viên trung học trở về

Khackôp sớm. Chuông đánh thức sáu giờ, như đã định ở hội đồng đội trưởng. Mặc dầu ở tường nhà thờ đã treo một quả chuông thực kêu, tiếng gọi sớm sủa của nó cũng không làm cho dân Kuriajê nhúc nhích. Kirghizôp, giáo viên trực nhật, với cái băng đỏ mới toanh trên cánh tay, đi dạo một vài buồng ngủ xem qua, nhưng chỉ đem theo về nỗi bực mình. Trại cứ ngủ: ở trước chuồng ngựa chỉ thấy đội đặc biệt tiền phong của chúng tôi sửa soạn ra đồng: hai mươi phút sau họ chuyển bước, đem theo ba đôi ngựa

[26]

với cày bừa. Kutlaty đi xe đrôski ra tỉnh mua khoai giống, dọc đường gặp những hình thú mặt xanh nhợt và nhễ nhại

đang lê bước ở tỉnh trở về. Tôi không có người để giữ chúng lại, khám chúng và hỏi xem chúng đã làm gì đêm qua. Chúng lẻn về các buồng ngủ không bị ai ngăn cản, thành thử số người ngủ lại nhiều thêm lên.

Theo chương trình đã lập tối qua và được toàn thể hội đồng đội trưởng chấp thuận, tất cả lực lượng Kuriajê phải dùng vào việc quét dọn buồng ngủ và sân, cuốc đất đặt khuôn gieo giống, xới các luống vườn rau dưới chân tường tu viện và phá các tường đó. Thỉnh thoảng có lúc lạc quan, tôi đã bắt đầu thấy nảy ra trong lòng một cảm xúc mới mẻ, dễ chịu, về sức mạnh của tôi. Bốn trăm trại viên! Tôi tưởng tượng nếu người ta đem cho

Acsimet cái lực lượng đó, thì ông vui mừng biết bao! Rất có thể là ông sẽ làm đảo lộn thế giới mà không cần cả đến một điểm tựa nào[3]. Ừ, quả thật, hai trăm tám mươi trại viên Kuriajê đối với tôi biểu hiện một khối năng lực phi thường, so với khối, một trăm hai mươi của tôi ở Gorki.

Nhưng khối năng lực đó nằm ườn trên giường bẩn thỉu, không buồn vội đi ăn sáng nữa. Chúng tôi đã có đĩa với thìa, các thứ đó bày trên bàn tương đối thứ tự, nhưng Sêlaputin phải mất cả một giờ đồng hồ hành hạ cái chuông rồi mới thấy vài đứa thứ nhất đến buồng ăn. Bữa sáng

kéo dài đến mười giờ. Trong thời gian đó, tôi diễn thuyết vài bận, nhắc lại đến lần thứ mười ai thuộc vào đội nào, đội trưởng là ai, và đơn vị phải làm công tác gì. Các trại viên nghe tôi, mũi chúi xuống dĩa. Bầy vô lại cũng chẳng chú ý đến sự người ta đã nấu xúp ngon béo ngậy và đặt lên bánh của chúng những miếng bơ nho nhỏ. Chúng thản nhiên nuốt cả xúp lẫn bơ, ních những bánh mì vào túi rồi liếm ngón tay cáu ghét, chúng chuồn thẳng, không hay biết gì đến đôi mắt tôi nhìn, tràn đầy hy vọng kiểu Acsimet.

Chẳng có ai đến tìm Misa Ôptsarenkô cả. Hắn đã xếp trên các bậc cổng cái, ngay cạnh nhà thờ, nào mai, bồ cào, chổi vừa mua hôm qua. Misa cầm ở tay một

quyển sổ mới toanh, mua cùng ngày, để ghi vào đó số dụng cụ phải phân phát cho mỗi đội. Mặt mũi hết sức ngẩn ngơ, hắn đứng bên bọn đồ sắm ở chợ, mà chẳng có ma nào bén mảng tới. Cả đến Vania Zaïtsenkô, đội trưởng đội mười, gồm những bạn thân của nó ở Kuriajê, mà tôi trông đợi đặc biệt, cũng không đến lấy đồ, và tôi cũng không thấy hắn ở phòng ăn. Trong bọn đội trưởng mới, có Khôvrak đến đứng cạnh tôi ở phòng ăn, nghiễm nhiên ngó đám đông đi qua mặt chúng tôi. Đội của nó, đội bốn, phải bắt đầu phá tường thành tu viện: Misa đã có sẵn những xà-beng cho việc đó. Nhưng Khôvrak cũng chẳng đả động gì đến công việc giao cho nó. Vẫn giữ thái độ phóng

túng, nó nói chuyện với tôi về những việc chẳng dính dáng gì đến tường nhà tu hết thảy.

- Bác nhỉ, ở trại Gorki có những con gái đẹp, phải không bác?

Tôi quay lưng lại nó và đi ra cửa, nhưng nó lại theo chân và nhìn vào mặt tôi lải nhải:

- Người ta còn bảo ở bên bác, có nữ giáo viên… xinh lắm, ngon mắt lắm. Ha, ha, bao giờ các cô ấy đến, phải biết là thú! Ở bên này trước cũng có những mẻng trông được đấy, nhưng mà, bác ạ! Chúng nó cứ sợ tôi nhìn. Cử động liếc các ả một tí là y như các ả đỏ gay đỏ gắt mặt lên chứ lại! Bác bảo tại sao vậy, vì

đâu mà mắt tôi lại nguy hiểm đến thế, bác nhỉ?

- Tại sao đội của chú không đi làm việc?

- À, nào ai biết, việc quái gì đến tôi! Cả tôi cũng không đi…

- Tại sao?

- Tôi không thích, ha, ha, ha!

Và nó nháy mắt nhìn cây thập ác của nhà thờ:

- Bên chúng tôi, ở Pôtvorki ngoài kia, cũng có những con bé tình ra phết… Ha, ha, ha… Nếu bác muốn thì tối sẽ giới thiệu cho bác…

Từ hôm qua, sự phẫn nộ của tôi đã bị kìm hãm trong những gọng phanh mạnh

hơn trước gấp bội. Cho nên ở trong lòng tôi, có cái gì gay gắt và dai dẳng muốn chồi lên, nhưng trên mặt tâm hồn tôi thì chỉ nghe một tiếng rít thầm, trong khi các nắp trái tim tôi đều nóng bỏng. Một người nào ở trong đầu tôi ra lệnh: "nghiêm!". Và mọi cảm xúc, ý nghĩ, kể cả những ý nghĩ nhỏ nhất của tôi, vội chỉnh đốn lại hàng ngũ rời rạc. Vẫn cái người nào đó nghiêm khắc truyền rằng:

"Bỏ mặc thằng Khôvrak! Tìm hiểu cấp tốc tại sao đội của Vania Zaïtsenkô không đi làm, và tại sao Vania không ăn sáng"

Vì lẽ đó và nhiều lẽ khác, tôi bảo thằng Khôvrak:

- Cút ngay đi!... Đồ rác rưởi!

Tái người vì câu mắng đó, Khôvrak vội chuồn mất. Tôi đi mau đến buồng ngủ Zaïtsenkô.

Vania nằm bệt ngay trên đệm giường, cả đoàn nó ngồi và xúm chung quanh. Nó luồn một tay dưới đầu nó, và bàn tay nhỏ gầy xanh ấy có vẻ sạch sẽ trên cái gối ghét bẩn.

- Có việc gì xảy ra thế? Tôi hỏi.

Chúng lẳng lặng giãn ra cho tôi đến tận giường. Ôđariuc gượng mỉm cười, nói bằng một giọng nghe không rõ:

- Chúng đã đánh nó.
- Ai đánh nó?

Vania, nằm trên gối, nói với một sức mạnh không ngờ:

- Có đứa đánh cháu, bác ạ, bác biết không? Ban đêm chúng đến, quẳng một cái khăn trùm lên cháu, thế rồi… chúng đánh cẩn thận! Ngực cháu đau!

Giọng nói sang sảng của Vania Zaïtsenkô trái ngược một cách kỳ lạ với khuôn mặt nhỏ gầy và thâm tím.

Tôi biết có một căn nhà của trại Kuriajê gọi là nhà thuốc. Một bà già trợ y sinh, ở một trong các buồng trống trơn và bẩn thỉu của căn nhà đó. Tôi sai Malikôp đi tìm mụ. Thằng này ra đến cửa thì gặp Sêlaputin:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, có mấy người đi ô-tô đến, đang tìm bác!

Bên một cái xe Fiat lớn màu đen, tôi thấy Brêgen, nữ đồng chí Zôia và Klame, Brêgen mỉm cười đường bệ:

- Bác đã nhận trại rồi chứ?
- Nhận rồi.
- Thế nào?
- Trôi chảy cả.
- Trôi chảy hoàn toàn?
- Có thể sống được.

Nữ đồng chí Zôia ngờ vực ngó tôi. Klame ngoảnh nhìn tứ phía. Ý chừng hắn muốn tìm những giáo viên ăn lương một trăm rúp của tôi. Bà trợ y sinh đi qua, bước chân già bập bỗng, vội vã tìm đến

bên giường Vania Zaïtsenkô. Có tiếng cáu kỉnh của Vôlôkhôp vọng lên, từ chuồng ngựa:

- Bầy khốn nạn! Phá hoại người chưa đủ, chúng nó còn làm hỏng cả ngựa! Chả cặp nào làm việc được sất, chúng nó làm hư tuốt, những quân bọ chó ấy, còn đâu là giống ngựa, mà chỉ là giống đĩ!

Nữ đồng chí Zôia đỏ mặt, giật mình quay cái đầu to tướng, thô kệch của bà ta:

- Đấy mới đúng là giáo dục xã hội, nếu tôi không nhầm!

Tôi phá lên cười:

- Không, không phải đâu. Đấy chỉ là thằng bé nọ không tìm ra được câu nói

đúng đó thôi.

- Thế nào? Klame mỉm cười thâm độc hỏi. Cứ như tôi thấy, thì nó tìm câu rất đúng đấy chứ?

- Vâng, phải đấy, mới đầu nó chưa tìm ra, rồi sau nó mới tìm ra.

Brêgen muốn nói câu gì, bà nhìn chằm chằm vào mắt tôi và không nói.

5. TÌNH CA

Hôm sau, tôi gửi cho Kôvan bức điện tín này:

“Kôvan trại Gorki thu xếp đi ngay chúng tôi chờ đón toàn thể giáo viên chuyến xe lửa thứ nhất”

Hôm sau nữa, tôi nhận được trả lời:

“Bị hoãn vì thiếu toa giáo viên đi hôm nay”

Hai giờ sáng, chiếc xe đrôski độc nhât của Kuriajê đón ở ga Ryjôp về: Êkatêrina Grigôriepna, Liđia Pêtrôpna,

Butzai, Juôcbin và Gôrôvich. Chúng tôi đã chọn buồng cho họ trong số những pháo đài sư phạm nhiều vô kể, và kê giường nằm tạm; đệm đã phải mua ở ngoài tỉnh.

Gặp lại nhau vui như hội. Sêlaputin và Tôxka, mặc dầu đã mười lăm tuổi, cũng ôm chầm lấy mọi người và hôn chun chút lên như những cô gái nhỏ; cả hai bíu lấy cổ họ, cười nói và nhảy cẫng huyên thuyên. Người ở Gorki mới đến đều tươi tỉnh và hoan hỉ. Nhìn mặt họ tôi đủ hiểu tình hình ở trại. Êkatêrina Grigôriepna xác nhận vắn tắt:

- Ngoài ấy sẵn sàng cả rồi. Đồ đạc hành lý xong xuôi. Chỉ còn thiếu toa thôi.

- Bọn trẻ thế nào?

- Chúng ngồi trên đống hòm, sốt ruột cuồng lên. Tôi cho rằng trong bọn ta, chúng là những người sung sướng nhất đấy. Nhưng xem ý hình như chúng ta đều là những người sung sướng cả thì phải. Bác thế nào?

- Tôi cũng thế, tôi sung sướng ứ lên đến cổ, tôi trả lời dè dặt, nhưng có lẽ ở Kuriajê không còn có người sung sướng nữa.

- Sao, có việc gì thế? Liđa lo sợ hỏi.

- Ồ, chả có gì ghê gớm cả, Vôlôkhôp đáp với một giọng khinh bỉ, nhưng mình không đủ lực. Chẳng phải vì thế mà thôi, nhưng còn công việc đồng áng. Độc trọi có bọn chúng tôi, bây giờ vừa là đội đặc

biệt thứ nhất, đặc biệt thứ hai và muốn là gì cũng được.

- Thế những đứa ở đây sao?

Bọn trẻ cười.

- Cái đó, rồi cô xem…

Piôtr Ivanôvich Gôrôvich mím chặt đôi môi bụ bẫm của anh ta, đưa mắt nhìn chăm chú bọn trai, nhìn cửa sổ tối om và tôi nữa:

- Bác muốn cho bọn trẻ đến ngay phải không?

- Phải, càng sớm càng hay, tôi đáp, trại phải chạy tới mau như đi cứu hỏa vậy. Không thì hỏng hết.

Piôtr Ivanôvich đằng hắng dọn giọng:

- Mọi việc không ổn… Bác phải về trại, dù ở Kuriajê có khó khăn gì cũng đành chịu vậy. Toa xe họ đòi đắt lắm, họ chẳng giảm giá cho mình tí gì, và nói tóm lại, họ cứ đà đận kéo dài. Thể nào bác cũng phải về một hôm mới xong… Kôvan đã hằm hè kình địch với nhân viên hỏa xa tợn lắm rồi.

Chúng tôi trầm ngâm nghĩ ngợi. Vôlôkhôp lắc vai, và cũng đâm ra nói cằn nhằn như một ông già:

- Cũng không sao… Bác cứ về ngay đi, ở đây rồi cũng thu xếp được… mà sợ cái gì, dù sao thì cũng không thể nào tệ hơn nữa. Chỉ cốt là bọn trai nhà mình, ở ngoài ấy, khỏi chầu hẫu đợi chờ.

Ivan Đênitxôvich, ngồi trên bậu cửa

sổ, điềm tĩnh mỉm cười và nhìn đồng hồ:

- Hai giờ nữa có tàu. Ý muốn cuối cùng của bác như thế nào?

- Ý muốn cuối cùng của tôi? Quái ác, anh hỏi tôi cái gì vậy? Tất nhiên là không dùng đến võ lực, dù xảy ra trường hợp nào cũng vậy. Bây giờ các anh các chị là sáu người. Nếu ta lôi kéo được vài ba đội về phía ta, thì là tuyệt. Nhưng nên cố thu hút họ cả từng nhóm đã lập thành, chứ đừng thu hút riêng lẻ.

- Vậy làm tuyên truyền à? Gôrôvich buồn rầu hỏi.

- Tuyên truyền, nhưng đừng làm lộ liễu quá. Các anh chị hãy nói nhiều về trại, về các giai đoạn đời sống của trại, về công việc xây dựng. Nhưng tôi cần gì

phải dặn các anh các chị những cái đó nhỉ! Các anh các chị sẽ chẳng mở mắt cho họ ngay được đâu, tất nhiên thôi, nhưng hãy cho họ đánh hơi, nhìn thoáng thấy một cái gì.

Trong đầu óc tôi náo loạn hết sức. Mọi thứ ý nghĩ và hình ảnh đua nhau nhăn nhó, bò ngổn ngang, hoặc say sưa ngây ngất nữa, và nếu chợt có ý nghĩ nào reo vui lên thì tôi lại thành thực ngờ rằng nó say rượu.

Có một môn cơ học sư phạm, một môn vật lý sư phạm, một môn hóa học sư phạm, một môn hình học sư phạm và cả đến một môn hình nhi thượng học sư phạm nữa. Tôi phải tự hỏi rằng tại sao

trong cái đêm tăm tối này, tôi lại để sáu người giáo sĩ này ở đây, ở Kuriajê? Tôi đã đề cao trước mặt họ những tác dụng của việc tuyên truyền và thực tế thì tôi tính toán thế này: ngày mai, trong cái xã hội Kuriajê, sẽ xuất hiện số nửa tá con người trung hậu, học thức và nghiêm chỉnh ấy. Như vậy, thực ra, là trông mong ở một thìa mật ong đổ vào một thùng hắc ín… mà sự thực có phải hắc ín không? Quả là tội nghiệp cho môn hóa học đó. Và cái phản ứng hóa học xem chừng sẽ kém cỏi, đứt hơi, kéo dài bất tận. Hoặc giả, nếu cứ cần nói đến hóa học, thì dùng môn này: cốt mìn, thuốc nổ, một phát mình bất ngờ, dữ dội, chinh phục, làm tung lên trời những tường nhà thờ với

“áo tổ đỉa”, những tâm hồn trẻ thơ với các tay “đầu sỏ” và bằng nông học.

Nói riêng với nhau thôi, chính bản thân tôi sẵn sàng cùng với đội đặc biệt tiền phong của tôi, chui vào bất cứ một thùng thuốc nổ nào tốt: tôi cam đoan với các bạn rằng chúng tôi là một sức nổ đủ mạnh. Tôi còn nhớ lại năm một nghìn chín trăm hai mươi. Hồi ấy, đã đành là tấn công bằng một năng lực khác, đó là những phát nổ làm tung cả bản thân tôi lên chín tầng mây, như Vakula của Gôgôn[28], và bấy giờ tôi chẳng sợ gì hết thảy. Nhưng ngày nay đầu óc mình bị vướng vít bởi trăm thứ đồ trang sức mà người ta bảo cần phải điểm tô cho bà

Sư-phạm, gương mẫu của những kẻ giả đạo đức. "Bà nội ơi, xin bà hãy rộng lòng một lần tí xíu cho phép chúng cháu tung những của này lên trời, bà nhé!"

"Âu, các con cứ tự nhiên, bà trả lời, nhưng đừng có làm phiền bọn trẻ".

Vậy thì nói đến chuyện nổ làm gì!

- Vôlôkhôp, thắng ngựa vào xe, tôi đi đây.

Một giờ sau, đứng bên cửa sổ mở của một toa xe, tôi ngắm các vì sao. Xe lửa hạng tư, không có chỗ nào ngồi.

Phải chăng tôi hèn nhát bỏ trốn Kuriajê, vì sợ hãi chính những dự trữ cốt mìn của

tôi? Cần phải mình tự nhủ mình. Cốt mìn là một chất nguy hiểm, và chơi với nó làm gì, một khi tôi đã có những gã trai cừ khôi của Gorki?

Trong bốn tiếng đồng hồ nữa, tôi sẽ rời cái toa xe ngột ngạt bẩn thỉu này, để lại được thấy mình ở trong cái xã hội tinh tế của họ.

Tôi về đến trại bằng xe ngựa thuê, vào cái giờ mà mặt trời đã từ lâu than phiền rằng không có lò sưởi. Các trại viên tứ phía chạy ùa ra đón tôi. Các trại viên, hay là những phóng xạ quang tuyến? Ngay đến Galatenkô, từ trước đến giờ vẫn nhất định không chịu coi môn chạy là một hình thức xê dịch, mà sau khi ngó

qua cửa nhà lò rèn, cũng băng mình đi như một mũi tên, chân nện mặt đường thình thịch làm rung chuyển đất, gợi nhớ đến một con voi trận của vua

[29]

Đariux , con của Hyxtaxpơ. Hắn cũng góp lời vào những câu chào mừng ngạc nhiên và hỏi thăm ríu rít ồn lên cùng một lúc:

- Ngoài ấy thế nào, bọn đó hợp tác hay không hợp tác hở bác Antôn Xêmiônôvich?

Galatenkô ơi, con tìm đâu ra cái nụ cười cứng cát và chân thực này, con lấy ở đâu ra cái bắp thịt xinh xinh kia nó viền mi mắt dưới của con đẹp thế; con bôi vào

mắt chất dầu thơm, sơn Trung Quốc, hay nước suối trong? Và mặc dầu đầu lưỡi nặng nề của con uốn còn chậm chạp, nó vẫn cứ biểu lộ được cảm xúc. Ừ, cảm xúc, chứ sao!

Tôi hỏi các trẻ:

- Làm gì mà các chú diện thế này? Các chú mở dạ hội à?

- Đúng thế! Lapô trả lời. Một dạ hội thực sự! Hôm nay là ngày đầu tiên chúng cháu không làm việc; tối nay biểu diễn "Bọ chét" lần cuối cùng để từ biệt dân quê… À, nhưng thế nào bác, công việc ngoài ấy ra sao?

Các trại viên ăn mặc có vẻ như ngày tết, quần ngắn mới, đầu đội mũ chỏm mới

bằng nhung, may đặc biệt để vây với trại Kuriajê. Đội viên những đội đặc biệt sáu chạy từ phía sửa soạn buổi kịch. Trong góc các buồng ngủ, ở trường học, ở câu lạc bộ, hòm đóng đinh, đồ vật cuộn bọc chiếu, từng chồng đệm và hàng núi ba-lô. Chỗ nào cũng quét rửa như trong ngày đại lễ. Buồng tôi dành cho đội mười một, do Sura Jêvêli chỉ huy. Bà cụ cũng ngồi trên các va-li, song bọn trẻ đã khoan hồng để lại cái giường gấp cho bà và Sura rất tự hào về điểm độ lượng ấy:

- Đối với bà thì không như đối với chúng cháu được. Bác thấy không? Bọn trai bây giờ ngủ tuốt cả ở sân đập lúa, trên cỏ khô, thế mà lại tốt hơn giường kia đấy. Con gái ngủ trong các xe tải đồ.

Nhưng bác này, Nextêrenkô mới là chủ từ hôm qua, mà hôm nay hắn đã kiếm chuyện: hắn tiếc rẻ cỏ khô. Bác nghĩ coi, người ta đã cho hắn cả một cái trại, mà hắn lại cằn nhằn về cỏ. Nhưng bác xem, chúng cháu đóng hành lý cho bà gọn đấy chứ? Bà bảo sao, bà ơi?

Bà cụ chiều ý bọn trẻ mỉm cười, nhưng ý kiến của bà khác ý kiến chúng về một vài điểm.

- Các con đóng gọn, nhưng bác giám đốc của các con ngủ vào đâu?

- Có một chỗ! Sura kêu lên. Đội các chú, đội mười một, được cỏ tốt nhất, cỏ gà. Thậm chí chú Êđua Nikôlaiêvich phải kêu, chú ấy bảo: ai lại nằm lên cỏ này bao giờ? Nhưng các cháu cứ ngủ trên

cỏ, rồi sau đem cho con Hảo-hán, và nó chén phải biết! Các cháu sẽ làm giường cho bác, bà đừng lo bà ạ!

Một phần khá đông trại viên đóng ở các buồng giáo viên. Họ ra công dọn đồ đạc và canh gác ở đó. Lapô và Koovan đã đặt bộ tham mưu của họ ở buồng chị Liđa. Vàng người đi vì tức giận và mệt mỏi, Kôvan ngất ngưởng trên bậu cửa sổ và vung nắm tay, tuôn một tràng lời riếc móc nhân viên nhà ga:

- Công chức, ký cách, đồ cạo giấy! Mình bảo chúng nó: đây là những trẻ em, chúng nó không tin. Thế thì sao, mình hỏi, phải đưa giấy khai sinh cho anh xem à? Trẻ nhà mình nào có biết màu giấy

khai sinh từ ngày đẻ đến giờ. Nhưng cái thằng ấy, nó chẳng hiểu gì cả, thì nói cái gì với nó được? Nó bảo: một trẻ em đi với một người lớn thì không trả tiền, nhưng nếu chỉ toàn trẻ em… Mình cắt nghĩa, cho cái thằng khỉ ấy: trẻ em nào, trẻ em nào mới được chứ, thế còn anh, ma nó làm vú sữa nuôi anh chắc, nhưng đây là một trại lao động cơ mà, rồi lại còn: người ta lấy toa chở hàng thôi… tối như hũ nút! Thế rồi, lách cách, nó xoay cái bàn tính của nó; lên toa này, đinh ký này, thuê toa này… Nó lôi ra một đống quy tắc: ngựa nghẽo, đồ đạc trong nhà, một giá, dụng cụ gieo giống, một giá khác. Anh nói gì lạ vậy, mình bảo nó, đồ đạc trong nhà nào? Anh cho là thế nào

đấy: một gia đình tiểu tư sản ra đi với mọi thứ chổi cùn rế rách à? Cậu bảo thế này có láo không chứ, thực quá mức, cái láo của tụi cạo giấy. Cái giống ngu hèn, mài đít trên ghế, nó chẳng muốn nghe gì hết: đối với chúng tôi thì không có tiểu tư sản với nông dân gì cả, chúng tôi chỉ biết có hành khách và người gửi hàng. Mình, mình nói quan điểm giai cấp với nó, mà nó, nó dám nhìn thẳng vào mắt mình mà phun ra rằng: một khi đã đặt bảng giá thì quan điểm giai cấp không kể tới.

Bịt tai không nghe chuyện bi thảm của Kôvan với các nhân viên hỏa xa, cũng như chuyện buồn của tôi về Kuriajê, Lapô xoay tất cả về các chuyện vui ở

đây, cơ hồ như không có Kuriajê và trong vài hôm nữa hắn không phải lãnh đạo hội đồng đội trưởng ở cái xứ xa xôi ấy. Mới đầu tôi hơi bực mình vì sự vô tâm của hắn, nhưng rồi cảm giác ấy cũng bị tính khôi hài chói rạng của hắn đánh tan đi. Tôi cười với mọi người và cùng với mọi người tôi cũng quên Kuriajê. Bây giờ được thoát ly những lo lắng hàng ngày, tính độc đáo của Lapô càng nảy nở rõ rệt. Hắn là một nhà sưu tập kỳ tài: luôn luôn xoay quanh hắn là những nhân vật bất tài, gàn dở, bị ám ảnh, mắc bệnh tinh thần, những con người bung xung bao giờ cũng bị những chậu hoa rơi vào đầu; họ yêu quý hắn, tin tưởng và cảm phục hắn. Lapô khéo lựa chọn, phân loại,

cắm họ vào những hộp đựng nhỏ xinh; hắn ưa vuốt ve và ngắm nghía họ trong lòng bàn tay. Giữa các ngón tay mân mê của hắn, họ đẹp óng ánh những màu sắc vô cùng tế nhị và họ hóa thành những tiêu bản kỳ thú của giống người.

Hắn lấy vẻ rất tin tưởng bảo Guxtôivan lầm lì, xanh lướt, mặt lúc nào cũng như người mất hồn:

- Ừ… mình có cái nhà thờ ấy ở giữa sân. Mình cần gì đến một mục sư xa lạ? Mày sẽ làm trợ tế cho chúng tao.

Guxtôivan mấp máy đôi môi đỏ nhợt. Trước khi vào trại, không biết ai đã rót vào tâm hồn yếu đuối của nó chất nha

phiến tôn giáo với một liều độ bằng cho ngựa uống, khiến đến tận bây giờ vẫn không làm thế nào cho nó thổ ra được nữa. Đêm nào nó cũng cầu kinh trong các góc tối buồng ngủ và nó nhận những lời trêu cợt của các trại viên như những khổ nhục thơm tho vì đạo. Nhưng bác thợ đóng xe Kôdia không đến nỗi dễ tin đến thế:

- Này đồng chí Lapô, sao đồng chí lại nói vậy? Chúa có tha thứ cho đồng chí được không? Nếu Chúa chưa ban phúc lành cho Guxtôivan thì hắn làm trợ tế sao được?

Lapô nghịch cái mũi đầy tàn nhang của hắn:

- Phúc lành, ấy mới cần làm sao chứ! Cứ việc khoác áo nhà tu vào lưng nó, đây này, cho nó cái áo lễ. Thế là nó trở thành một anh trợ tế kền ra phết!

- Phải có phúc lành mới được, Kôdia giảng giải với một giọng cao đầm ấm. Phải có Đức Cha giám mục cho nó chịu lễ mới được chứ.

Lapô ngồi xổm trước mặt Kôdia, nhìn lão chằm chằm và không ngớt nháy đôi mắt không có lông mi của hắn:

- Ông nội ơi, ông có hiểu không: Đức cha là gì, là người làm chủ, người có quyền hành… có phải không?

- Đức cha có quyền hành,

- Thế hội đồng đội trưởng, ông bảo thế nào? Nếu hội đồng đội trưởng cho nó chịu lễ, thì cũng được chứ gì?

Kôdia mềm lòng vì câu chuyện này, lắc đầu trả lời:

- Hội đồng đội trưởng không làm được, chú ơi, hội đồng không ban phúc được.

Nhưng Lapô đặt hai tay lên đầu gối Kôdia và nói chắc chắn bằng một giọng thân ái hồn hậu:

- Có, làm được ông Kôdia ạ, làm được. Hội đồng đội trưởng ban được một thứ phúc, mà Đức Cha của ông cũng phải lác mắt!

Lão Kôdia hiền lành chú ý nghe Lapô nói khéo, thao thao bất tuyệt, và chỉ thiếu chút nữa là lão đầu hàng. Đức Cha và tất cả các thánh trên trời đã cho lão cái gì? Chẳng có gì hết. Vậy mà hội đồng đội trưởng quả đã giáng phúc cho lão, một cái phúc thực sự tốt lành: nó đã bảo vệ lão đối với vợ lão, cho lão một căn buồng sáng sủa, sạch sẽ, nó đã xỏ vào chân lão một đôi giày đẹp và bền, do đội một của Gut đóng. Có lẽ rằng trên thiên đường, khi lão Kôdia chết, cũng còn chút hi vọng đức chúa Trời đền bồi cho lão một cái gì nữa đấy, nhưng ở cõi trần này thì thực tuyệt đối không gì thay thế nổi hội đồng đội trưởng.

Ngoài cửa sổ lén xuất hiện bộ mặt bực

rọc của Galatenkô:

- Lapô, cậu ở đấy à?

Lapô đang thuyết ân tình bị ngắt lời, đáp:

- Có đây, có việc gì thế hả?

Galatenkô thong thả đặt khuỷu tay lên thành cửa sổ, mặt bừng bừng tức giận như một cốc rượu bốc hơi đau khổ. Đôi mắt to xám của y lấp lánh những giọt nước mắt muốn trào ra.

- Lapô, cậu có bảo nó không… không thì tớ giã cho nó một trận…

- Giã ai?

- Thằng Taranet.

Galatenkô nhận ra tôi trong phòng và

mỉm cười lau nước mắt.

- Việc gì thế vậy, Galatenkô?

- Nó có được quyền như thế hay là không chứ? Nó tưởng nó được quyền, vì nó là đội trưởng đội bốn hẳn, nhưng có lý nào thế không? Người ta bảo nó làm một ngăn chuồng cho con Hảo-hán, mà nó lại nói: cho con Hảo-hán và Galatenkô.

- Nó nói như vậy với ai?

- Với tụi mộc nhà nó.

- Thế thì sao?

- Ngăn chuồng là để cho con Hảo-hán đừng nhảy xuống khỏi toa, thế mà nó lại đi túm mình, để đo người, rồi thằng Taranet bảo: để con Hảo-hán bên trái, còn thằng Galatenkô bên phải.

- Để vào đâu?

- Vào ngăn buồng, chứ gì nữa?

Lapô gãi tai ra vẻ suy nghĩ, trong khi Galatenkô lặng yên chờ đợi hắn quyết định.

- Nhưng mà thực thì liệu mày có nhảy xuống khỏi toa không? Chả có lẽ nào thế.

Ngoài cửa sổ, Galatenkô giậm giậm chân và quay đầu lại nhìn.

- Tại sao lại nhảy? Tao nhảy đi đâu? Thế mà nó, nó lại bảo: đóng thật chắc vào, không nó làm vỡ toa.

- Ai làm vỡ?

- Thì tao chứ ai…

- Thế mày không làm vỡ toa chứ?

- Sao tao lại làm vỡ? Nói cho thực…

- Taranet nó cho là mày khỏe lắm. Đừng giận nó.

- Tao khỏe, là chuyện khác… Nhưng sao nó lại nói đến ngăn chuồng vào đấy được.

Lapô nhảy qua cửa sổ và chạy xuống ban mộc. Galatenkô lê bước đi theo hắn.

Ackađi Ujikôp cũng có mặt trong mớ sưu tập phẩm của Lapô. Lapô coi nó như một tiêu bản hết sức hiếm có và thành thực nhiệt tình nói về nó:

- Một đứa như thằng Ackađi, thì chỉ gặp được một lần trong cả đời người thôi, mà cũng chưa chắc. Nó không rời khỏi tao mười bước, nó sợ các tướng.

Nó ăn, nó ngủ bên cạnh tao.

- Nó yêu mày à?

- Tao chắc thế! Nhưng thằng Kôvan vừa đưa tiền cho tao mua dây thừng, là nó đã chíp liền.

Lapô chợt cười phá lên và hỏi Ackađi, ngồi trên một cái hòm:

- Này của nỡm, mày giúi vào đâu, nói thử xem.

Ackađi không thay đổi kiểu ngồi, cũng không lúng túng, trả lời bằng một giọng bình thản buồn rầu.

- Vào chiếc quần cũ của cậu.

- Thế rồi sau ra làm sao?

- Rồi sau cậu thấy.

- Tao đã không thấy, con ạ, mà tao đã

tóm được mày quả tang. Có phải thế không?

- Phải, thế đấy.

Cặp mắt đục ngầu của Ackađi không rời khỏi mặt Lapô, nhưng trông không ra vẻ mắt người: nó như mắt giả, đờ dại, mất tinh lạc.

- Nó có thể ăn cắp cả của bác đấy, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Cháu dám cam đoan là nó sẽ làm đấy! Phải không, có phải là mày sẽ làm thế không?

Ujikôp lặng thinh.

- Nó sẽ làm đấy! Lapô hứng chí nói, trong khi Ujikôp thản nhiên nhìn theo cử chỉ ý nghĩa của hắn.

Nitzenkô cũng quấn lấy Lapô. Cổ nó

dài khẳng khiu, yết hầu lộ ra, đầu nhỏ lắc lư trên vai, vẻ kiêu hãnh ngây ngô như con lạc đà. Lapô nói về nó:

- Với khúc củi ấy, thì đem ra làm cái gì cũng được: càng xe, cùi dìa, chậu gỗ, mai đào đất, làm được tuốt, những nó lại cứ tưởng ta là kẻ phóng khoáng đây!

Tôi thích thú nhìn tất cả bọn đó xoay quanh Lapô. Như vậy dễ cho tôi tách được hẳn khỏi hàng ngũ trại viên. Những câu châm ngôn hắn không ngớt miệng nói ra có tác dụng như một chất thuốc bột sát trùng rắc lên người chúng. Như thế tôi càng vững tin ở trật tự và nề nếp tốt của trại. Cảm giác ấy bây giờ rõ rệt quá, cơ hồ nó thành một sự mới lạ đối với tôi,

không hiểu tại sao. Tất cả các trại viên đều hỏi thăm tôi về Kuriajê, nhưng tôi thấy rõ đấy chỉ là vì lịch sự, như kiểu gặp nhau người ta hỏi: "bác có mạnh không?". Trong một vài xó xỉnh xa lánh của tập thể, sự quan tâm chú ý đến Kuriajê đã khô cạn và bốc hơi tiêu tán. Các đầu óc bàn nhiều việc, có nhiều cảm xúc khác mạnh hơn: nào là chuyện toa xe, chuyện ngăn chuồng cho con Hảo-hán và Galatenkô, nào các buồng ở của giáo viên, ngổn ngang những đồ vật giao cho trại viên trông nom, nào đêm ngủ trên cỏ khô, nào sự bủn xỉn bần tiện của Nextêrenkô, nào ba-lô, hòm, mủ chỏm bằng nhung mới, nào vẻ mặt buồn của bọn Marutxia, Natanka, và Tatiana ở

Gontsarôpka, nào những mầm ái tình chớm nở rồi đây sẽ phải khô đi giữa hai trang sách. Các mẩu chuyện và câu đùa cợt chạy trên mặt trại, tiếng cười tràn ngập, trong cái chế giễu thân thiện và không ác ý, nổ giòn như pháo. Nhìn xa thấy là cảnh nhởn nhơ nhẹ dạ, khác nào những làn sóng làm nhăn mặt cánh đồng lúa chín. Nhưng thực thì sức lực tiềm tàng trong mỗi bông lúa vẫn bình thản mơ màng, bông lúa an nhiên đu đưa dưới gió mơn trớn, không chút lo âu, không để rơi vãi một chút bụi phấn nhỏ nào. Các trại viên không quan tâm đến Kuriajê, cũng như bông lúa không quan tâm đến máy đập. Công việc ngoài đó, đến lúc làm sẽ làm, cũng như lúa đến lúc đập thì

sẽ đập.

Các trại viên đi chân đất ung dung bước nhẹ trên các lối đi ấm áp, mình họ thắt lưng nịt gọn ghẽ đu đưa trong lúc nghỉ ngơi. Mắt họ bình tĩnh nhìn tôi vui vẻ, môi họ thoáng điểm một nụ cười chào tôi thân thiện. Trong vườn hoa, trong vườn cây quả, trên các ghế dài bỏ lại buồn trơ, bên bờ sông, từng nhóm nhỏ tụ họp đây đó. Những đứa nhỏ đã biết kha khá chuyện đời thì ôn lại việc cũ: nhắc đến mẹ, đến những xe ngựa có súng liên thanh của du kích quân, đến những đội quân trong rừng và trên thảo nguyên. Trên đầu họ, lá cây và ong bay qua lại, và hương thơm của những đóa "Hoàng hậu Bạch tuyết" và dạ hợp trắng, đều im

lặng lắng nghe.

Trong một cảm giác áy náy mơ hồ, tôi bắt đầu nhận ra bản tình ca. Những hình ảnh giễu cợt của mục đồng, thần gió và thần ái tình lởn vởn qua đầu óc tôi. Nhưng nên biết rằng cuộc sống hay đùa cợt, có khi đùa trắng trợn nữa. Dưới bụi tử đinh hương, một thằng nhóc mũi hết và mặt cau có, mà mọi người đã đặt tên cho là thằng Chó-trụi, đang ngồi thổi ống sậy. Thực ra cũng không phải là ống sậy, mà là ống quyền, và cũng có lẽ là ống sáo nữa, và thằng bé có bộ mặt tinh ranh của một thần mục đồng nhỏ. Trên bờ sông, trong nội cỏ, bọn thiếu nữ đang tết hoa. Natasa Pêtrenkô đeo một vòng hoa mua xanh trên đầu, đẹp lộng lẫy như tiên, làm

tôi cảm động đến sa nước mắt. Và đây, từ một lùm cây hương mộc rậm rạp, thần Păng bỗng xuất hiện ở lối đi với bộ ria mép cười rung động và cặp mắt sâu xanh tối nhìn chấp chới!

- Thế mà anh làm tôi đi tìm mãi, tìm mãi! Họ bảo anh đi ra tỉnh. Thế nào, anh đã nói cho cái bọn ăn hại ấy nghe cả chưa? Bọn trẻ phải đi, mà cái lũ xuẩn ấy cứ đẻ ra chuyện, không coi ai ra gì nữa…

- Này, bác Kalina Ivanôvich ạ, tôi nói, trong khi bọn trẻ còn ở đây, thì bác nên về ngoài tỉnh mà ở với con trai bác là hơn. Kẻo rồi đến khi chúng tôi đi hết, bác về sẽ khó khăn hơn đấy.

Kalina Ivanôvich thọc tay vào túi áo rộng tìm tẩu thuốc:

- Tôi đã đến đây đầu tiên và tôi sẽ ra đi sau chót. Bọn nông dân ăn hại đã đưa tôi lại đây, thì bọn nông dân lại đưa tôi về. Tôi đã điều đình với lão Mutxi ngoài kia rồi. Di chuyển tôi có nghĩa lý gì đâu. Anh đọc sách chắc đã biết quả đất có từ [30] bao giờ. Thì đấy, từ hồi đó nhẫn nay , người ta đã di chuyển biết bao nhiêu lão già ngu như tôi, mà có đánh rơi mất một lão nào đâu. Họ sẽ chở tôi đi chu đáo, hề, hề…

Chúng tôi cùng đi trên đường nhỏ. Tẩu thuốc của Kalina Ivanôvich đỏ lòa lên, và mắt bác chấp chới nhìn vơ vẩn

các đầu bờ bụi, khúc sông Kôlômak chói ánh gương, bọn thiếu nữ quấn vòng hoa và thằng Chó-trụi với ống sậy của nó.

- Nếu tôi biết nói láo, như nhiều quân ăn hại, thì tôi sẽ bảo: tôi sẽ đi ra Kuriajê một chuyến, để xem chơi. Nhưng tôi cứ nói toạc ra rằng: tôi sẽ không đi đâu. Anh hiểu không, cái con người thực là tồi, một giống yếu ớt, mà lo nghĩ khiến nó hao mòn còn bằng mấy làm việc ấy. Bất chấp anh đã làm hay chẳng làm nên được trò trống gì, anh thử nhìn coi: lý thuyết mà nói thì trông vẫn là con người đấy, nhưng thực tế ra thì chỉ đáng đem nấu xương lên để lấy keo thôi. Bao giờ người đời thông minh hơn, họ sẽ đem người già ra mà sử dụng như thế. Cái của

đó, có thể làm keo tốt…

Sau một đêm không ngủ và sau những công việc chạy đây chạy đó ở ngoài tỉnh, tôi thấy người tôi trông xòng xõng như pha lê: thế giới bên ngoài kêu canh canh nhè nhẹ và tỏa ánh sáng thành những làn sóng vòng tròn. Kalina Ivanôvich nhắc lại những đoạn đời của mình; tôi chỉ có thể cảm thấy cái già hiện tại của bác mà buồn.

- Bác đã sống một cuộc đời đẹp đẽ, bác Kalina ạ, …

- Tôi bảo anh nhé – bác đứng dừng lại nhồi tẩu thuốc. Tôi không đến nỗi là một đứa xuẩn quá đâu và tôi hiểu sự đời. Nói

cho cùng, đời là một chuyện vô nghĩa: ăn cho đẫy bụng, rồi ỉa trước khi đi ngủ, đến lúc dậy lại nhồi bánh mì với thịt.

- Khoan đã, còn việc làm thì sao?

- Làm việc để làm gì chứ? Anh biết thói đời đấy: làm việc chỉ béo đứa ngồi không, phường ăn hại, còn những kẻ làm việc chẳng được lợi gì, thì hì hục từ sáng đến tối như trâu cày ấy.

Chúng tôi im.

- Tiếc rằng tôi sống cái thời những người bôn-sê-vich ít quá, Kalina Ivanôvich nói tiếp. Việc gì các tướng ấy cũng làm theo lối riêng của họ, họ ăn nói sống cục, mà tôi thì không thích những người thô lỗ.

Nhưng sống với họ thì cuộc đời đổi khác. Họ bảo mình, hề, hề, … bất chấp là anh đã chén say hay chưa, cái đó được, hay bất chấp anh phải đi đâu có việc gì, mặc kệ, anh hãy làm công việc của anh đi đã. Có phải thế không? Thành ra ai cũng cần làm việc. Có những kẻ ngu như mình, chẳng biết đếch gì hết, và lúc làm việc thì quên cả ăn, nếu không có vợ đến nó ca lên cho mà nghe. Còn anh, anh không nhớ à? Một lần tôi chả đến tìm anh và hỏi: anh đã ăn sáng chưa? Bấy giờ trời đã tối. Thế mà anh thần người ra nghĩ, hề, hề, xem anh đã ăn sáng hay chưa. Anh thấy hình như đã ăn rồi, nhưng có lẽ từ hôm qua. Anh đã quên khuấy mất, hề, hề, … Có phải thế không?

Chúng tôi đi chơi liên miên trong vườn hoa cho đến tối. Khi mặt trời đã tắt hẳn, Kôchia Sarôpxki chạy đến, tay cầm một cành lá quất vào bắp chân trần để đuổi muỗi mà nói giận dỗi:

- Mọi người đã vẽ mặt trời cả rồi mà hai bác vẫn còn đi chơi! Anh em cho đi mời hai bác về. Trời ơi, Nga hoàng ngộ hết sức! Lapô đóng đấy. Hắn làm cái mũi đến buồn cười!.

- Tất cả các bạn thân của chúng tôi trong làng và trong cái trại ấp đã hẹn hò nhau đến xem hát. Thôn Lunatsacxki đến đủ mặt. Ngồi trên ngai vua, sau tấm màn buông, Nextêrenkô đang phần trần với bọn trẻ trách móc anh ta keo kiệt, bạc

bẽo, vô tình. Onga Vôrônôra, đang bận đánh phần trước gương hóa trang con gái Nga hoàng, phát bực mình:

- Chúng nó đang hành anh Nextêrenkô của tôi ngoài ấy.

- Không phải lần đầu chúng tôi trình diễn "Bọ chét", nhưng lần này chuẩn bị vở kịch khó nhọc hơn nhiều, vì những tay vẽ mặt nghề là Butzaï và Gôrôvich đã đi Kuriajê cả. Thành thử những kiểu hóa trang lộ liễu trông hết sức chướng. Nhưng không ai để ý: vở kịch chỉ là dịp để chan hòa tình cảm với nhau lần chót. Lễ chia tay, về nhiều điểm, có thể không cần đến mọi hình thức dàn cảnh. Những cô gái nhỏ ở Pirôgôpka và Gôntsarôpka

cảm thấy như mình sống lùi về thời tiền sử, vì đối với các cô, lịch sử bắt đầu là từ khi có những chàng trai không thể nào không mê cho được của trại Gorki đến trên sông Kôlômak. Trong các góc xưởng trống của nhà cối xay gió, bên những lò sưởi tắt từ tháng ba, trong các chỗ tối sau hậu trường, trên các ghế dài tạm thời, trên các súc gỗ và trên các đồ phụ tùng ước lệ linh tinh của nhà hát, các cô thiếu nữ ngồi đây, khăn trùm đầu in hoa trụt xuống vai, để lộ những mái tóc vàng óng nghiêng nghiêng buồn bã. Không còn có những lời nói nào, không còn có khúc nhạc thần tiên nào, không còn có tiếng nỉ non nào có thể đem vui tươi lại cho lòng trinh nữ của các cô được nữa. Ngón tay

búp măng của các cô buồn rầu vân vê đường viền những chiếc khăn choàng trên đầu gối, nhưng cả đến những điều đó từ nay cũng chỉ còn là những trò duyên dáng muộn màng và vô ích mà thôi. Các trại viên ngồi bên các cô làm ra vẻ mặt ảo não muốn chết. Từ buồng trò diễn của diễn viên, Lapô, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn ra và, nheo mũi hóm hỉnh ngó cái xác chết xinh xắn của thần Quypiđông, hắn lấy giọng đường mật nói:

- Này Pêchia, chú nó ơi!... Không có chú ở bên cạnh thì Marutxia cũng vẫn có thể cứ im lặng không nói được đấy, vậy chú hãy đi sửa soạn đi… Chú đã quên rằng, chú phải làm ngựa à?

Thay cho cái tiếng "Hà!" giải thoát bất nhã mà hắn cố nén đi, Pêchia xảo quyệt thốt ra một tiếng thở dài tế nhị từ biệt, và để Marutxia ngồi lại, đắm chìm trong đơn chiếc. Hắn lấy làm sung sướng vì trái tim những cô gái như Marutxia đã cấu tạo trên nguyên tắc có những bộ phận thay đổi được. Hai tháng sẽ trôi qua, và Marutxia sẽ vặn vít tháo cái hình han rỉ không dùng được nữa của Pêchia, rồi lấy chất dầu ben-din của hi vọng để tẩy sạch trái tim mình, cô sẽ lại vít vào đấy, như một bộ phận thay thế mới toanh, hình ảnh của Panatxơ ở Xtôrôjêvôiê. Anh chàng này lúc đó, giữa một nhóm trại viên, cũng đang buồn phải từ giã các bạn tốt ở trại Gorki, nhưng trong thâm tâm thì gã

đã thầm tính chuyện làm thế nào thích ứng được vào chân vít của trái tim Marutxia. Rút cục thì mọi sự trên đời đều được xếp đặt tốt cả, và chính Pêchia, hắn cũng bằng lòng với vai trò của hắn: làm một con ngựa trong cỗ xe tam mã [31] của Platôp, vị thủ lĩnh cô dắc ( ).

Nghi lễ từ biệt đã bắt đầu. Sau những lời hồn hậu nồng nhiệt, sau những câu chúc tụng lên đường bình yên, những lời ân tình đoàn kết giữa những người lao động, màn được kéo lên: chung quanh Nga hoàng vô tài, ngu ngốc, ra đứng chầu những tướng già nua, trong khi một tên gác của nặng nề, điệu bộ lố bịch, quét ở lưng họ cái bụi rậm suy vi ở người họ

rơi xuống.

Do cửa sau của xưởng trống, một cỗ ba con ngựa phi nước đại chạy ra. Galatenkô, Kôrytô, Fêđôrenkô, nhai hàm thiếc và đầu nặng trịch ngật ngưỡng đưa lên đưa xuống, giẫm đạp nát cả đồ đạc nhà hát, ầm ầm kéo bay ra sân khấu Taranet, xà-ích của chúng, ở đầu dây cương căng thẳng: xe tam mã làm mặt sàn cũ kêu răng rắc. Tay thủ lĩnh trung hậu Platôp, cựu quân nhân khôi hài, thì túm chặt thắt lưng Taranet. Vai đó do ngôi sao mới sân khấu chúng tôi là Ôlec Ôcnep đóng. Quần chúng lấy ngón tay cái dập tắt những tia lửa buồn sau chót để lặn ngụp vào trong xoáy lốc của những tưởng tượng và của cái đẹp trên

sân khấu. Ngồi hàng đầu, Kalina Ivanôvich thích thú cười đến phát khóc, và đưa một ngón tay vàng khè, dăn dúm, lên quệt ngang mộ giọt nước mắt.

Tôi chợt nhớ đến Kuriajê.

Không, bây giờ hẳn không phải là lúc van xin buông tha, vì sẽ không có ai đẩy xa đi cho tôi cốc rượu cay đắng ấy. Tôi bỗng thấy người mỏi mệt và kiệt sức không thể nào tả được.

Trong buồng trò của diễn viên, cảnh thực là vui vẻ đầm ấm. Lapô mặc áo Nga hoàng, mũ vương miện đội lệch bên tai, và ngồi trong cái ghế bành rộng của Êkatêrina Grigôriepna, đang khen

Galatenkô đóng vai ngựa tuyệt giỏi.

- Không nói đến sân khấu, chứ thực trần đời mình chưa hề thấy có con ngựa nào như thế bao giờ.

Ôlia Vôrônôva bảo Lapô:

- Vania, đứng lên đi, để cho bác Antôn Xêmiônôvich ngồi nghỉ. Và tôi ngủ thiếp đi trong cái ghế bành dễ chịu ấy, không đợi diễn hết vở kịch. Trong giấc ngủ tôi nghe thấy tiếng lanh lảnh của bọn trẻ đội mười bàn tán lao xao ầm ỹ.

- Ta khiêng bác về buồng bác! Nào khiêng đi! Nào ta khiêng bác!

Nhưng Xilanti thì thào can chúng:

- Mày, thì đó, đừng có toe toe cái mồm mày lên, như người ta nói. Bác ấy ngủ, đừng động đến bác, có thế thôi… Mày có thấy không, chuyện trò thế đấy.

6. NĂM NGÀY

Hôm sau tôi ra đi, sau khi ôm hôn từ biệt Kalina Ivanôvich, Ôlia và Nextêrenkô. Kôvan được chỉ thị thực hiện đúng kế hoạch vận chuyển lên toa và cùng toàn trại đi Khackôp, trong năm hôm nữa.

Tôi cảm thấy bứt rứt. Trong người tôi có nhiều cái đã mất thăng bằng tự nhiên, nên tôi không được thư thái. Từ ga Ryjôp tôi về đến tu viện Kuriajê vào khoảng một giờ trưa. Chưa qua khỏi cổng, những cái gọi là chuyện khó chịu đã đổ dồn lên đầu tôi.

Có một ủy ban điều tra đóng ở Kuriajê: Brêgen, Klame, Iuriep, ông biện lý, và trong bọn họ không hiểu sao lại lăng xăng có mặt cả viên giám đốc cũ của trại. Brêgen nghiêm khắc bảo tôi:

- Họ đã bắt đầu đập chết lẫn nhau ở đây.

- Những ai đập và những ai bị đập?

- Không biết, thế mới phiền… và cũng không rõ ai thủ mưu.

Ông biện lý, một người phục phịch đeo kính, nhìn Brêgen như người có tội và ôn tồn nói:

- Tôi cho là…việc đã rõ ràng. Có lẽ không có chuyện xúi giục. Một việc trả

thù, đại loại thế… Nói cho đúng, đấy là một vụ hành hung không quan trọng. Song cũng nên biết những ai là thủ phạm. Nhưng ông giám đốc đã đến… Có lẽ ông sẽ tìm hiểu rõ hơn được ít nhiều chăng, ông sẽ tin cho chúng tôi biết.

Brêgen rõ rệt có vẻ không bằng lòng với thái độ của ông biện lý. Không nói thêm với tôi một tiếng nào nữa, bà bước lên xe. Iuriep gượng gạo mỉm cười với tôi. Ủy ban điều tra đi.

Thằng Đôrôskô, trẻ nuôi của trại, đang đêm mò vào các phòng ngủ quơ một mẻ được sáu đôi giày tương đối mới, lúc đem chuồn ra lối cổng thì nó bị đánh ở giữa sân. Mọi việc xảy ra ban đêm

chứng tỏ rằng trận đòn ấy được tổ chức hẳn hoi và thằng Đôrôskô bị theo dõi ngay trong khi nó ăn cắp. Nó đã ra đến gác chuông, bống từ những bụi dạ hợp ở chân tường tòa nhà bên cạnh, có người ném lên đầu nó một cái chăn, và, ngã quỵ xuống, nó bị đánh dừ tử. Gorkôpxki ở chuồng ngựa về đi qua đấy, trông thấy trong bóng tối những hình bé nhỏ chạy tan tác tứ phía, bỏ mặc thằng Đôrôskô đấy nhưng đem theo cả chăn đi. Cuộc điều tra tiến hành ngay tức khắc trong các buồng ngủ để tìm ra thủ phạm, không có kết quả gì: tất cả mọi người đều ngủ im. Thằng Đôrôskô thâm tím mình mẩy, phải đưa nó vào nằm trong nhà thuốc của trại và gọi y sĩ đến, nhưng y sĩ nhận thấy

nó không bị nguy hại gì trong cơ thể. Tuy nhiên Gôrôvich báo ngay cho Iuriep biết.

Ủy ban đến, do Brêgen chủ tọa, đã điều tra ráo riết. Đội đặc biệt của chúng tôi ở ngoài đồng bị gọi về và hỏi riêng từng người. Nhất là Klame có tìm cho ra chứng cớ để tố cáo các trại viên Gorki. Không một giáo viên nào được hỏi đến, nói chung người ta tránh nói chuyện với họ, chỉ ra lệnh cho họ gọi người này, người nọ. Trẻ nuôi ở Kuriajê, gọi lên phòng riêng để hỏi, chỉ có hai người là Khôvrak và Pêretz, như vậy có lẽ chỉ vì chúng đã kêu lên dưới các cửa sổ:

- Phải hỏi chúng tôi! Hỏi chúng nó làm gì? Chúng nó sẽ giết chúng tôi mà không

kêu được với ai!

Nằm trên giường trong phòng thuốc, Đôrôskô, một gã mười sáu tuổi, mặt sần sùi, nhìn tôi bằng con mắt chăm chú và ráo hoảnh mà nói nhỏ:

- Cháu định nói với bác từ lâu…

- Ai đã đánh chú?

- Bọn ấy đến đây làm gì?... Còn những đứa đã đánh cháu, cái đó việc gì đến ai! Nhưng cháu, cháu nói với bác là không phải các anh em ở bên bác đâu, mà họ thì cứ muốn cho là các anh ấy. Nếu không có các anh em ở bên bác, có lẽ chúng nó giết cháu mất. Vừa lúc anh ta đi qua, các anh làm đội trưởng ấy, chúng nó liền bỏ

chạy, những thằng nhãi đánh cháu…

- Nhưng là ai chứ?

- Cháu không nói đâu… Không phải là cháu ăn cắp cho cháu. Hắn ra lệnh cho cháu, buổi sáng…hắn…

- Khôvrak à?

Im lặng.

Đôrôskô úp mặt xuống gối khóc. Qua những tiếng nức nở của nó, tô chỉ loáng thoáng nghe nó nói:

- Hắn… rồi hắn sẽ biết chuyện… Cháu tưởng… lần này là lần cuối cùng… cháu cứ tưởng…

Tôi đợi nó bình tĩnh lại và lại hỏi:

- Vậy chú không biết ai đã đánh chú à?

Nó bỗng ngồi nhỏm dậy, hai tay ôm lấy đầu và lắc lư người bên nọ sang bên kia, vẻ vô cùng đau đớn. Rồi vẫn ôm đầu, nó mỉm cười qua nước mắt:

- Biết chứ, sao lại không biết? Không phải các anh em ở Gorki đâu. Anh em sẽ không làm ăn như thế.

- Vậy làm như thế nào?

- Cháu không biết, nhưng không dùng chăn… Họ không thể nào, với một cái chăn…

- Tại sao chú khóc? Chú đau à?

- Không, cháu không đau, nhưng cháu đã tưởng, lần này là lần cuối cùng… và cho rằng bác sẽ không biết…

- Không sao đâu, tôi nói. Chú cứ khỏi đi, rồi ta sẽ quên hết mọi chuyện đó.

- À, vâng… Xin bác, bác Antôn Xêmiônôvich, bác sẽ quên đi cho…

Sau cùng, nó trấn tĩnh lại được.

Tôi mở đầu cuộc điều tra của riêng tôi. Gôrôvich và Kirghizôp mới thoạt đầu dang hai cánh tay ra, giận dỗi. Ivan Đênitxôvich cũng cố làm ra vẻ chó dữ, xù cặp lông mày lên, nhưng mặt anh ta

bấy lâu nay đã được phủ đầy không biết bao nhiêu lớp dễ dãi hiền lành, cho nên cái nhăn nhó kia chỉ làm tôi bật cười hỏi:

- Anh Ivan Đênitxôvich, sao anh lại làm cái bộ mặt ấy?

- Thế sao? Sao tôi lại làm cái bộ mặt ấy à? Họ giết nhau ở đây, thế thì tôi, tôi cũng phải biết chứ! Chúng nó đã giã cái thằng Đôrôskô, thì còn gì nữa, lại là chuyện trả thù cũ…

- Tôi ngờ rằng không phải chuyện trả thù cũ.

- Thế là chuyện gì?

- Có lẽ trong việc này chỉ có chuyện thù

mới đấy thôi. Nhưng này, anh có chắc là không phải tụi trẻ Gorki không?

- Trời! Bác nói gì vậy? Ivan Đênitxôvich đáp, vẻ sửng sốt. Chúng nó đánh làm quỷ gì chứ?

Vôlôkhôp nhìn tôi bằng con mắt dữ tợn:

- Ai? Chúng cháu ấy à? Đánh thằng nhãi ranh ấy à? Đứa nào trong bọn chúng cháu mà lại làm cái việc khốn nạn ấy? Nếu là thằng Khôvrak, hay thằng Tsurilô, hay thằng Kôrôtkôp chẳng hạn, à thì không phải nói, ngay lập tức, bác chỉ việc bảo một tiếng thôi! Nó đi thâu giày thì đã sao? Đêm nào chúng nó chẳng ăn cắp như thế. Còn được bao nhiêu đôi giày

như vậy nữa? Có quan hệ gì đâu, một khi trại ta tới đây thì sẽ không còn gì hết nữa. Vậy thây kệ chúng nó ăn cắp, cho chúng nó chết. Chúng cháu cũng chẳng thèm để ý đến. Còn chúng nó không muốn làm việc, thì cái đó lại là chuyện khác…

Tôi thấy Êkatêrina Grigôriepna và Liđa đang rất hoang mang trong căn buồng trơ trụi của các chị. Ủy ban đến không rời mắt khỏi cái sân ngập đầy rác rưởi. Êkatêrina Grigôriepna thì dò xét mặt tôi hỏi bằng con mắt tuyệt vọng:

- Bác hài lòng hả? Chị hỏi.

- Hài lòng cái gì?

- Tất cả: trai, bọn trẻ, các cấp lãnh đạo?

Tôi nghĩ ngợi một lúc: tôi có hài lòng chăng? Nhưng thực thì tôi có lý do gì không hài lòng? Tất cả những chuyện này đại khái đều hợp với điều tôi dự đoán. Tôi đáp:

- Vâng, và nói chung, tôi không thấy có gì phải kêu ca.

- Thế thì tôi, tôi kêu ca, Êkatêrina Grigôriepna nói, vâng, tôi kêu ca đấy. Tôi không thể hiểu làm sao chúng tôi cô đơn đến thế. Ở đây, là cảnh thảm họa lớn, một bi kịch khủng khiếp của loài người, thế mà ai tới thăm chúng tôi, những hạng… hạng quan liêu, đầy vẻ

quan trọng, khinh bỉ chúng tôi. Trong cảnh đơn độc này, chúng tôi nhất định phải thất bại. Tôi không muốn, tôi không thể…

Liđa thong thả đập nắm tay nhỏ nhắn lên bậu cửa sổ và nói với bạn. Chỉ thiếu một ly nữa là chị ta không nhịn nổi khóc òa lên:

- Tôi là một nhân vật nhỏ bé, rất nhỏ bé… Tôi muốn làm việc, tôi hết lòng muốn làm việc… và không biết chúng tôi có thể lay chuyển núi… Nhưng tôi là một người… một con người, chứ không phải là một con bọ.

Chị lại quay ra cửa sổ. Tôi đóng cửa lại

cẩn thận và bước ra bậc tam cấp lung lay. Ở dưới bậc có Vania Zaïtsenkô và Kôxchia Vetkôpxki. Kôxchia cười:

- Thế là, rồi sau đó chúng nó sực tuốt cả!

Vania, vẻ trịnh trọng và đầy cao cả, khoát cánh tay rộng ra phía chân trời, nói:

- Thì đã hẳn. Chúng nó nhóm lửa lên, luộc khoai và chúng nó chén. Rồi chúng nó nằm lăn ra ngủ trưa. Đội của tôi làm ở gần đấy, gieo hạt dưa hấu. Chúng tôi cười, và đội trưởng chúng nó, thằng Pêtruskô, nó cũng cười… Thế rồi… Nó bảo: khoai luộc cả vỏ, ngon lắm!

- Thế nghĩa là rút cục chúng nó đánh tuốt

cả khoai! Nhưng chỗ ấy cũng có đến bốn mươi pút ấy chứ!

- Như thế đấy. Chúng đã luộc lên và sực ráo. Chúng giấu một ít trong rừng, còn thì để lại ngoài đồng. Rồi chúng nó ngủ. Rồi chúng nó cũng không đến phòng ăn. Thằng Pêtruskô bảo: đi ăn làm gì, hôm nay đã giồng khoai giống rồi mà. Có thằng Ôđariuc bảo nó rằng: mày là thằng chó! Thế là hai đứa đánh nhau. Còn anh Misa bên các anh, lúc đầu anh ấy ở đây, anh ấy bảo chúng nó cách giồng khoai, rồi sau người ta gọi anh ấy lên ủy ban.

Hôm nay Vania không đeo những tã rách lê thê của nó nữa, nó mặc quần cụt có túi, kiểu ấy chỉ có ở trại Gorki. Chác lại

chỉ là Sêlaputin hay Tôxka chia sẻ áo quần cho nó. Vania kể chuyện với Vetkôpxki, làm điệu bộ khoa cánh tay rộng rãi và giậm đôi bắp chân mảnh khảnh gọn ghẽ của nó xuống đất. Vừa nói nó vừa chớp mắt nhìn tôi. Trong đôi mắt nó nhảy múa những tia lửa đầm ấm, vẻ hài hước và trẻ con ngộ nghĩnh:

- Chú khỏi rồi à, Vania? tôi hỏi.

- Ồ! Cháu khỏe mạnh, nó vuốt tay lên ngực đáp. Đội cháu hôm nay ra làm với đội đặc biệt một "D", ha, ha, "D" nghĩa

[32]

là dưa hấu ( ). Chúng cháu cùng làm với Đơnit, rồi sau người ta gọi anh ấy đi, thế là chúng cháu làm tiếp không có anh

ấy. Rồi bác xem dưa hấu nó mọc lên như thế nào cho mà coi. Thế bao giờ anh em ở Gorki tới? Năm hôm nữa hả bác? À, để rồi xem các anh ấy như thế nào, thú lắm. Thú thật đấy.

- Vania, chú nghĩ thế nào, ai đã đánh Đôrôskô?

Vania bỗng quay mặt nghiêm nghị về phía tôi và mắt nó không rời nhìn đôi kính của tôi. Má nó nheo lại, giãn ra, rồi lại nheo lại, và sau cùng nó đảo đầu như một cái chong chóng, miết một ngón tay lên quanh vòng tai và mỉm cười:

- Cháu không biết.

Rồi nó bỏ đi, rảo bước mau, như có việc

gì quan trọng đang gọi nó.

- Hãy khoan, Vania! Chú biết và chú phải nói cho tôi biết.

Vania dừng lại ở chân tường nhà thờ, nhìn tôi từ đằng xa, rồi sau một lát bối rối, nó nói tự nhiên và mạnh dạn như người lớn, dằn từng tiếng:

- Cháu nói thật với bác nhé: cháu có ở trong bọn, nhưng còn những ai nữa thì cháu sẽ không nói! còn nó thì từ nay nó đừng ăn cắp nữa!

Vania và tôi, cả hai chúng tôi cùng đứng lặng trầm ngâm. Kôxchia đã bỏ đi rồi. Chúng tôi nghĩ ngợi, nghĩ ngợi, rồi tôi bảo Vania:

- Đi phạt giam. Ở câu lạc bộ thiếu niên. Bảo cho Vôlôkhôp biết là chú bị phạt giam cho đến chuông đi ngủ.

Vania ngước mắt lên, lặng lẽ gật đầu ra hiệu vâng theo, và chạy lên câu lạc bộ thiếu niên.

Trên bối cảnh cả cuộc đời tôi, tôi hình dung năm ngày hôm ấy như một cái gạch đen dài. Một cái gạch, không hơn không kém. Bây giờ tôi rất khó nhớ lại một vài chi tiết về sự hoạt động của tôi ngày đó. Có lẽ, xét cho cùng, không phải là hoạt động, mà là một thứ vận động nội tâm, không chứng chỉ tiềm tàng, đó là sự nghỉ ngơi của những sức lực có kỷ luật chặt chẽ. Hình như bấy giờ tôi cật lực làm

việc phân tích, giải quyết các vấn đề. Sự thực, tôi chỉ là chờ đợi các trại viên Gorki tới.

Nhưng chúng tôi cũng có làm được ít nhiều việc.

Tôi còn nhớ: chúng tôi đều đặn dậy đúng năm giờ. Chúng tôi cũng đều đặn và nhẫn nại mà bực tức thấy Kuriajê không có một chút nào muốn theo gương chúng tôi hết. Trong thời gian đó, đội đặc biệt hầu như không ngủ: có những công việc không thể nào trì hoãn được. Sêrê đến sau tôi một hôm. Trong khoảng hai tiếng đồng hồ, anh ta đưa cặp mắt sắc bực tức đo đạc các cánh đồng, sân sướng, hố tiêu, đất trống, đi lại quần quật khắp đất

đai, lầm lì, gặm nhấm tất cả mọi thứ bẩn thỉu của loài thực vật. Tối đến, các trại viên Gorki bị cháy nắng, gầy rạc và lem luốc, bắt đầu dọn dẹp chỗ nuôi đàn lợn khổng lồ của chúng tôi.

Mọi người đào hố để đặt khung gieo giống và nhà kính ấm. Vôlôkhôp bây giờ tỏ ra là một đội trưởng và một nhà tổ chức đại tài. Hắn tìm được cách xếp đặt cho hai đội ngựa ở ngoài đồng chỉ cần đến một người điều khiển, đề dùng số người còn lại đi làm việc khác.

Piôtr Ivanôvich Gôrôvich sáng ra đi, đầu đội một cái mũ Nga vành rộng, tay cầm một cái mai, kiểu xinh đặc biệt, mà anh khua lên bảo một nhóm trẻ tò mò:

- Đi xới đất đi, các cậu trai tráng!

Các cậu "trai tráng" Kuriajê quay lưng đi, ai theo công việc nấy. Giữa đường chúng bắt gặp Butzaï, đen như đêm tối trong chiếc quần cụt. Chúng vẫn giữ vẻ e dè lúng túng nghe anh ta chào mời bằng những giọng thấp nhất trong âm vực:

- Tao còn phải làm việc thay chúng mày lâu nữa à, hử những quân lười khốn kiếp?

Chiều chiều có anh nào trong bọn học viên trung học của chúng tôi đến và cầm lấy một cái xẻng, thì lập tức tôi đuổi ngay họ về Khackôp: không nói chuyện đùa, bây giờ đang là khóa thi mùa xuân!

Lớp học viên trường trung học công nông đầu tiên của chúng tôi năm nay thi lên các trường cao đẳng.

Tôi nhớ lại: trong năm ngày ấy đã có làm được hoặc bắt đầy làm rất nhiều công việc. Bôrôvôi đã hoàn thành nhanh như chớp những cái nhà còn dùng làm nhà xí, vừa rộng rãi vừa kín gió. Chung quanh bác ta bây giờ là cả một kíp thợ mộc đang tới tấp làm các việc cho những nhà kho, nhà trường, nhà ở, nhà kính lạnh và ấm. Một nhóm ba người thợ khác bới tìm lòng đất: dân ở Pôtvrki mách cho chúng tôi biết rằng ở Kuriajê có một đường ống nước từ hồi còn các thầy tu. Quả thực có một bể chứa nước lớn xây trên sân thượng gác chuông, và dưới chân tháp

chúng tôi đã đào được khá dễ dàng các ống dẫn nước.

Trong hai ngày cái sân đã ngập đầy những ván dỗ, vỏ bào, giầm nhà, và các đường hầm hô xẻ dọc xẻ ngang; thời kỳ xây dựng lại, theo nghĩa thực dụng của chữ đó, đã bắt đầu.

Chúng tôi không cải thiện được mấy tí những điều kiện ở sạch cho dân Kuriajê, nhưng nói cho thực thì chính chúng tôi cũng ít tắm rửa. Từ sáng tinh mơ, Sêlaputin và Xôlôviep vác thùng xuống cái suối "nhiệm mầu" ở chân đồi, nhưng trong khi chúng còn đang leo sườn núi dốc đứng, làm tung tóe cả những giọt nước quý báu, thì chúng tôi đã chạy đến

nơi làm việc cả rồi, bọn trai đã ra đồng và các thùng nước nằm đó vô ích cho nước nóng dần lên giữa các bức tường nung nấu của câu lạc bộ thiếu niên. Về các khoản vệ sinh khác, tình trạng cũng kém cỏi như thế. Đội mười của Zaïtsenkô đã đánh bài liều chạy sang phe chúng tôi, phá cả mọi kế hoạch sắp xếp, đến đóng ở phòng chúng tôi và ngủ ngay trên mặt sàn, quấn chăn của chúng. Tuy đội phó gồm toàn những đứa trẻ xinh xắn và ngoan ngoãn, nhưng chúng đã đem theo sang cho chúng tô không biết mấy mươi đời chấy rận.

Đừng về phương diện những vấn đề sư phạm thế giới thì đó không phải là một tai họa lớn lắm, nhưng chị Liđa bé nhỏ

và chị Ekatêrina Grigôriepna cứ khẩn khoản yêu cầu chúng tôi nên hết sức tránh đến thăm các chị trong phòng các chị, và khi gặp trường hợp phải đến thăm thì làm thế nào càng ít dùng đến đồ đạc càng tốt, đừng đến gần các bàn, giường các đồ vật khác dễ bắt chấy rận. Chính các chị ấy phòng bị ra làm sao và vì đâu các chị xét nét chúng tôi gay gắt đến thế, tôi thực cũng khó nói, bởi vì các chị hầu như cả ngày không rời khỏi phòng ngủ của các trẻ nuôi, các chị đến đấy để tìm hiểu cho sáng tỏ nhiều mặt sinh hoạt xã hội ở Kuriajê, theo một chương trình điều tra riêng của tổ chức Kômxômôn.

Tôi đã quyết định tổ chức lại hoàn toàn tất cả các nhà của trại và đổi thành phòng

ngủ những buồng dài của lũ xá thầy tu cũ. Mà Kuriajê gọi là nhà trường. Như vậy là tôi dồn cả bốn trăm trẻ nuôi ở hết vào một nhà thôi. Dọn quang những đồ sa thải của học cụ ở đó, để giao nhà cho các thợ nề, thợ mộc, thợ sơn và thợ kính, việc đó chẳng tốn mấy công sức. Tôi chọn ngay cái nhà không có cửa mà "nhóm thứ nhất" đang ở để làm trường học. Tất nhiên việc tu sửa lại cho mới không thể nào làm được khi các ông tướng Kuriajê còn đang chui rúc ở đấy.

Nhất định là chúng tôi đã hoạt động phi thường, nhưng không phải hoạt động trong khuôn khổ sư phạm. Không một xó nào của trại không có người làm việc. Cái gì cũng được sửa chữa, quét vôi, sơn

lại, xát xà phòng. Chúng tôi dọn cả phòng ăn ra sân, để quét cẩn thận một lần vôi lên tượng đắp nổi của các vị thánh thần giống đực và giống cái. Nhưng không nói đến chuyện phục hồi các phòng ngủ.

Dân bản trại Kuriajê vẫn tiếp tục ở đấy mà ngủ ngày, tiêu hóa và nuôi chấy rận, ở đấy mà ăn cắp lẫn nhau mọi thứ, trong khi đầu óc chúng tôi không biết vận chuyển những ý nghĩ u ẩn gì về tôi và sự hoạt động của tôi. Tôi đã thôi đi thăm các phòng ngủ và nói chung đã hết để ý đến đời sống nội tâm của sáu cái nhóm "tập thể" bản xứ ấy. Tôi đã sắp xếp cho những quan hệ xúc tiếp giữa tôi với chúng phải theo những giờ quy định

nghiêm túc. Cứ đúng bảy giờ sáng, giữa trưa và sáu giờ chiều, các cửa phòng ăn mở ra, một chú trai của tôi kéo chuông và các trẻ nuôi Kuriajê uể oải bước đến tàu ăn. Tuy nhiên đến chậm quá thì cũng không lợi cho chúng, không những vì phòng ăn đóng cửa đúng giờ, mà còn vì những đứa đến trước ăn ngấu nghiến cả phần của chúng lẫn phần bạn. Những đứa đến chậm chửi rủa chúng tôi với nhân viên cấp dưỡng và chính quyền xô-viết, song chúng cũng không dám phản kháng kịch liệt hơn, vì đội trưởng đội tiếp tế của chúng nó vẫn là Misa Ôptsarenkô.

Không bao lâu tôi thấy thích thú một cách thầm kín và tinh quái khi nhìn thấy trở ngại mà từ nay chúng phải vượt qua

đến tới phòng ăn, và ăn nó rồi lại phải từ đấy mà đi làm các việc riêng của chúng. Trên đường của chúng chỉ toàn là những giầm nhà, hố xẻ, cưa ngổn ngang, rìu giơ cao, chậu nhào đất sét, hàng đống xi-măng… không kể chính lương tâm của chúng nữa. Một vài dấu hiệu tỏ ra rằng những tấn bi kịch đã bắt đầu ở trong đầu óc chúng, không phải nói theo cách cợt [33]

đùa, nhưng đúng theo nghĩa Sêcxpia của chữ ấy. Tôi tin chắc rằng vào hồi đó có nhiều trẻ nuôi Kuriajê đã thầm ngâm nga câu: "Sống hay không sống? Vấn đề [34]

là ở đấy" .

Từng tốp nhỏ một chúng dừng chân lại bên những người đang làm việc, đớn hèn nhìn xem các bạn chúng rồi lững thững trở về phòng ngủ, dáng đi tội lỗi, nghĩ ngợi. Nhưng ở đó chẳng còn gì thú vị nữa, cũng chẳng còn có gì mà ăn cắp hết. Chúng lại đi thơ thẩn quanh những chỗ làm việc; vì lầm ngượng với anh em, chúng không quyết định được kéo cờ hàng, để xin phép dù chỉ là được khuân một cái gì từ chỗ này sang chỗ nọ. Bọn trại Gorki đi lại giữa bọn chúng thẳng băng một mạch, nhanh như cắt, bay lượn nhẹ nhàng qua các trở ngại. Chúng ngây người thán phục sự khéo léo mê hồn của họ, và lại dừng chân đứng ngó như kiểu Hamlet hay Côriôlan vậy. Nhưng tình thế

của chúng có lẽ còn bi thảm hơn, vì không có ai quát bảo Hamlet bằng một giọng vui vẻ:

- Mày đừng có đứng quẩn chân, còn hai giờ nữa mới đến bữa ăn cơ!

Cũng vẫn với niềm vui thú không tốt và bất chính ấy, tôi nhận thấy sự sợ hãi làm giá lạnh và ngừng đập trái tim của chúng khi nghĩ đến những trại viên Gorki. Các đội viên của đội đặc biết thỉnh thoảng lại thốt ra những câu mà chắc chắn họ sẽ không nói nếu họ đã tốt nghiệp ở một trường cao đẳng sư phạm:

- Mày hãy đợi bọn bên chúng tao sang đây, rồi mày sẽ được biết sống ăn bám

vào người khác là như thế nào…

Một vài đức, vào hạng lớn tuổi và tinh nhanh nhất trong bọn, cũng cố làm cho mọi người hoài nghi tầm quan trọng của những sự việc sắp tới, nên hỏi lại không khỏi có ý mát mẻ:

- Chà, sắp có chuyện gì mà ghê gớm đến thế nhỉ?

Đơnit Kutlaty trả miếng lại ngay:

- Sắp có chuyện gì à? Có chuyện là chúng nó sẽ quàng dây cương vào cổ mày ấy, mà quàng là quàng nhé… Khiến cho đến khi lấy vợ mày còn nhớ mãi nữa kia.

Misa Ôptsarenkô thường vẫn không ưa những câu nửa vời úp mở, nói toạc móng heo hơn nữa:

- Ở đây chúng mày có bao nhiêu đứa ăn không, hai trăm tám mươi hay gì gì cũng bất chấp, là sẽ có chừng ấy cái mặt nát ra tương. À, cứ đợi đấy chúng nó khiến cho, coi chả đẹp mắt đâu!

Khôvrak cũng nghe lời diễn thuyết ấy và lẩm bẩm trong mồm:

- Khiến chúng tớ! Các cậu không phải là ở trại Gorki. Đây là Khackôp nhé.

Misa coi vấn đề nêu lên quan trọng đến nỗi hắn ngừng tay làm việc và ôn tồn nói:

- Anh bạn này, anh nói cái gì, rằng ở đây không phải là trại Gorki mà là Khackôp, với những gì gì nữa… Nhưng chú em ạ, chú nên hiểu ai là người chịu để cho chú ăn bám? Chú quý hóa đến thế kia à, và chú giúp được việc gì cho ai, hở chú em?

Misa trở lại công việc. Đồ dùng cẩm lại trong tay rồi, hắn thốt ra câu hỏi sau cùng:

- Tên mày là gì?

Khôvrak giật mình ngạc nhiên:

- Cái gì?

- Mày tên là gì? Con Cơn-thử à ( )? Hay con gì? Hay con Dím chắc?

Khôvrak đỏ mặt, vừa xấu hổ vừa tức giận:

- Cái đó đếch gì đến cậu?

- Cho tao biết tên mày, có thế mà mày cũng phiền à, hay làm sao?

- Thì là Khôvrak …

- À! Khôvrak, phải rồi… tao đã bắt đầu quên. Tao nhớ ra, mày là một thứ người ngợm lông tóc đỏ hung vướng vào cẳng chân tao, mà chả dùng mày làm cái trò gì được… Nếu như mày làm việc, thì có

phải không, chú em, còn có dịp bảo mày ở chỗ này chỗ nọ: “Khôvrak, đưa cho tao cái kia. Mày làm sắp xong chưa, Khôvrak? Khôvrak, cả quẫy ơi, giúp tớ một tay!”. Nhưng cứ thế này, thì tất nhiên, dễ quên lắm… Thôi nhé, đi chơi em ạ, chú xem đấy, anh còn phải làm việc, phải trát cái này lại, kẻo có mỗi một cái thùng dùng để mang nước nấu xúp, pha chè và rửa bát. Rồi lại còn phải nuôi ăn chú nữa. Nếu không làm vậy, thì chú chết nhăn răng ra, chú hiểu không, và chú thối inh lên, cũng tội lắm, lại phải

làm một cái săng cho chú nữa, thêm một chuyện bận lòng…

Sau cùng Khôvrak rứt ra đi khỏi những

lời vuốt ve ôm ấp của Misa và bước ra ngoài. Misa tiễn chân nó bằng những câu mơn trớn này:

- Phải đấy, chú đi ra hóng gió một tí, cho nó mát… Như thế khỏe, tốt lắm đấy…!

Chẳng biết Khôvrak, và cùng với nó cả nhóm quý tộc của Kuriajê, có tin rằng gió mát tốt lành thực không? Nhưng mấy ngày gần đây, chúng cố ít đi lại để khỏi phô mặt ra trước mắt mọi người, song tôi cũng đã làm quen được với các cậu quý tộc ở Kuriajê. Nói chung, chúng là những thanh niên khá, ít nhất chúng cũng có cá tính, bao giờ tôi cũng ưa điều đó, vì có chỗ nắm. Trong bọn, Pêretz là đứa tôi ưa hơn cả. Đã đành nó làm bộ điệu đi rún

rẩy, mũ cát-két của nó lệch xuống đến mắt, túm tóc nó trên trán nó quét lông mày, hút thuốc nó biết giữ điếu thuốc dính vào môi dưới và nó nhổ nước bọt một cách rất tài tử. Nhưng tôi đã nhận thấy rồi: bộ mặt rỗ hoa của nó nhìn tôi một cách tò mò, và cái tò mò ấy là cái tò mò của một thanh niên linh lợi thông minh.

Mới đây, tôi đã đến gần bọn chúng một buổi chiều chúng ngồi trên những tấm đá xây mộ ở cái sân mới làm cho lợn con phơi nắng, chúng vừa hút thuốc vừa nói chuyện lông bông. Tôi dừng chân trước mặt chúng, quấn một điếu thuốc lá tổ sâu định bụng xin lửa. Pêretz vui vẻ thân thiện nhìn tôi và nói to:

- Bác làm việc vất vả quá, đồng chí giám đốc ạ, mà bác lại đi hút thuốc sâu kèn. Đến như bác mà chính quyền xô-viết cũng không cung cấp cho thuốc cuốn sẵn ư?

Tôi lại chỗ nó, cúi xuống bàn tay nó để châm thuốc, rồi cũng lấy giọng vui vẻ nói to, nhưng có đá một chút xíu ý ra lệnh, tôi bảo nó:

- Này, bỏ mũ cát-két ra chứ!

Mắt nó từ vui vẻ đổi ra ngạc nhiên, trong khi miệng nó vẫn mỉm cười:

- Có chuyện gì thế?

- Bỏ mũ cát-két ra, chú không hiểu à?

- Được rồi, tôi bỏ.

Tôi hất túm tóc của nó, nhìn chăm chú nét mặt nó, thấy bắt đầu có một chút sợ hãi, và nói:

- Thế… thôi được.

Pêretz chằm chằm nhìn trộm tôi, nhưng tô hút vài hơi hết điếu thuốc "chân chó" của tôi, rồi đột ngột quay lưng lại, bỏ chúng để đi ra chỗ các bác thợ mộc.

Lúc ấy tôi cảm thấy mình tràn ngập tinh thần trách nhiệm sư phạm, trong mỗi cử động và cho đến cả trong cái ánh mờ trên mặt khóa thắt lưng của tôi: phải thu phục bọn trẻ này, phải gây một thiện cảm lôi cuốn không cưỡng nổi trong lòng chúng,

và đồng thời thể nào cũng phải làm cho chúng thấm thía rằng tôi không cần tới thiện cảm của chúng, dù có vì thế mà chúng tức giận đến nguyền rủa, nghiến răng cũng mặc.

Các thợ mộc đã làm xong công việc của họ, và Bôrôvôi cố tình bày tỏ cho tôi thấy thứ dầu lanh chín tốt có lợi hơn thứ xấu như thế nào. Tôi thích thú vấn đề mới mẻ ấy đến nỗi không để ý có người kéo tay áo tôi ở đằng sau. Tay áo tôi lại bị kéo một lần nữa. Tôi quay lại, Pêretz đứng đó.

- Cái gì thế?

- Bác ạ, bác cho biết tại sao vừa rồi bác

nhìn tôi, hở bác?

- À, chả có gì đặc biệt… Vậy thì, Bôrôvôi ạ, bác nghe không, dù thế nào cũng cứ phải làm cho được thứ dầu tốt…

Bôrôvôi thích ý nhắc lại dầu tốt phải làm như thế nào. Tôi thấy Pêretz hết sức bực bõ nhìn bác, đợi bác ta nói hết. Sau cùng Bôrôvôi ầm ầm nhắc cái hòm của bác ta lên, và chúng tôi đi về phía gác chuông. Pêretz đi bên cạnh tôi, miệng cắn môi trên. Bôrôvôi ra cổng để xuống dưới làng, và tôi chắp hai tay sau lưng đứng thẳng người trước mặt Pêretz:

- Thế nào, có việc gì?

- Tại sao bác nhìn tôi, hở bác?

- Họ chú là Pêretz phải không?

- Vâng.

- Tên là Xtêpan.

- Tại sao bác biết?

- Quê chú ở Xvecđlôpxk?

- Vâng, đúng…nhưng sao bác biết?

- Tôi biết hết. Tôi biết là chú ăn cắp và chú xử sự như một thằng đểu. Chỉ có một điều là tôi chưa biết: chú là một gã thông minh hay một thằng ngu xuẩn.

- Thế sao?

- Chú vừa hỏi tôi một câu rất dốt, ban

nãy, về chuyện thuốc là… ừ, ngu hoàn toàn, ngu chết cha đi! Xin lỗi chú nhé.

Mặc dầu trời đã nhá nhem tối, cũng có thể trông thấy mặt Pêretz đỏ gay, hai thái dương nặng trĩu. Người nó bỗng nóng ran lên biết chừng nào! Nó bước một bước, vẻ khó chịu, và quay lại nhìn đằng sau:

- À, được…tự nhiên thôi…không phật lòng đâu… Nhưng có cái gì mà ngu đến thế?

- Giản dị lắm. Chú biết tôi bận nhiều việc và tôi không có thì giờ ra tỉnh mua thuốc là. Chú biết thế. Tôi không có thì giờ vì chính quyền xô-viết đã giao cho tôi một việc: là xây dựng cho chú, chính

chú, một cuộc sống hợp lý và sung sướng, *cho chú*, chú hiểu chưa... Hay có lẽ chú không hiểu chăng? Nếu vậy, thì thôi đi ngủ.

- Tôi hiểu, Pêretz đáp bằng một giọng ngạt mũi, trong khi nó lấy mũi giày di di mặt đất.

- Chú hiểu à?

- Tôi khinh bỉ nhìn vào mắt nó, thẳng giữa tròng con ngươi. Tôi trông thấy tư tưởng và ý chí của tôi xoáy sâu vào đồng tử mắt nó. Pêretz cúi đầu.

- Chú hiểu, đồ đại lãn, vậy mà chú sủa lên chống chính quyền xô-viết. Thực là đồ xuẩn!

Tôi đi lên câu lạc bộ thiếu niên. Pêretz dang tay chắn lối tôi.

- Được rồi, đồng ý, cho rằng tôi là một thằng xuẩn đi... thế rồi sao?

- Rồi tôi nhìn cái mặt chú. Tôi muốn kiểm tra lại xem có đúng thế không.

- Thế bác đã kiểm tra lại rồi à?

- Phải.

- Bác thấy thế nào?

- Chú đi mà soi gương.

Tôi về buồng tôi, không chú ý đến những cảm tưởng của Pêretz nữa.

Các bộ mặt của Kuriajê đối với tôi trở nên quen thuộc hơn; dần dà tôi đã học được những cái gì như là những lời câm lặng. Nhiều đứa trẻ nhìn tôi với một thiện cảm không giấu giếm, trong khi trên môi chúng nở ra cái nụ cười dễ thương, vừa thẳng thắn vừa ngượng ngập, chỉ thấy có ở những đứa trẻ vô thừa nhận. Tôi biết cả tên họ nhiều đứa và tôi có thể nhận ra một vài giọng nói.

Zoren luôn luôn quanh quẩn ở bên tôi. Nó có một cái mũi hếch quá mức, và những tầng ghét thâm căn cố đế không che phủ nổi cái màu hồng tươi trên má và cặp mắt lờ đờ duyên dáng của nó. Zoren mười ba tuổi, tay luôn luôn chắp sau lưng, lúc nào nó cũng mỉm cười và im

lặng. Nó là một đứa con trai kháu khỉnh, hai hàng lông mi đen cong lên. Nó thong thả mở những hàng mi đỏ, vặn nút bấm bật một thứ ánh sáng xa xôi nào ở trong cùng đôi mắt đen, từ từ đưa ngón tay lên nghịch cái mũi nhỏ xíu của nó, im lặng và mỉm cười. Tôi hỏi:

- Zoren này, chỉ nói một câu tí tẹo thôi nhé, bác hết sức tò mò muốn biết giọng nói của cháu.

Nó đỏ mặt quay đi, vẻ giận dỗi, nhưng rồi nó cũng thốt ra được một tiếng gù gù trong cuống họng:

- Vâ-âng...

Zoren có một bạn thân, da cũng hồng hào

như nó, trên một bộ mặt cũng tròn xinh: Michia Nitxinôp, một tâm hồn pha lê, giản dị, hiền lành. Dưới chế độ cũ, người ta cho những đứa trẻ như thế đi học nghề vá giày hay làm bồi bàn ở quán rượu. Nhìn nó, tôi nghĩ: "Michia ơi, chúng ta dạy cho con làm gì bây giờ? Đem cuộc đời con thêu lên nền xô-viết ra sao đây?"

Michia cũng đỏ mặt, cũng quay đi, nhưng không gù gù thở ra tiếng "vâng", mà chỉ nhíu đôi lông mày đen dựng đứng và mấp máy môi thôi. Nhưng tôi quen giọng nói của nó: giọng kim trầm, tiếng nói của một người đàn bà đẹp, được nâng niu, nuông chiều, với những âm phụ đệm và những uốn éo bất ngờ của chim họa mi. Tôi thích thú nghe Michia, khi nó nói về

những người ở Kuriajê:

- Cái thằng vừa chạy qua kia, bác có thấy không... Nó đi quái đâu mà chạy như thế nhỉ?... Vôlôtka này, trông kìa, trông kìa, thằng Buriak đằng kia... Phải, thằng Buriak, bác không biết à? Nó uống được ba mươi cốc sữa đấy... Vì thế cho nên nó

[37]

mới bon đến nhà bò. Lại còn cái thằng đang nhìn ở cửa sổ kia, một con chó ghẻ, ờ, chó ghẻ không chê được!... Một thằng liếm đít, bác ạ, à, nó thạo cái nghề ấy lắm, thực đấy! Cả bác nữa, chắc thế, thế nào nó cũng liếm thôi. Ồ, cháu đã biết tỏng những đứa nào nịnh hót bác, cháu cam đoan với bác là cháu biết chúng nó!

- Thằng Vania Zaïtsenkô, Zoren nói. Nó quay đi, vẻ giận dỗi và... đỏ mặt.

Michia là một đứa trẻ ngộ nghĩnh ý tứ. Nó ngó cái mũi loa kèn của Zoren đưa lên một cách bực tức, và đưa mắt nhìn tôi xin bỏ qua cho vẻ bất lịch sự của bạn nó:

- Không, nó nói, thằng Vania thì không đâu! Thằng Vania có đường lối của nó.

- Đường lối nào?

- À, đường lối nó đã theo...

Michia lấy đầu ngón chân cái vẽ cái gì trên mặt đất.

- Cháu kể chuyện đi.

- À, nào có gì mà kể chuyện? Thằng Vania, khi nó mới đến trại, nó đã lập ngay nhóm của nó, phải không, Vôlôtka nhỉ? Rồi mọi người mới giã chúng nó một trận, đã hẳn đi rồi, nhưng dù sao chúng nó cũng có đường lối của chúng.

Tôi rất hiểu cái triết lý sâu sắc của Nitxinôp, cái "triết lý mà các nhà triết [38] học của ta chưa biết đến" .

Ở đây có nhiều đứa trẻ nhỏ xinh má hồng như thế, hoặc không xinh lắm, đã không có cái may mắn tìm ra được đường lối của mình. Giữa những bộ mặt còn u tối

và lầm lầm giữ miếng, tôi thấy một số đông trẻ kéo lê cuộc sống trong vết rạch của những đường lối không phải là của chúng. Đó là một chuyện thông thường ở cái thế giới cũ, người ta gọi nó là một cuộc đời lệ thuộc.

Zoren, Nitxinôp, cùng với Xôptsenkô, đầu bù xù và người nhọn như cái dùi, Vaxia Gacđinôp nghiêm chỉnh và buồn, và Xecgây Khrabrcekô âu yếm và mặt rầu rĩ, đều thơ thẩn vây quanh tôi với những nụ cười buồn bã và cặp lông mày cau cau, nhưng chúng không dám công nhiên về hẳn phe tôi. Chúng thèm thuồng dữ dội đoàn của Vania Zaïtsenkô, mắt bần thần nhìn theo nó đang mạnh dạn bay bổng trên những con đường mới mở, và

chúng... chờ đợi.

Tất cả mọi người chờ đợi. Thật là rõ ràng và tự nhiên hết sức. Chúng chờ đợi những trại viên Gorki tới, những con người thần kỳ, khó hiểu, như không có thực và thu hút chúng một cách lạ lùng. Mỗi giờ qua đi lại đưa đến gần tai họa, hay hạnh phúc, không biết chừng, cả đến ở nhóm con gái, lửa sống cũng mỗi ngày một bùng lên. Ôlia Lanôva đã thành lập đội của nó, đội sáu, đầy nghị lực. Phòng ngủ còn họ tấp nập hoạt động; họ khâu vá, rửa ráy, quét vôi, và buổi tối họ còn hát nữa. Guliaêva, bận bù đầu lên, mỗi phút lại chạy đến đấy, giấu không cho tôi trông thấy cái áo len của chị xốc xếch một bên và nhàu nát. Kutlaty thường ở

đấy buổi tối và công nhiên đóng vai bảo hộ văn nghệ. Tuy nhiên đội sáu không đi canh tác, sợ rằng đi như vậy thì phá vỡ những nền nếp của Kuriajê, nó sẽ báo thù bằng cách chôn vùi cả bọn họ dưới những đổ nát của nó.

Kôrôtkôp cũng chờ đợi. Nó là trụ cột của nền nếp Kuriajê, và là một chính khách đại tài. Đố ai bới được trong hành vi xử sự của nó một hành động, một lời, một chữ, một nét nào có thể buộc tội nó điều gì. Nó chẳng có lỗi gì hơn những đứa khác: như tất cả bọn chúng, nó không đi làm việc, và chỉ có thế thôi. Cả đội đặc biệt một hằn học bực tức và căm ghét Kôrôtkôp, quả quyết tin rằng nó là kẻ thù chính của chúng tôi ở Kuriajê.

Về sau tôi được biết rằng Vôlôkhôp, Gôrkôpxki và Jorka Vonkôp đã thử giải quyết việc này bằng một cuộc hội thương nhỏ. Họ đã triệu Kôrôtkôp tới một buổi họp mặt ban đêm ở bờ ao và đã yêu cầu nó cút đi đâu thì cút cho rảnh chuyện. Song Kôrôtkôp đã khước từ đề nghị ấy bằng câu trả lời này:

- Hiện thời tôi chả có lý do gì mà tẩu cả. Tôi cứ ở đây. Ấy thế là cuộc hội thương kết thúc. Không một lần nào Kôrôtkôp nói gì với tôi và nói chung nó không tỏ vẻ gì chú ý đến con người tôi hết thảy. Nhưng mỗi lần gặp mặt, nó rất lễ phép nhất cái mũ cát-két diện bằng vải sáng màu của nó ra và cất giọng đường mật nói to:

- Xin chào đồng chí giám đốc.

Cái mặt đẹp trai trơ trẽn của nó, với đôi mắt âm u có rất nhiều màu vẻ, quay về phía tôi với một vẻ lịch sự chăm chú, và như một cái cột tín hiệu, nêu lên cho tôi rõ bằng một thứ ngôn ngữ thật là minh bạch.

"Bác thấy không, đường chúng ta đi không gặp nhau, thì bác hãy theo đường bác, còn tôi, tôi có quan niệm riêng của tôi. Xin chào, đồng chí giám đốc ạ".

Tuy nhiên hôm sau cái buổi chiều mà tôi nói chuyện với Pêretz, Kôrôtkôp gặp tôi vào giờ ăn, gần cửa sổ nhà bếp; nó ý tứ đứng lánh ra một bên trong khi tôi đang

ra lệnh làm một việc, rồi đột nhiên nó hỏi tôi một cách nghiêm chỉnh:

- Thưa đồng chí giám đốc, xin đồng chí làm ơn cho biết ở trại Gorki có cũi giam không?

- Không, không làm gì có, tôi đáp lại nó, cũng không kém vẻ nghiêm chỉnh.

Nó ngó tôi như một thứ đồ vật triển lãm, bình tĩnh nói tiếp:

- Vậy mà người ta bảo rằng bác phạt giam anh em.

- Về phần chú thì chú không phải lo: phạt giam là chỉ đối với các bạn của tôi thôi, tôi trả lời khô khan như vậy rồi bỏ đi

luôn, không thèm để ý đến những vẻ mặt tinh ranh tế nhị của nó.

Ngày mười lăm tháng năm, tôi nhận được bức điện tín này:

"Tất cả chúng tôi đáp chuyển xe lửa tối mai Lapô".

Tôi đọc nó lên trong bữa ăn tối và nói:

- Ngày kia chúng ta sẽ được tiếp đón anh em chúng ta. Tôi hết lòng mong mỏi các anh chị em sẽ thân yêu đón tiếp bạn, bởi vì từ nay các anh chị em sẽ sống... và làm việc chung với nhau.

Bọn con gái hoang mang do dự trong một im lặng sợ hãi, như những con chim

trước cơn dông. Lũ trẻ con đủ mọi tính cách ngó nghiêng nhìn các bạn chúng; trên nhiều bộ mặt, miệng há to ra và cứ giữ nguyên như thế trong giây lát.

Ở các góc gần cửa sổ mà bàn ăn có ghế dựa chứ không phải ghế dài, Kôrôtkôp và bè lũ bỗng vui nhộn hẳn lên: chúng cười ầm ỹ, ý hẳn đang trao đổi với nhau nhiều câu lý thú.

Buổi tối, ở đội đặc biệt, mọi người thảo luận tỉ mỉ chương trình đón tiếp các trại viên Gorki, và duyệt lại từng chi tiết nhỏ bản tuyên bố đặc biệt của chi bộ Thanh niên Kômxômôn. Kutlaty lại có dịp gãi gáy hơn bao giờ hết:

- Thực tình, nói cho đúng thì tụi trai sang đây, nghĩ thực đáng xấu hổ.

Cửa phòng thong thả mở ra và Jorka Vonkôp khó nhọc bước vào. Hắn đi tới một chiếc ghế dài, vừa đi vừa vịn vào các bàn và nhìn chúng tôi bằng một con mắt độc trọi, vì mắt kia chỉ còn nhìn qua một cái khe bất tiện giữa những cục thịt xưng u thâm tím.

- Thế này là thế nào?

- Chúng nó đã giọt mình một trận, Jorka lẩm bẩm.

- Những đứa nào?

- Biết được đứa nào! Tụi dân quê...

Mình ở ga về... đến chỗ qua đường tàu... thì bắt gặp... thế là chúng nó nện mình.

- Khoan đã! Vôlôkhôp cáu nói. Chúng nó nện mày thì đã rõ rồi!... Chúng tao trông cũng đủ thấy chúng đã làm gì mày... Việc đã xảy ra như thế nào? Chúng nó nói gì với mày, hay là sao?

- Có nói chuyện lâu lai gì đâu, Jorka vừa đáp vừa nhăn mặt xót xa. Có một thằng chỉ nói vẻn vẹn: "À hà, Kômxômôn phỏng?" Thế là... bịch ngay một cái vào mõm.

- Thế còn mày thì sao?

- À, thì mình cũng vậy, tất nhiên. Phải cái rằng chúng nó những bốn đứa.

- Mày đã đánh bài chuồn à?

- Thế rồi sao?

- Đời nào, Jorka đáp.

- Thì cậu thấy đó, tớ vẫn cứ ở lại, chỗ qua đường tàu ấy.

Bọn trai phá lên cười ngặt nghẽo, như kiểu người Dapôrôgơ. Nhưng Vôlôkhôp có vẻ trách bị ngắm nghía bộ mặt sứt mẻ và tươi tỉnh của bạn.

7. SỐ BA TRĂM BẢY MƯƠI BA DƯ

Rạng đông ngày mười bảy, tôi đi đón bọn trai Gorki ở ga Lubôtin, cách Khackôp ba mươi cây số. Sân nhà ga có vẻ nghèo nàn bẩn thỉu và nóng như thiêu đốt. Những nông dân áo quần nhàu nát vì những nỗi vất vả vận chuyển, đi lại uể oải, vẻ lầm lì bực bõ. Công nhân hỏa xa là những người làm linh hoạt khu chuyển hàng hóa, mình tẩm đầy dầu mỡ, nện giày bốt trên các ván sàn kêu cót két. Mọi thứ trong cái ngày hôm ấy đều đồng tình phản lại những gấm vóc ngày hội của tâm hồn tôi. Nhưng có lẽ cũng không phải một cái

áo gấm, mà là một cái gì giản dị hơn: "mũ ba sừng và áo rơ-đanh-gốt màu [39] xám" .

Hôm nay là ngày xuất trận lớn. Xá kẻ gì một gã khuân vác khổng lồ, vô ý đụng vào tôi, không những đã không kinh hoàng vì hành động của mình mà con chẳng buồn để ý cả đến tôi nữa. Cũng xá kể gì viên phó ga thiếu trân trọng, hơn nữa thiếu cả lễ độ, để bảo cho tôi biết số ba trăm bảy mươi ba dư hiện lúc này ở đâu. Những con vật quái lạ ấy làm ra bộ không hiểu rằng số ba trăm bảy mươi ba dư là chủ lực của tôi, là những quân đoàn quang vinh của các thống chế Kôvan và Lapô, và cả cái nhà ga Lubôtin

này của họ được chỉ định dùng làm nơi xuất phát cho trận tấn công của tôi vào Kuriajê. Làm thế nào cắt nghĩa cho những con người đó hiểu được rằng món đặt cược ván bài ngày hôm nay của tôi, thực ra còn vĩ đại và quan trọng hơn một

[40]

trận Aoxteclitz . Mặt trời của Napôlêông khó lòng làm mờ được vinh quang của tôi hiện tại. Vì dù sao thì ông ta đánh trận cũng thuận lợi hơn tôi rất nhiều. Tôi muốn được xem Napôlêông sẽ ra sao nếu ông ta cũng bắt buộc phải theo những phương pháp giáo dục xã hội như tôi.

Đi thơ thẩn trên sân nhà ga, tôi nhìn về phía Kuriajê và nhớ lại rằng hôm nay

địch có tỏ ra một vài dấu hiệu nhát gan.

Ngay khi tôi mới trở dậy, trại đã có những dấu hiệu chấn động xôn xao. Một đám đông tụ tập không có duyên cớ gì rõ rệt, dưới các cửa sổ của câu lạc bộ thiếu niên. Những trẻ nuôi khác xách thùng kêu loảng xoảng đi xuống suối "nhiệm mầu"; Zoren và Nitxinôp đứng ở cổng gác chuông.

- Anh em Gorki, bao giờ họ đến? Sáng nay à, bác Michia nghiêm chỉnh hỏi.

- Sáng nay. Hôm nay các chú dậy sớm nhỉ.

- Vâng... không hiểu sao, chúng cháu không muốn ngủ... Họ đến ga Ryjôp hả

bác?

- Ừ. Và các chú sẽ đón tiếp họ ở đây.

- Sắp chưa, hả bác?

- Các chú có thì giờ rửa mặt.

Zoren nắm ngay lấy đề nghị của tôi, giục:

- Đi, Michia đi.

Tôi đã dặn Gôrôvich xếp các trẻ nuôi ở Kuriajê đứng trong sân, để đón tiếp trại Gorki và làm lễ chào cờ, song đừng có dùng một cách gì ép uổng chúng cả:

- Chỉ mời chúng thôi.

Sau cùng, từ trong lòng bí mật của nhà ga

Lubôtin bỗng chui ra một vị phúc thần, dưới hình thù một bác gác khẳng khiu, đi ra kéo chuông. Làm xong, bác ta nói lộ cho tôi biết ý nghĩa của cái động tác tượng trưng ấy:

- Số ba trăm bảy mươi ba dư đã xin đường. Hai mươi phút nữa nó sẽ tới đây.

Kế hoạch đã định bỗng trở thành phức tạp một cách bất ngờ, khiến sau đó mọi việc tiếp diễn trong một sự hỗn độn nhiệt liệt và đầy nỗi vui mừng như con trẻ. Đến trước số ba trăm bảy mươi ba dư là một chuyến xe ngoại thành từ Khackôp tới. Từ trên các toa xe ào ào đổ xuống người tôi, như một trận mưa rào mát mẻ, các đoàn viên Kômxômôn, học viên

trường trung học công nông. Biêlukhin cầm một bó hoa ở tay.

- Đây là chuẩn bị đón đội năm, như đón các bá tước phu nhân ở trên tàu xuống vậy. Đối với một kẻ lão làng như cháu thì có thể làm thế được.

Trong đám đông, Ôxana tóc tết bím vàng óng, đang nói líu ríu biểu lộ tình cảm chan hòa, còn Rasen thì nở nụ cười hoa điểm đạm xinh tươi trong ánh nắng. Bratsenkô vung nắm tay như cầm một ngọn roi quất ngựa, và nói khẳng định không biết với ai:

- Chứ lại gì! Bây giờ tớ là một dân côdắc tự do. Ngay hôm nay tớ cưỡi con

Hảo-hán.

Có một chú nào chạy tới kêu lên:

- Này, tàu đã đến đằng kia lâu rồi... trên đường số 10 ấy...

- Chú nói cái gì vậy?

- Trên đường số mười, thực mà lại... Nó đã vào ga từ lúc nãy!...

- Chúng tôi không có thì giờ ngạc nhiên vì sự tầm thường bất ngờ của cái tin ấy. Từ dưới gầm một toa chở hàng, trên đường số ba, bỗng xuất hiện bộ mặt láu lỉnh của Lapô, và con mắt hắn hơi mọng ngó bọn chúng tôi một cách nhạo báng.

- Thế này thì khá thật! Karabanôp kêu lên. Biết đâu Vanka nó lại ở gầm toa nhoi ra.

Mọi người đổ xô cả về phía hắn, nhưng hắn lại thụt ngay vào chỗ ẩn, và từ trong đó hắn nghiêm trang tuyên bố:

- Đề nghị lần lượt người một! Mà tôi chỉ bằng lòng cho Ôxana và Rasen hôn thôi đấy. Còn những người khác, tôi bắt tay thôi.

Karabanôp nắm lấy một cẳng chân lôi hắn lên mặt sân ga, gan hai bàn chân để trần của hắn lấp loáng phơi ngửa lên trời.

- Này, quỷ ạ, hôn người ta đi chứ! Lapô

nói rồi lại nằm ẹp xuống đất, và chìa cái mỏ tàn nhang của hắn ra.

Ôxana và Rasen thực sự làm cho xong nghi lễ hôn, còn những người khác chúi cả xuống gầm toa.

Lapô bắt tay tôi một thôi dài, hớn hở một cái vui giản dị và thành thực, ít khi thấy trên mặt hắn.

- Thế nào, đi đường ra sao?

- Như đi chợ phiên vậy? Chỉ có con Hảo-hán là xấu chơi. Suốt đêm chả có lúc nào nó ngừng đá hậu. Chỉ còn lại độc có những bậu thành toa thôi. Ta có ở đây lâu không? cháu đã ra lệnh cho chúng nó sẵn sàng. Nhưng nếu phải đỗ lại, thì cũng

phải rửa ráy và nói chung...

- Chú đi hỏi xem.

Lapô chạy vào nhà ga và tôi ra đoàn tàu. Đoàn có bốn mươi nhăm toa. Trong khung các cửa lên xuống mở rộng và ở các cửa sổ bên trên, những bộ mặt trung hậu của các trại viên Gorki vừa nhìn tôi vừa cười, kêu gọi và vẫy vẫy mũ. Trườn hẳn người đến tận thắt lưng ra khỏi cái cửa sổ thứ nhất, Gut chấp chới mắt có vẻ âu yếm và làu bàu:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bố ơi, có phép nào như thế được không? Không, không có phép, có phải luật lệ là như vậy không? Không, không phải là luật lệ.

- Chào chú, Gut, chú than phiền ai thế?

- Cái thằng quỷ Lapô ấy. Bác ạ, nó đã bảo: đứa nào xuống khỏi toa trước khi có lệnh thì tao vặn cổ. Bác nắm lấy quyền chỉ huy mau đi, kẻo thằng Lapô nó làm chúng cháu chết cả bây giờ. Cứ như là thằng Lapô có tài làm tướng ấy. Không phải thế, có phải không bác?

Lapô đã đứng ở sau lưng tôi rồi và hắn bắt chước liền giọng của Gut;

- Phải rồi, mày cứ nhảy xuống khỏi loa trước khi có lệnh thử xem! Nào, thử đi! Mày tưởng sống với tụi nhơ bẩn chúng mày tao vui thú lắm đấy hẳn? Nào, xuống đi!

Gut nói tiếp với một giọng ngọt như một:

- Cậu tưởng tớ cần xuống lắm đấy à? Tờ đứng đây dễ chịu. Tớ nói như thế, là vì nguyên tắc thôi.

- À, được lắm! Lapô nói. Thế thì mày hãy chuyển thằng Xinenki ra đây cho tao.

Một phút sau, gương mặt bé con xinh xắn của Xinenki thò ra ở sau vai Gut. Đôi mắt tí xíu còn ngái ngủ nhấp nháy ngạc nhiên và vành cung khuôn miệng nhỏ và đỏ chót của nó căng ra.

- Bác Antôn Xêmiônôvich...

Gut cự nó;

- Chào đi chứ, thằng ngốc! Thế mày không biết phép tắc gì cả ư?

Song Xinenki ngắm tôi, đỏ mặt lên rồi bối rối lầm bầm:

- Bác Antôn Xêmiônôvich... Ồ, nhưng mà thế này là thế nào?... Bác Antôn Xêmiônôvich... Ồ, hay chưa kìa!

Nó đưa nắm tay bé nhỏ lên dụi mắt và quay ra giận dỗi thực sự với Gut:

- Vậy mà cậu đã bảo mình: tao sẽ đánh thức mày. Cậu đã bảo thế... Ồ, thật là đồ tồi, cái cậu Gut, thế mà cũng đòi làm đội trưởng! Đó nọ, thế là mình đã tự thức dậy một mình... Đây là Kuriajê rồi à? Thật à? Ta đã đến Kuriajê!

Lapô bật cười:

- Không phải Kuriajê đâu! Đây là ga Lubôtin. Nào, tỉnh ngủ mau mau lên! Thổi kèn báo thức đi!

Trong nháy mắt, Xinenki đã tỉnh táo lại và bây giờ nghiêm chỉnh:

- Kèn báo thức, rõ!

Tỉnh ngủ hẳn, nó mỉm cười và âu yếm bảo tôi:

- Chào bác Antôn Xêmiônôvich. Rồi nó leo lên một tấm ván nào đó để tìm cái kèn của nó.

Hai giây đồng hồ sau, nó đi chĩa cái loa

kèn ra ngoài toa xe, rồi thưởng cho tôi một nụ cười rất dễ thương nữa, đó đưa bàn tay trần lèn chùi mồm và banh đôi môi ra trong một động tác có duyên không tả xiết, nó ép môi vào miệng kèn: bài kèn báo thức của chúng tôi làm chấn động cả nhà ga bằng một âm vang quen thuộc.

Các trại viên đã nhảy ở trên tàu xuống và tôi không ngớt bắt tay họ, Lapô đã ngất ngưởng trên một nóc toa, nhăn nhó tức giận nhìn xuống chúng tôi mà nói:

- Tại sao các cậu lại đến đây? Để nói chuyện tống tình à? Thế bao giờ các cậu mới đi rửa mặt và quét dọn các toa? Dễ thường các cậu nghĩ: mặc kệ, cứ để toa

bẩn trở lại người ta đẩy hắn? Nếu thế thì các cậu hãy nhớ: tớ không nể nang đâu. Và đem quần cụt mới ra mặc vào. Đội trường trực nhật đâu? Thế nào?

Taranet thò đầu ra, ở chỗ sàn máy hãm phanh liền bên. Hắn chỉ mặc độc có một chiếc quần cụt cũ nhỏ, nát nhàu, nhưng cánh tay hắn đeo một cái băng đỏ mới tinh.

- Có tôi đây.

- Chẳng có trật tự gì cả! Lapô hét. Nước ở đâu, cậu biết chứ? Ở lại đây bao lâu, cậu biết chứ? Bao giờ thì cho ăn, cậu biết chứ? Nói đi, của khỉ!

Taranet trèo lên nóc toa gặp Lapô, và

vừa gấp các ngón tay vào lòng bàn tay vừa trả lời rằng tàu đỗ bốn mươi phút, rằng có thể rửa mặt ở gần đài nước đằng kia, rằng Fêđôrenkô đã sửa soạn bữa sáng rồi và muốn bắt đầu ăn lúc nào cũng được.

- Các cậu nghe thấy chưa? Lapô bảo các trại viên. Vậy chứ mà các cậu còn ngẩn ngẩn ngơ ngơ mãi thế?

Những bàn chân rám nắng của các trại viên chạy lăng xăng đi trên khắp các đường của nhà ga Lubôtin. Mọi người đã quét dọn trong các toa và đội đặc biệt bốn "u" bố trí dọc theo đoàn tàu, đang hốt rác vào những thùng xách. Từ toa xe cuối cùng, Vecsơnep và Ôtxatsi đi

khiêng Kôvan chưa tỉnh ngủ ra, và ân cần đặt hắn ngồi trên một cái cột trụ tín hiệu.

Ông lớn còn đang giấc, Lapô đến ngồi xổm trước mặt hắn nói:

Kôvan ngã nhào xuống khỏi bệ.

- À bây giờ thì ông lớn đã dậy, Lapô nói.

- Cái thằng đỏ lông, mày quấy tao vừa chứ nhé! Kôvan nói chỉnh chện và vừa giơ tay bít tay tôi vừa giải thích: có làm thế nào mà giữ được cái thằng này ngồi yên không đây? Suốt đêm cứ chạy nháo trên các nóc toa hay trên toa đầu máy. Không thì nó lại nằm mơ thấy lợn bị xổng. Trong chuyến đi này, thực chỉ có nó là quấy đảo tôi đến chết được. Rửa

mặt ở đâu đây?

- Bọn tớ biết chỗ, Ôtxatsi nói. Kônka, chúng mình khiêng cậu ấy đi.

Chúng lôi Kôvan đi lại đài nước, trong khi Lapô nói:

- Ấy thế mà ông ấy còn chưa bằng lòng đấy, .. Nhưng mà, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, thực ra thì suốt tuần lễ này có lẽ đêm qua nó mới được ngủ đấy.

Nửa giờ sau các toa xe đã sạch sẽ và các trại viên mặc quần cụt màu lam thẫm với sơmi trắng bong, ngồi vây quanh bữa ăn sáng. Họ lôi tôi lên toa xe của bộ tham mưu và ép tôi ăn món "mẹ sề".

Dưới đường tàu có tiếng nói to lên:

- Lapô ơi, trưởng ga bảo rằng năm phút nữa thì đi đấy. Nghe cái giọng quen thuộc ấy, tôi nhìn ra ngoài. Đôi mắt rất đẹp của Sơnhaoxơ nghiêm chỉnh nhìn tôi, đôi mắt luôn luôn ánh lên những làn sóng u ẩn của nhiệt tình.

- A, chào Mackơ! Làm sao mà tôi đã không trông thấy chú nhỉ?

- Ban nãy cháu phải đứng gác cơ, nó nghiêm nghị đáp.

- Chú khỏe không? Bây giờ chú đã hài lòng về tính khí của chú chưa?

Tôi nhảy xuống toa. Mackơ đỡ tôi, và

nhân dịp đó, nói nhỏ với tôi bằng một giọng rất khẩn trương:

- Cháu vẫn chưa thỏa mãn về tính khí của cháu, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Không thỏa mãn lắm, cháu muốn nói sự thực với bác.

- Thế nào?

- Bác ạ, anh em đi đường trường, họ hát xướng liên miên, thế thì được. Nhưng còn cháu, lúc nào cháu cũng cứ nghĩ ngợi và cháu không thể nào hát cùng với bọ. Như thế thì tính khí ra làm sao?

- Chú nghĩ điều gì?

- Tại sao anh em không sợ, mà cháu lại

sợ?

- Chú sợ cho chú à?

- Không phải, sao lại thế? Cháu chẳng sợ cho cháu một chút nào hết, nhưng cháu sợ cho bác và cho tất cả mọi người, cháu sợ nói chung. Họ đương có một cuộc sống đẹp đẽ, thế mà bây giờ chắc chắn sẽ có những ngày không tốt đẹp, và rồi biết đâu chuyện sẽ kết thúc ra sao?

- Họ đi chiến đấu. Được đi chiến đấu để giành lấy một cuộc sống tốt đẹp hơn, đó là một hạnh phúc lớn, Mackơ ạ!

- Thì cháu cũng nói với bác như thế: họ sung sướng, cho nên họ hát. Còn cháu, tại sao cháu không hát được, mà chỉ có biết

suy nghĩ thôi?

Ngay ở phía trên tai tôi, Xinenki lanh lảnh thổi kèn báo hiệu tập hợp.

"Hiệu lệnh tấn công", tôi nghĩ thầm và tôi băng mình cùng mọi người chạy về phía đoàn tàu. Trong khi leo lên toa xe, tôi nhìn thấy Mackơ, chân đi đất giậm những bước dài, cũng chạy đến toa của mình một cách nhẹ nhàng hết sức. Và tôi tự bảo: ngày hôm nay chú thanh niên đó sẽ được biết thế nào là chiến thắng hay chiến bại. Rồi chú sẽ trở thành một người bônsêvich.

Xe lửa huýt còi. Lapô quát tháo một chú lên xe chậm. Đoàn tàu chuyển mình.

Bốn mươi phút sau, nó từ từ vào ga Ryjôp và đỗ lại trên đường số ba. Ekatêrina Grigôriepna, Liđa bé nhỏ và Guliaêva đã ở sân ga, mặt ai nấy run rẩy vì mừng rỡ.

Kôvan đến tìm tôi:

- Chẳng lẽ ta ngồi xuống chờ đợi? Ta dỡ đồ xuống xe chứ?

Hắn chạy tới phòng trưởng ga, và được biết rằng phải đưa đoàn tàu sang đường số một mới dỡ đồ xuống được, nhưng không có toa máy đẩy. Đầu máy tàu đã đi Khackôp rồi và bây giờ phải đợi một toa máy ở đâu đến mới xong. Vì chưa bao giờ có những đoàn xe như thế này tới

Ryjôp, cho nên nhà ga không có toa máy.

Thoạt đầu chúng tôi còn bình tĩnh tiếp nhận cái tin đó, nhưng nửa giờ qua, rồi một giờ, chúng tôi chờ đợi hoài chung quanh những toa xe đã phát chán. Lại thêm nỗi con Hảo-hán cũng khiến chúng tôi lo ngại, vì mặt trời càng lên cao nó càng hục hặc dữ trong toa của nó. Trong ban đêm nó đã đá vỡ tan cả thành toa và bây giờ còn lại chút gì thì nó phá nốt. Đã thấy có những viên chức đội mũ cái-két lảng vảng chung quanh toa nó, ghi chép tính toán trên những quyển sổ tay nhờn mỡ của bọ. Ông trưởng ga thì cứ chạy lồng lên giữa các đường ray, như ở trường đua ngựa, và bắt bọn trai không được ra khỏi toa và không được đi chơi

trên các tuyến xe, ở đây luôn luôn có những chuyến tàu hành khách, tàu chở hàng và tàu ngoại ô luôn luôn xuôi ngược.

- Nhưng đến bao giờ thì đầu máy tới? Taranet khẩn thiết hỏi ông.

- Tôi cũng chẳng biết gì hơn chú! Ông ta đáp, phát cáu lên không hiểu vì sao. Có lẽ ngày mai.

- Ngày mai? Ồ. Nếu thế thì tôi biết hơn nhiều...

- Hơn cái gì? Hơn cái gì?

- Tôi biết hơn ông nhiều.

- Chú biết hơn tôi nhiều là thế nào?

- Là thế này: nếu không có đầu máy thì chính chúng tôi sẽ lai đoàn tàu sang đường số một.

Ông trưởng ga vung tay về phía hắn một cái rồi bỏ chạy. Taranet bèn bảo tôi:

- Ta sẽ lai đoàn tàu, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, rồi bác xem. Các toa xe, dù là chở đồ nặng, chuyển cũng dễ thôi. Thế mà mỗi toa chúng ta có ba người. Ta hãy đi nói chuyện với ông trưởng ga.

- Thôi đi, Taranet, đừng bàn chuyện bậy!

Và Karabanôp dang hai cánh tay ra:

- Bây giờ ông ấy lại bày ra chuyện lai đoàn tàu! Nhưng phải đưa nó đến tận cột tín hiệu, mà đi qua tất cả những chỗ bẻ ghi.

Song Taranet cứ nài nỉ và có nhiều đứa trong bọn trẻ ủng hộ nó. Lapô đề nghị:

- Thảo luận làm gì? Chỉ có việc nổi hiệu kèn "công tác" ngay lập tức, rồi thử xem. Nếu chothì tốt. Nếu không ăn thua, thì cóc cần, ngủ lại đêm trên tàu.

- Thế còn ông trưởng ga? Taranet hỏi, mắt đã lấp lánh sáng lên.

- Ông trưởng ga! Lapô đáp. Ông ấy có hai cánh tay với một cái lỗ miệng. Cứ để cho ông ấy khua tay ra hiệu và hét lác.

Như thế vui hơn.

- Không, tôi nói. Không nên. Nhỡ có một chuyến tàu đã xô đến ở một chỗ bẻ ghi, thì thật là các chú làm việc hay đáo để!

- Ồ, nhưng cái đó thì chúng cháu biết! Phải ra hiệu đóng đường lại chứ!

- Thôi đi, các chú!

Nhưng bọn chúng xúm lại tấn công tôi. Những đứa đứng ở phía sau leo lên các sàn máy hãm phanh và các nóc toa, và từ những chỗ ấy chúng đồng thanh van nài tôi. Chúng chỉ yêu cầu tôi có một điều: cho chúng xê dịch đoàn tàu đi hai thước.

- Chỉ hai thước thôi, rồi xi-tốp! Phiền gì

ai? Chả động trệ gì đến ai hết! Chỉ có hai thước, rồi sau đó tự bác sẽ quyết định.

Tất nhiên, tôi nhượng bộ. Xinenki lại một lần nữa nổi hiệu kèn "công tác" và các trại viên, đã từ lâu nghiên cứu đâu vào đấy các chi tiết của việc làm, ai nấy đứng vào chỗ chỉ định ở bên các bậu thành toa. Bọn thiếu nữ nói líu ríu ở một chỗ nào đấy phía đằng trước. Lapô bước lên sân ga và khua khua cái mũ chỏm của hắn.

- Khoan đã! Khoan đã! Taranet kêu lên. Tớ đi kéo ông trưởng ga đến ngay tức khắc, kẻo ông ta cứ đòi biết nhiều hơn tớ.

Ông trưởng ga chạy té tát xuất hiện trên sân ga và giơ hai tay lên trời:

- Các chú làm cái gì thế? Các chú làm cái gì thế?

- Hai thước, Taranet nói.

Không có đời nào, không có đời nào! Sao lại được phép làm như thế?

- Người ta xê dịch nó đi hai thước! Kôvan kêu lên. Ông không hiểu, hay là thế nào?

Ông trưởng ga chằm chằm nhìn Lapô bằng một cái nhìn ngây ngốc và quên cả hạ hai cánh tay xuống. Bọn trai cười bên các toa xe. Lapô lại thẳng cánh tay giơ

mũ chỏm của hắn lên; tất cả mọi người cúi mình trên các bậu thành toa, cong người đạp chân để trần lên mặt đất, và, cắn môi, nhìn Lapô. Lapô khua mũ chỏm; bắt chước động tác của hắn, ông trưởng ga lắc đầu và há mồm ra. Một người nào kêu lên:

- Đẩy đi!

Trong một lát tôi tưởng chừng như không có gì xảy ra hết thảy: đoàn tàu vẫn nguyên tại chỗ, nhưng nhìn xuống các bánh xe, tôi bỗng thấy chúng quay, và lập tức sau đó tôi thấy đoàn tàu chuyển động. Nhưng sau một tiếng hô của Lapô, bọn trai ngừng lại. Ông trưởng ga quay lại phía tôi, lau trán hói của ông và mỉm

cười, cái mỉm cười hiền lành và móm mém của ông già:

- Thôi được... thế thì cứ làm đi, tốt lắm! Nhưng các chú đừng có để chết ai đấy nhé.

Ông lắc đầu và bỗng phá lên cười:

- Chà, những của ranh quái, khá thật đấy chứ, nhỉ... Thôi thế đẩy đi...

- Nhưng còn tín hiệu?

- Cứ yên trí.

- Hô-ô-này! Taranet kêu to và Lapô lại giơ mũ lên.

Nửa phút sau đoàn tàu chuyển mình lăn

về phía cột tín hiệu, như có một đầu máy xe lửa mạnh đẩy đi. Hình như bọn trai chỉ có việc đi bên cạnh toa xe, vừa đi vừa bám vào các bậu thành toa. Khó khăn lắm mới đặt được vài chú giữ chân hãm phanh, để ngừng đoàn tàu lại ở chỗ đó.

Từ chỗ đầu ghi ra khỏi đường, phải đưa đoàn tàu sang đường số hai tới mãi đầu kia nhà ga, và từ đấy đẩy lùi nó ngược trở lại sân ga. Trong khi nó đi dọc sân, và giữa lúc tôi đang thở đầy lồng ngực cái không khí có chất muối của gió chuẩn bị chiến đấu, bỗng có người gọi tôi từ trong sân:

- Đồng chí Makarenkô!

Tôi quay lại và trông thấy bà Brêgen, có Khalabuđa và nữ đồng chí Zôia đi theo. Mặc chiếc áo dài màu xám rộng, đứng trên sân ga, bà Brêgen trông vô cùng đường bệ, khiến tôi liên tưởng tới pho [41] tượng của Catơrin Vĩ đại .

Cũng vẫn với cái vẻ đường bệ ấy, bà oai nghiêm hỏi tôi từ trên bệ cao của bà:

- Đồng chí Makarenkô, các trẻ nuôi của đồng chí đấy à?

Tôi ngẩng lên nhìn bà bằng một con mắt tội phạm, nhưng đúng lúc đó lại giáng xuống đầu tôi câu truyền phán sau đây, thật là xứng với bà Xêmiramit phương

[42]

Bắc :

- Cứ mỗi cái cẳng chân bị gãy là đồng chí phải chịu lấy tất cả trách nhiệm.

Trong giọng nói của bà có vô vàn gang thép, thậm chí bất cứ một vị nữ hoàng chuyên thế nào cũng đến phải thèm ghen với bà. Để cho thật giống với Catơrin Vĩ đại, bàn tay bà chĩa ngón tay trỏ về phía một chiếc bánh xe của đoàn tàu chúng tôi.

Tôi đã toan trả lời rằng bọn trẻ rất cẩn thận và tôi hi vọng mọi chuyện sẽ tốt lành, nhưng nữ đồng chí Zôia lại làm trở ngại cái ý muốn chân thành phục tùng của

tôi. Bà ta chạy lon ton ra đến tận rìa sân và nói léo xéo hết sức nhanh, vừa nói vừa lắc lư cái đầu to tướng của bà làm nhịp:

- Người ta chỉ là nói nhảm, chỉ là nói nhảm, khi người ta bảo rằng đồng chí Makarenkô yêu các trẻ nuôi của đồng chí ấy lắm... Phải chỉ cho mọi người thấy đồng chí ấy yêu chúng như thế nào mới được.

Tôi cảm thấy như có một cái khối gì đưa lên chẹn lấy cả họng tôi. Nhưng đồng thời tôi lại tưởng chừng như tôi trả lời bà ta với rất nhiều lễ độ và từ tốn:

- Ồ, đồng chí Zôia ạ, người ta đã lừa gạt

đồng chí một cách vô sỉ đấy. Tôi là một con người chai đá đến nỗi bao giờ tôi cũng ưa lương tri hơn cái tình yêu nồng cháy nhất.

Nữ đồng chí Zôia sắp sửa từ trên sân ga nhảy xổ vào tôi và như thế thì có lẽ sẽ chấm dứt ngay lập tức bài ca phản sư phạm của tôi. – Nếu như Khalabuđa đã không nói lên một cách giản dị, theo kiểu người công nhân:

- Những của quái, chúng nó đẩy tàu mới giỏi chứ! Còn chị, chị Brêgen béo ơi, chỉ trông kìa, trông kìa... Còn mày, cái con heo con này!..

Khalahuđa đã đi bên cạnh Vaxia

Alecxêiep, đứa bé mồ côi của năm cha ba mẹ. Bác ta nói chuyện với nó vài câu, và chúng tôi chưa có thì giờ nguôi cơn giận thì đã thấy bác cũng để cánh tay vào một chỗ tựa nào đó của toa xe và cũng đẩy. Tôi liếc nhìn mau vẻ cao cả hóa đá của pho tượng Catơrin, bước qua cái vũng mắt đắng lênh láng chảy từ người

[43]

nữ đồng chí Zôia và cũng vội vã về phía các toa xe.

Hai mươi phút sau, con Hảo-hán được đưa ra khỏi gian nhà tù đã bị phá hoại đến một nửa, và Antôn Bratsenkô phóng như bay về Kuriajê, để lại phía sau hắn một làn cát bụi và bày chó ở Ryjôp đang điên cuồng sủa lên lồng lộn.

Đề đội đặc biệt lại cho Ôtxatsi chỉ huy, chúng tôi mau chóng tập thành đội ngũ trên cái sân nhỏ trước nhà ga Brêgen và Zoia bước lên ô-tô và tôi còn được cái thích thú làm cho hai người tức xanh mặt đi, khi mà kèn nổi lên và trống nhịp theo bài chào cờ của trại, lá cờ cuốn trong bọc lụa nhẹ nhàng đi qua những hàng ngũ trang nghiêm của chúng tôi để đến đứng ở vị trí. Tôi cũng đi đến chỗ của tôi. Theo hiệu lệnh của Kôvan, và giữa đám trẻ con của địa phương vây chung quanh, đoàn trẻ nuôi của Gorki chuyển mình tiến về phía Kuriajê. Xe của Brêgen đi vượt lên đến chỗ tôi và Brêgen bảo:

- Ông lên xe!

Tôi nhún vai, vẻ ngạc nhiên, và đưa tay [44] để lên trái tim .

Trời nóng và bốn bề yên tĩnh. Đường đi vào các cánh đồng cỏ và qua một chiếc cầu nhỏ bắc trên một con sông bé, hẹp và hẻo lánh. Chúng tôi đi hàng sáu: bốn kèn vì tám trống đi đầu, rồi đến tôi với đội trưởng trực nhật, Taranet, và đàng sau là đội cờ. Cờ vẫn cuốn trong bọc, và từ trên đầu nhọn sáng chói của nó rũ xuống những quả tua vàng đung đưa trên đầu Lapô. Sau lưng Lapô là đoàn trại viên mặc áo sơ-mi trắng sạch trong sạch bóng, những bắp chân để trần bước đều nhịp trẻ trung hùng dũng, ở giữa đoàn xen vào bốn hàng thiếu nữ mặc váy màu

lam.

Một lần bước ra khỏi hàng một phút, tôi bỗng trông thấy những gương mặt các trại viên đều căng lên, rắn lại. Mặc dầu chúng tôi đi giữa đồng cỏ vắng vẻ, chúng vẫn giữ hàng ngũ rất thẳng và nếu thỉnh thoảng có vấp phải những mô đất, chúng lại vội vã sắp lại nhịp bước chân. Người ta chỉ nghe thấy những tiếng trống đổ hồi vọng tới những bức tường Kuriajê thành một âm vang đanh và gọn. Trong ngày hôm nay tiếng trống của chúng không ru ngủ, mà cũng không san bằng những suy nghĩ của chúng tôi. Trái lại, chúng tôi càng đi tới gần Kuriajê bao nhiêu, tiếng trống lại càng có vẻ cương quyết và thôi thúc thêm bấy nhiêu, và ai nấy đều muốn

để cho không những bước chân mình mà cả đến từng cảm xúc của trái tim mình cũng phục tùng cái kỷ luật nghiêm khắc của nó.

Đoàn chúng tôi đi vào thôn Pôtvorki. Dân trong thôn đứng sau các hàng giậu cây và các khuôn cửa nhỏ. Những con chó lớn hung dữ nhảy lên chồm chồm ở đầu dây buộc chúng, đó là con cháu những con chó có thời canh giữ các kho tàng của tu viện ngày xưa. Trong cái làng này, cả đến người ngoài chứ không phải chỉ riêng gì chó, đều đã lớn lên trên những đồng cỏ màu mỡ của lịch sử tu viện. Họ đã sinh ra đời, đã được nuôi dưỡng và dạy dỗ do tác dụng của những đồng năm hay ba kôpec, bòn rút của nhân

dân để làm các lễ cứu linh hồn, cầu chữa bệnh, mua nước mắt của Đức mẹ Lòng lành, hay lông cánh của thượng đẳng thiên sứ Gabrien. Ở Pôtvorki còn sống sót cả một bầy đoàn người có quan hệ với thánh thần: nguyên giáo sĩ và tu sĩ, giáo đồ mới quy y, mã phu và dân ăn bám, đầu bếp, người làm vườn và gái đĩ của nhà tu.

Cho nên, khi đi qua thôn, tôi cảm thấy gay gắt những cái nhìn và những lời xì xào ác cảm của các nhóm người ẩn sau các hàng giậu; tôi đoán đúng được những tư tưởng, những lời nói và những câu chúc tụng tốt đẹp của họ đối với chúng tôi.

Ở đấy, trên các đường phố thôn Pôtvorki, tôi chợt hiểu như trong một rạch ánh sáng đột ngột cái ý nghĩa lịch sử lớn lao của cuộc hành quân chúng tôi, mặc dầu nó chỉ là một trong những hiện tượng rất nhỏ bé của thời đại chúng ta. Hình ảnh của trại Gorki ở trong tâm trí tôi bỗng trút bỏ những hình thái vật thể và những màu sắc sư phạm phù hoa. Những khúc uốn lượn của con sông Kôlômak, những toà nhà trang trọng của lão Trepkơ, hai trăm khóm hoa hồng, những chuồng lợn xây bằng bê-tông rỗng, chẳng còn cái gì của những thứ đó tồn tại nữa. Các vấn đề sư phạm tinh vi cũng đã khô héo đi và tiêu tán mất ở dọc đường. Chỉ còn lại có những con người thuần túy, đào tạo do

một kinh nghiệm mới và giữ một vị trí nhân đạo mới trên những cánh đồng của trái đất. Và tôi chợt hiểu rằng trại chúng tôi trong lúc này đây hiện đang hoàn thành một sứ mệnh, nó dù nhỏ bé song cũng không vì thế mà không có một ý nghĩa chính trị rất cao và chân chính xã hội chủ nghĩa.

Diễu hành trong các đường phố thôn Pôtvorki, chúng tôi khác nào đi qua một nước cừu địch, ở đấy đang tụ tập lại, giẫy giụa lên với một sức sống tàn dư, cả một đống những con người cũ kỹ, những quyền lợi cũ kỹ, những sự sắp xếp cũ kỹ giống hệt những mạng bẫy nhện tham tàn. Và giữa khoảng những bức tường của tu viện đã xuất hiện trước mặt chúng tôi, là

cả một đống những ý nghĩ và thành kiến mà tôi kinh tởm: cái chủ nghĩa duy tâm ngớ ngẩn và sùi bọt dãi của con người trí thức, một hình thức chủ nghĩa phàm tục và vô tài, một tình cảm xúc sướt mướt của đàn bà đa cảm và sự ngu dốt bàn giấy đến kinh người. Tôi hình dung khoảng không gian đồ sộ mà cái ổ rác vô biên ấy bao phủ: chúng tôi đã đi xuyên qua nó không biết bao nhiêu nghìn cây số, không biết bao nhiêu năm trời rồi, vậy mà ở trước mặt, ở bên phải, ở bên trái, nó vẫn còn cứ thối hoắc, nó bao vây chúng tôi tứ phía. Vì thế cho nên cái đoàn nhỏ nhoi của trại Gorki có vẻ bị hạn chế vô cùng trong khoảng không và bây giờ thì chẳng còn lại một chút bảo

đảm vật chất gì nữa: liên lạc không, cơ sở không, thân thuộc không: trại Trepkơ rời bỏ vĩnh viễn, Kuriajê chưa chinh phục được.

Các hàng đội trống bắt đầu đi lên dốc: cổng ngõ tu viện đã ở trước mặt chúng tôi. Vania Zaïtsenkô, mặc quần cụt nhỏ, ở trong đó chạy ra, ngừng lại một giây, đứng sững sờ, rồi lại băng mình như một mũi tên, lao xuống dốc về phía chúng tôi. Tôi bỗng hóa sợ: lại có chuyện gì xảy ra chăng. Nhưng Vania ngừng phát lại trước mặt tôi và khóc van xin, một ngón tay đặt trên má:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, cháu đi với bác nhé, cháu không muốn đợi ở trong

ấy.

- Chú lại đây.

Vania sắp hàng với tôi, cẩn thận bắt theo nhịp bước. Rồi nó nhận thấy cái nhìn chăm chú của tôi, lau một giọt nước mắt, và nhiệt tình mỉm cười với một tiếng thở dài nhẹ nhõm.

Còn những tiếng trống vang ầm, đội trống đi hút vào trong vòm cổng, dưới gác chuông. Đám quần chúng vô tận của các trẻ nuôi Kuriajê đã đứng sắp thành vài hàng; phía trước chúng, Gôrôvich đứng nghiêm bất động và giơ cánh tay chào.

8. ĐIỆU GÔPAK

Trận tuyến Gorki và bầy Kuriajê hợp mặt đối mặt đứng cách nhau độ bảy tám thước. Những hàng ngũ vội vã do Piôtr Ivanôvich Gôrôvich lập nên tất nhiên không mấy chốc đã rối loạn. Đoàn chúng tôi vừa dừng lại một cái, chúng đã tan đi ngay và kéo dài ra trên một khoảng lớn, từ cổng đến nhà thờ, uốn cong vào ở hai cánh, nghiêm trọng đe dọa bao phủ hai bên sườn và bủa vây chúng tôi hoàn toàn là khác nữa.

Bọn Kuriajê cũng như những đội ngũ Gorki đều im lặng: tụi thứ nhất vì có

phần kinh ngạc, còn anh em sau vì kỷ luật trong hàng ngũ và đứng trước cờ. Từ trước tới nay, dân Kuriajê chỉ mới được nhìn thấy các trại viên Gorki qua các đội viên đội đặc biệt tiên phong, lúc nào cũng mặc áo quần công tác, người khá bơ phờ mệt mỏi, mình mẩy đầy bụi bặm và không tắm rửa. Bây giờ chúng trông thấy trước mặt chúng những đội ngũ chỉnh tề nghiêm túc, các bộ mặt chăm chú và bình tĩnh, những vòng khóa thắt lưng sáng loáng và những quần ngắn gọn ghẽ trên hàng thẳng tắp những bắp chân để trần.

Với một nỗ lực khẩn trương mà sức người không sao đạt tới, trong khoảnh khắc những phân số cực nhỏ của một giây đồng hồ, tôi chỉ muốn thu tóm lấy và

ghi khắc được trong trí nhớ một vài nét nổi bật trên vẻ mặt của đám quần chúng Kuriajê lúc ấy. Nhưng tôi không làm nổi việc đó. Đây không còn phải là cái đám quần chúng đơn điệu và ngây ngốc mà tôi thấy hôm đầu tiên đến Kuriajê nữa. Mắt tôi lướt từ nhóm này qua nhóm nọ, bắt gặp được những nét mặt luôn luôn mới mẻ và thường còn là hoàn toàn bất ngờ nữa. Rất ít có những đứa mà vẻ nhìn biểu lộ một sự thờ ơ bình tĩnh và trung lập. Số đông bọn trẻ nhỏ nô nức phấn khởi, cũng hệt như khi chúng ngắm nghía một cái đồ chơi chúng muốn cầm lấy trong tay, mà nó không hề gây nên sự ghen tức và cũng không kích động lòng tự ái của chúng. Nitxinôp và Zoren, tay quàng ngang lưng

nhau và đầu ngã trên vai nhau, có lẽ đang vừa ngắm các trại viên Gorki vừa mơ tưởng đến cái thời mà chúng cũng sẽ đứng trong hàng ngũ mê hồn kia, và tụi trẻ "tự do" cũng sẽ nhìn chúng như chúng hiện đương nhìn lúc này đây. Nhiều bộ mặt có cái vẻ chăm chú và nghiêm nghị bất ngờ, khi các bắp thịt bị kích thích nhíu lại, chèn ép nhau tại chỗ, còn mắt thì vội vã tìm một nơi nào để liếc nhìn. Vẻ linh hoạt sôi nổi chạy qua những bộ mặt đó: chỉ trong khoảng vài phần mười của một giây đồng hồ, dù là biểu lộ ý tán thành, thích thú, hoài nghi hoặc ghen tức, chúng cũng đã kể rõ một cái gì đấy về phần bản thân chúng. Ngược lại, trên những vẻ mặt đã chuẩn bị từ trước thì ý

mỉa mai và sự khinh bỉ nhạo báng phải mất nhiều thì giờ mới tan đi được. Từ lúc nghe thấy tiếng trống của chúng tôi ở rất xa vọng tới, những đứa ấy đã thọc hai tay vào túi, cong người đi trong những tư thế hạ cố uể oải. Nhiều đứa trong bọn cảm thấy bối rối ngay lập tức vì những tấm thân và bắp tay hùng vĩ của Fêđôrenkô, Kôrytô, Nêtsitailô đứng ở hàng đầu đại đội Gorki; trước mắt họ, hình thù của bản thân chúng xem ra có phần mỏng manh. Những đứa khác thì mãi hồi lâu sau mới kinh hoàng, khi mà sự tình đã trở nên quá hiển nhiên rằng không có thể nào đụng chạm tới con người bé nhỏ nhất trong số một trăm hai mươi người này mà không tự trừng phạt

cho được. Mà con người bé nhỏ nhất ấy, Vanka Xinenki, thì đang đứng ở phía trước, cái kèn đặt trên đầu gối, và đôi mắt nhìn nảy lửa với một vẻ tự do như thể chú không phải là một chú bé con, mới hôm qua còn là vô thừa nhận, nhưng là một vị hoàng tử đi chu du mà ở sau lưng chú, đứng nghiêm bất động trong một thái độ kính cẩn đợi chờ, là đoàn tùy tùng hộ giá tuyệt mỹ mà đức vua cha đã ban cho chú.

Sự quan sát lặng lẽ ấy chỉ lâu có vài giây đồng hồ.

Tôi có bổn phận phải từ bỏ ngay quãng bảy thước ngăn cách hai phe nọ và chấm dứt cái tình trạng đôi bên đối mặt nhìn

nhau.

- Các đồng chí! Tôi nói, kể từ giờ phút này, số bốn trăm người hết thảy chúng ta đây, chỉ còn hình thành một tập thể duy nhất mang tên là Trại lao động Gorki mà thôi. Mỗi người trong anh chị em phải luôn luôn nhớ: mỗi người trong anh chị em phải biết rằng mình là một trại viên Gorki. Và phải coi bất cứ ai trong trại Gorki là người đồng chí gần gũi nhất và người bạn thân thiết nhất của mình, phải kính trọng bạn, bảo vệ bạn và giúp đỡ bạn về mọi mặt, nếu bạn cần giúp đỡ, và sửa chữa bạn nếu bạn phạm một sai lầm. Kỷ luật của chúng ta rất chặt chẽ. Chúng ta cần có kỷ luật bởi vì công việc của chúng ta khó khăn và chúng ta có nhiều

việc phải làm. Chúng ta sẽ không làm được tốt những việc đó, nếu ở trại ta không có kỷ luật.

Rồi tôi nói đến những nhiệm vụ trao cho chúng tôi, đến sự cần thiết phải làm cho trại giầu có lên, phải học tập, phải vạch đường đi, cho chính chúng tôi và cho những trại viên Gorki tương lai nữa. Tôi nói rằng chúng tôi phải sống lương thiện, làm người vô sản thực sự, để đến khi rời khỏi trại thì là những thanh niên Kômxômôn chân chính sau này sẽ tiếp tục xây dựng và củng cố Nhà nước vô sản.

Tôi lấy làm ngạc nhiêu thấy các trẻ nuôi ở Kuriajê chăm chú đến những lời nói

của tôi một cách bất ngờ. Các bạn Gorki của chúng, trái lại, nghe có phần lơ đãng, phần là vì họ không thấy có gì mới mẻ hết: tất cả những điều đó đã được ghi khắc sâu vào từng phần nhỏ nhất của óc họ từ lâu rồi.

Nhưng tại sao cũng những đứa trẻ ở Kuriajê ấy, hai tuần lễ trước đây, đã làm ngơ trước những lời hô hào của tôi, còn nhiệt tình và thuyết phục hơn bây giờ nhiều? Khoa học sư phạm là một khoa học khó khăn thay! Có thể nào cho rằng chúng lắng nghe tôi duy chỉ vì, sắp hàng ở sau lưng tôi, tôi có đoàn quân Gorki, hay là vì ít phía sườn bên phải đoàn quân ấy có ngọn cờ của trại, đứng yên vị, trang nghiêm, trong vỏ bọc xa tanh của

nó? Không có lẽ nào, vì điều đó trái ngược với tất cả những lý luận và định lý của khoa sư phạm..

Kết thúc lời huấn thị của tôi, tôi báo tin rằng trong nửa giờ nữa sẽ họp toàn trại Gorki; các trại viên phải lợi dụng cái nửa giờ ấy để làm quen, bắt tay nhau và cùng nhau đi đến cuộc họp. Và bây giờ thì, theo lệ thường, nên đem cất cờ đi...

- Giải tán!

Tôi những chờ đợi các trại viên Gorki đi tới bắt tay các trại viên Kuriajê, nhưng sự thực lại không như vậy. Họ băng đi khỏi các hàng như một vốc đạn ghém bắn tung ra và ba chân bốn cẳng chạy tuốt lên

các phòng ngủ, các câu lạc bộ và các xưởng. Không phật ý vì sự bất lịch sự ấy, những đứa kia chạy bổ đi theo gót họ, chỉ trừ có Kôrôtkôp vẫn ở lại giữa bọn những đứa thân của nó; chúng nói chuyện nho nhỏ với nhau. Brêgen và nữ đồng chí Zôia ngồi trên những tấm mộ chí ở bên tường nhà thờ. Tôi đến gần hai người.

- Bọn trẻ của ông ăn mặc khá xinh đấy, Brêgen nói

- Họ đã chuẩn bị các phòng ngủ cho chúng nó chưa? Nữ đồng chí Zôia hỏi.

- Chúng tôi tạm thời sẽ không cần đến phòng ngủ, tôi đáp, và một cảnh tượng mới lại khiến hai người chăm chú lưu ý

tới ngay.

Đàn lợn của chúng tôi, vây quanh là các trại viên của đội Xtupitxyn, thong thả và nặng nề đi vào qua cổng tu viện. Nó đi làm ba tốp: dẫn đầu là các lợn mẹ, ở giữa lợn con và sau cùng lợn bố. Vôlôkhôp với ban tham mưu của hắn tiếp đón chúng với những nụ cười hớn hở, trong khi Kutlaty đã thân thiện gãi gãi vào phía sau tai con lợn yêu quý nhất của

[45]

trại, con Tsembơlin , lợn đực con năm tháng, gọi tên như thế để kỷ niệm bức tối hậu thư nổi tiếng của nhà chính khách đó.

Đàn lợn đi về phía các chuồng đã bố trí

cho chúng, và chúng tôi thấy Xtupitxyn, Sêrê và Khalabuđa bước vào, cả ba người đang nói chuyện sôi nổi. Khalabuđa vừa nói vừa khua khua một bàn tay, còn tay kia thì ôm vào ngực con lợn con bé nhất và hồng hào nhất của chúng tôi:

- Chà, những con lợn của họ mới khá chứ! Khalabuđa vừa nói vừa tới nhập vào bọn chúng tôi. Nếu những người của họ cũng được như lợn, thì nhất định là sẽ ra trò, tôi cam đoan như vậy.

Brêgen đứng lên khỏi tấm mộ chí và nghiêm khắc nói:

- Nhưng xem chừng có vẻ là đồng chí

Makarenkô chủ yếu quan tâm đến người chứ?

- Tôi ngờ lắm, Zôia nói. Lợn thì có chỗ ở sẵn, còn bọn trẻ... chúng sẽ tự liệu lấy...

Brêgen bỗng thích thú cái luận đề độc đáo ấy:

- Ừ, điều nhận xét của Zôia đúng. Chúng tôi rất muốn biết đồng chí Makarenkô nghĩ về chuyện đó thế nào, và tôi nói đây là không phải nói nhà nuôi lợn Makarenkô, nhưng nhà sư phạm Makarenkô kia.

Tôi rất bực mình vì những ý cừu địch không úp mở của những lời nói ấy, nhưng ngày hôm đó tôi không muốn cũng dùng

cái giọng thô bạo tận từ ấy mà đáp lại.

- Xin cho phép cả hai con người ấy kết hợp trả lời, tạm nói như thế, có được không?

- Xin ông cứ nói.

- Bà xem, ở đây các trại viên là những người chủ, và lợn thì là những thứ trẻ nuôi.

- Thế còn ông thì sao? Brêgen vừa hỏi vừa nhìn đi chỗ khác.

- Nếu bà đồng ý, tôi ở về phía những người chủ thì phải hơn.

- Nhưng ông có chỗ ngủ không?

- Tôi cũng không cần đến chỗ ngủ.

Brêgen lắc đôi vai, vẻ bực tức, lạnh lùng bảo nữ đồng chí Zôia:

- Ta chấm dứt câu chuyện này thôi. Đồng chí Makarenkô ưa những tình thế găng.

Khalabuđa cười phá lên:

- Thì như thế có gì là hại? Anh ta đúng đấy, hà, tình thế găng với lại chẳng găng! Anh ta cần gì đến những tình thế dịu!

Tôi không thể nhịn được mỉm cười, làm cho Zôia lại đả tôi ngay tức khắc:

- Phải nuôi bọn trẻ theo kiểu nuôi lợn, thì tôi không hiểu đó là một tình thế găng

hay là dịu.

Nữ đồng chí Zôia mở những động cơ thịnh nộ lôi đình và đôi mắt lồi của đồng chí xoáy tròn ốc khoan thủng con người tôi với cái tốc độ hai vạn vòng quay trong một giây. Thậm chí tôi phát hoảng. Nhưng đúng phút ấy, Xinenki chạy tới với cái kèn của nó; mặt đỏ bừng bừng, nó kích động nói líu ríu với một tốc độ đại khái cũng ngang như vậy:

- Ở đằng ấy... Lapô bảo... nhưng Kôvan lại bảo: đợi đã. Thế rồi Lapô cáu lên và bảo: mày cứ làm như tao bảo, vâng... thế rồi anh ấy lại bảo: nếu mày cứ đứng đấy mà nhìn rốn... và anh em cũng... Ồ, các phòng ngủ, phải biết! Ôi trời ơi là trời!

Anh em bảo: không thể chịu được, nhưng Kôvan bảo phải hỏi ý kiến bác...

- Bác hiểu anh em nói cái gì và Kôvan nói gì, nhưng bác chẳng hiểu mảy may cháu muốn hỏi gì bác.

Xinenki bối rối:

- Cháu chả muốn gì hết... Nhưng ở đằng ấy Lapô bảo...

- Bảo thế nào?

- Nhưng Kôvan lại bảo: phải hỏi ý kiến...

- Lapô bảo cái gì mới được chứ? Điều đó quan trọng lắm đấy, đồng chí Xinenki

ạ.

Câu hỏi của tôi làm cho nó thích thú quá, đến nỗi nó nghe không rõ:

- Sao cơ ạ?

- Lapô đã bảo gì?

- À vâng... anh ấy bảo: mày thổi kèn tập hợp đi.

- À, đó là điều đáng lẽ phải nói ngay từ đầu.

- Thì đúng là điều cháu đã nói với bác...

Nữ đồng chí Zôia đưa hai ngón tay ra cặp vào đôi má đỏ hồng hào của Xinenki và làm cho đôi môi của nó bất thình lình

một nút tết nhỏ bằng dải lụa hồng.

- Thằng bé dễ thương quá!

Xinenki khó chịu giằng ra khỏi những bàn tay ve vuốt của Zôia, đưa tay áo lên chùi môi và lườm ngang bà ta:

- Thằng bé... rõ hay chửa! Thế ngộ tôi cũng làm thế thì sao?... Tôi chẳng phải là một thằng bé tí nào... tôi là một trại viên, có thế thôi...

Hai tay của Khalabuđa nhấc bỗng cả Xinenki với cái kèn của nó lên như một chiếc lông chim.

- Nói giỏi, chà, nói giỏi lắm, nhưng dù sao thì cháu cũng cứ là một con heo con.

Xinenki vui lòng nhận vai trò đề nghị cho nó và không phản đối cách gọi ấy. Zôia cũng không bỏ qua điều đó:

- Hình như được gọi là heo con thì là một vinh dự tối cao cho chúng nó vậy.

- Thôi đi chị! Khalabuđa nói, có vẻ không bằng lòng, và ông đặt lại Xinenki xuống đất.

Một cuộc tranh cãi kịch liệt xem chừng sắp bùng nổ ra thì chợt xuất hiện Kôvan, và theo sau hắn là Lapô.

Kôvan, vẻ lúng túng như một người nông dân trước mặt những cấp trên, nháy mắt ở sau lưng Brêgen để ra hiệu mời tôi ra nói chuyện riêng, Lapô thì không e ngại

gì các vị thủ trưởng cả.

- Bác ạ, cái thằng Kôvan này nó cứ tưởng là cháu chuẩn bị sẵn cho nó một cái giường lông chim kia đấy. Nhưng mà cháu, thì cháu nghĩ là không nên trì hoãn gì hết. Cứ họp ngay lập tức, rồi ta đọc bản tuyên ngôn của ta cho chúng nó nghe.

Kôvan đỏ mặt vì cần phải nói trước mặt các cấp trên, mà các cấp trên ấy lại là "những mụ già", những người mà trong thâm tâm hắn xưa nay vẫn coi là một thứ uy tín hạng nhì, song hắn cũng nhất quyết trình bày quan điểm của hắn:

- Làm như là tao cần đến những lông chim của mày lắm ấy, mày đừng có nói

bậy bạ đi! Chỉ có điều chúng ta liệu có nên ép buộc chúng phải phục tùng bản tuyên ngôn của ta hay không? Và mày sẽ làm thế nào mà ép buộc chúng? Nên túm lấy cổ chúng hay là thoi vào ngực chúng?

Kôvan thận trọng liếc nhìn Brêgen, song nguy cơ thực sự lại từ nơi khác tới:

- Thế nào nhỉ, "thoi vào ngực" chúng à? Nữ đồng chí Zôia hoảng hốt hỏi.

- À không, đó chỉ là nói thế thôi, Kôvan đáp, mặt càng đỏ lên dữ dội. Vả lại đối với chúng nó, tôi chẳng bõ tốn hơi! Mai tôi lên ủy ban tỉnh, và xin cứ tống ngay tôi trở về làng...

- Ừ, nhưng mà anh đã nói là các anh sẽ

“ép buộc” họ. Anh nói như thế là nghĩa thế nào?

Sự bực tức bỗng làm cho Kôvan mất cả lòng tôn kính đối với cấp trên vả lại còn lôi hắn đi ngược chiều hắn nữa:

- Ôi giào!... rõ khỉ! Người ta đến đây để làm việc hay là để nói lô lô như những mụ gác cổng... Mẹ kiếp...

Hắn chạy băng đi như một mũi tên về phía câu lạc bộ và đôi giày bụi bặm của hắn cày văng trên mặt đất Kuriajê những mảnh vụn của bờ hè gạch xây từ hồi các thầy tu. Lapô dang hai cánh tay trước mặt Zôia:

- Tôi đây, tôi có thể cắt nghĩa cho bà

nghe, thế nào là ép buộc chúng. Ép buộc chúng, có nghĩa... thì đấy, có nghĩa là ép buộc chúng, chứ còn gì nữa!

- Chị thấy không, chị thấy không? Nữ đồng chí Zôia vừa nói vừa nhảy lên như choi choi trước mặt Brêgen. Đấy nhé, bây giờ thì chị bảo thế nào?

- Xinenki, thổi kèn tập hợp, tôi ra lệnh.

Xinenki giằng lấy cái kèn ở tay Khalabuđa, chĩa nó về phía cày thập tự của nhà thờ và xé bầu không khí bằng một hồi kèn gọi rành mạch, giật từng cơn, hăng hái và thôi thúc. Nữ đông chí Zôia đưa tay lên bịt tai:

- Trời ơi, nào là kèn!... Nào là đội

trưởng!... Một cái trại lính!...

- Có hề gì đâu, Lapô nói. Bà đã hiểu đó là chuyện gì rồi kia mà.

- Dùng chuông tốt hơn nhiều, Brêgen nhẹ nhàng góp ý.

- Ồ, bà bảo sao cơ, chuông à? Chuông thì quýnh lắm. Lúc nào nó cũng kêu đều một điệu, còn đằng này thì là một hiệu lệnh hợp lý; tập hợp. Rồi lại còn "họp đội trưởng". Kêu đi ngủ và kêu báo động. Hà! Nếu Vanka mà thổi kèn báo động thì đến một người chết cũng phải nhảy chồm đi chữa cháy và cả đến bà nữa, bà cũng chạy cho mà xem.

Từ các nhà nhỏ, các xưởng trống và từ

phản phía sau các tường của tu viện, xuất hiện từng nhóm trại viên đi tới câu lạc bộ. Những đứa nhỏ thường hay chạy, nhưng có nhiều ấn tượng ngẫu nhiên kìm hãm ngay đà chân chúng lại. Trẻ nuôi của Gorki và của Kuriajê đã trà trộn lẫn nhau và trò chuyện xem ra có vẻ thân thiện đáng mừng. Tuy nhiên số đồng các trẻ nuôi Kuriajê vẫn còn đi riêng bọn với nhau.

Trong gian phòng trống trơn và mát mẻ của câu lạc bộ, quần chúng mỗi lúc một đông thêm, song những áo sơ-mi trắng của Gorki nổi bật lên ở gần các bực đi lên điện thờ. Tôi để ý thấy rằng sự bố trí đó đã được làm theo lối chỉ dẫn của Taranet, hắn đã tập trung lực lượng của

hắn, đề phòng mọi sự có thể xảy ra.

Số người ít ỏi của đội quân đột kích của chúng tôi nổi bật rành rành: năm chục người trong số bốn trăm có mặt. Những đội hai, ba và mười đang bận sắp đặt chuông cho các sinh súc và hai chục trại viên còn ở lại ga Ryjôp với Ôtxatsi, ấy là không kể các bọc viên trung học. Ngoài ra, cũng không tính đến số các nữ sinh của chúng tôi. Các bạn Kuriajê của họ đã dành cho họ một cuộc đón tiếp hết sức thân ái, hầu cảm động, kèm theo những cái hôn và những lời than vãn, và xếp chỗ cho họ trong cái phòng ngủ mà Ôlia Lanôva đã không hoài công thu dọn với bao nhiêu ân cần nồng nhiệt. Trước khi khai mạc cuộc họp. Jorka Vonkôp

thầm thì hỏi tôi:

- Thế nào, cứ làm thẳng cánh chứ bác?

- Chú cứ làm thẳng cánh, tôi đáp.

Jorka, sau khi trèo lên sàn bục điện điện thờ, chuẩn bị đọc cái mà chúng tôi gọi đùa là bản tuyên ngôn của chúng tôi. Đó là một nghị quyết công chức Kômxômôn trại Gorki, trong đó Jorka, Vôlôkhôp, Kutlaty, Jêvêli và Gorkôpxki đã bỏ vào không biết bao nhiêu kho tàng sáng kiến, trí tuệ, khí phách lớn của người Nga và sự chính xác rất chí lý, thêm vào đấy một liều lượng vừa phải chất hạt tiêu Gorki, tình thân hữu hòa lẫn với sự xẵng bỏ âu yếm cần phải có giữa anh em đồng chí.

Bản "tuyên ngôn" cho đến lúc ấy vẫn được coi là một văn kiện bí mật, mặc dầu có rất nhiều người đã tham gia thảo luận nó: nó đã được bàn đi bàn lại nhiều lần trong phiên họp của ban chấp hành ở Kuriajê, và trong khi tôi trở về Gorki nó cũng được xét duyệt lại một lần nữa với sự có mặt của Kôvan và các đoàn viên Kômxômôn tích cực. Jorka nói vài câu khai mào:

- Các đồng chí trại viên, chúng tôi sẽ nói chuyện thẳng thắn: khỉ một nỗi là không biết bắt đầu nói cái gì đây? Nhưng tôi sẽ đọc cho các anh nghe bản nghị quyết của Chi đoàn Kômxômôn rồi các anh sẽ thấy ngay là nên bắt đầu từ cái gì và mọi sự sẽ tiến hành theo như thế nào. Hiện bây

giờ các anh không làm việc, ở đây chẳng có tổ chức Kômxômôn với thiếu niên thiếu niếc gì cả, chó chết thế, các anh sống trong ghét bẩn, và rút cục thì các anh là cái giống gì? Người ta có thể nhận xét các anh về mặt nào? Nói thẳng ra, thì là về mặt này: các anh là một căn cứ tiếp tế cho rệp, rận, chấy, gián, bọ chét và mọi thứ dòi bọ khác.

- Thế là lỗi của chúng tôi đấy hẳn! có đứa nào kêu lên.

- Chứ lại gì, đúng, đó là lỗi của các anh, cố nhiên, Jorka trả lời ngay lập tức. Các anh có lỗi, lỗi dề dề ra đấy còn gì nữa. Các anh có quyền gì trở thành những kẻ đại lãn, những kẻ quấy nhiễu, những tên

tiểu yêu: chẳng có quyền gì cả! Các anh không được phép như vậy, có thế thôi! Chỗ các anh ở mới bẩn thỉu làm sao chứ! Có ai được phép sống trong đống rác rưởi như thế không? Tuần lễ nào chúng tôi cũng tắm cho lợn của chúng tôi bằng xà phòng, các anh phải nhìn thấy cái đó mới được. Các anh nghĩ có lẽ có một con lợn không muốn tắm và nói: "các anh cút đi cho rảnh với xà phòng của các anh" đấy chăng '? Không có đâu, nó cúi chào và nổi cảm ơn. Thế mà ở trại các anh, đã hai tháng nay không có xà phòng...

- Là vì người ta đã không cho xà phòng, có đứa nói to lên trong đám đông bằng một giọng tức giận cay chua.

Khuôn mặt tròn của Jorka, chưa mất những vết xám xanh của cuộc gặp gỡ đêm qua với kẻ thù giai cấp bỗng cau lai vẻ dài thượt ra;

- Thế ai phải cho các anh xà phòng? Ở đây các anh là chủ. Các anh phải tính toán lấy, cần có cái gì và làm thế nào chứ.

- Ở bên các anh thì ai là chủ, có lẽ là bác Makarenkô chắc? Một thằng lên tiếng hỏi rồi lẩn mắt ngay trong đám đông.

Mọi cái đều quay cả về chỗ phải ra câu hỏi, nhưng ở đấy cũng chỉ nhìn thấy những vòng người chuyển động như vậy thôi, với vài bộ mặt ở giữa đang cười

đắc ý, Jorka rộng miệng mỉm cười:

- Đó mới thật là ngu như con lừa! Bác Antôn Makarenkô được tín nhiệm của chúng tôi, bởi vì các bác là người của chúng tôi và chúng tôi cũng làm việc với nhau. Và cái thằng nào trong bọn các anh hỏi câu ấy quả là xuẩn ngốc vô cÙng. Nhưng hắn chớ có ngại, những hạng ngu đần như hắn thì người ta sẽ giáo dục chúng, chẳng có rồi những của như vậy, các bạn ạ, chúng cứ nhòm nhòm ngó ngó tứ phía. Ông chủ của tôi đâu ấy nhỉ?

Những tiếng cười phá lên trong câu lạc bộ; Jorka đã bắt chước rất tài điệu bộ cái thằng ngu ngốc mặt mày nhớn nhác đang đi tìm chủ.

Jorka nói tiếp:

- Ở nước các xô-viết, người làm chủ là vô sản và công thần. Nhưng các anh, thì các anh đã sống ở đây và được nhà nước nuôi cho ăn, rồi ỉa ngay ra đấy, chẳng có ý thức chính trị gì hơn đầu óc một con gà giò hết.

Tôi bắt đầu e ngại: những mũi dùi châm chọc của Jorka có là quá trớn chăng, giá nói nhẹ nhàng tử tế hơn một chút thì tốt. Đúng lúc ấy, cũng vẫn cái tiếng nói chưa biết là của đứa nào kia lại kêu lên:

- Để rồi xem các cậu ị ra làm sao.

Một làn sóng những tiếng cười nén nhịn và ác ý, những nụ cười hể hả và đồng

tình chạy khắp gian phòng.

- Cậu sẽ có thể xem tự do. Jorka đáp, vẻ nghiêm chỉnh và nhã nhặn. Tôi lại còn có thể đặt một cái ghế bành gần những chỗ ấy cho cậu chỉ có việc ngồi mà nhìn thôi. Và như thế sẽ rất có ích cho cậu, bởi vì nếu không thì ngay đến đi ra sân làm việc ấy câu cũng không biết nữa kia. Đó chỉ là một kỹ thuật nhỏ thôi, nhưng vẫn cứ là một điều mà người nào cũng cần phải biết.

Tụi Kuriajê mặc dầu xấu hổ cũng không thể nhịn được cười và chúng ngồi tựa vào nhau, đung đưa người khoái chí. Bọn con gái kêu lên khe khẽ, ngoảnh mặt về phía lò sưởi, và bất bình vì những lời

nói của diễn giả. Duy chỉ có bọn trai Gorki là tế nhị kìm hãm sự vui thích của họ, trong khi kiêu hãnh nhìn Jorka.

Những đứa kia thôi cười và những cái nhìn của chúng chăm chú vào Jorka trở nên nồng nhiệt hơn và thông cảm hơn, chẳng khác nào trên thực tế chúng đang nghe hắn trình bày một kế hoạch hoàn toàn hữu ích và có thể chấp nhận được.

Có một kế hoạch là điều rất quan trọng trong đời sống của một con người. Ngay đến con người chất phác bé nhỏ nhất, nếu như đáng lẽ chỉ được nhìn ở trước mặt toàn những khoảng đất trống đơn giản với các đồi, khe, đầm lầy và gò đống, mà lại được thấy dù chỉ là một viễn cảnh

bình thường nhất, những con đường nho nhỏ và đường cái với những khúc quanh, những chiếc cầu nho nhỏ, những trạm nghỉ chân và những cột chỉ dẫn, thì ngay đến con người đó cũng bắt đầu tự tổ chức từng chặng nhỏ, y nhìn về phía trước một cách vui vẻ hơn, và cả đến thiên nhiên đối với y cũng hình như có trật tự hơn: bên đây là phía tay trái, bên kia phía tay phải, chỗ này gần đường cái và chỗ nọ thì xa hơn.

Chúng tôi đếm kể một cách có ý thức đến tầm quan trọng lớn của bất cứ một viễn cảnh nào, dù là những viễn cảnh mà trong đó không có lấy một chiếc bánh ngọt thơm hay một gam đường nhỏ nào hết. Chính là theo tinh thần đó mà bản

tuyên ngôn của chi đoàn Kômxômôn đã được viết nên, và sau cùng Jorka bắt đầu đọc nó lên trước hội nghị:

"*Nghị quyết ngày 15 tháng 5 năm 1926 của chi đoàn Thanh niên Cộng sản trại Gorki:*

1. Tất cả những đội của các trại viên cũ ở Gorki và các trại viên mới ở Kuriajê đều giải tán và nay thành lập hai mươi đội mới thành phần như sau... (Jorka đọc bảng phân phối các trại viên cho từng đội, và đọc tên các đội trưởng trên một danh sách riêng).

2. Đồng chí Lapô vẫn là thư ký của hội đồng đội trưởng. Đơnit Kutlaty và Alecxây Vonkôp được lưu nhiệm tại chức vụ cũ: Kutlaty làm chủ nhiệm tổng vụ và Vonkôp làm thủ kho.

3. Qui định cho hội đồng đội trưởng phải thi hành ngay mọi biện pháp chỉ rõ trong nghị quyết này và giao lại trại, sau khi đã được hoàn toàn chỉnh đốn, cho các đại biểu của ủy ban Nhân dân Giáo dục và Ban chấp hành Khu, vào ngày hội mùa, ngày đó sẽ được tổ chức theo đúng phép.

4. Phải tiến hành ngay tức khắc, nghĩa là trước buổi tối ngày 17 tháng năm, thu thập hết thảy các quần áo ngoài, áo

trong, ga giường, chăn, đệm, khăn mặt, v.v... hiện có trong tay các trẻ nuôi của trại Kuriajê trước đây - như vậy có nghĩa không phải chỉ kể những thứ của Nhà nước mà là kể cả những thứ thuộc quyền sở hữu riêng của mỗi người – để ngay hôm nay đem đi tẩy uế và sửa chữa lại.

5. Sẽ phát cho tất cả các trẻ nuôi và trại viên những quần cụt và áo nịt, do các nữ sinh may ở trại cũ. Những quần áo khác sẽ được cấp cho họ trong một tuần lễ, đánh đổi những quần áo đưa đi giặt.

6. Tất cả các trẻ nuôi, trừ các nữ sinh, đều phải húi tóc, sau đó sẽ trao ngay

cho mỗi người một cái mũ chỏm bằng nhung.

7 Tất cả các trẻ nuôi ngày hôm nay đều phải tắm, tùy tiện ở nơi nào có thể, để nhà giặt dành cho nữ sinh dùng.

8. Qui định cho tất cả các đội không được ngủ trong các phòng ngủ, mà ngủ ngoài sân, dưới các bụi cây, nói cách khác là ở khắp nơi nào có thể, tùy ý đội trưởng chọn, chừng nào công việc sửa chữa và sắp đặt các phòng ngủ chưa được làm xong ở nhà trường cũ.

9. Các đệm, chăn và gối, do các trại viên Gorki cũ đem tới, sẽ dùng làm đồ nằm, và các thứ cấp cho mỗi đội đó sẽ

chia cho các đội viên, không được tranh luận bàn cãi, dù số lượng đủ dùng hay không đủ dùng.

10. Yêu cầu ai nấy không được nêu lên một yêu sách hay lời kêu ca gì về sự thiếu đồ nằm, nhưng phải tìm ra cách hợp lý giải quyết những khó khăn.

11. Các trại viên sẽ ăn làm hai tốp, từng đội một, và cấm không được đi lang thang từ đội nọ sang đội kia.

12. Ai nấy đều phải hết sức coi trọng vấn đề sạch sẽ.

13. Các trại viên đến ngày mồng một tháng tám mới bắt đầu làm việc ở xưởng, trừ xưởng may, và từ nay đến đó

thì sẽ làm những công việc sau đây:

Phá bỏ tường bao vây tu viện, gạch dỡ ra dùng để xây một cái chuồng cho ba trăm con lợn.

Sơn các cửa sổ, cửa ra vào, tay vịn cầu thang và các giường trong khắp trại.

Công tác ở đồng ruộng và ở vườn rau.

Sửa chữa tất cả đồ đạc.

Tu sửa chung sân trại và các dốc của ngọn đồi ở tứ phía, kẻ lối đi, sắp đặt các bồn hoa và một nhà kính ấm.

Sẽ may cho tất cả các trại viên hai bộ quần áo tốt: ngoài ra sẽ mua cho họ

một đôi giày đi mùa rét; mùa hè, đi đất.

Nạo vét ao và các chỗ tắm.

Lập một vườn cây quả trên dốc đồi phía Nam.

Chuẩn bị các máy tiện, nguyên vật liệu và dụng cụ để bắt đầu làm việc ở xưởng kể từ tháng tám".

Mặc dầu vẻ mộc mạc bề ngoài của nó, bản tuyên ngôn của chúng tôi đã gây cho tất cả mọi người một ấn tượng rất mạnh. Ngay đến chúng tôi, những người thảo ra nó, cũng phải kinh ngạc vì sự rành mạch rạch ròi và những đòi hỏi dứt khoát của nó. Ngoài ra, còn một điểm mà sau đó các trẻ nuôi ở Kuriajê đã nhận ra, là nó

tỏ cho mọi người thấy rằng sự bất động của chúng tôi trước khi các trại viên Gorki tới đã ẩn giấu những quyết định vững chắc và một sự chuẩn bị ngấm ngầm không lúc nào rời mắt khỏi những điều thực tế.

Những đội mới đã được các anh em Kômxômôn thành lập nên một cách khéo tuyệt. Cái thiên tài của Jorka, Gorkôpxki và Jêvêli đã khiến họ cân nhắc liều lượng những người ở Kuriajê cho vào các đội với một độ chính xác của nhà bào chế, lưu ý đến những quan hệ bạn thân và những vực căm thù, đến những tính cách, xu hướng, những thiện cảm và ác cảm. Đội đặc biệt tiên phong thực đã chẳng uổng công mò mẫm ở các phòng

ngủ trong hai tuần lễ.

Cũng vẫn sự quan tâm có ý thức ấy đã chỉ đạo việc phân phối các trại viên Gorki: khỏe và yếu, cương quyết và nhu nhược, nghiêm ngặt và vui vẻ, những trai đáng mặt và những anh chàng vầy-vậy, ai nấy đều được xếp đặt đúng chỗ do sự nhìn nhận toàn diện về mọi mặt.

Ngay đối với nhiều người của trại Gorki, những đường nét quả quyết của bản tuyên ngôn cũng là một điều mới mẻ; còn bọn Kuriajê thì nghe Jorka đọc nó thảy đều choáng váng. Lúc đó còn thấy có những đứa thầm thì hỏi đứa bên cạnh về một chữ nào đấy nghe không rõ, hoặc sửng sốt đứng kiễng chân nhòm ngó vòng

quanh; đến chỗ mạnh nhất, có đứa còn kêu lên: "Ái chà!" là khác nữa, nhưng khi Jorka đọc xong thì cả phòng đều yên tĩnh, cái yên tĩnh chỉ bị gợn vì những câu hỏi nhỏ, rút rát, hầu không thành hình và câm lặng: Làm gì đây! Trốn đi đâu? Phục tùng, phản đối, làm xáo lộn? Vỗ tay, cười hay nguyền rủa?

Jorka khiêm tốn cuộn lại một tờ giấy nhỏ. Lapô đưa mắt nhìn khắp quần chúng bằng một cái nhìn châm biếm qua cặp mi mọng của hắn, và ngáp lên một cái tinh quái:

- Tớ thì tớ chả thích cái chuyện này. Tớ là một trại viên Gorki cũ, tớ có giường, có đệm, có chăn của tớ. Thế mà bây giờ

tớ lại phải đi nằm dưới một bụi cây. Mà cái bụi cây ấy ở chỗ nào chứ? Kutlaty ơi, cậu là đội trưởng của tớ, vậy cậu hãy bảo cho tớ biết cái bụi cây của tớ nó ở đâu?

- Mình đã chọn trước rồi, cố ý chọn riêng cho cậu đấy.

- Thế ở trên cây ít nhất cũng có cái gì mọc ra chứ? Có lẽ anh đào chăng, hay là táo hử? Và nếu lại có một con họa mi nữa thì thú nhỉ? Có chim họa mi không, hử Kutlaty?

- Bây giờ thì chưa có, nhưng có chim sẻ.

- Chim sẻ à? Tớ nói riêng, tớ chả lấy gì làm ưng những cái của nợ ấy. Chúng hót

[46]

mèng lắm và chúng lại bẩn nữa. Ít nhất thì cậu cũng cho mình một con bạch yến.

- Được, cho cậu một con bạch yến, Kutlaty vừa đáp vừa cười.

- Thế rồi lại còn... Lapô nhìn chung quanh với một vẻ đau khổ. Đội của ta, là đội ba... cậu cho xem danh sách nào... À, đội ba... Bọn Gorki cũ thì có: một, hai, ba... tám. Vị chi là tám cái chăn, tám cái gối và tám cái đệm cả thảy cho hai mươi hai đứa. Tớ chả thích thế tí nào. Có những ai ở trong đội? À được, có Xtecni. Cái cậu Xtecni ấy đâu hử? Giơ tay lên cậu. Nào, cậu lại đây! Lại đây, lại

đây, cậu đừng sợ!

Một thằng bé thò lò mũi, kể từ thời vạn [47]
cổ đến giờ chưa biết xà phòng với tông-đơ là cái gì, đầu tóc hoàn toàn cháy nắng, mặt thì rám đen với ghét đã từ lâu kết thành một chất hỗn hợp hết sức phức tạp và đã có những đường nứt nẻ, bước lên trên bục điện thờ. Xtecni có vẻ xấu hổ đưa những bàn chân đen thủi của nó trèo lên các bậc, rồi vụng về giương to đôi mắt tròn và ngây ngốc ra nhìn quần chúng với cái mồm răng bàn cuốc trắng lôm lốp.

- Thế nào, vậy ra mình phải chia sẻ chăn với cậu à? Này cho tớ biết, đêm ngủ cậu

có hay đá hậu lắm không đấy?

Nước bọt sùi lên mép Xtecni, nó muốn đưa nắm tay đen bẩn lên quệt môi, nhưng chợt xấu hổ, nó lại lau vào một vạt cái áo sơ-mi đã nát bươm của nó.

[48]

- Không...

- Được, này thế đồng chí Xtecni ơi, ngộ nhỡ trời mưa thì chúng mình làm thế nào?

- Thì chỉ có việc chuồn thôi, hi, hi...

- Đi đâu?

Xtecni nghỉ một tí rồi nói:

- Nào biết được?

Lapô ngoảnh lại phía Đơnit, vẻ mặt lo âu:

- Đơnit ơi, mưa thì chờ uôn-chuôn huyền đi đâu?

Đơnit bị gọi tiến lên và nhìn cử tọa bằng con mắt nhấm nháy ranh mãnh của người nông dân Ukren:

- Tôi không biết về vấn đề này các đội trưởng khác nghĩ thế nào và, trong bản tuyên ngôn, nói cho đúng thì có một thiếu sót ở chỗ ấy. Nhưng riêng tôi, thì tôi bảo thế này: trong trường hợp trời mưa hay có chuyện gì khác, đội ba chẳng có gì mà phải sợ. Sông ở ngay gần đấy, tôi đưa

đội ra sông. Nói cho đúng thì nếu ta xuống sông, mưa chẳng làm phiền gì cả, và nếu ta lại lặn xuống nữa, thì sẽ chẳng có một giọt mưa nào đụng tới ta hết. Có gì là ghê gớm đâu và lại còn tốt cho sức khỏe là khác nữa.

Đơnit nhìn Lapô bằng một cái nhìn ngây thơ rồi lùi ra đứng riêng một chỗ. Lapô đột nhiên nổi giận, quát bảo Xtecni, nó đang bàng hoàng nửa thức nửa ngủ mà ngắm nhìn những sự việc lớn:

- Mày có nghe thấy không đấy?

- Có, tôi có nghe, thằng kia vui vẻ đáp.

- Được, thế thì nghe tao bảo, con nỡm ạ, mày với tao sẽ ngủ chung, đắp chăn của

tao. Nhưng mà trước hết tao hẵng đem mày ra sông mà vò, rồi húi cho kỳ trụi lông lá trên cái sọ dừa của mày cái đã. Hiểu chưa?

- Hiểu rồi, Xtecni tươi cười đáp.

Lapô lột bỏ cái mặt nạ khờ khạo ra và tiến đến thành các bực;

- Như vậy đã rõ chưa?

- Rõ rồi! có tiếng nói to đáp lại ở nhiều nơi.

- Được, nếu đã rõ rồi, thì bây giờ chúng tôi nói thẳng tuột. Bản tuyên ngôn này, tất nhiên, không lấy gì làm... thú vị lắm. Nhưng dù sao thì đại hội nghị chúng ta

đây cũng cứ phải chấp thuận nó thôi, không có cách nào khác cả.

Rồi hắn bỗng lại giơ cánh tay làm một cử chỉ thất vọng và lấy giọng bất ngờ mếu máo chua xót

- Cho biểu quyết đi, Jorka.

Mọi người phá lên cười, Jorka giơ bàn tay ra phía trước:

- Tôi đề nghị biểu quyết: ai tán thành bản tuyên ngôn thì giơ tay.

Một rừng bàn tay dựng đứng lên. Tôi chăm chú nhìn các hàng ngũ đạo quân của tôi. Tất cả mọi người đều biểu quyết tán thành, kể cả nhóm của Kôrôtkôp ở

gần cửa. Bọn nữ sinh dù giơ những lòng bàn tay đỏ hồng của họ lên với một vẻ đắc thắng dễ yêu, và họ nghiêng nghiêng đầu mỉm cười. Tôi ngạc nhiên hết sức. Tại sao Kôrôtkôp với bọn nó lại biểu quyết tán thành? Chính Kôrôtkôp đứng dựa lưng vào tường và, cánh tay nhẫn nại giơ hẳn lên, đang giương to đôi mắt đẹp của nó ra mà lặng lẽ ngắm bọn chúng tôi trên diễn đài.

Bôrôvôi bỗng xuất hiện, phá rối sự trang nghiêm của giây phút ấy. Bác ta đâm bổ vào phòng, tâm thần hết sức bồng bột, vừa va đánh sầm một cái vào cánh cửa vừa kéo một chiếc phong cầm to tướng ôm trong tay cho kêu rống lên những tiếng nhức óc, và nói oang oang:

- Các ông chủ đã đến đấy à? Xin đợi tí... ngay lập tức... tôi mở nhạc chào mừng... Tôi biết chơi một điệu hay lắm, rồi các vị xem...

Kôrôtkôp hạ tay xuống đặt lên vai Bôrôvôi và đưa mắt ra hiệu cho bác ta hiểu. Bôrôvôi vươn cổ, há mồm ra và im bặt, nhưng vẫn ôm chiếc đàn một cách hết sức là gây gổ, thành thử người ta vẫn cứ có thể chờ đợi đánh đùng một cái khúc nhạc hết sức chân chính kia sẽ nổ bùng ra không biết lúc nào.

Jorka tuyên bố kết quả biểu quyết:

- Tán thành bản tuyên ngôn của chi đoàn Thanh niên Kômxômôn có: ba trăm năm

mươi bốn người biểu quyết. Phản đối: không có ai. Vậy chúng tôi coi là nghị quyết đã được toàn thể hội đồng chấp thuận.

Bọn trai Gorki vừa vỗ tay vừa mỉm cười và đưa mắt nhìn nhau. Dân Kuriajê đột nhiên phấn khởi lên, cũng vớ luôn lấy cái hình thức không quen dùng ấy để biểu lộ tình cảm và, rõ lẽ là lần đầu tiên từ ngày thành lập tu viện đến nay, dưới những mái vòm của nó, nổi lên vang dậy những tiếng vỗ tay nhanh nhẹn và vui vẻ của một tập thể những con người. Tụi trẻ nhỏ vỗ tay hồi lâu, các ngón tay xòe ra, thỉnh thoảng lại đưa tay lên quá đầu hay đưa tay tới ngang tai; chúng vỗ mãi cho đến khi người ta thấy Zađôrôp tiến ra trên

sàn bục.

Tôi đã không để ý hắn đến lúc nào. Hẳn là hắn đã có khuân một cái gì ở Ryjôp về, bởi vì quần áo hắn bị giây trắng cả. Lúc đó, cũng như bao giờ hết thảy, hắn gợi nên rõ nhất ở trong tôi cái ấn tượng một sự trong trắng hoàn toàn, một niềm hân hoan đơn giản và chân thực. Cũng chính là cái nụ cười hữu duyên của hắn được đem ra cống hiến cho sự chú ý của cử tọa.

- Các bạn, tôi muốn nói với các bạn vài lời. Là như thế này đây: tôi là người trại viên trước nhất của trại Gorki, người kỳ cựu nhất, và, có một thời gian, cũng là người tệ nhất. Bác Antôn Xêmiônôvich

hẳn là còn nhớ rất rõ điều đó. Nhưng bây giờ thì tôi là học viên năm thứ nhất ở Học viện kỹ thuật. Thế thì các bạn hãy nghe tôi nói: các bạn vừa mới biểu quyết một bản tuyên bố rất tốt, tuyệt diệu, thật đấy, nhưng mà khó, phải nói thẳng như vậy, ối chao ơi là khó!

Zađôrôp nghẹo đầu nghẹo cổ vì những nỗi khó khăn đó. Trong phòng họp, nổi lên những tiếng cười thân thiện.

- Nhưng cũng không hề gì. Các bạn đã biểu quyết nó, thế là xong. Đó là điều cần phải nhớ, có lẽ trong các bạn có một người nào bây giờ đang nghĩ: có thể cứ biểu quyết rồi sau sẽ liệu. Kẻ đó không phải là một con người, mà nó tệ hơn một

con rắn, nó là một con sâu bọ, các bạn hiểu không. Theo luật lệ của chúng tôi, nếu có kẻ nào không chấp hành những điều đã được quyết định ở hội nghị toàn thể, thì nó chỉ còn có một đường đi thôi; ra cửa, tống cổ!

Zađôrôp dữ dội cắn đôi môi trắng nhợt và giơ nắm tay lên quá đầu:

- Tống cổ! hắn vừa quát lên dữ dội vừa hạ nắm tay xuống.

Quần chúng im lìm chờ đợi những chuyện gớm ghiếc khác nữa, nhưng đã thấy Karabanôp lách mọi người đi lên; hắn cũng lem luốc, nhưng bị lấm đen, và hắn cất tiếng hỏi giữa một im lặng sửng

sốt:

- Phải tống cổ ai ra ngoài ở đây? Tôi làm việc ấy cho!

- Đấy là nói chung thôi, Lapô thản nhiên nói nhẹ nhàng.

- Tôi sẵn sàng, nói chung, và muốn thế nào cùng được. Song có chuyện gì mà các cậu đứng đực cả ra đấy và nhăn nhó

[49]

như mục sư đi chợ phiên ấy vậy?

- Không, có ai nói gì đâu, có tiếng ai đáp.

- À, thế phỏng? Vừa mới đến mà các cậu đã cúi đầu xuống rồi. Hả? Nhưng âm

nhạc đâu rồi?

- Có âm nhạc đây, có lắm chứ! Bôrôvôi kêu lên, sung sướng cực điểm, và bác làm cho chiếc phong cầm của bác rống lên.

- À, âm nhạc đó! Quây thành vòng đi! Nào, các cô gái, sưởi ấm bên lò sưởi thế đủ rồi, ai nhảy điệu gôpak? Natasa yêu quý của tôi ơi! Nhìn xem, anh em, Natasa của chúng tôi có xinh không.

Anh em hoan hỉ vội đổ dồn cả mắt nhìn vào đôi mắt sáng tinh ranh của Natasa Pêtrenkô, nhìn những bím tóc và chiếc răng mọc lẫy và nụ cười hồng tươi của cô.

- Cho lệnh chơi điệu gôpak ư, đồng chí? Bôrôvôi hỏi, với nụ cười cao kỳ của một nhạc sư, trong khi bác lại làm cho chiếc phong cầm của bác rống lên một chập nữa,

- Thế bác thì bác muốn chơi điệu gì?

- Tôi biết điệu vanxơ, điệu trượt băng, điệu I-pha-nho, biết tuốt.

- Điệu trượt băng chơi sau, bố trẻ nhé, còn điệu gôpak thì ngay lập tức.

Bôrôvôi khoan dung mỉm cười vì những đòi hỏi đơn giản về vũ đạo của Karabanôp, nghĩ ngợi một chút, nghiêng đầu đi, bất thình lình kéo dài chiếc đàn ra và bắt đầu một điệu vũ nhịp đặc biệt,

dằn mạnh và inh ỏi. Karabanôp cất cánh tay lên, nhảy tại chỗ rồi băng minh liều làm một chập hung dữ những bước nhảy ngồi. Đôi hàng mi của Natasa bỗng chớp chớp trên cặp má đỏ bừng, rồi lại rủ xuống. Không nhìn ai, cô lặng lẽ như chiếc thuyền lướt ra khơi, chỉ khẽ động những nếp là rất kỹ của chiếc áo dài nhũn nhặn mặc ngày hội của cô. Xêmiôn nện gót làm rung chuyển đất và bắt đầu quay đảo chung quanh cô với một nụ cười trâng tráo, phô bày khắp câu lạc bộ nhiều bước nhảy cầu kỳ và tung ra tứ phía hàng mớ cẳng chân mềm dẻo và linh hoạt. Đôi hàng mi của Natasa lại cuốn lên, và mắt cô nhìn Xêmiôn bỗng rực lên cái ánh nhìn đặc biệt mà người ta chỉ có trong

khi nhảy điệu gôpak, nó có ý muốn nói rằng: "Cậu bảnh trai và câu nhảy giỏi, nhưng nên coi chừng, liệu đấy nhé!..."

Bôrôvôi giũ thêm tiêu ớt vào âm nhạc, Xômiôn thêm hăng say, và Natasa thêm hoan hỉ; váy cô bây giờ không chỉ khẽ gợn nữa, mà bay tung lên, hình thành chung quanh đôi chân xinh xắn của cô cả một vòng tròn nếp gấp và đương viền. Bọn trai Kuriajê đã mở rộng vòng quây, chúng quệt mũi vào tay áo và hò la không biết những gì nữa. Tiếng chân nện, làn sóng của điệu gôpak, đà lôi cuốn của nó, chạy vòng khắp câu lạc bộ, dâng lên đến tận trần nhà cao cái nhịp điệu vui nhộn như điên như dại của dàn phong cầm.

Thế rồi từ giữa quần chúng bỗng có hai bàn tay giơ ra, rẽ bừa đám trẻ nhỏ đang chen chúc dựa vào nhau, và Pêretz đứng khệnh khạng, nắm tay chống bên hông, ở ngay rìa cơn lốc của cuộc vũ, nện gót chân để gọi và liếc mắt ra hiệu với Natasa. Cô bé Natasa dịu hiền khả ái khẽ lim dim cặp mắt kiêu hãnh nhìn Pêretz, rung rung ngay dưới mũi hắn cái vai áo thêu hoa xinh đẹp và trong sạch của cô, rồi đột nhiên thân thiện và giản dị mỉm cười với hắn, một nụ cười thông minh hiểu biết của người nữ thanh niên Kômxômôn, và lập tức giơ ra cho hắn một bàn tay cứu vớt.

Pêretz không cưỡng lại nổi cái nụ cười ấy. Trong một khoảnh khắc dài vô cùng

tận, vừa hoảng hốt nhìn xung quanh, hắn vừa làm nổ tung ở trong người hắn không biết những thành lũy kiên cố nào, rồi bay lên không khí, hắn lẳng cái mũ cát-két cũ của hắn xuống đất và lao mình vào cơn lốc. Miệng Xêmiôn phô tất cả răng của hắn ra. Natasa lần này như con thuyền giương hết cánh buồm căng gió, ngả nghiêng lướt mau trước mũi quần chúng Kuriajê, còn Pêretz thi nhảy một điệu riêng của hắn, chao đảo buồn cười, giễu cợt hóm hỉnh và có pha màu cà-lơ đôi chút.

Tôi nhìn quanh. Đôi mắt âm thầm của Kôrôtkôp đã đượm vẻ nghiêm nghị dưới đôi lông mày nhíu lại, và có những bóng âm u phảng phất chạy từ vầng trán trắng

nhợt đến khuôn miệng lo âu của nó. Nó ho khúng khoắng, quay mình lại, bắt gặp mắt tôi đang chăm chú nhìn nó, và bỗng nó cố tìm cách len lỏi đi tới gặp tôi. Khi cách tôi chỉ còn vướng có một người, nó giơ tay ra cho tôi bắt và nói bằng một giọng khàn khàn:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, hôm nay cháu chưa chào bác.

- Chào chú. Tôi mỉm cười và nhìn vào mắt nó.

Nó quay mặt vô đám người đang nhảy, cố gắng nhìn tôi lần nữa, ngẩng đầu lên và muốn nói vui vẻ, nhưng lại chỉ thốt ra bằng một giọng cũng vẫn ồm ồm như cũ:

- Của quỷ, chúng nó nhảy giỏi thật!

9. BIẾN DẠNG

Sự biến dạng bắt đầu ngay sau cuộc họp toàn trại và kéo dài khoảng chừng ba tiếng đồng hồ, thời gian kỷ lục cho bất cứ một cuộc thay hình đổi dạng nào.

Khi Jorka khoát tay ra hiệu bí mật, thì tiếng ồn ào nổi lên trong câu lạc bộ. Các đội trưởng hét lớn lên để gọi các đội viên của đội mình, có đến hai chục dòng người thành hình trong phòng họp, và chỉ trong vài phút đã sôi sục lên, chồng chéo lẫn nhau giữa những bức tường cũ kỹ của giáo đường. Trong các góc, sau các lò sưởi, trong các khám xây và ở giữa

phòng có những cuộc họp đội và trông ra mỗi nhóm là một đám rách rưới xám xịt mà ở giữa có những vai áo trắng của các trại viên Gorki ung dung chuyển động.

Rồi dòng người chảy qua các cửa ra sân và vào các phòng ngủ. Năm phút sau trong sân và ở câu lạc bộ yên tĩnh đã trở lại, chỉ còn nghe thấy tiếng động của những đôi cánh nhỏ rung rung ở gót chân

[50]

các tiểu thần Thủy-tinh , sứ điệp của các đội, được ủy nhiệm những sứ mệnh khẩn cấp.

Tôi được thở một chút.

Đi lại gần nhóm phụ nữ ở dưới trụ lang

của nhà thờ, tôi đứng ở chỗ cao ấy mà nhìn xem mọi sự việc tiếp diễn. Tôi muốn được im lặng và chẳng muốn nghĩ ngợi chuyện gì hết thảy. Ekatêrina và chị Liđa bé nhỏ, sung sướng và thoải mái, đang uể oải, yếu ớt chống đỡ những câu hỏi của nữ đồng chí Zôia. Đứng ở gần lưới sắt bụi bậm của phòng ngoài giáo đường, Brêgen bảo Guliaêva:

- Tôi hiểu, những biểu hiện ấy gây một ấn tượng chỉnh tề. Nhưng mà tất cả những cái đó mới chỉ là bề ngoài.

Guliaêva quay lại phía tôi:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác trả lời đi, bác, vì tôi chẳng hiểu gì về những

chuyện đó cả.

- Tôi cũng thế, tôi chẳng biết gì về lý thuyết hết, tôi miễn cưỡng đáp.

Mọi người im lặng. Tuy nhiên tôi cũng giành được cho tôi một chút nghỉ ngơi, và đưa mắt nhìn chung quanh, tôi nhận thấy cái vật thể vô cùng đẹp đẽ nọ, mà tự cổ đến giờ người ta vẫn gọi là thế giới. Bấy giờ vào khoảng hai giờ chiều. Bên kia bờ ao, các mái nhà tranh trong làng, như rêu mốc, đang phơi mình dưới nắng. Trên trời, có những đám mây trắng yên tĩnh treo lơ lửng trên Kuriajê, hẳn là vì có lệnh đặc biệt: đề làm một thứ mây dự trữ.

Tôi biết lúc này ở trại mọi người đang làm những việc gì. Ở phòng ngủ, bọn trẻ đang gấp giường, giũ rơm đệm và gối, bó các thứ ấy thành ba-lô, chăn, ga giường, giày cũ và mới, tuốt cả. Ở nhà để xe. Aliôsa Vonkôp đang tiếp nhận những thứ linh tinh ấy, ghi vào sổ rồi gửi sang buồng tẩy uế. Được gửi từ trên tỉnh về, buồng này đặt trên xe và làm việc ở giữa sàn đập lúa, do Kutlaty chỉ huy. Dưới trụ lang đối diện, ở đầu kia nhà thờ, Đmitri Jêvêli đang chiếu theo danh sách phân phát quần áo mới và xà-phòng cho các đội trưởng hay những người ủy quyền của họ.

Từ tường thành nhà thờ bỗng thấy Xinenki bận rộn chắp chới bay đến, kèn

chống bên hông, nó vội vã tuôn ra một hơi:

- Taranet bảo nổi hiệu kèn họp đội trưởng ở phòng ăn.

- Thế thổi kèn đi.

Khẽ động đôi cánh vô hình, Xinenki lại chập chờn bay về phía cửa vào phòng ăn. Đến đấy, nó dừng chân lại và thổi nhiều lần một điệu kèn gọi ngắn có ba âm hiệu.

Sau khi chăm chú nhìn nó, Brêgen quay mặt lại phía tôi:

- Tại sao thằng bé con ấy cứ luôn luôn xin phép ông thổi những... hiệu kèn ấy?

Mà cái đó chỉ là một chuyện vặt.

- Ở trại chúng tôi có một qui tắc: khi nào nổi hiệu kèn ngoài giờ đã định thì phải báo tôi. Tôi cần phải biết.

- Tuy nhiên, tất cả những cái đó chỉ rất là... tôi cũng xin cứ nói, rất là phụ thuộc... rút cục đó chỉ là bề ngoài thôi, ông không nghĩ vậy ư?

Tôi bắt đầu cáu tiết. Những người này có quyền gì mà đến đây đúng hôm nay để ám ảnh tôi? Nói cho đúng, thì họ muốn gì? Có lẽ họ luyến tiếc Kuriajê chăng?

- Những cờ, với trống, với kiểu chào của các ông, tất cả những cái đó chỉ là tổ chức thanh niên ở mặt ngoài mà thôi.

Tôi toan nói: “Thôi im đi!” nhưng tôi lại trả lời lễ phép hơn một chút:

- Bà hình dung thanh niên, hay nói cho đúng là nhi đồng, dưới hình thức một cái hộp nhỏ: có phần bên ngoài, tạm gọi là giấy bọc, và phần bên trong, phần ruột. Theo ý bà thì chúng ta chỉ nên quan tâm đến phần này mà thôi. Song không có vỏ bọc, thì tất cả mớ lòng ruột ấy sẽ bung ra tứ phía.

Brêgen đưa mắt bực tức nhìn theo Vetkôpxki, ở trong phòng ăn chạy ra.

- Dù sao thì ở trại của ông, cung cách cũng giống hệt như ở trường trung học quân sự thời sa hoàng...

- Này thôi, bà Vacvara Victôrôpna ạ, tôi hết sức nhã nhặn nói, ta nên chấm dứt câu chuyện này đi. Tôi rất khó nói chuyện với bà, mà không có...

- Không có gì?

- Không có người phiên dịch.

Cái hình thù to lớn và xám xịt của Brêgen bỗng tách ra khỏi lưới sắt và tiến lại phía tôi. Tôi nắm chặt hai tay ở sau lưng, song bà ta lôi không biết ở đâu ra một nụ cười vay mượn và thong thả lắp nó vào bộ mặt, như những người cận thị giương mục kính lên.

- Sẽ tìm được những người phiên dịch, đồng chí Makarenkô ạ.

- Chúng ta đợi vậy.

Đội một từ ngoài cổng đi tới, và Gut, đội trưởng, sau khi liếc nhanh mắt kiểm tra cái trụ lang, hỏi to lên:

- Mày bảo là người ta không vào qua cửa này à, hở Uxtimenkô?

Một trẻ nuôi ở Kuriajê, một thằng bé mười lăm tuổi, ngăm ngăm đen, giơ cánh tay về phía cái cửa:

- Không, không đâu... Thực đấy mà. Bao giờ nó cũng đóng. Họ đi qua cửa này và cửa kia nữa, chứ không qua lối này đâu, tôi nói thực đấy.

- Họ kê tủ chặn trong đó, ở giữa ấy. Để

cất nến và mọi thứ... một đứa nào ở phía sau nói.

Gut chạy vội vào trong trụ lang, quay đảo tứ phía trên nền tảng đá rồi phá lên cười:

- Chúng mình còn đòi gì hơn nữa! A ha! ở đây sẽ lịch sự ra trò. Bọn họ cần đến một bậc tam cấp diện thế này làm quỷ gì nhỉ? Mà lại có mái hiên, để che mưa... chỉ có cái là sẽ phải nằm đá cứng thôi. Liệu thế này có là hơi cứng quá chăng?

Kacpinxki, một trại viên Gorki kỳ cựu và nguyên là thợ giày trong đội của Gut, vui vẻ nhìn những phiến đá lát:

- Không, không cứng đâu: ta có sáu cái

đệm với sáu cái chăn. Không biết chừng còn tìm ra được thứ gì khác nữa.

- Đúng đấy, Gut nói.

- Hắn quay mặt ra phía ao và tuyên bố:

- Báo trước cho mọi người biết nhé: đội một đóng ở cái trụ lang này. Đừng có lôi thôi đấy! Bác Antôn Xêmiônôvich, bác làm chứng cho.

- Đồng ý!

- Thế thì vào đi thôi... ở đây chúng mình có những ai nhỉ? khoan hẵng!

Gut rút ở túi áo ra một tờ danh sách.

- Xliva và Khleptsenkô đâu, ló mặt ra

đây, cho xem các cậu là ai nào.

Khleptsenkô người gầy còm, bé nhỏ và tái nhợt. Tóc nó đen và cứng, mọc một cách kỳ lạ không phải về phía trên cao mà dồn ra đằng trước, và mũi nó lốm đốm những vết đen. Cái áo sơ-mi đầy ghét của nó chùng xuống đến đầu gối và một mẫu viền lại còn rủ xuống thấp hơn nữa. Nó đưa mắt ngượng ngập nhìn chung quanh. Gut ngắm nghía nó bằng một cái nhìn phê phán, rồi lại chuyển cái nhìn ấy sang Xliva. Thằng này cũng gầy đét, xanh lướt và rách rưới như bạn nó, chỉ khác ở chỗ người cao thôi. Một cái đầu nhỏ hẹp, đặt trên cổ ngẳng của nó, trên đầu nổi bật lên một đôi môi đầy đặn và đỏ thắm. Nó vừa ngắm một góc trụ

lang vừa mỉm cười với cái vẻ một người chịu khổ nhục.

- Hừ, quái quỷ thật, Gut nói, ở đấy họ nuôi nấng các chú bằng cái gì vậy? Vì đâu mà tất cả các chú đều cứ gầy trơ xương... như chó ấy thế. Đến phải vỗ béo đội này thôi, bác Antôn Xêmiônôvich ạ! Đội này có còn ra cái vẻ gì không? Có đáng coi là đội một được không? Không đời nào! Chúng ta có đủ cái ăn không? Nhất định, có thừa đi chứ! Các chú có biết mổ không nào?

Mọi người trong đội đều cười. Bằng một cái nhìn không tin tưởng, Gut ngó qua một lần nữa những bộ mặt của Xliva và Khlepsenkô, rồi ôn tồn nói:

- Này Xliva và Khlepsenkô, các chú bé ngoan của anh, nghe đấy nhé. Cần phải cọ rửa thật sạch ngay cái tam cấp này. Các chú có biết người ta rửa bằng cái gì không? Bằng nước. Và người ta đổ nước vào cái gì? Vào một cái thùng. Kacpinxki, ba chân bốn cẳng chạy đi. Đến xin Michia cái thùng xách của ta và một cái khăn lau. Với một cái chổi. Các chú có biết cọ rửa không?

Xliva và Khlepsenkô gật đầu, Gut quay người lại về phía chúng tôi, hạ thấp cái mũ chỏm thêu của hắn, và giơ thẳng cánh tay ra xa về một bên.

- Xin lỗi các đồng chí thân mến, chỗ này là chỗ đóng của đội một, và không làm

thế nào được nữa. Vì lý do tổng vệ sinh, tôi xin chỉ dẫn các đồng chí đến một chỗ tốt, có ghế dài. Còn ở đây, là đội một.

Đội một đắm đuối theo dõi, khâm phục cái lề lối thật sự "thành thị" ấy. Tôi cảm ơn Gut về cái chỗ tốt và những ghế dài, nhưng tối khước từ đề nghị chỉ dẫn của hắn.

Kacpinxki chạy trở về, với những thùng kêu loảng xoảng. Gut đã đưa ra những chỉ thị cuối cùng và giơ tay vui vẻ nói:

- Bây giờ thì: tông-đơ với dao cạo!

Ở trụ lang bước xuống, Brêgen vừa đi vừa lặng lẽ chăm chú nhìn cách đặt chân mình trên mỗi bậc. Tôi hết sức mong

muốn các vị khách của tôi cút đi cho mau. Kho của Jêvêli đang làm việc ở trụ lang bên kia và trước cửa kho đã đứng xếp hàng dài những chú ủy quyền của các đội, trong khi các nhóm nhỏ những chú giúp việc và khuân vác của họ đang vần lên vai từng chồng quần cụt xanh lam và từng chồng áo sơ-mi trắng, khua các thùng xách kêu lên loảng xoảng và kẹp dưới nách những hộp màu nâu đựng xà phòng. Chiếc xe Fiat của ủy ban chấp hành khu cũng đỗ ở dưới trợ lang. Anh lái xe, vẻ buồn ngủ và lầm lì bực dọc, nhìn Brêgen bằng một cái nhìn buồn bã.

Chúng tôi lặng lẽ đi ra phía cổng. Tôi không biết đi đâu. Nếu chỉ có một mình, thì tôi sẽ ra nằm trên cỏ ở chân nhà thờ,

để tiếp tục ngắm nhìn thế giới và những chi tiết kỳ diệu của nó. Từ giờ cho đến lúc xong chiến dịch của chúng tôi còn hơn một tiếng đồng hồ nữa, rồi sau đó tôi lại bận các công việc. Nói tóm lại, tôi hoàn toàn thông cảm những cái nhìn buồn bực của anh lái xe.

Nhưng kìa, có một nhóm người nói cười nhộn nhịp bước qua cổng và cái vui trở lại tâm hồn tôi. Đó là đội tám, vì tôi trông thấy cái vóc người tuyệt cân đối của Fêđôrenkô dẫn đầu, vì ở đấy có mặt Kôrytô, Nétsitailô và Ôlec Ôcnep. Mắt tôi ngạc nhiên chăm chú nhìn những hình bóng hoàn toàn mới mẻ và mặc một cách không xứng hợp bộ đồng phục mà tôi biết rất rõ của các trại viên Gorki. Sau cùng

tôi bắt đầu hiểu tất cả bọn họ đều là những trại viên của Kuriajê trước đây. Đó là sự biến dạng mà chúng tôi đã mất hai tuần lễ ròng để tổ chức. Những bộ mặt tươi mát và rửa kỹ, những mũ chỏm nhung chưa mất nếp gấp trên đầu mới cạo của bọn trẻ, và điều chủ yếu, thích thú nhất, là những bộ mặt vừa được trau chuốt xong, vui vẻ và tin tưởng, cái duyên dáng đột nhiên của con người sạch sẽ và hết chấy rận.

Với vẻ thong thả đường bệ vốn là đặc điểm riêng của hắn, Fêđôrenkô né mình sang một bên, và cất cái giọng trầm chắc nịch lên nói tách bạch từng tiếng:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác có thể

tiếp nhận được đội tám của Fêđôrenkô đã hoàn toàn chỉnh đốn theo đúng yêu cầu.

Đứng bên cạnh hắn, Ôlec Ôcnep nhếch đôi môi dài nhạy cảm một cách thông minh, và khẽ nghiêng mình:

- Cháu đã tùy theo khả năng của cháu góp sức vào việc làm lễ rửa tội cho đám dân chúng này. Xin bác hãy ghi cho điều đó vào một chỗ nào trong sổ tay của bác, đề phòng khi cháu có sự lỗi lầm thì cho cháu được chuộc tội chăng.

Tôi thân ái ôm lấy vai Ôlec, và tôi làm như vậy là vì tôi không thể nào cưỡng lại nổi ý muốn ôm hôn hắn, hắn với

Fêđôrenkô, với tất cả bọn trẻ ngoan và đáng yêu hết sức của tôi. Lúc này tôi thật khó lòng ghi được điều gì vào sổ tay và vào trái tim tôi. Cả một bầy hỗn loạn nào tư tưởng, nào suy xét, nào hình ảnh, nào thánh ca trang nghiêm và nào nhịp điệu vũ khúc, bỗng chốc ồ ạt đến xâm chiếm tâm hồn tôi. Tôi chưa kịp nắm lấy một mẫu cái này thì nó đã biến vào đám đông, và cái khác lại kêu lên, trơ tráo giành giật sự chú ý của tôi. "Rửa tội và

[51]

biến dạng" , tôi vừa đi vừa nghĩ thầm, những trò đó là chuyện tôn giáo rồi còn gì. Nhưng bộ mặt tươi cười của Kôrôtkôp phút chốc đã xóa nhòa ngay cái lối nghĩ độc đáo ấy. Ừ phải, chính tôi

đã nài ghi cho Kôrôtkôp vào đội tám. Bắt gặp mặt tôi ngừng lại nhìn Kôrôtkôp, Fêđôrenkô thiên tài liền quàng lấy vai nó và đồng tử đôi mắt xám của hắn thoáng rung động, hắn nói:

- Bác đã cho vào đội của chúng cháu một trại viên tốt, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Cháu đã nói chuyện với nó. Chỉ ít lâu thôi, nó sẽ trở thành một đội trưởng tốt đấy.

Kôrôtkôp nghiêm trang nhìn thẳng vào tôi và hòa nhã nói:

- Sau đây cháu muốn nói chuyện với bác, có được không?

Fêđôrenkô mặt ngó vào nó với một vẻ

châm biếm vui vẻ:

- Mày buồn cười thật! Sao mày lại muốn nói chuyện với bác? Không cần, nói chuyện đó với bác làm gì chứ?

Kôrôtkôp cũng chăm chú nhìn lại anh chàng Fêđôrenkô giảo hoạt:

- Cậu ạ... Đây là vì một chuyện riêng.

- Mày chả có chuyện riêng gì hết. Chỉ vớ vẩn!

- Tôi muốn được... muốn cả tôi nữa cũng có thể bị phạt giam... bị nhốt lại.

Fêđôrenkô cười:

- Kìa, nó yêu cầu cái gì thế..,. Muốn như

vậy là hơi sớm đấy, cậu ạ... Muốn được thế, thì phải có danh hiệu là trại viên, có huy hiệu cái đã, cậu thấy không? Còn cậu, người ta chưa thể phạt giam cậu được. Giá người ta có bảo cậu: đi phạt giam, thì cậu sẽ nói: "Tại sao? Tôi có làm gì đâu".

- Thế ngộ thực sự tôi không phạm lỗi?

- Đấy nhé, cậu không hiểu cái chuyện ấy đâu. Cậu nghĩ: tôi không có lỗi, đó là điều quan trọng. Nhưng khi cậu trở thành trại viên thì cậu sẽ hiểu khác... nói thế nào với cậu được nhỉ? Điều quan trọng, ấy là kỷ luật, dù cho cậu có lỗi hay không, sự đó nói cho cùng cũng chẳng có gì quan hệ lắm. Có phải không, bác

Antôn Xêmiônôvich nhỉ?

Tôi gật đầu trả lời hắn. Brêgen nhìn chúng tôi như những quái thai đựng trong lọ, và đôi má bà ta bắt đầu phù ra như má chó ngao. Tôi vội làm cho bà ta khỏi chú ý đến những chuyện khó chịu ấy.

- Kìa, đoàn nào thế kia nhỉ? Thằng bé kia là ai?

- À, thằng cóc tía ấy... Fêđôrenkô nói. Một thằng nhát gan góc đấy. Họ bảo chúng đã đánh nó đau lắm.

- Ờ phải rồi, đó là đội của Zaïtsenkô. Tôi cũng nhận ra chúng nó.

- Ai đã đánh nó? Brêgen hỏi.

- Chúng đã đánh trong ban đêm... Dĩ nhiên là những đứa ở đây thôi.

- Vì lẽ gì? Tại tao không thấy ông báo cáo? Đã lâu chưa?

- Bà Vacvara Victôrôpna ạ, tôi gay gắt nói, ở đây, trong cái trại Kuriajê này, người ta đã không ngớt hành hạ bọn trẻ bao nhiêu năm ròng, Vì thấy bà đã ít quan tâm tới điều đó, cho nên tôi có lý do mà nghĩ rằng cái chuyện vặt này cũng chẳng đáng cho bà lưu ý... nhất là tôi lại đặc biệt chú ý đến chuyện ấy nữa.

Brêgen coi lời nói nghiêm khắc của tôi như một lời tống khách. Bà nói gọn lỏn:

Chào ông, rồi đi ra xe của bà, ở đó đã

thấy cái đầu của nữ đồng chí Zôia thò ra ngoài xe.

Tôi thở ra nhẹ nhõm và đi tới đội mười tám của Vania Zaïtsenkô.

Vania dẫn đầu nó với một vẻ đắc thắng. Chúng tôi đã cố ý để cho đội mười tám gồm toàn những trẻ ở Kuriajê, điều đó khiến cả đội lẫn Vania được có một sắc thái riêng biệt. Vania hiểu như vậy. Fêđôrenkô cười ngặt nghẽo:

- Này, trông những thằng nhãi ngộ chưa kìa!

Đội mười tám tiến đến gần, rất kiêu hãnh vì kiểu cách quân sự của nó. Hai mươi đứa trẻ sắp thành hàng bốn, đi đều nhịp

bước, vừa đi vừa vung vẩy tay như bộ đội, Zaïtsenkô làm thế nào mà đã có thì giờ tập luyện được cho đội có cái tư thế quân nhân ấy? Tôi quyết định ủng hộ tinh thần thượng võ của đội mười tám và đưa tay lên vành mũ cát-két của tôi:

- Chào các đồng chí!

Nhưng đội mười tám chưa quen biết cung cách đó. Bọn trẻ nghĩ ra được câu gì thì kêu ó lên câu ấy, làm cho Vania xua tay đây đẩy, ra vẻ phật ý:

- Không phải vậy... Rõ dân quê chưa!

Fêđôrenkô thú vị hết mức cứ vỗ đùi đành đạch:

- Xem kìa, nó đã học được rồi!

Để cho qua cái chuyện nhỏ đó, tôi nói:

- Đội mười tám, nghỉ! Hãy kể chuyện các chú đã tắm như thế nào.

Piôtr Malikôp nở một nụ cười tươi sáng:

- Chúng cháu tắm thể nào à?Chúng cháu đã tắm cẩn thận, có phải không, Tima nhỉ?

Tinna Ôđariuc quay đầu lại và kín đáo hỏi sau lưng một chú nào đó:

- Với xà-phòng...

Zaïtsenkô hãnh diện nhìn tôi:

- Từ nay ngày nào chúng cháu cũng sẽ tắm với xà-phòng, Ôđariuc là người quản lý của chúng cháu đấy, bác ạ.

Nó chỉ vào cái hộp nâu ở trong tay bạn nó.

- Hôm nay dùng hết hai miếng, hết cả hai miếng! Nhưng đó chỉ là hôm đầu thôi, rồi sau sẽ ít hơn. Chúng cháu có một câu hỏi, bác ạ... Chúng cháu không kêu ca đâu, dĩ nhiên rồi. Có đúng là chúng ta không kêu ca không? Nó hỏi bọn nó,

- Ôi, bọn nhãi giỏi thật, cậu ơi! Fêđôrenkô vừa nói vừa cười ngất.

- Không kêu ca, đúng, không kêu ca! bọn trẻ kêu lên,

Vania quay đi quay lại tứ phía nhiều lần:

- Nhưng mà có câu này muốn hỏi, bác a.

- Ừ, tôi hiểu: các chủ không kêu ca, nhưng các chú có một câu muốn hỏi.

Vania trề môi ra và đảo tròn đôi mắt:

- Đúng thế. Vậy chúng cháu muốn biết: ở các đội khác đều có những trại viên Gorki cũ, chỗ này ba, chỗ kia năm. Có phải không? Còn ở đội chúng cháu, không có lấy một người, chẳng làm gì có, thế thôi.

Khi nói cái câu "chẳng làm gì có" ấy, giọng nó đưa cao thé lên, tiếp liều theo là cử chỉ đáng yêu của một ngón tay đưa

lên tai bên phải rồi chĩa sang phía bên.

Và bỗng tiếng cười của nó vang lên lanh lảnh:

- Chúng cháu không có chăn! Chẳng làm gì có, thế thôi! Cũng không có đệm, không có lấy một chiếc, chẳng làm gì có!

Tiếng cười của Vania càng cất cao lên, vui vẻ hơn, và đội mười tám cũng cười.

Tôi viết cho đội trưởng của chúng mấy chữ để đưa tới Aliôsa Vonkôp: cấp ngay tức khắc sáu cái chăn và sáu cái đệm.

Trên con đường nhỏ ra sông đã bắt đầu thấy đi lại nhộn nhịp. Các đội đi rầm rập ở đấy như đi tập trận.

Phía sau bếp, giữa đám bụi cỏ rậm, bốn người thợ cạo, đưa ở tỉnh về từ sáng nay, đã đặt chỗ làm việc. Cái vỏ của Kuriajê được bóc ra từng mảng khỏi cơ thể những cư dân của nó, xác nhận thêm cái quan điểm không thay đổi của tôi: những đứa trẻ bình thường, linh hoạt, liến thoắng, và nói chung là "một đám dân chúng vui vẻ".

Tôi trông thấy bọn trẻ xiết bao hoan hỉ ngắm nghĩa bộ quần áo mới, và với một vẻ đỏm dáng hết sức bất ngờ, chúng sắp xếp lại những nếp áo sơ-mi và xoay trở trên tay chiếc mũ chỏm sặc sỡ của chúng. Trong khi xếp cho gọn cái mớ đồ vật linh tinh đủ thứ, như hàng chợ phiên vô cùng tạp nhạp bày la liệt ở chung quanh nhà

thờ, Aliôsa Vonkôp quỷ quyệt thoạt tiên đã lôi để lên trên tất cả cái tấm gương duy nhất treo trên lò sưởi của chúng tôi, mà hai đứa nhỏ trước hết đã đem ra dựng trên một mô đất cao. Lập tức đã hình thành ngay một đám đông vây quanh lấy nó, những cậu tài tử muốn ngắm nghía và thán phục hình ảnh minh trong gương. Thì ra ở Kuriajê có rất nhiều trẻ xinh đẹp, còn những đứa khác rời ra nhất định cũng sẽ đẹp lên rất chóng thôi. Vì cái đẹp là tùy ở sự lao động và ăn uống.

Bọn thiếu nữ thì vui sướng đến cùng cực. Các nữ sinh của chúng tôi đã đem tới cho các bạn ở Kuriajê những trang phục lộng lẫy, may riêng cho họ: một chiếc váy nhỏ xinh màu lam chếp nếp to, một

áo lu-dông trắng bằng vải đẹp, bít tất lam ngắn và giầy vải thể thao. Kutlaty đã cho phép đội thiếu nữ đem máy khâu về phòng ngủ, thế là ở đấy bắt đầu có sự huyên náo muôn đời của phụ nữ; may cắt lai, một thử, là. Ngày hôm đó chúng tôi đã dành riêng nhà giặt cho họ hoàn toàn sử dụng. Bắt gặp Pêretz, tối nghiêm khắc bảo nó:

[52]

Chú hãy mặc xalôpét vào rồi đi nhóm lửa đun vạc nước cho bọn con gái đi. Xin chú đừng có đà đận, đi léng phéng chỗ này chỗ nọ.

Pêretz hếch về phía tôi cái bộ mặt đầy vết xước của nó, và trỏ một ngón tay vào

ngực nói:

- Cháu... mà đi đun nước cho bọn con gái à?

- Phải.

Pêretz ưỡn bụng, phồng má và hét to lên đến cả tu viện đều nghe thấy, trong khi giơ tay chào theo lối quân sự:

- Đi đun nước, rõ!

Tất cả bộ điệu ấy, tuy còn khá ngượng ngập, nhưng có sự rắn rỏi. Nhưng làm xong nghi thức đó rồi, Pêretz bỗng lại có vẻ mặt ngẩn ngơ:

- Đúng... song cháu đi lấy xalôpét ở đâu!

Đội chín chúng cháu chưa lĩnh quần áo đó.

Tôi bảo nó:

- Này, chú nó! Dễ thường phải dắt tay đưa chú đi thay quần áo hẳn? Và chú lại còn múa lưỡi trong bao nhiêu lâu nữa thế?

Bọn trẻ ở chung quanh cười tung lên. Pêretz lắc lắc cái đầu to tướng và kêu lên, không hiểu cách gì nữa!

- Cháu đi làm đây... cháu đi làm đây, bác cứ yên tâm, rồi chạy biến.

Lapô lại cho nổi hiệu kèn họp đội trưởng nhưng lần này thì họp dưới trụ lang, nơi

mà đội của Gut đã đặt phòng ngủ.

Lapô đứng nói:

- Anh em đội trưởng, chúng ta sẽ không ngồi làm gì, chỉ họp một phút thôi. Xin anh em hãy giải thích ngay hôm nay cho tụi trẻ anh em biết phải chùi mũi như thế nào. Cái kiểu gì thế vậy? Chúng đi chơi khắp sân, mũi cứ chảy tong tong như suối. Rồi còn chuyện khác: nói cho chúng nó biết về các nhà xí, những điều Jorka đã nói trong buổi họp. Và còn cái này nữa: Aliôsa đã có đặt những hộp đựng rác hẳn hoi, nhưng chúng nó cứ vứt rác lung tung.

Vetkôpxki mỉm cười:

- Cậu đừng vội vã đến thế, trước hết phải hót cả hằng đống những thứ bẩn tưởi đi cái đã, khoan hãy nói tới các hộp của cậu!

- Để nguyên, Kôxchia! Hót rác là một chuyện, còn trật tự là chuyện khác... Thế [53] mà cậu lại là một người đi du lịch kia đấy! Ừ, phải rồi, đừng có quên, phải nói cho ai nấy biết qui tắc của chúng ta, kẻo sau đây chúng nó sẽ lại bảo: "Chúng tôi không biết! Chúng tôi có nghe nói đâu mà biết!..."

- Qui tắc nào?

- Qui tắc của ta về việc nhổ bậy... Hãy

đồng thanh nhắc lại đi nào.

Và trong khi Lapô điều khiển bằng tay, các đội trưởng vừa cười vừa cao giọng ngân nga đều lên:

- "Nhổ một bãi, ba ngày cọ sàn".

Tụi trẻ ngốc nghếch ở Kuriajê đã mở mắt thao láo và vểnh tai lên theo dõi nghi lễ hội đồng đội trưởng với cái rợn người thiêng liêng của những kẻ mới nhập môn [54] thụ lễ khai tâm vào hội tam điểm. Khi nghe câu nói trên, chúng kêu lên những tiếng ồ! và đưa bàn tay lên che miệng. Lapô bế mạc hội đồng và bọn trẻ nhỏ chạy đi khắp các trụ sở tạm thời của

các đội loan truyền cái khẩu hiệu mới đó. Chúng đem nó tới cả cho Khalabuđa, ông ta từ chuồng bò đột nhiên xuất hiện trước mắt tôi, người đầy bụi, rơm, với chất phấn gì không rõ ở cỏ rạ, và ông thốt ra với một giọng ồm ồm:

- Những cái mụ khỉ gió ấy đã bỏ rơi mình, thế là bây giờ mình phải đi bộ ra đến tận nhà ga. Ừ, nhổ một bãi, ba ngày cọ sàn! Tuyệt lắm!... Vichia ơi, chú hãy thương hại một người già cả, ở đây chú là chủ ngựa, chú hãy thắng một con nghẽo nào đấy, và đưa lão ra ngoài ấy tí.

Vichia ngó người tiền bối đáng kính là Bratsenkô, cậu này cũng có thể khoe cái giọng trầm của mình.

- Sao lại một con nghẽo! Cậu thắng con [55] Hảo-hán vào cái xe cabriôlê và đưa ông lão đi, chính ông hôm nay đã phải cho con Zorka đấy. Nào, ông lại đây, để bây giờ chúng tôi chải cho ông cái.

Taranet đến tìm tôi, có vẻ kích động; cái băng đeo ở cánh tay tỏ rằng hắn là đội trưởng trực nhật.

- Có tụi... những cái thứ nhà nông học kia, ở riêng ngoài đó... Chúng không chịu rời các phòng ngủ và chúng bảo: chúng tao chẳng cần đếch gì đến một đội nào hết.

- Chỗ chúng ở hình như cũng sạch sẽ,

phải không?

- Cháu vừa ở đây về. Chán đã kiểm tra các giường và mọi thứ... Hàng đống quần áo treo lung tung. Vô khối là rận. Và rệp nữa.

- Ta đi đến xem.

Buồng các nhà nông học hoàn toàn bừa bãi. Trông đủ biết đã lâu không được thu dọn. Vôxkôbôinikôp, được chỉ định làm đội trưởng đội chuồng bò, với hai đứa khác nữa cho vào đơn vị của nó, đã phục tùng nghị quyết ấy; chúng đã đưa quần áo chúng đi tẩy uế và bỏ ra đi, để lại ở tổ các nhà nông học những lỗ hổng rộng hoác, những di vật và tàn tích tản mát của

một cuộc đời ở yên tại chỗ bị tan nát. Ở trong buồng còn lại vài đứa tiếp tôi với một vẻ mặt quàu quạu. Nhưng vì chúng và tôi đều đã biết phần thắng ngã về bên nào rồi, cho nên vốn để chỉ còn là hình thức đầu hàng mà thôi.

Tôi hỏi:

- Các chú không muốn tuân theo nghị quyết của hội nghị toàn trại hử?

Im lặng.,

- Các chú có dự vào buổi họp chứ?

Im lặng. Taranet trả lời:

- Họ không dự.

- Tôi đã để cho các chú đủ thì giờ để suy nghĩ và quyết định. Các chú tự coi mình như thế nào: là trại viên hay người ở thuê?

Im lặng.

- Nếu là người ở thuê, thì tôi không thể cho phép các chú ở cái phòng này quá mười hôm. Tôi sẽ không nuôi các chú đâu.

- Thế thì ai nuôi? Xvatkô hỏi.

Taranet mỉm cười:

- Họ khá thật đấy!

- Tôi không biết, tôi nói. Nhưng không

phải là tôi.

- Thế hôm nay bác sẽ không cho chúng tôi ăn à?

- Không.

- Bác có quyền như thế à?

- Tôi có quyền.

- Vậy nếu chúng tôi làm việc thì sao?

- Ở đây chỉ có các trại viên mới làm việc thôi.

- Chúng tôi sẽ làm trại viên, song chúng tôi sẽ cứ ở phòng này.

- Không được.

- Thế thì chúng tôi phải làm gì?

Tôi rút đồng hồ túi ra:

- Các chú được năm phút để suy nghĩ. Suy nghĩ xong các chú hãy nói ý định với đội trưởng trực nhật.

- Rõ! Taranet nói.

Nửa giờ sau, tôi lại đi qua ngôi nhà của những nhà nông học. Aliôsa Vonkôp đang khóa cửa nhà đó. Taranet vụt hiện ra trong cương vị công tác.

- Vậy là chúng cút rồi ư?

- Đã đành! Taranet vừa đáp vừa cười.

- Xếp chúng vào các đội khác nhau chứ?

- Vâng, mỗi đội một thằng.

Sau đó một tiếng rưỡi đồng hồ, tiệc được dọn ra trên các bàn ăn long trọng phủ khăn giải bàn trắng. Từ sáng sớm tinh mơ, đội đặc biệt tiên phong đã cọ rửa phòng ăn gạch như lau như li và trang trí với những cành là xanh với hoa đại cúc. Trên tường, ngay sau khi các trại viên Gorki ở nhà ga tới, Aliôsa Vonkôp đã theo đúng nghi thức treo lên những chân dung của Lênin, Xtalin, Vôrôsilôp và Gorki. Sêlaputin được Tôxka giúp sức, đã căng ở dưới trần những khẩu hiệu và lời chúc mừng, trong số đó nổi bật lên một cách bất ngờ câu:

CẢM KÊU CA

Bị đè bẹp, hoàn toàn mất tinh thần, các trẻ nuôi Kuriajê, tất cả đều húi tóc và tắm rửa sạch sẽ, tất cả đều mặc áo sơ-mi mới trắng bong, từ nay trở đi được lồng vào trong những khuôn khổ trang nhã và tế nhị của các trại viên Gorki, mà chúng

không thể nào thoát ra khỏi được nữa. Ngồi rất ngoan ngoãn ở các bàn, hai tay đặt lên đầu gối, chúng hết sức thán phục nhìn những chồng bánh mì trên các đĩa và các bình nước trong suốt như pha lê.

Các thiếu nữ đeo tạp-dề trắng, cùng Jêvêli, Sêlaputin và Biêlukhin mặc áo blu trắng, lặng lẽ đi lại, thì thầm trao đổi với nhau vài câu, sửa lại cho ngay ngắn những hàng dao dĩa cuối cùng, thêm thắt cái này cái nọ, hay dọn chỗ ngồi cho một người nào đó. Các trại viên Kuriajê tuân theo họ một cách bạc nhược, như những bệnh nhân trong một viện điều dưỡng, và Biêlukhin cũng ân cần nâng đỡ chúng như những bệnh nhân.

Đứng ở chỗ trống, dưới những bức chân dung, tôi đưa mắt nhìn khắp cái ốc đảo của phòng ăn, đột nhiên xuất hiện do một phép thần thông bất ngờ từ trong lòng cái bãi sa mạc hôi thối của tu viện. Sự im lặng của phòng ăn nổi bật hẳn lên, nhưng nó lại được phản chiếu trên những cặp má đỏ hồng hào, trong ánh mắt và trong vẻ lúng túng dễ thương của sự ngượng ngùng, khác nào một chân lý vững chắc, khác nào sự kỳ bí của một cuộc ra đời mới mẻ.

Cũng trong sự im lặng ấy, và hầu như không để cho ai lưu ý, các tay kèn và tay trống xếp hàng một đi vào, thầm lén nhìn nhau, đỏ mặt lên một cách lo âu, và đứng sắp thành hàng áp sát tường. Mãi cho đến

bảy giờ mọi người mới nhìn thấy họ, và mọi con mắt, quên cả bữa ăn, không chịu rời họ nữa.

Taranet xuất hiện ở cửa vào:

- Đứng dậy chào cờ! nghiêm!

Các trẻ Gorki đứng theo tư thế nghiêm đã quen. Sững sờ vì hiệu lệnh đó, các trẻ Kuriajê vừa kịp xoay trở mình và tì tay lên thành bàn gỗ để đứng dậy, thì bất thình lình chúng đã bị choáng váng bởi tiếng sấm dàn nhạc hùng dũng của chúng tôi.

Taranet cho lá cờ đi vào, cờ đã tháo vỏ bọc và những nếp lụa đỏ tía óng ánh lên một niềm tin tưởng hân hoan. Lá cờ dừng

lại trước những bức chân dung, đem tới cho phòng ăn vẻ trang nhã của một nghi lễ Xô-Viết tôn nghiêm.

- Ngồi xuống.

Tôi nói chuyện ngắn gọn với các trại viên, lần này thì không ám chỉ gì đến công tác và kỷ luật, tôi cũng không hô hào kêu gọi gì chúng, mà cũng không tỏ ý hoài nghi về một vấn đề gì hết. Tôi chỉ đơn giản khen mừng cuộc sống mới mẻ của chúng, và biểu thị lòng tin chắc chắn rằng cuộc sống ấy sẽ đẹp đẽ, như chỉ có cuộc sống của con người mới có thể đẹp đẽ như vậy được.

Tôi bảo chúng:

- Chúng ta sẽ sống một cuộc sống đẹp đẽ, sung sướng và hợp lý, bởi vì chúng ta là những con người, bởi vì chúng ta có một cái đầu trên hai vai, và bởi vì chúng ta muốn sống như thế. Mà ai có thể ngăn cản được ta? Không một ai có thể cướp đoạt công việc làm của ta và những cái gì ta kiếm ra được. Những hạng người như vậy không làm gì có ở trong Liên bang chúng ta. Và các chú hãy nhìn xem những người ở chung quanh các chú. Hãy nhìn một lão công nhân và du kích quân, đồng chí Khalabuđa, đã ở cả ngày hôm nay với các chủ. Cùng với các chú, ông ta đã đẩy đoàn tàu, dỡ các toa xe, chải lông cho những con ngựa. Khó lòng đếm cho hết được, biết bao nhiêu người tốt,

những bậc vĩ nhân, những vị lãnh đạo, những người bônsêvich của chúng ta, nghĩ tới chúng ta và muốn giúp đỡ chúng ta. Đây này, bây giờ tôi đọc cho các chú nghe hai bức thư rồi các chú sẽ thấy rằng chúng ta không cô đơn, các chú sẽ thấy rằng mọi người yêu thương các chú và săn sóc tới các chú:

Thư của Maxim Gorki gửi ông chủ tịch ủy ban chấp hành khu Khackôp

Xin ông cho phép tôi được hết lòng cảm ơn ông về sự ân cần giúp đỡ của ông đối với trại Gorki.

Mặc dầu tôi mới chỉ biết trại qua những thư từ trao đổi với các trẻ em và với ông giám đốc của chúng, tôi cũng cảm thấy rằng trại đáng được sự chú ý nghiêm túc nhất và đáng được giúp đỡ tích cực.

Trong các trẻ em vô thừa nhận, số tội phạm không ngừng tăng lên; có rất nhiều thứ ác hại cùng mọc lên với những mầm non lành mạnh và tốt đẹp. Chúng ta mong mỏi rằng công tác của những trại giống cái trại đang được ông giúp đỡ, sẽ chỉ ra đường lối trong công cuộc chiến đấu chống lại sự quái gở, để gỡ cái tốt ra khỏi cái xấu, như trại đó đã biết thực hiện.

Thưa đồng chí, tôi xin xiết chặt tay đồng chí, kính chúc đồng chí mạnh khoẻ, dũng cảm và thu được những thành công tốt đẹp nhất trong sự nghiệp khó khăn của đồng chí.

M.Gorki

Thư trả lời của Ủy ban chấp hành khu Khackôp gửi Maxim Gorki

Thưa đồng chí kính mến, Chủ tịch đoàn ủy ban chấp hành khu Khackôp trân

trọng xin đồng chí chấp nhận cho lòng biết ơn sâu sắc của chúng tôi về sự quan tâm của đồng chí đối với cái trại của trẻ em được mang tên đồng chí.

Những vấn đề chiến đấu chống những hiện tượng hư hỏng của các trẻ em vô thừa nhận và chống những hành động phạm pháp của trẻ vị thành niên được chúng tôi đặc biệt chú ý và thúc đẩy chúng tôi thi hành những biện pháp quan trọng bật nhất, để bảo đảm việc giáo dục các trẻ em đó và làm cho chúng thích ứng với một cuộc sống cần lao lành mạnh.

Đó hẳn là một công việc khó khăn, không thể hoàn thành trong một thời

gian ngắn, song chúng tôi đã tìm cách triệt để giải quyết nó.

Chủ tích Đoàn ủy ban chấp hành tin chắc rằng trại sẽ làm cho công tác của mình ăn khớp được hoàn toàn với những điều kiện mới, rằng nay mai nó sẽ mở rộng phạm vi hoạt động, và do một nỗ lực chung và nhất trí nó sẽ đứng được hàng cao quý thích hợp với cái trại mang tên đồng chí.

Thưa đồng chí quý mến, xin đồng chí cho phép chúng tôi chân thành kính chúc đồng chí sớm lấy lại được tinh lực và sức khỏe, để tiếp tục hoạt động hữu ích của đồng chí và sáng tạo ra những tác phẩm mới.

Trong khi đọc những bức thư này, tôi để ý nhìn bọn trẻ qua mép tờ giấy. Chúng lắng nghe tôi và tâm hồn chúng tập trung hết vào đôi mắt, vẻ thán phục, hoan hỉ, tuy nhiên chưa đủ sức nắm bao quát được tất cả sự bí ẩn nọ và sự rộng lớn mông mênh của một thế giới mới. Có nhiều đứa tì khuỷu tay trên bàn, nhổm người lên đưa mặt sát lại gần tôi. Các học viên của chúng tôi, đứng tựa lưng vào tường, mỉm cười mơ màng; các thiếu nữ đã bắt đầu dụi mắt, vì có những đứa trẻ mạnh dạn dòm ngó các cô. Ngồi ở bàn bên phải, Kôrôtkôp nhíu đôi lông mày đẹp của hắn lại mà trầm ngâm suy nghĩ. Khôvrak nhìn qua cửa sổ, đôi má

bóp lại với một vẻ đau khổ.

Tôi kết thúc. Những làn sóng cử động và lời nói đầu tiên đang chạy dài qua các bàn, bỗng Karabanôp giơ tay lên:

- Anh em ạ, anh em có biết chúng ta nên nói gì bây giờ không?... Bây giờ thì phải hát, trời ạ... chứ không phải nói chuyện. Nào, chúng ta hát... Nhưng mà phải hát cho ra trò, thật sự vào... bài Quốc tế ca nhé.

Bọn trai bắt đầu kêu hò, cười lên, nhưng tôi thấy có nhiều trẻ ở Kuriajê lúng túng, ngồi im lặng. Tôi đoán chừng chúng không biết lời của bài Quốc tế ca.

Lapô leo lên một chiếc ghế dài.

- Nào các cô, hát cho to lên, để mọi người nghe các cô đấy nhé!

Hắn vung tay ra hiệu và chúng tôi cùng hát.

Có lẽ vì mỗi câu của bài Quốc tế ca lúc bấy giờ đều hết sức gần gũi với đời sống hiện tại của chúng tôi, cho nên chúng tôi vừa mỉm cười vừa vui vẻ hát bài đồng ca. Bọn trai liếc mắt nhìn Lapô, vô tình bắt chước điệu bộ nhiệt thành và linh hoạt của hắn, nó biểu hiện được hết thảy những tư tưởng của con người. Và khi chúng tôi ca vang:

[56]

Kèn đã thổi ,

Đây là trận cuối cùng.

Lanhtecnaxionalơ

Sẽ đem lại quyền lợi cho ta.

thì Lapô chỉ tay một cách ý nghĩa vào đội kèn, nó hòa vào bản đồng ca những tiếng kèn ngân lên trong vắt.

Hát xong, Matvây Biêlukhin vẫy một cái mui-soa trắng và kêu oang oang lên về phía nhà bếp:

- Nào dọn lên đây thịt ngỗng với thịt thiên nga, rượu mật ong với rượu [57] xecvoa , rượu vôtka với các đồ nhắm, và kem đầy đĩa tú hụ lên đấy nhá!

Bọn trai vừa cười ầm lên vừa nhìn Matvây bằng những con mắt vui thích. Hắn nheo miệng một cách buồn cười và kìm bớt cái giọng nam cao của hắn mà đáp lại họ:

- Các đồng chí thân mến ạ, họ đã chẳng đem rượu vôtka với các đồ nhắm lên, nhưng xin lấy danh dự mà cam đoan rằng kem thì có đấy. Và bây giờ, mời anh em sực cái món xúp củ cải đỏ!

Những nụ cười thân thiện hòa hảo chạy dài khắp phòng ăn. Ngắm nhìn theo chúng, tôi chợt trông thấy đôi mắt giương to lên của Djurinxkaia. Bà ta đứng ở cửa và sau vai bà ta ló ra bộ mặt tươi cười của Iuriep. Tôi chạy vội tới hai người.

Djurinxkaia bắt tay tôi với một vẻ ngẩn ngơ như mải nghĩ đi đâu, tựa hồ bà ta không làm thế nào mà rời mắt được khỏi những hàng đầu cạo trọc, vai mặc áo trắng và những nụ cười thân ái.

- Thế này là thế nào? ông Antôn Xêmiônôvich... Khoan đã! Nhưng không phải! Môi bà ta run run. Đây toàn là các trẻ của ông đấy chứ? Thế còn những đứa ở đây... chúng đâu cả? Kia, ông kể mau cho tôi biết đã có chuyện gì xảy ra ở đây vậy?

- Chuyện gì xảy ra? Nào ai biết được có chuyện gì xảy ra ở đây... Cái đó hình như được gọi là một sự biến dạng thì phải, và chăng... đây toàn là những trẻ của chúng

tôi cả đấy.

10. Ở CHÂN NÚI ÔLANHPƠ

Tháng năm và tháng sáu, ở Kuriajê, đã là hai tháng hết sức nặng về mặt lao động. Bây giờ tôi không thể nào nói về phần lao động ấy với những lời phấn khởi được.

Cứ bình tĩnh mà xét thì người ta không thể nào không công nhận rằng có nhiều loại lao động nặng nhọc, khó chịu, không hứng thú, có nhiều loại khác đòi hỏi nhiều kiên nhẫn và thói quen trấn áp trong cơ thể những cảm giác nặng nề đau đớn; lại có rất nhiều loại sở dĩ làm được chỉ là vì người ta đã tập gian khổ và chịu

đựng quen rồi.

Đã từ lâu đời mọi người quen khắc phục sự vất vả của lao động và sự chán ghét nhục thể mà nó gây nên cho họ, song những động cơ khiến họ làm như vậy ngày nay không phải là đều làm cho ta hài lòng hết thảy. Vì chiếu cố nhược điểm của bản chất con người mà hiện thời chúng ta còn dùng thử một số động cơ thỏa mãn cá nhân, hạnh phúc cá nhân, song nhất thiết chúng ta phải chuyên chú giáo dục những động cơ lớn về lợi ích tập thể. Tuy nhiên về mặt này có nhiều vấn đề rất là rắc rối, và ở Kuriajê thì phải giải quyết chúng hầu như không có sự giúp sức bên ngoài nào cả.

Một ngày kia sẽ có một khoa sư phạm chấn chỉnh nghiên cứu rõ chuyện đó, phân tích cái cơ cấu của nỗ lực con người, chỉ rõ phần nào thuộc về ý chí, lòng tự ái, sự xấu hổ, sự khuyến dụ, lòng sợ hãi, ý ganh đua và bằng cách nào tất cả những cái đó kết hợp với những hiện tượng thuộc về ý thức thuần túy, tín niệm và lý trí. Kinh nghiệm của tôi tựu trung khẳng định một cách quả quyết rằng cái cự ly giữa những yếu tố ý thức thuần túy với những tiêu hao trực tiếp về thể lực khá là to lớn, thành thử nhất thiết cần phải nối chúng lại với nhau bằng một chuỗi những yếu tố giản đơn hơn và vật chất hơn.

Vấn đề ý thức đã được giải quyết rất

thuận lợi, ngay hôm các trại viên Gorki đến Kuriajê. Chỉ trong khoảng thời gian một ngày, quần chúng Kuriajê đã có được sự tin tưởng chắc chắn rằng các đội đem lại cho chúng một đời sống tốt đẹp hơn, rằng người mới đến phụ giúp chúng là những người có kinh nghiệm, có tài năng, và chúng cần phải đi cùng đường với họ. Cái nhân tố quyết định ở đây thậm chí cũng chẳng phải là những suy nghĩ lợi ích nữa, sự hiển nhiên là đã có một sức khuyến dụ tập thể: điều quyết định không phải là những sự tính toán, mà chính là những cái tai nghe, mắt thấy, những giọng nói, tiếng cười. Dầu sao chăng nữa ngày hôm đầu cũng đã có kết quả là gây được cho bọn trẻ ở Kuriajê

cái ý muốn kiên quyết gia nhập tập thể trại Gorki, dù chỉ vì rằng đó là một tập thể, một niềm vui sướng mà đời chúng chưa từng được nếm bao giờ.

Nhưng cái mà tôi thu hoạch được cũng mới chỉ có là ý thức, và như vậy thật quả đổi ít ỏi. Ngay hôm sau điều đó đã bộc lộ rõ với tất cả tính phức tạp của nó. Tối hôm trước đã thành lập những đội đặc biệt, để làm mọi công tác chỉ định trong bản tuyên ngôn của đoàn Kômxômôn, hầu hết đội nào cũng có những giáo viên hoặc những trại viên Gorki cũ. Nhưng mặc dầu tinh thần bọn trẻ ở Kuriajê rất tốt, cũng thấy rõ được ngay từ sáng sớm là chúng làm việc rất dở. Sau có nhiều đứa không trở lại công tác nữa và lẩn

trốn, còn một số thì, theo thói quen, đã chuồn ra ngoài tỉnh và Ryjôp.

Tôi đích thân đảo thăm qua tất cả các đội. Quang cảnh đồng đều khắp cả: ở nơi nào số lượng những hạt nhân Gorki xem chừng cũng chẳng thấm thía vào đâu, đa số những phần tử Kuriajê nổi bật hẳn lên, và phải e ngại rằng tác phong làm việc của chúng rồi cũng chiếm ưu thế nốt, nhất là trong số những trại viên Gorki lại có nhiều đứa trẻ mới và ngoài ra, một vài tay kỳ cựu của trại, hòa tan trong cái dung dịch Kuriajê bất động nọ, không khéo rồi cũng đến tiêu ma cả tác dụng làm lực lượng tích cực của họ mất.

Đối với một tập thể vững chắc thì những

biện pháp kỷ luật cưỡng chế bên ngoài có tác dụng rất mạnh và rất rõ rệt, song đem áp dụng những biện pháp ấy ở đây lại thành nguy hiểm, có nhiều kẻ phạm kỷ luật quá, và đối phó với chúng là một việc phiền phức, đòi hỏi nhiều thì giờ. Mà cũng vô hiệu nữa, vì mọi sự trừng phạt chỉ có tác dụng tốt, khi nào nó xua đuổi kẻ có lỗi ra khỏi hàng ngũ của đoàn thể, do sự kiên quyết xác nhận điều phán quyết của dư luận quần chúng. Cũng nên nói thêm rằng những biện pháp cưỡng chế bên ngoài tác động hết sức yếu ớt trong lĩnh vực tổ chức sự lao động thể lực.

Giả sử có ít kinh nghiệm hơn thi người ta sẽ tự an ủi bằng những ý nghĩ như thế

này: bọn trẻ không quen lao động thể lực, chúng không "khéo tay" không biết làm việc và không có cái tập quán làm theo cùng một nhịp độ với các bạn chúng; chúng thiếu sự kiêu hãnh trong lao động nọ, bao giờ nó cũng là nét đặc thù của con người tập thể; hết thảy những cái đó không thể nào hình thành một sớm một chiều, và cần phải có thì giờ mới được. Khốn nỗi tôi lại không thể nào tự an ủi như thế. Về điểm này, có một quy luật mà tôi biết rất rõ mách bảo tôi rằng: trong lĩnh vực sư phạm không làm gì có những quan hệ tùy thuộc giản đơn, và ở đó, ít hơn hết thảy bất cứ nơi nào khác, không thể nào chấp nhận cái công thức tam đoạn luận và cái lối diễn dịch ngắn gọn

được.

Cứ như tình hình mọi sự hồi tháng năm ở Kuriajê, thì sự tiến triển chậm chạp từng bước của nỗ lực lao động đe dọa in vào phong cách làm việc chung những hình thức tồi tệ nhất và lắm tiêu ma mất cái kiểu cách dẻo dai nhanh chóng và chính xác trong lao động, vốn dĩ là kiểu cách riêng của các trại viên Gorki.

Lĩnh vực của phong cách và các điệu xưa nay vẫn không được "lý luận" sư phạm biết đến, vậy mà đó chính lại là phần quan trọng nhất và chủ yếu nhất của giáo dục tập thể. Phong cách là một cái gì tế nhị nhất và cũng mau hư hỏng nhất. Phải nâng niu nó, trông nom nó hàng

ngày, nó đòi hỏi sự ân cần săn sóc chu đáo nhất, như một bồn hoa vậy. Phong cách được tạo nên rất chậm chạp, vì không thể nào quan niệm được nó nếu không có sự tích lũy những truyền thống, nghĩa là những nguyên tắc và thói quen đã tập thành không phải do ý thức thuần túy nữa, mà do sự tôn trọng có ý thức đối với kinh nghiệm của những thế hệ cũ và cái uy tín lớn lao của cả một tập thể đã có một khoảng thời gian tồn tại nào đấy. Sự thất bại của nhiều trại nhi đồng là ở chỗ các trại đó đã không tạo được cho mình một phong cách riêng, ở đấy đã không hình thành được những tập quán và truyền thống, và nếu chúng có bắt đầu được cấu thành thì lại bị các ông thanh

tra giáo dục, không ngớt bị thuyên chuyển, cứ luôn luôn phá hủy đi, mà động cơ khiến các ông làm như vậy lại là những lý do rất đáng khen. Vì thế nên bọn "con nít" của khoa giáo dục xã hội vẫn cứ sống mà không hề ngờ rằng không những có truyền thống lâu "hàng thế kỷ", mồ còn có cả đến truyền thống chỉ mới lâu được có một năm thôi.

Sau khi chinh phục được ý thức của bọn trẻ Kuriajê, tôi có thể gần gũi thân mật với chúng hơn và tin tưởng chúng hơn. Song như thế vẫn chưa đủ. Muốn thu được thắng lợi thật sự, từ nay tôi cần phải có kỹ thuật sư phạm. Trong lĩnh vực kỹ thuật ấy tôi thấy mình cũng cô độc như năm 1920, mặc dầu không đến nỗi dốt

nát một cách đáng buồn cười như năm đó. Phải hiểu sự cô độc này theo một nghĩa riêng. Ở trong lòng tập thể các giáo viên cũng như ở trong lòng tập thể của bọn trẻ, tôi đã có được những tay giúp sức đắc lực, dựa vào họ tôi có thể mạnh dạn làm những công việc phức tạp nhất. Song tất cả những cái đó đều là việc ở trên mặt đất.

Ở trên trời và ngay gần bên, trên đỉnh ngọn núi "Ôlanhpơ sư phạm" kia, mọi thứ kỹ thuật sư phạm trong lĩnh vực giáo dục nhất thiết đều bị coi là tà giáo.

"Ở trên trời" đứa trẻ được coi như là một sinh vật chứa đầy một khí thể thành phần như thế nào đấy, mà người ta cũng

chẳng buồn nghĩ tới đặt ra một cái tên cho khí thể ấy nữa. Vả chăng, đó cũng vẫn chỉ là chuyện cái linh hồn theo kiểu cũ nọ, mà các sử đã đồ từ lâu đề ra lý. Người ta giả định (giả thiết lao động) rằng cái khí thể cách xử ấy có một năng lực phát triển tự động, chỉ cốt sao đừng làm trở ngại nó là được. Người ta đã viết nhiều cuốn sách về vấn đề ấy, nhưng tất cả kỳ thực đều nhắc lại những châm ngôn của Rutxô:

"Hãy nên sùng kính tuổi thơ..."

"Hãy nên e sợ làm trở ngại thiên nhiên..."

Giáo lý chủ yếu của cái tên giáo ấy là thế

này: trong những điều kiện sùng kính và ân cần săn sóc như thế đối với thiên nhiên, cái cá tính cộng sản chủ nghĩa tất nhiên phải nảy nở từ cái khí thể nói đó. Sự thực thi trong hoàn cảnh thiên nhiên thuần túy, chỉ thấy mọc lên những cái gì có thể tự nhiên mọc lên thôi, nghĩa là thứ cỏ dại bình thường ở ngoài cánh đồng, song cái đó chẳng khiến ai lấy làm điều hết, vì những nguyên tắc và tư tưởng được chư vị nhà giời vô cùng coi trọng. Những ý kiến phản bác của tôi cho rằng thứ cỏ dại lượm được như vậy không thích hợp với những dự án nói trên về cá tính cộng sản chủ nghĩa, đều bị gọi là chủ nghĩa thực dụng thông tục, và khi người ta muốn nhấn mạnh thực chất tôi như thế

nào, thì người ta nói:

- Makarenkô là một người thực hành giỏi, nhưng hắn ta chẳng hiểu mấy tí về lý luận;

Người ta cũng nói đến kỷ luật. Cơ sở của lý luận trong vấn đề này căn cứ vào mấy chữ: "kỷ luật tự giác" mà người ta thường gặp thấy trong Lênin. Đối với bất cứ người nào có lương tri thì mấy chữ đó bao hàm một chân lý đơn giản, dễ hiểu và cần thiết trong thực tế: kỷ luật phải gắn liền với sự hiểu biết rằng nó là tất yếu, hữu ích, bắt buộc và có ý nghĩa giai cấp. Trong lý luận sư phạm thì lại không phải là như vậy; kỷ luật không phải là nảy sinh ra từ kinh nghiệm xã hội, cũng

không phải từ hoạt động thực tiễn của một tập thể đồng chí, mà nảy sinh từ sự tự giác thuần túy, từ một tín niệm lý trí trần trụi, từ cái thần khí của linh hồn, từ tư tưởng. Rồi các nhà lý luận lại đi xa hơn nữa và quyết định rằng cái "kỷ luật tự giác" sẽ chẳng có giá trị gì hết, nếu nó được hình thành do ảnh hưởng của người lớn. Như vậy nó không phải là một kỷ luật tự giác chân chính nữa, mà là sự rèn cặp, thực chất như vậy là cưỡng chế cái thần khí của linh hồn. Cái mà ta cần phải có không phải là kỷ luật tự giác mà là "kỷ luật tự ngã". Cũng theo đúng như vậy, bất cứ một tổ chức nhi đồng nào cũng là vô ích và nguy hiểm, mà cần thiết là cái "tổ chức tự ngã".

Trở về cái xó hẻo lánh của tôi, tôi bắt đầu ra công suy nghĩ. Tôi suy luận như thế này: hết thảy chúng ta đều biết rất rõ ta cần phải giáo dưỡng con người nào, mỗi người công nhân có văn hóa và giác ngộ đều biết điều đó, cũng như mỗi người đảng viên đều biết hết sức tường tận.

Như vậy sự khó khăn không nằm trong vấn đề phải làm cái gì, mà phải làm thế nào. Mà cái đó thì là một vấn đề kỹ thuật sư phạm.

Kỹ thuật chỉ có thể rút ra từ kinh nghiệm. Những quy luật về việc cắt kim thuộc sẽ không thể nào tìm ra được, nếu trong kinh nghiệm của loài người, chưa từng

có ai cắt kim thuộc bao giờ. Nhất định phải có tích lũy kinh nghiệm, mới có thể có được sự phát minh, cải tiến, tuyển lựa và loại trừ phế phẩm.

Nền sản xuất sư phạm của chúng ta chưa bao giờ được tổ chức theo cái lôgic của kỹ thuật học mà là theo cái lôgic của sự thuyết giáo đạo đức. Điều đó đặc biệt rõ rệt ở ngay trong lĩnh vực giáo dục, còn trong công tác nhà trường thì có lẽ một phần nào kém rõ.

Lý do chỉ là vì ở nước ta tất cả mọi bộ môn chính của sản xuất đều thiếu hết: qui trình thao tác kỹ thuật, trù tính các việc, nghiên cứu công tác, sử dụng các đạo tuyến về thiết bị, chỉ định tiêu chuẩn,

kiểm tra, quy định những mức chiếu cố đúng cách, loại trừ phế phẩm.

Khi tôi rụt rè nói lên những tiếng như thế ở chân núi Ôlanhpơ, thì cốc ví thiên thần ném gạch vào người tôi và kêu lên rằng đó là cơ giới luận.

Nhưng càng suy nghĩ về vấn đề, tôi càng thấy sự giống giữa quá trình giáo dục và những quá trình thông thường của nền sản xuất vật chất, và trong sự giống nhau đó chẳng có cái gì là cơ giới luận đáng sợ đến thế. Cá tính con người ở dưới mắt tôi vẫn là cái cá tính con người có đầy đủ tính phức tạp, phong phú và đẹp đẽ của nó, song tôi cho rằng chính vì vậy mà đối với nó lại càng nên dùng những

dụng cụ đo lường tinh xác hơn. Với một thái độ nghiêm chỉnh hơn và khoa học hơn, chứ không nên dùng những phương thức hồ đồ đơn giản, ngu muội điên rồ. Sự giống nhau rất sâu sắc giữa việc sản xuất và việc giáo dục không những không lăng nhục cái khái niệm của tôi về con người, mà trái lại nó còn khiến tôi đặc biệt kính trọng con người, vì không thể nào không kính trọng một cái máy phức tạp và tinh xảo.

Dù sao tôi cũng thấy rõ ràng một số rất lớn những bộ phận của cá tính và phẩm cách con người có thể sản xuất bằng máy rập, chỉ rập in nổi hàng loạt là xong, nhưng các máy rập đó phải làm việc một cách tinh tế đặc biệt, chúng đòi hỏi một

sự thận trọng và một độ tinh xác hết sức chi ly. Có những bộ phận khác, trái lại cần được qua máy chế tạo riêng, do tay một người thợ chuyên môn cao độ, một người có những bàn tay tiên và một cái nhìn rất mực chắc chắn. Lại có nhiều bộ phận khác nữa cần tới những công cụ thiết bị riêng biệt và phức tạp, đòi hỏi một óc sáng tạo lớn và cả đến một thiên tài bay bổng. Song đối với hết thảy mọi bộ phận, cũng như đối với toàn bộ công tác của nhà giáo dục, đều cần phải có một khoa học riêng. Tại sao trong các trường cao đẳng kỹ thuật, chúng ta nghiên cứu sức bền của các vật liệu, mà trong các trường cao đẳng sư phạm chúng ta lại không nghiên cứu sức bền của cá tính,

khi ta bắt đầu giáo dục nó? Vậy mà sự tồn tại của cái sức bền đó chẳng còn là một bí mật đối với ai hết thảy. Tại sao ở nước ta không có, chẳng hạn, một sở kiểm soát nào đó có thể bảo cho đủ loại các nhà sản xuất ra những sai lầm sư phạm biết rằng:

- Các chú nó ơi, hang của các chú có đến chín mươi phần trăm phế phẩm. Các chú đưa ra cho chúng tôi đâu có phải là con người cộng sản chủ nghĩa, mà là thứ giả hiệu hoàn toàn, đồ cặn bã, hạt giống say rượu, lười biếng và lợi dụng. Thôi xin các chú làm ơn xuất tiền lương ra mà bồi thường đi.

Tại sao ở nước ta không có một khoa học

nào nghiên cứu nguyên liệu của ta, và làm sao không có ai biết đem cái chất liệu ấy ra mà dùng làm một việc gì, một bao diêm hay một chiếc máy bay?

Từ trên đỉnh núi Ôlanhpơ của các phòng giấy bác học, người ta không phân biệt được bộ phận gì hoặc phân việc gì hết. Từ trên cao ấy người ta chỉ trông thấy biển rộng vô biên của tuổi thơ không cá tính, và ở giữa các bức tường của phòng giấy, dựng lên cái mô hình của đứa trẻ trừu tượng làm bằng những chất liệu nhẹ nhất: tư tưởng, giấy chữ in và những mơ

mộng kiểu Manilôp . Khi các vị ở trên núi Ôlanhpơ đến thăm tôi ở trại, thì mắt các vị không mở ra và họ không nhìn

nhận thấy rằng cái tập thể nhi đồng sinh động là một trường hợp mới mẻ, đòi hỏi người ta trước hết phải quan tâm đến vấn đề kỹ thuật. Nhưng tôi, thì trong lúc hướng dẫn họ đi thăm trại, và mặc dầu tôi đã giữ thế để chịu đựng cái khổ

[59]

hình phải tiếp xúc lý luận với họ, tôi vẫn không thể nào không chú ý đến một chi tiết kỹ thuật nhỏ nào đấy.

Ở phòng ngủ của đội bốn, bọn trẻ đã không cọ rửa sàn nhà vì cái xô xách nước đã biến đi đâu mất. Tôi chú ý đến giá trị vật chất của cái xô và đến cái kỹ thuật nó mất ra làm sao. Những xô cấp cho các đội đều giao cho đội phó quản lý, hắn cắt đặt phiên người lau rửa và do

đó phiên người chịu trách nhiệm. Chính điều đó, phần trách nhiệm đối với việc lau rửa, với cái xô và chiếc khăn lau, được tôi coi là một yếu tố kỹ thuật.

Việc này cũng giống như cái máy tiện tồi nhất, cũ nhất, đã mất cả nhãn hiệu lẫn dấu năm sản xuất, trong một nhà máy. Những máy tiện như thế thì bao giờ cũng bị dồn vào góc xưởng hẻo lánh nhất, chỗ sàn ván nhầy mỡ nhất, và người ta gọi nó là máy "bà già". Người ta dùng nó để chế tạo cả một mớ vụn vặt: những rông-đen, chốt móc, vành nối, bu-loong cho cái này cái nọ. Nhưng khi "bà già" bắt đầu dở chứng, thì có một làn sóng cười giễu thoáng gợn chút lo âu lướt qua khắp nhà máy; ở bên xưởng lắp ghép người ta bắt

đầu như tình cờ cho ra những "xuất phim tùy điều kiện" và trên những tầng ván của các nhà kho xuất hiện một đống lù lù những bộ phận dáng vẻ xấu xí, đồ hàng "không đúng quy cách".

Tôi coi phần trách nhiệm đối với cái xô và chiếc khăn lau cũng như cái máy tiện nọ, mặc dầu nó bị xếp vào hạng bét đấy, nhưng người ta dùng nó để làm ra những gọng chủ chốt cho cái đặc tính quan trọng nhất của con người: ý thức trách nhiệm. Không có cái đặc tính ấy, thì không làm gì có con người cộng sản chủ nghĩa, mà chỉ có những đồ hàng "không đúng quy cách" mà thôi.

Các vị ở trên núi Ôlanhpơ coi khinh kỹ

thuật. Do sự thống trị của họ, tư tưởng kỹ thuật đã chết dần mòn trong các trường cao đẳng sư phạm của ta, đặc biệt là về mặt công tác giáo dục. Không có ở lĩnh vực nào, trong đời sống xô-viết của chúng ta, mà tình trạng kỹ thuật lại thảm hại hơn là ở lĩnh vực vực giáo dục. Do đó công tác giáo dục chỉ là một loại thủ công nghiệp, và là thứ lạc hậu nhất trong mọi thứ công nghiệp. Chính vì thế mà lời than phiền này của Luka Lukitsơ Khlôpôp, trong "Quan thanh tra", vẫn cứ còn là đúng:

"Không gì tệ hơn là ở trong một nghề thông thái, ai cũng can thiệp vào được thiệp vào được, ai cũng muốn tỏ ra rằng ta cũng là một người thông minh đấy".

Đó không phải là một câu nói đùa hay một ngoa ngôn tài tình, đó là sự thật đơn giản và nôm na. Có ai là người thiếu ánh sáng trí tuệ đi giải quyết bất cứ vấn đề giáo dục nào? Ông Mỗ nào cũng chỉ rõ việc ngồi vào trước bàn viết của mình, ấy thế rồi ông cân nhắc, thắt buộc và tháo cởi. Có cuốn sách nào kìm hãm nổi ông ta? Cần chi đến một cuốn sách, bởi vì chính ông cũng có một đứa con? Ấy thế mà có một vị giáo sư về khoa sư phạm, chuyên gia viết về vấn đề giáo dục, viết thư cho cục Gêpêu hoặc cho ban

[60]

N.K.V.D :

“Thằng con nhỏ tôi đã ăn cắp của tôi nhiều lần, nó hay ngủ lang, tôi khẩn thiết

xin ông...”

Người ta tự hỏi tại sao về mặt sư phạm các cán bộ Tsêka lại là những kỹ thuật gia giỏi hơn một ông giáo sư về khoa sư phạm.

Tôi không sớm trả lời được câu hỏi kỳ thú ấy, song hồi bấy giờ, năm 1926, thì về lĩnh vực kỹ thuật của tôi, tôi cũng không lợi thế hơn Galilê với ống kính [61] của ông ta. Tôi không mất nhiều thì giờ để chọn lựa: hoặc thất bại ở Kuriajê, hoặc thất bại trên núi Ôlanhpơ và bị loại trừ khỏi thiên đường. Tôi chọn lấy điều sau này. Thiên đường chói lọi ở trên đầu tôi, lung linh đủ mọi màu sắc của lý luận,

song tôi đi tìm đội đặc biệt các trại Kuriajê và bảo họ:

- Này, các chú, các chú làm việc chẳng ra cái gì hết... Buổi họp hôm nay tôi sẽ sửa cho các chú cẩn thận. Làm ăn như thế này thì còn ra cái trò trống gì nữa!

Bọn trai đỏ mặt lên, và một chú lớn chìa cái cuốc về phía tôi, nói giọng tức giận:

- Là vì cuốc cùn cả... Đây bác xem.

- Nói láo, Tôxka Xôlôviep bảo hắn, mày nói láo. Mày hãy thú thật là mày nói láo, mày hãy thú đi...

- Vậy nó sắc đấy hẳn?

- Thế mày đã không ngồi cả một tiếng đồng hồ trên bờ ruộng à, có thế không nào?

- Đây này, tôi bảo chú đội trưởng: Từ giờ đến bữa ăn chiều, các chú phải làm cho xong việc này. Nếu không thì ăn xong ta sẽ làm. Và tôi cùng làm với các chú.

- Chúng cháu sẽ làm xong mà, chú có cái cuốc cùn nói. Có cái gì mà làm xong ở đây?

Tôxka bật lên cười:

- Cái thằng mới láu cá chứ!

Về mặt đó thì không có chuyện gì đáng buồn cả; một khi tụi trẻ lười nhác, nhưng

lại bịa ra những lý do rất hay để tránh làm việc, thì như vậy có nghĩa là chúng tỏ ra có tính chủ động và tài sáng tạo, hai món hàng rất được ưa chuộng ở chợ trên núi Ôlanhpơ. Kỹ thuật của tôi chỉ còn có việc vùi dập đi chút ít những biểu thị sáng tạo thuộc loại đó, và chỉ có thế thôi; ngược lại, tôi có thể vui lòng nhận thấy rằng hầu như đã không có tình hình ngang nhiên từ chối cộng tác. Một vài đứa lẩn mặt chuồn đi đâu không biết, song những đứa ấy khiến tôi băn khoăn ít hơn hết cả: Đối với chúng bọn trẻ đã sẵn có kỹ thuật riêng của họ. Dù thằng đại lãn có đem cái lười của nó mà đi lê la đâu chăng nữa, thì nó cũng cứ phải mò đến bàn ăn của đội nó. Bọn trẻ nuôi Kuriajê tiếp

nhận nó một cách không ầm ỹ lắm, mà chỉ bảo nó với một giọng ngớ ngẩn:

- Lại cứ tưởng là cậu đã trốn khỏi trại.

Miệng lưỡi và các bàn tay của tụi trẻ Gorki thì biểu lộ tình cảm mạnh hơn. Khi tới gần bàn ăn, thằng đại lãn tìm cách làm ra vẻ một gã bình thường nào đó, chẳng có gì đáng phải đặc biệt chú ý, song đội trưởng của nó thì lại cần tuy công luận thưởng đối với từng người. Hắn nghiêm khắc ra lệnh cho một chú Kôlia nào đấy:

- Kôlia, cậu ngồi chồm hỗm trên ghế của cậu làm gì thế? Cậu không trông thấy hay sao? Krivôrutskô đã đến, cậu hãy

nhường chỗ cho hắn, nhanh nhân lên nào! Dọn cho hắn một cái đĩa sạch! Cậu đưa cho hắn một cái thìa như thế nào đấy, thìa với thiếc như thế à?!

Cái thìa biến ngay qua ghi-sê nhà bếp.

- Múc xúp béo hơn nữa cho hắn đi, béo nữa vào!... Pêchia, chạy đi tìm bác trưởng bếp và đem một cái thìa tốt về đây!Quàng lên! Xtêpa, cắt bánh cho hắn đi... Kìa, cậu cắt cái gì thế? Chỉ có bọn dân quê mới cắt những vành bánh xe bò như thế, còn hắn thì phải cắt mỏng hơn cho hắn... Nhưng cái thằng Pêchia đi lấy thìa đâu rồi nhỉ?... Pêchia, mau lên chứ! Vania, gọi Pêchia đi, bảo nó đem thìa lên!.

Ngồi trước cái đĩa đầy xúp củ cải đỏ béo hết sức, Krivôrutskô đỏ dừ mặt trên món xúp. Từ bàn bên cạnh có tiếng một cậu nào dõng dạc hỏi:

- Này, đội mười ba, các cậu đã vớ được một ông khách đấy à?

- Phải rồi, ông ấy đã đến, ông ấy đây này, ông ấy sắp ăn... Pêchia, đưa cái thìa lên đi chứ, ông ấy vội lắm!...

Pêchia, vẻ bận rộn một cách rất hề tuồng, chạy bỏ vào trong phòng và giơ ra một cái thìa thường của trại, mà hắn trịnh trọng cầm giữa hai ngón tay như một vật phẩm đem dâng vậy.

- Cậu đem cái thìa gì lên thế? Người ta

đã bảo cậu thế nào? Đi tìm cái thìa lớn nhất kia...

Pêchia vờ vội vã cuống cuồng và chạy loăng quăng như một thằng điên trong phòng ăn, cụng đầu vào các cửa sổ lầm tưởng là cửa ra vào. Một trò hí kịch phức tạp bắt đầu diễn, có cả đến những người trong nhà bếp cũng tham gia. Một tiếng thở phào hắt ra khỏi môi vài cậu, vì nói cho đúng, thì chỉ hoàn toàn do gặp may mà chính các cậu đã không là đối tượng cho người ta ân cần săn sóc nhiệt liệt đến thế. Pêchia chạy như bay trở về, hai tay cầm một cái lọc cháo khổng lồ hay một cái muôi nhà bếp nào đấy. Bàn nào bàn nấy cười bò cả ra. Lúc đó Lapô thong thả rời chỗ ngồi và đi tới chỗ đang

có chuyện. Hắn lặng lẽ quan sát tất cả những diễn viên của tán kịch ấy và nhìn chú đội trưởng bằng một con mắt nghiêm khắc. Rồi trút bỏ vẻ nghiệt ngã, bộ mặt hắn, trước mắt mọi người, bỗng làm ra vẻ động lòng trắc ẩn và thương xót, đúng là những tình cảm mà ai ai cũng biết hắn không thể nào có được. Cả phòng ăn nín thở, chờ đợi các nghệ nhân một lớp hài kịch cực kỳ thú vị và tinh tế: Lapô truyền vào trong giọng kim eo éo của hắn những màu mè rất là tế nhị, đặt một bàn tay lên đầu Krivôrutskô.

- Ăn đi, chú em ạ.. ăn đi, chú em đừng sợ... Tại sao các cậu lại chơi đùa làm khổ thằng bé này thế? Sao hử? Ăn đi, em... Sao, không có thìa à? Ồ, thật đáng

ghét quá, cho hắn một cái thìa nào... ờ, cái đó, cái nào cũng được mà...

Nhưng chú em không thể nào ăn được. Nó khóc lu loa ầm cả phòng ăn lên và rời khỏi bàn ăn, đi lại y nguyên cái đĩa của nó đầy xúp củ cải đỏ béo hết sức. Lapô ngắm kẻ chịu nạn và nhìn bộ mặt hắn người ta thấy rằng hắn biết động lòng thương cảm sâu sắc biết chừng nào.

- Sao lại có thể thế được? Lapô nói, hầu như khóc. Thế nào, chú em không ăn ư? Chúng nó hành hạ thằng bé khổ thế đấy!

Lapô ngoảnh đầu lại phía các trại viên với một cái cười lặng lẽ. Hắn quàng tay qua đôi vai Krivôrutskô đang rung lên vì

thổn thức và nhẹ nhàng kéo nó ra ngoài phòng ăn. Cử tọa cười phá cả lên. Song tấn kịch còn một hồi sau chót mà công chúng không được xem. Lapô đã đưa vị khách của hắn vào trong bếp, đặt nó ngồi vào cái bàn rộng và ra lệnh cho trưởng bếp phục vụ "người này", mà cho ăn thật ngon vào, bởi vì, "các cậu ạ, họ đã xử tệ với hắn ta". Và đến khi thằng Krivôrutskô, người còn rung rung vì những tiếng thổn thức nho nhỏ, đã ăn xong món xúp củ cải đỏ, và tâm trí đã khá tỉnh táo để chú ý đến việc lau mũi và nước mắt, thì Lapô giáng cho nó một đòn xảo quyệt cuối cùng, giả thử chính Juđa Ixcariôt [62] mà phải nhận đòn ấy thì

cũng biến thành con bồ câu trong trắng mất thôi.

- Tại sao chúng nó lại trừ cậu? Hẳn là cậu đã không đi lao động, có phải thế không?

Krivôrutskô gật đầu, rồi nấc với thở dài, và nói chung là ra hiệu nhiều hơn nói.

- Những cái thằng ấy lố thật đấy! Chúng chỉ giỏi trò!... Nhưng đây là lần cuối cùng cậu chuồn kia mà? Là lần cuối cùng, có phải thế không? Vậy thì tại sao lại kiếm chuyện? Làm như ít có những chuyện như vậy lắm ấy! Tớ, khi tớ mời vào trại, tớ đã không đi lao động những bảy ngày kia... Còn cậu, mới chỉ có hai.

Nhưng hãy hượm cho tớ xem bắp thịt của cậu nào... Ái chà! Tất nhiên là với những bắp thịt như thế này thì phải lao động chứ... Có phải không?

Krivôrutskô lai gật đầu và ăn sang món kasa. Lapô trở lại phòng ăn, từ giã nó với câu khen ngợi bất ngờ này:

- Tớ đã thấy ngay rằng cậu là một người anh em mà.

Chỉ cần một hay hai trò hí kịch như vậy là đủ khiến các chú cạch không dám bỏ trốn đội công tác nữa. Thói quen đó biến rất mau khỏi trại Kuriajê. Còn đối với những đứa hay giả vờ giả vịt như thằng Khôvrak thì phải tốn công hơn. Sang đến

ngày thứ ba nó đã bắt đầu bị cảm nắng: nó rên rỉ lê mình vào các bụi rậm, nằm dài trong đó nghỉ ngơi, nhưng Taranet biết cách trị nó rất tài tình. Hắn xin Antôn cho một cái xe đrôski thắng con Hảo-hán và đem theo ra cánh đồng một toán y tá với đủ lệ bộ cờ quạt và hồng thập tự. Pháp bảo mạnh mẽ nhất mà hắn sử dụng là thằng Lêsi, võ trang bằng một cái bễ lò rèn thực sự. Khôvrak vừa mới bắt đầu nằm thoải mái một cái trong khu rừng con, là lập tức ban "cấp cứu" đổ ào ngay tới nó. Chỉ một giây đồng hồ, Lêsi đã đặt cái bễ của hắn trước mặt bệnh nhân, rồi vài người ra sức kéo bễ nhanh nhảu vui vẻ thực tình. Chúng quạt cho Khôvrak vào khắp chỗ trên người bảo là

có hơi nắng ẩn nhiễm, rồi lôi nó ra xe tải thương. Song Khôvrak đã khỏi rồi và xe yên ổn trở về trại. Phải chịu cách điều trị vừa tả đó. Khôvrak tuy đã thấy là khổ hết sức song còn gay cho nó hơn nữa là lại phải ngồi vào giữa đội để lặng lẽ nuốt những liều thuốc mới dưới hình thức những câu hỏi đơn giản nhất:

- Thế nào, Khôvrak, cậu đã thấy dễ chịu rồi hả? một phương thuốc tốt đấy chứ, có phải không?

Đó dĩ nhiên là những hành động du kích, nhưng nó xuất phát từ cái không khí chung, và từ ý chí của tập thể muốn thúc đẩy cho công tác tiến hành tốt. Mà không khí và ý chí ấy là những đối tượng chân

chính của mối quan tâm về kỹ thuật của tôi.

Yếu tố kỹ thuật cơ bản tất nhiên vẫn là đội. Thế nào là một đội, thì suốt cho đến điểm kết thúc câu chuyện này, các vị ở trên núi Ôlanhpơ nhất thiết vẫn không bao giờ hiểu nổi. Tuy nhiên tôi vẫn hết tức cố gắng giải thích cho chư vị ở trên ấy hiểu ý nghĩa và giá trị tuyệt đỉnh của nó trong quá trình sư phạm. Song vì chúng tôi nói những ngôn ngữ khác nhau cho nên không thể giải thích cái gì được hết. Tôi thuật lại đây hầu toàn bộ một câu chuyện trao đổi giữa tôi và một vị giáo sư sư phạm đến thăm trại, người rất mực đĩnh đạc, đeo kính, áo vét-tông và quần dài, một con người nhỏ xíu có tư tưởng

và đạo đức. Ông ta cứ vịn vẹo tôi về vấn đề này: tại sao lại đội trưởng trực nhật chứ không phải là thầy giáo phân phối các bàn cho các đội ở phòng ăn.

- Nói chuyện đứng đắn, đồng chí ạ, tôi cho là đồng chí chỉ đùa đó thôi. Làm sao lại: trẻ nuôi trực nhật phân phối các bàn, còn đồng chí thì cứ ngồi yên đấy. Đồng chí có chắc rằng nó làm mọi việc đúng cả, không bất công đối với ai chăng? Nói cho cùng... thì có thể là nó chỉ nhầm lẫn.

- Phân phối các bàn không phải là việc khó khăn đến thế, tôi trả lời vị giáo sư, vả chăng trại chúng tôi có một qui tắc cũ rất tốt.

- Hay đấy! Một qui tắc?

- Phải, một qui tắc. Như thế này: tất cả những cái gì thích thú cũng như tất cả những cái gì không thích thú và nặng nhọc đều phải lần lượt phân phối cho các đội, theo số thứ tự.

- Sao lại thế, vậy là thế nào? Tôi không hiểu.

- Giản dị lắm. Hiện giờ đội một ngồi chỗ tốt nhất ở bàn ăn, sang tháng sau sẽ đến lượt đội hai và cứ như thế mà đổi lượt.

- Tốt lắm, còn những cái không thích thú, thì là cái gì?

- Rất thường có những chuyện mà người

ta gọi là không thích thú. Chẳng hạn, nếu phải làm cấp tốc một công tác đột xuất, thì đội một sẽ được chỉ định, rồi lần sau người ta phái đội hai. Khi nào phân chia những khổ dịch quét dọn thì đội một trước tiên sẽ phải quét dọa các nhà xí. Cái này dĩ nhiên là chỉ nói về các công tác phải luân phiên làm mà thôi.

- Có phải ông đã đặt ra cái qui tắc gớm ghiếc ấy không?

- Không, tại sao lại tôi? Đó là bọn trai. Như thế tiện cho chúng hơn: những việc phân phối ấy khó làm lắm, và bao giờ cũng có người không bằng lòng. Còn như bây giờ, thì đấy, nó được làm một cách máy móc. Tháng nào cũng đổi phiên.

- Như thế nghĩa là đội hai mươi của ông sẽ phải quét dọn nhà xí trong hai mươi tháng nữa?

- Đúng như vậy, nhưng nó cũng sẽ được chiếm chỗ tốt nhất ở phòng ăn trong hai mươi tháng nữa.

- Ghê quá nhỉ? Nhưng trong hai mươi tháng nữa, thì ở đội hai mươi, sẽ có những người mới. Có phải thế không?

- Không, thành phần các đội hầu như không thay đổi. Chúng tôi chủ trương lập những tập thể lâu bền. Cố nhiên là có một người nào đó đi, hai ba người mới đến. Nhưng dù đa số trong đội có đổi mới nữa, cái đó cũng không có gì là nguy

hiểm. Đội là một tập thể có những truyền thống, lịch sử, thành tích, vinh quang riêng của nó. Đành rằng hiện tại chúng tôi đã điều chỉnh rất nhiều thành phần các đội đấy, song những nòng cốt vẫn còn lại.

- Tôi không hiểu. Tất cả những cái đó đều là trò bày vẽ. Tất cả những cái đó đều là chuyện trẻ con. Đội với vinh quang của nó còn có ý nghĩa gì, nếu là những người mới. Nó giống cái trò gì?

- Giống sư đoàn Tsapaep, tôi mỉm cười đáp.

- Ồ, ông lại rơi vào vấn đề quân sư hóa của ông rồi...

- Nhưng mà... Trong chuyện này thì có cái gì có thể nói là giống Tsapaep chứ?

- Ở trong sư đoàn không còn có những người ngày trước. Và Tsapaep cũng không còn nữa. Bây giờ là những người mới. Tuy nhiên họ đã đảm nhận cái vinh quang và cái danh dự của Tsapaep và các trung đoàn của ông ta. Ông có hiểu hay không? Họ chịu trách nhiệm về sự vinh quang của Tsapaep. Và nếu họ tự làm mất danh dự, thì năm mươi năm sau sẽ có những người mới phải chịu trách nhiệm về sự sỉ nhục của họ.

- Tôi không hiểu tại sao ông lại cần đến tất cả những cái đó?

Nhưng cái ông giáo sư ấy chẳng bao giờ hiểu cả, thì tôi biết làm thế nào?

Trong những ngày đầu ở Kuriajê một công tác rất lớn đã được hoàn thành ở trong lòng các đội. Đã từ lâu, cứ mỗi nhóm hai hay ba đội lại được một giáo viên điều tới. Giáo viên đó đảm nhận cái trách nhiệm đánh thức niềm danh dự tập thể của đội, khuyến khích đội giành lấy cái địa vị tốt nhất, xứng đáng nhất ở trại. Những động cơ mới mẻ và cao thượng về lợi ích tập thể đã không xuất hiện trong một sớm một chiều, tuy nhiên cũng xuất hiện tương đối sớm hơn, sớm nhiều hơn là nếu chúng tôi đặt hi vọng vào việc rèn giữa từng cá nhân một.

Phương pháp thứ hai, rất quan trọng ở trại chúng tôi, là đặt ra những đường viễn cảnh. Ai cũng biết là có hai cách tổ chức viễn cảnh, và do đó tổ chức sự cố gắng cần cù. Cách thứ nhất nhằm tổ chức viễn cảnh cá nhân, bằng cách tác động vào những lợi ích vật chất của cá nhân, trong số những lợi ích khác. Nhưng các nhà tư tưởng sự phạm đương thời tuyệt đối cấm làm như thế. Chỉ nghe bàn chuyện cấp cho bọn trẻ một số tiền rúp nhỏ mọn nhất, dưới hình thức tiền lương hay tiền thưởng, là lập tức các chư vị trên núi Ôlanhpơ làm náo loạn cả trời lên thật sự. Các nhà tư tưởng sư phạm tin tưởng sâu sắc rằng tiền bạc do ma quỷ đưa tới, họ chẳng đã từng nghe nói trong

Faoxtơ:

[63]

Con bê vàng còn đứng đó...

Lương lậu và tiền bạc khiến họ sợ chết khiếp, thậm chí họ không để cho ai còn có chỗ nào mà biện luận được nữa. Phương thức duy nhất có lẽ là phải rẩy

[64]

nước phép , song tôi lại không có phương tiện ấy.

Nhưng tiền lương là một điều rất quan trọng. Nhờ có nó, đứa trẻ nuôi học tập

phối hợp những lợi ích cá nhân với lại ích chung, lao mình vào cái biển vô cùng phức tạp của kế hoạch công nghiệp và tài vụ, của hiệu suất thương nghiệp và doanh lợi, am hiểu tất cả hệ thống của nền kinh tế công nghiệp xô-viết và tự đặt mình trên nguyên tắc vào những cương vị chung với hết thảy mọi người công nhân khác. Sau hết nó tập quen đánh giá đúng đồng tiền lương, và khi rời bỏ trại nhi đồng nó không đến nỗi như một cô nữ sinh trung học vô sở định không biết cách sống và chỉ có toàn những "lý tưởng".

Song biết làm thế nào được, tất cả những cái đó đều bị cấm kỵ.

Tôi chỉ còn có cách theo con đường thứ hai, là nâng cao cách điệu tập thể và xây dựng một chế độ hết sức phức tạp phát triển những viễn cảnh tập thể. Phương pháp này không đến nỗi sặc mùi tà khí lắm, cho nên về mặt đó các vị trên núi Ôlanhpơ có thế còn dung thứ cho nhiều điều, tuy không khỏi đôi khi vẫn gầm gừ nghi kỵ.

Con người không thể nào sống được ở cõi đời này nếu nó không nhìn thấy ở trước mắt một cái gì tươi vui. Động cơ chân chính của đời người là cái vui của ngày mai. Cái vui của ngày mai ấy là một trong những đối tượng tác động chính của kỹ thuật sư phạm. Trước hết phải tổ chức ngay bản thân cái vui ấy, làm cho nó nảy

sinh ra và đặt nó thành một hiện thực. Rồi sau phải biến những hình thức vui đơn giản nhất thành những hình thức phức tạp hơn và giàu ý nghĩa con người hơn. Đi qua các điểm ấy là một đường thẳng rất có ý nghĩa: từ sự thỏa mãn nguyên thủy được ăn một món quà nào đấy tới cái ý thức sâu sắc nhất về bổn phận.

Có hai điều mà thường thường chúng ta coi là quan trọng nhất trong khi đánh giá người, đó là sức mạnh và cái đẹp. Cả hai điều đều do thái độ của con người đối với viễn cảnh hoàn toàn quyết định. Giả dụ hành vi của một người được quyết định do cái viễn cảnh gần gũi nhất - bữa ăn ngày hôm nay và chỉ đúng bữa ăn đó

thôi - thì người ấy sẽ là con người kém cỏi nhất. Nếu hắn chỉ thỏa mãn với viễn cảnh cá nhân, dù cho nó có xa xôi chăng nữa, thì hắn có thể ra vẻ là người mạnh đấy, song hắn không thể nào gây cho ta cảm thấy được cái đẹp của nhân cách và cái giá trị chân chính của nhân cách. Con người biết lấy viễn cảnh của tập thể làm viễn cảnh của chính mình, thì tập thể càng rộng lớn chừng nào con người càng đẹp và cao thượng chừng ấy.

Giáo dục con người là cấu thành ở nó những viễn cảnh theo đó sẽ sắp xếp cái vui ngày mai của nó. Về cái công tác lớn lao này, người ta có thể viết nên cả một thiên đại luận nghiên cứu phương pháp tiến hành. Phương pháp đó là dựng nên

những viễn cảnh mới, trong khi vẫn lợi dụng những viễn cảnh đã có rồi mà dần dần tạo ra những viễn cảnh quý giá hơn. Người ta cùng có thể khởi đầu từ một bữa ăn ngon, một buổi xem xiếc, một cuộc nạo vét ao, song phải luôn luôn đặt ra và mở rộng dần những viễn cảnh chung cho cả tập thể, và nâng lên tới mức chung cho cả Liên-xô nữa.

Sau khi chinh phục được Kuriajê thì Hội ngày mùa là cái viễn cảnh gần gũi nhất đối với tập thể của chúng tôi.

Song tôi phải nêu lên ở đây một buổi tối đặc biệt, nó đã trở thành như một bước ngoặt trong sự phấn khởi cố gắng của bọn trẻ Kuriajê. Tuy nhiên tôi đã không

trông đợi một kết quả như vậy và chỉ muốn làm một việc cần phải làm, mà chẳng có chủ định gì về mặt thực tiễn hết.

Các trại viên mới không biết Gorki là ai. Ít ngày sau khi chúng tôi đến, chúng tôi mở một dạ hội Gorki. Buổi dạ hội đó được tổ chức rất đơn giản. Tôi chủ ý không muốn cho nó có tính cách một cuộc nhạc hội hay một dạ hội văn nghệ. Chúng tôi không mời ai hết thảy. Trên sân khấu trang trí sơ sài, chân dung của Alecxêi Maximôvich được đặt lên.

Tôi kể chuyện cho bọn trẻ nghe về đời Gorki và nói chi tiết về sự nghiệp của ông. Và trại viên đã đọc những đoạn của "Thời thơ ấu".

Bọn trẻ mới giương to mắt ra nghe tôi; chúng không tưởng tượng được rằng mỗi đời sống như vậy lại có thể có ở trên đời. Chúng không chất vấn gì tôi cả và chúng chỉ xúc động bắt đầu từ lúc Lapô đưa ra cái cặp bìa đựng những bức thư của Gorki.

- Ông ấy viết những cái này à? Chính ông ấy à? ông đã viết cho các trại viên à? Cho xem nào...

Lapô đi qua các hàng trại viên, thận trọng giơ lên những bức thư mở ra của Gorki. Có đứa giữ tay hắn lại và cố đi sâu hơn vào nội dung của thư:

- Cậu xem, cậu xem: "Các đồng chí thân

mến của tôi". Ấy viết thư thế đấy...

Sau đó, tất cả các bức thư đều được đọc lớn ở hội nghị. Rồi tôi hỏi:

- Có lẽ có ai muốn nói gì chăng?

Trong hai phút đồng hồ không ai muốn nói gì cả. Nhưng rồi sau Kôrôtkôp đỏ mặt tiến lên sân khấu và nói:

- Tôi muốn nói với các anh em mới của trại Gorki... với những người như tôi. Chỉ có điều là tôi không biết nói... Nhưng thôi, cũng không sao cả. Anh em ạ! Chúng ta đã sống ở đây, và chúng ta cũng có mắt, song chúng ta đã chẳng nhìn thấy gì hết... như một lũ mù, thật thế. Thật là buồn, bao nhiêu năm trời đã mất toi.

Nhưng bây giờ, chúng ta đã được thấy một ông Gorki... Thú thực là trong lòng tôi hết sức bồi hồi... Tôi không biết về phía anh em, thì anh em thấy thế nào.

Kôrôtkôp tiến ra đến tận rìa sân khấu, đôi mắt đẹp và nghiêm nghị của nó thoáng hơi cau lại:

- Phải làm việc, anh em ạ... và làm việc một cách khác... Anh em hiểu không?

- Hiểu! bọn trẻ nhiệt tình la lên và vỗ tay kịch liệt tiễn chân Kôrôtkôp bước xuống khỏi sân khấu.

Ngày hôm sau, tôi không nhận ra được chúng nữa. Thở hồng hộc, rên rỉ và lắc đầu, chúng tuy phải cố gắng hết sức, song

đều thành thực khắc phục cái tính lười ngàn đời của loài người. Chúng đã nhìn thấy ở trước mặt cái viễn cảnh rạng rỡ nhất: giá trị của nhân cách con người.

11. HỘI NGÀY MÙA

Những ngày cuối tháng năm đem lại cho chúng tôi liên tiếp nhiều tặng vật mới: những mảnh sân mới, những cửa và cửa sổ mới, những mùi mới ở trong sân và những khuynh hướng tinh thần mới. Bấy giờ thì những cơn lười cuối cùng được giũ bỏ đi rất dễ dàng. Trước mặt ngày hội thắng lợi của chúng tôi bắt đầu chói sáng, cứ mỗi ngày một thêm rạng rỡ. Từ trong lòng ngọn đồi của tu viện, từ những xó sâu thẳm của các tu phòng nhiều khôn xiết đếm, cái chướng khí cuối cuối của quá khứ đã xông lên trên mặt, lập tức được ngọn gió giúp đỡ của mùa hè cuốn

đưa ngay đi thật xa, về đống rác rưởi nào đó của lịch sử.

Bây giờ gió thổi qua không còn bị vướng vít trở ngại trong khi làm nhiệm vụ của nó nữa: trong hai tuần lễ, những chiếc xà beng ngoan cường của các đội đặc biệt đã phá băng đi những bức tường bao vây [65] cổ kính dài một toa . Con Milan, con Mary và những con ngựa đã lại sức của Kuriajê (hội đồng đội trưởng đã đặt cho chúng những tên thích hợp là Hoa-mưa, [66] Thày-tu và Tiểu-ưng đã chở những tàn tích của bức tường thành khổng lồ ấy tới những nơi đắc dụng: những viên gạch to nhất và giữ được nguyên vẹn nhất để

xây chuông lợn, những mảnh vụn để rãi lối đi, lấp các khe rãnh và hố. Các đội khác, võ trang bằng những xẻng, xe cút-kit và tràng, đã mở rộng, dọn sạch, đầm phẳng những khoảng đất bằng ở rìa ngọn đồi của chúng tôi, sửa quang những đường đi xuống thung lũng, làm những bậc lên xuống, và kíp thợ của Bôrôvôi đã chuẩn bị được mười hai chiếc ghế dài, để sẽ đem đặt trên những sân xây và ở những chỗ ngoặt chọn lựa thích dáng. Sân của chúng tôi đã trở nên sáng sủa rộng rãi, nhìn thấy trời được nhiều hơn; cây cỏ xanh tươi và những viễn cảnh thay đổi của chân trời sắp xếp hòa đối thành một khung cảnh bao la ở chung quanh chúng tôi.

Trong sân cũng như chung quanh đồi, những dấu tích của hàng triệu đồng dùng [67] vào việc giáo dục xã hội đã được trừ khử di từ lâu rồi, và bác làm vườn của chúng tôi, Miziak, người ít nói và buồn rầu - những ông chồng xấu xí của các bà vợ đẹp thường như vậy - đã cùng bọn trẻ đào bới các rìa sân và hai bên lề cái lối đi, chất lên thành từng đống đều đặn những viên gạch nhỏ cũ của các vỉa hè tu viện.

Ở đầu sân về hướng bắc người ta đặt móng xây chuồng lợn: một cái chuồng lợn xứng với cái tên gọi ấy, với những ngăn chuồng đẹp đẽ. Sêrê bây giờ không còn giống như một người bị nạn cháy nhà

nữa, mà phấn khởi say sưa như Acsimet vậy: hơn ba mươi đội đặc biệt mỗi ngày đi công tác, chúng tôi cảm thấy nắm được ở trong tay một sức mạnh lớn vô cùng, và tôi thấy sự thèm khát làm việc dồn tích lại ở trong con người Sêrê thành những lực lượng dự trữ ghê gớm. Anh ta còn gầy đi nữa vì tham lam: nhiều công tác, nhiều nhân công, và tinh lực của con người tổ chức chỉ bị hạn chế ở ngay trong bản thân anh ta mà thôi. Êđua Nikôlaiêvich đã rút ngắn giờ ngủ đi, hình như anh ta đã nối chân cho dài thêm ra, gạt bỏ khỏi thời gian biểu hang ngày của anh nhiều cái thừa như kiểu những bữa điểm tâm, ăn trưa, ăn tối, nhưng cũng không sao làm xuể hết mọi việc.

Trên cái diện tích một trăm éc-ta của chúng tôi, Sêrê muốn đi trong một tháng rưỡi cả con đường mà ở trại cũ chúng tôi đã trải qua trong sáu năm ròng. Anh tung những đội đặc biệt lớn hơn đi giẫy cỏ các cánh đồng, nhổ cho kỹ tiệt từng nhánh cỏ nhỏ nhất. Anh thản nhiên bắt cày lại những thửa ruộng cày dối và áp dụng những phương pháp trồng cấy muộn trên các thửa ruộng ấy. Những bờ ruộng thẳng tắp như những rạch ánh nắng chạy dọc khắp cánh đồng, và cũng được trang trí, như trước kia, bằng những tấm danh thiếp của các vị "vua Anđaludi" và đủ thứ các thứ "hoàng hậu". Trong khu trung tâm và đứng ở bên lề đường cái đi ra cánh đồng. Sêrê, chiếu cố đến ruộng

trồng dưa. Hội đồng đội trưởng đã coi đó là một việc rất có ích, và Lapô lập tức thống kê những người tàn tật có công lao để thành lập một đội coi ruộng dưa.

Dù công tác của Sêrê có là quá nặng đến mức nào đi nữa, anh cũng vẫn cứ tìm ra được người để điền vào một đội đặc biệt nạo vét ao. Karabanôp được phái làm đội trưởng đội đó. Bốn chục gã trai cởi trần, chỉ mặc những chiếc quần đùi tã nhất có thể moi ra được trong kho dự trữ của Đơnit Kutlaty, bắt tay vào việc tát cạn ao. Dưới đáy áo tìm ra được rất nhiều thú vị: súng trường, súng ngắn nòng, súng lục. Karabanôp nói:

- Cứ tìm cho kỹ, sẽ thấy cả những chiếc

quần đấy. Tớ cho là họ cũng có ném cả quần xuống đây, vì trụt quần ra mà phới chả tiện hơn mà...

Lôi những vũ khí ra khỏi bùn thì không khó, nhưng còn xúc bùn đi thật là một công việc gay go hết sức. Cái ao khá rộng, vậy nếu chỉ mang của bửn tưởi ấy [68] đi bằng những xô với trành , thì đến bao giờ cho hết? Phải đợi đến khi chúng tôi sáng chế ra những tàu bằng ván gỗ và sử dụng đến bốn con ngựa kéo, cái lớp bùn nhầy nhụa kia mới bắt đầu vơi đi trông thấy.

"Đội hai đặc biệt phi thường" của Karabanôp làm việc thực ngoạn mục vô

cùng. Búa trát đến tận chân tóc, bọn con trai trông giống hệt những người da đen. Khó lòng mà nhận ra mặt chúng, và chúng có vẻ là một bầy người từ một xứ xa lạ nào đến. Sang đến ngày thứ ba trở đi, chúng tôi được dịp ngắm một cảnh tượng tuyệt nhiên không thể nào có được ở vĩ độ chúng tôi: bọn con trai đi công tác, bụng quấn những chiếc váy đan rất nghệ thuật bằng lá xiêm gai, lá sồi và lá những cây khác vùng nhiệt đới. Cổ, chân và tay chúng mang nặng những trang sức thích hợp, làm bằng dây thép, dải tôn và sắt tây. Nhiều đứa còn khéo léo mắc được vào mũi những que xiên ngang, và đeo lên tai những hoa tai gồm những rông-đen, ê-cụ và đanh nhỏ.

Những dân của cái bộ lạc đen ấy cố nhiên không biết tiếng Nga cũng chẳng biết tiếng Ukren, họ nói toàn bằng tiếng thổ âm tự nhiên của họ mà các trại viên không biết bao giờ, nó đặc biệt vì những âm thanh the thé và có nhiều âm phát trong cuống họng, lạ tai đối với người châu Âu. Chúng tôi rất lạ lùng thấy rằng không những các đội viên của đội hai đặc biệt phi thường hiểu lẫn nhau, mà họ còn nói liến thoắng nhiều vô kể, và suốt ngày ở trên mặt cái ao lòng chảo khổng lồ cứ la bi bô huyên náo không thể nào chịu được. Ghìm mình trong bùn đến thắt lưng, dân da đen la ó thằng con Châu-chấu hay con Milan vào cái tàu ván thô sơ của họ, đưa xuống đến tận đáy sâu

nhất của lớp bùn lầy, và họ hét lên như những người điên.

Karabanôp, cũng bóng nhẫy và đen trùi trũi như tất cả những ngươi khác, đã sắp xếp tóc trên đầu hắn thành một chùm kỳ dị quái gở. Hắn đảo lộn đôi mắt ốc nhồi trắng ra, và nhe ra bộ răng kinh khủng;

- Carramba!

Hàng tá mắt cùng dữ tợn và cũng trắng ra như mắt hắn nhất loạt chĩa cả về điểm mà cánh tay có vẻ dị quốc đeo đầy kín những vòng xuyến của Karabanôp đương chỉ, rồi họ gật đầu và chờ đợi.
Karabanôp rống lên:

- Pkhananiai, Pkhananiai!

Dân man rợ đổ xô cả đến cái tàu và, xúm xít thành một đám đông hung hăng hỗn độn, họ cật lực vừa đẩy vừa la ó, giúp con Châu-chấu kéo lên bờ cả một tấn bùn đầy và nặng.

Cuộc la lối có tính chất nhân chủng học ấy đặc biệt ầm ỹ về buổi chiều, khi toàn trại ra ngồi cả trên sườn đồi, và bọn trẻ nhỏ đi chân đất say sưa chờ đợi cái lúc tuyệt thú mà Karabanôp sắp hét "Cắt đầu!" và bọn da đen mặt mày dữ tợn sẽ nhảy bổ tới những người da trắng với một đà khát máu kinh người. Bọn da trắng hoảng sợ chạy té cả vào trong sân trại, thò những bộ mặt bở vía ở các cửa và khe kẽ. Song dân da đen không đuổi theo dân da trắng và nói chung chuyện

không đến nỗi đi tới chỗ ăn thịt người, vì mặc dầu bọn man rợ không biết tiếng Nga, song không phải vì vậy mà họ không hiểu rất rõ lệ phạt giam ở buồng về lỗi đem bùn vào các phòng ở là như thế nào.

Chỉ có một lần một sự tình cờ may mắn cho phép bọn man rợ được thật sự đem cái khí thế anh hùng rơm của họ ra làm hoảng vía nhân dân da trắng ở vùng lân cận thủ đô Khackôp.

Một buổi chiều nọ, sau một ngày hanh nóng bức, một đám mây giông tố dâng lên ở phía tây. Cuốn theo ở phía dưới nó một đường viền cuồn cuộn xám xịt, nó tràn ngập khắp bầu trời, gầm lên và đâm

sà xuống ngọn đồi của chúng tôi. Đội hai đặc biệt phi thường nhiệt liệt hoan nghênh cơn giông và đáy ao vang dậy lên những tiếng reo hò đắc thắng. Đám mây tấn công Kuriajê bằng hỏa lực của tất cả mọi pháo đội của nó, trong tiếng nổ bùng của từng loạt đạn nặng hàng nghìn tấn phóng ra, rồi bất thình lình, không còn bị giữ lại trên những đu dây vật vờ của bầu trời nữa, nó đổ trút xuống chúng tôi, xáo trộn những dải mưa rào với sấm chớp vào một cơn lốc khói mù, hung hãn như điên như dại. Đội hai đáp lại bằng những tiếng la ó đến làm dựng tóc gáy và lao mình vào một cuộc múa may cuồng nhiệt, ở ngay giữa cảnh hỗn mang.

Nhưng đúng vào lúc thú vị đó, ở ven đồi

bỗng ló ra, trong những rạch mưa, Xinenki nghiêm chỉnh, hối hả, nó thốt lên điệu kèn báo hỏa giật giọng và rõ từng tiếng một. Bọn man rợ bỗng ngừng khiêu vũ và nhớ lại ngay tiếng Nga của họ:

- Mày thổi kèn báo gì thế? Hở? Ở trại ta à?... Ở chỗ nào?

Xinenki chĩa cái kèn của nó về phía Pôtvorki: các trại viên từ trong sân bủa ra, vòng quanh bờ ao, đang chạy vội vã tới đó. Cách bờ ao một trăm thước, một căn nhà bốc cháy ngùn ngụt trong một lò lửa hừng hực. Chung quanh ngôi nhà, một đám rước đang trịnh trọng bỏ đi từng khúc một. Bốn chục dân da đen, có thủ lĩnh đi đầu, chạy tuốt cả về phía ấy. Một

nhóm độ non hai chục ông già bà cả hoảng sợ lúc ấy đã đem một hàng rào tượng thánh ra ngăn cản các trại viện chạy tới đó, và một lào râu dài kêu lên:

- Việc gì đến các người đấy? Chúa đã phóng hỏa, thì Chúa sẽ dập tắt...

Nhưng khi quay đầu lại, lão râu dài và các người tín đạo khác chợt nhận thấy rằng không những Chúa chẳng mảy may quan tâm đến đám cháy, mà do sự đồng lõa của Chúa, quỷ sứ lại còn xen vào đóng một vai trò quyết định trong tai họa này: một bầy người da đen đang xông tới họ với những tiếng kêu man rợ, rung rung hai bên hông lồm xồm lông lá khiến các đồ trang sức bằng sắt kêu lên lẻng xẻng.

Những bộ mặt cháy nắng, biến dạng vì những que xiên ngang mũi, và trên đầu có những búi tô quái gở, không còn để nghi ngờ gì hết nữa: cái giống sinh vật này tất nhiên không thể có ý định gì khác hơn là túm lấy cả đám rước để đem quảng vào lò lửa. Kêu rú lên the thé, các ông già bà mụ ôm ghì tượng thánh, chạy té đi trốn tứ phía qua phố, giày dép kêu lẹp xẹp. Bọn trẻ đâm bổ tới các chuồng ngựa và chuồng bò, nhưng muộn quá: những con vật đã chết thui. Xêmiôn cáu tiết, nắm lấy gộc củi đầu tiên vớ được phang bật tung một khung cửa sổ và nhảy vào nha. Một phút sau, một cái đầu râu tóc bạc bỗng ló ra ở cửa sổ và Xêmiôn kêu lên từ bên trong:

- Đỡ lấy ông nội này, thật chó chết...

Bọn trẻ giơ tay lên đón ông già, và Xêmiôn nhảy ra qua một cửa sổ khác, chạy lăng xăng trong sân ẩm và có cây xanh để khỏi bị bỏng. Một chú da đen [69] chạy ù về trại tìm một chiếc đrôski .

Đám mây đã dồn xa về phía đông, để vương lại trên trời một cái đuôi rộng lớn đen ngòm. Antôn Bratsenkô cưỡi con Hảo-hán, từ trại phóng nước đại tới:

- Xe sẽ đến ngay lập tức... thế bọn dân quê đâu cả? Sao ở đây lại chỉ có bọn trai nhà mình thôi?

Chúng tôi đặt ông già lên xe và toán

chúng tôi kéo dài đi theo sau xe về trại. Từ phía sao các cánh cửa và hàng giậu xanh, những bộ mặt bất động theo dõi chúng tôi và chỉ có những con mắt là nguyền rủa chúng tôi thôi.

Dân lành tỏ vẻ lạnh lùng đối với chúng tôi, song cứ theo những lời đồn đến tai chúng tôi thì điều đó cũng không ngăn cản họ tán thành cái kỷ luật thiết lập ở trại.

Những ngày thứ bảy và chủ nhật, sân trại đầy những người tín đạo. Thường thường chỉ có những người già cả và nhà thờ, còn bọn thanh niên ưa đi dạo chơi ở chung quanh hơn. Các trại viên canh gác của chúng tôi cũng chấm dứt nốt loại

quan hệ đi lại đó đối với trai, nếu không phải là đối với Chúa trời. Đến giờ hành lễ một đội tuần phòng được chỉ định mà các đội viên, trên cánh tay có đeo băng màu lam nhạt, đề ra cho các tín đồ chọn lấy một trong hai đường này:

- Đây không phải là chỗ đi tản bộ. Hoặc các người vào nhà thờ, hoặc các người đi ra khỏi sân. Đừng có đem những trò mê tín của các người ra mà đi la cà vớ vẩn ở đây.

Phần lớn tín đồ ưng đi ra khỏi sân. Hiện thời, chúng tôi chưa bắt đầu tấn công vào tôn giáo. Trái lại giữa hai thế giới quan duy tâm và duy vật, lại còn chớm nở một cuộc tiếp xúc về một mặt nào đấy.

Hội đồng nhà thờ thỉnh thoảng đến thăm tôi để giải quyết một vài vấn đề nhỏ về ranh giới. Tuy vậy, có một lần tôi không thể nào nhịn phát biểu một vài ý nghĩ với các vị ủy nhiệm của giáo khu:

- Này, các cố ạ! Có lẽ các cố có thể dọn sang cái nhà thờ ở đằng kia, ở phía trên cái... suối nhiệm mầu ấy, có được không? Bây giờ ở đấy mọi cái đều đã quét dọn sạch sẽ, các cố sẽ được...

- Ông công dân giám đốc ơi, vị trưởng lão giáo khu nói, chúng tôi dọn đi sao được đây, không phải là một nhà thờ, mà chỉ là một cái lễ đường thôi... Ở đấy không có bàn thờ chúa... Có phải là chúng tôi làm phiền ông chăng?

- Tôi cần đến cái sân. Chúng tôi không có chỗ mà xoay trở mình nữa. Và xin các cố nghĩ xem, bên chúng tôi, mọi cái đều được sơn lại, quét vôi trắng, tu sửa hẳn hoi, còn nhà thờ của các cố thì hư hỏng và bẩn thỉu… Các cố hãy dọn đi, chỉ trong nháy mắt là tôi hạ nó xuống; trong hai tuần lễ nữa sẽ có một cái vườn hoa ở đấy.

Các vị râu dài mỉm cười, kế hoạch của tôi được các vị ưng ý cũng nên…

- Hạ xuống thì có khó gì, vị trưởng lão nói. Nhưng còn xây lên nữa chứ? Hề, hề! Nhà thờ này đã được xây từ ba trăm năm nay, biết bao người đã đóng góp đồng tiền mồ hôi nước mắt vào công cuộc ấy,

thế mà bây giờ ông lại bảo: tôi hạ nó xuống. Chỉ có các ông mới nghĩ thế: các ông cho là lòng tin của người ta đang chết dần chết mòn. Nhưng rồi ông xem, lòng tin ở Chúa không chết đâu… dân chúng biết như vậy.

Vị trưởng lão đã bước lên giảng đàn thật sự, và ngay đến giọng nói của ông cũng vang lên sang sảng như vào những ngày đầu của đạo Cơ-đốc, nhưng một ông già khác ngăn ông lại:

- Thôi, ông Ivan Akimôvich ơi, sao ông lại nói những chuyện ấy? Ông công dân giám đốc hiểu biết công việc của ông ta, vì ông ta đại diện cho chính quyền xô-viết, thành thử theo ý kiến ông ta thì nhà

thờ có thể gọi là không cần thiết. Chỉ có điều là, ở dưới kia, như ông vừa nói, chỉ có một cái lễ đường thôi. Phải, một cái lễ đường. Và tệ nhất là nơi đó đã bị ô uế, cứ nói thẳng ra như thế…

- Nhưng các cố chỉ có việc rẩy nước phép là xong. Lapô khuyên.

Ông già bối rối vuốt chòm râu:

- Nước phép, con ạ, không phải là việc gì cũng đem ra dùng được.

- Sao lại thế…không dùng cho tất cả mọi việc được à?...

- Không, con ạ, không dùng cho cả mọi việc được. Nói ngay như con chẳng hạn,

rẩy nước phép cho con thì sẽ chẳng ích gì, có phải thế không?

- Phải, ý chừng thế, Lapô đáp, vẻ hoài nghi.

- Đấy con xem, sẽ chẳng ích gì. Ở đây phải có sự phân biệt phải trái mới được.

- Các giáo sĩ của các cố làm việc có phân biệt phải trái ư?

- Các vị linh mục của chúng ta ấy à? Các vị ấy hiểu biết cái đó, cố nhiên, các vị ấy hiểu biết cái đó, con ạ.

- Phải, các vị ấy hiểu biết lợi ích của họ, Lapô nói, còn các cố, thì các cố không hiểu. Hôm qua có một đám cháy… Nếu

không có bọn trai bên chúng tôi thì ông già kia đã bị chết thui, chín phổng lên như chiếc bánh tráng.

- Có như vậy thì cũng là hợp ý của Chúa. Có lẽ Thượng đế đã chủ định cho ông già ấy chết cháy.

- Nhưng bọn trai đã can thiệp và ngăn chặn được việc đó.

Vị trưởng lão nói giọng mũi:

- Con ạ, con hãy còn trẻ người non dạ, con chưa bàn luận về những chuyện ấy được đâu.

- Ồ, thế à?

- Chỉ có điều ở dưới chân đồi là một cái lễ đường. Phải, chỉ là một cái lễ đường, mà lại không có ban thờ Chúa.

Sau khi khiêm tốn cáo lui, các cố lão ra về. Và hôm sau người ta thấy ở các tường nhà thờ có treo những dây thừng và chân đăng cho các công nhân xách thùng leo lên. Hoặc là họ đã thấy xấu hổ vì cái vẻ ngoài tàn tạ của nó, hoặc là để chứng minh rằng lòng tin ở Chúa còn sống, hội đồng nhà thờ đã bỏ ra bốn trăm rúp để quét vôi lại nhà thờ. Hiệu quả của những cuộc tiếp xúc với chúng tôi.

Bấy giờ đối với nhà thờ, các trại viên tỏ ra không ác cảm mà chỉ có ý tò mò nhiều hơn. Bọn trẻ nhỏ hỏi tôi:

- Chúng cháu có thể vào xem họ làm gì ở trong nhà thờ được chứ ạ?

- Ừ, vào mà xem.

Jôra dặn dò chúng trước:

- Nhưng hãy coi chừng, cấm giở trò đểu giả đấy. Bọn chúng ta đây, ta đấu tranh với tôn giáo bằng sự thuyết phục và bằng cách xây dựng lại cuộc đời, chứ không phải bằng những lối đểu cáng.

- Thế dễ thường chúng tôi là những đứa đểu cáng đấy hẳn? Bọn trẻ tức giận đáp lại.

- Nói chung, các chú ạ, là vào đấy không có được xúc phạm ai hết…Phải biết

cung cách, các chú hiểu không, phải lịch sự mới được… Như thế đó…

Mặc dù trong khi ra những chỉ thị ấy, Jôra dùng cử chỉ và nét mặt nhiều hơn lời nói, bọn trẻ cũng hiểu.

- Chúng tôi biết rồi, mọi sự sẽ đâu vào đấy.

Nhưng được một tuần lễ, một ông giáo sĩ rất già, người loắt choắt và mặt mũi nhăn nheo, đến tìm tôi và thì thào với tôi:

- Ông công dân giám đốc ạ, tôi có một điều này yêu cầu ông. Tất nhiên là không có sự gì đáng nói, bọn trẻ của ông thực ra không làm gì sai trái cả, nhưng mà ông ạ, dù sao thì các tín đồ cũng lấy làm

công phẫn, thấy là bất tiện, ấy là đại khái thế… Đã đành là các em hết sức giữ gìn ý tứ đấy, lạy Chúa, chúng tôi không thể nói điều gì được hết, nhưng dẫu sao cũng xin ông làm ơn ra lệnh cho các em đừng bước vào nhà thờ.

- Nói tóm lại là chúng có giở trò đểu giả một chút, có phải không?

- Không, lạy Chúa, lạy Chúa, không, không phải thế đâu. Chỉ có điều chúng vào nhà thờ, mặc quần cụt và đội những chiếc mũ chụp nhỏ của chúng đó… Và có những đứa làm dấu thánh giá, ông ạ, nhưng lại làm bằng tay trái, và nói chung là chúng không biết làm. Thế rồi chúng nhìn tứ phía, nhưng vì không biết cách

nhìn thế nào cho phải nên khi thì chúng quay nghiêng, khi thì chúng quay lưng lại ban thờ Chúa. Tất nhiên chúng thấy là thích thú, nhưng đây là nơi cầu nguyện mà bọn trẻ đó không biết thế nào là cầu nguyện, là lễ nghi, là lòng kính sợ Chúa. Chúng bước vào đàn lễ, đã đành là bước vào một cách kín đáo, rồi chúng nhìn nhìn ngó ngó, đi đi lại lại, sờ mó các tượng thánh, ngắm xem mọi việc người ta làm ở ban thờ. Lại có một đứa đứng hẳn trong cửa thánh điện và cứ ở đấy mà nhìn ra các tín đồ. Như thế thật là bất tiện, ông hiểu không.

Tôi nói cho ông giáo sĩ bé nhỏ yên lòng rằng sau đây, chúng tôi sẽ không làm phiền ông nữa, và tôi tuyên bố ở buổi

họp các trại viên:

- Các chú nhỏ đừng vào nhà thờ nữa nhé, ông giáo sĩ than phiền đấy.

Bọn trẻ nhỏ tức giận:

- Sao ạ? Chúng cháu có làm gì như thế đâu! Chúng cháu vào, chẳng giở trò đểu giả gì cả, chúng cháu đi xem một vòng [70] rồi chúng cháu ra. Cái lão già đen sì ấy chỉ nói điêu thôi!

- Thế tại sao các chú lại làm dấu câu rút? Chú cần gì phải làm dấu phép? Chú tin ở Chúa đấy hẳn?

- Ở nhà đã dặn như thế, là không được

xúc phạm họ. Thì chúng cháu biết làm thế nào với họ chứ? Ở trong ấy họ như một lũ điên cả ấy. Họ cứ đứng hàng giờ, thế rồi, đùng một cái, họ quỳ xuống và làm dấu phép. Thế thì chúng cháu cũng phải làm, chúng cháu nghĩ thế, để khỏi xúc phạm mà.

- Thôi đấy, các chú đừng sang đó nữa, không cần sang làm gì.

- Thì thôi cũng được, chúng cháu sẽ chẳng sang… Nhưng ở bên họ thật là lố bịch! Họ nói cái thứ tiếng gì líu lo líu lường chẳng hiểu ra sao cả. Rồi họ cứ đứng cả lũ, để làm cái gì? Rồi ở đằng sau cái vách ngăn nọ… gọi là gì nhỉ… à phải, đàn lễ, sạch sẽ ra phết, có những

tấm thảm nhỏ, và có cái mùi gì ấy, thế rồi chỉ có một mình ông giáo sĩ, cứ luôn luôn giơ tay lên như thế này… Thật đến hay!

- Thế ra chú, chú đã vào trong đàn lễ đấy à?

- Thì vâng, cháu vào qua, nhưng đúng

[71]

lúc ấy cái lão chụp cái nồi trên đầu giơ hai tay lên đầu mà nói lẩm nhẩm cái gì đó. Cháu, thì cháu đứng đấy, chẳng làm phiền gì lão cả, nhưng lão ta bảo: đi đi, đi đi em, đừng làm phiền. Thế là cháu đi, cháu có cần gì đâu chứ…

Bọn trẻ rất tò mò muốn biết thái độ của

Guxtôivan đối với nhà thờ ra sao; sự thực thì nó có sang đó một lần, nhưng khi trở về nó rất chán nản. Lapô hỏi nó:

- Mày sắp làm trợ tế phải không?

- Khô-ông… Guxtôivan mỉm cười đáp.

- Tại sao?

- Bởi vì… anh em bảo thế là phản cách mạng… với lại trong nhà thờ bên ấy, chẳng có gì sất… chỉ rặt những tranh ảnh.

Sang giữa tháng sáu, trại được chỉnh đốn hoàn toàn. Ngày mồng mười tháng sáu trạm máy điện bắt đầu cho điện và các đèn dầu hỏa được xếp vào nhà kho. Sau

đó ít lâu cũng có nước máy. Cũng vào giữa tháng sáu, các trại viên dọn vào ở các phòng ngủ. Các giường được sửa sang lại gần như mới hoàn toàn ở lò rèn của trại, có đệm và gối mới, song chúng tôi không có đủ tiền mua chăn và không muốn đem hàng đống những đồ cũ nát ra phủ lên giường. Tiêu vào khoản đó sẽ phải tốn không kém một vạn rúp. Hội đồng đội trưởng đã nhiều lần bàn lại vấn đề ấy, nhưng lần nào cũng nhận được cái nghị quyết mà Lapô nói như sau:

- Nếu mua chăn thì sẽ không làm xong được chuồng lợn. Vậy thì hãy để khoản chăn cho lợn!

Về mùa hè, chăn chỉ dùng để trưng bày

thôi, song hết thảy mọi người đều hết sức mong muốn cho các phòng ngủ được có vẻ lịch sự nhân dịp ngày Hội mùa. Trong khi chờ đợi thì các phòng ngủ là một vết tì ố trong cuộc sống rạng rỡ của chúng tôi.

Song vận may chiều lòng chúng tôi.

Khalabuđa thường đến trại, đi đi lại lại trong các phòng ngủ, thăm thú các công việc tu sửa, xây dựng, cười đùa với bọn trai, vô cùng khoái ý vì thấy chúng chuẩn bị gặt lúa hắc mạch của ông long trọng hết sức. Khalabuđa đâm ra yêu mến chúng. Ông nói:

- Các bà già của chúng tôi ngoài ấy cứ

không ngớt miệng lảm nhảm: cái này không được, ông hiểu không, cái kia không đúng, còn tôi, thì tôi chẳng làm sao hiểu nổi, và tôi rất mong có ai cắt nghĩa cho tôi biết họ muốn cái gì, mẹ kiếp? Bọn trẻ làm việc và chịu khó, như những trẻ ngoan, những thanh niên Kômxômôn. Hẳn là anh đã làm cho các mẹ ấy điên ruột lên chứ gì?

Nhưng trong khi vẫn thân ái quan tâm đến những chuyện lo lắng hàng ngày, hễ cứ nghe nói đến chăn là Khalabuđa lại nguội lạnh. Lapô vận động ông ta bằng mọi cách.

- Phải, hắn thở dài, đâu đâu thì người ta cũng có chăn, chỉ chúng mình là không

có. Cũng may mà chúng mình có được ông Xiđo Kacpôvich. Ông ta sẽ cho chúng mình chăn, rồi các cậu xem…

Khalabuđa quay mặt đi, khó chịu nói tướng lên:

- Những thằng xỏ lá, chúng láu cá ra tuồng… "Ông Xiđo Kacpôvich sẽ cho chúng mình chăn".

Hôm sau Lapô hạ thấp giọng xuống nửa [72]
âm :

- Thế là ông Xiđo Kacpôvich sẽ không giúp chúng mình. Tội nghiệp bọn trai Gorki!

Song hạ giọng cũng chẳng ăn thua gì, mặc dầu chúng tôi thấy Xiđo Kacpôvich cũng có phần băn khoăn.

Một lần Khalabuđa vui vẻ đến vào buổi chiều, khen ngợi những cánh ruộng, những chân trời, chuồng lợn và đàn lợn. Ở phòng ngủ ông ta thích thú nhìn các giường xếp hàng thẳng tắp, kính cửa rửa kỹ trong vắt, sàn nhà sạch như lau như li và những chiếc gối tròn căng trông đến là thoải mái. Đã đành là các giường nhìn thấy chướng vì sự trần trụi trắng bong của các ra giường, song tôi không muốn nói đến chuyện chăn làm gì cho phiền lòng ông già. Khalabuđa chợt thấy buồn và lúc rời phòng ngủ nói:

- Ừ, khỉ thật… phải có chăn… Nhưng làm thế nào có được… ấy mới rầy.

Khi chúng tôi bước ra sân, bốn trăm trại viên đứng sắp hàng đầy đủ ở đấy vì đang là giờ thể dục. Piôtr Ivanôvich Gôrôvich, theo rất đúng nội quy của trại, hô lên:

- Anh em trại viên, nghiêm! Chào!

Đều một loạt bốn trăm cánh tay giơ thẳng trên những bộ mặt nghiêm nghị quay về phía chúng tôi. Đội trống tung lên vang ầm bốn hồi dồn dập của một điệu chào mừng. Gôrôvich đến báo cáo và đứng nghiêm trước mặt Khalabuđa:

- Thưa đồng chí Chủ tịch Ủy ban bảo vệ

nhi đồng! Số trại viên của trại Gorki: có mặt trong hàng ngũ tập thể dục, 389 trại viên; vắng mặt làm công tác trực nhật, ba; ở toán canh gác, sáu; ốm, hai.

Vốn là tay kỵ binh lão luyện, Piôtr Ivanôvich bước ngang một bước sang bên, để lộ ra trước mắt Xiđo Kacpôvich những khoảng cách rộng rãi giữa các hàng ngũ thể dục thẳng tắp của những trẻ nuôi xếp thành đội hình mê hồn.

Xiđo Kacpôvich cảm động vuốt vuốt ria mép, rồi bỗng có vẻ nghiêm túc gấp mười lần lúc bình thường, ông gõ chiếc ba-toong gỗ khô xuống đất và nói lớn, bằng cái giọng trầm không thay đổi của ông:

- Chào anh em!

Xiđo Kacpôvich chỉ còn có thể chớp mắt lia lịa khi mà bốn trăm cái cuống họng, trẻ trung và vui vẻ, đồng thanh đáp lại ông một tiếng vang lừng:

- Xin chào!

Khalabuđa không cầm lòng được nữa, mỉm cười, quay lại và nói cằn nhằn bằng một giọng xúc động:

- Gớm bọn chó, chúng nó hét mới khiếp chửa! Thì thôi nào, tôi muốn… tôi muốn nói với chúng nó vài lời.

- Nghỉ!

Các trại viên duỗi chân phải, chắp hai tay ra sau lưng, đung đưa mình và mỉm cười với Xiđo Kacpôvich.

Ông ta lại gõ cái ba-toong xuống đất và lại vuốt ria mép một lần nữa.

- Các chú ạ, tôi đây, tôi không thích diễn thuyết, nhưng lúc này tôi muốn nói với các chú đôi câu. Thì đây, tôi nhìn thẳng vào mắt các chú mà nói rằng các chú là những chàng trai dũng cảm. Ở trại các chú, mọi việc đều được tiến hành tốt, theo lề lối của chúng ta, lề lối công nhân, mọi chuyện đều tốt và tôi nói thực với các chú rằng nếu tôi có một đứa con trai, thì tôi sẽ mong muốn cho nó cũng được như các chú. Và các chú đừng có bận

lòng về những lời nói lăng nhăng của lũ bà già ở ngoài kia làm gì. Tôi nói toạc với các chú: các chú hãy cứ theo đường lối của các chú, bởi vì tôi đây, là một người bônsêvich già và một công nhân già, tôi trông thấy rõ: ở trại các chú mọi chuyện đều tiến hành theo lề lối của chúng ta. Và nếu có ai bảo các chú rằng làm như vậy không đúng, thì các chú đừng để ý và các chú cứ tiến lên đi! Các chú có hiểu không, cứ tiến lên đi! Thế đó! Và để tỏ lòng, tôi nói phăng ngay với các chú: tôi sẽ cho các chú chăn, để mà đắp lên bụng!

Từ các hàng ngũ giải tán, như một vốc các hạt pha lê ném tung ra, bọn trai chạy xổ lại chỗ chúng tôi. Lapô nhảy ra phía

trước và, chùn người xuống đứng chắc trên hai bắp chân, hắn vung cánh tay quay tít mà kêu lên:

- Cái gì nhỉ? Nếu vậy thì... Xiđo Kacpôvich, u-ra!

Gôrôvich và tôi chỉ vừa kịp có thì giờ nhảy tránh sang một bên. Chúng đã nhấc bổng Khalabuđa lên cánh tay, tung ông ta lên trời mấy bận và lôi ông vào câu lạc bộ: chỉ có chiếc gậy gỗ khô của ông là thò lên khỏi đám đông.

Đến cửa câu lạc bộ chúng đặt ông xuống đất. Đầu tóc rối bù, mặt đỏ gay và tâm hồn xáo động, ông chỉnh đốn lại áo vét-tông và đã lục tìm với một vẻ ngạc nhiên

trong một túi áo, thì chợt Taranet đến gần ông và kín đáo bảo ông:

- Đồng hồ của ông đây, ông cũng nhận lấy lại cả ví với các chìa khóa của ông nữa.

- Vậy tất cả những thứ đó đã bị rơi ra à?

- Không, Taranet nói, nhưng tôi đã thu cất chúng, kẻo chúng có thể rơi và mất được... Chả biết đâu là chừng, ông ạ...

Khalabuđa cầm lấy những vật quý của ông ở tay Taranet và hắn lẩn ngay vào đám đông.

- Bọn trai cừ thật, anh ạ!... Tôi nói thật đấy!

Rồi bỗng ông cười phá lên:

- Ồ, các chú... Rút cục thì là thế nào nhỉ... chú đã "thu cất' kia đâu rồi nhỉ?

Ông trở về tỉnh, bồi hồi cảm động.

Cho nên hôm sau tôi thực sự chết điếng thấy cũng là ông Xiđo Kacpôvich ấy tiếp tôi lạnh nhạt, xa vời hết sức trong phòng giấy sang trọng của ông; ông cứ bận rộn lục lọi các ngăn kéo hơn là nói với tôi, vừa khảo tra các sổ tay vừa xỉ mũi.

- Chúng tôi không có chăn, ông nói, chúng tôi không có.

- Ông cho tiền, chúng tôi mua vậy.

- Nhưng chúng tôi không có tiền... Không làm gì có... Mà rồi quỹ dự trù cho cái đó cũng không có.

- Vậy mà sao... hôm qua?

- Ừ thì, nói cái gì mà chả được? Mọi chuyện ở đấy... chẳng qua là lời nói. Còn nếu như không có gì, thì làm thế nào...

Tôi hình dung thấy cái môi trường trong đó Xiđo Kacpôvich sống, tôi nhớ lại

[73]

Saclơ Đacwin , đưa tay lên vành mũ chào và đi ra.

Tin Xiđo Kacpôvich bội ước về đến trại khiến ai nấy đều tức giận. Cả đến

Galatenkô cũng phẫn nộ:

- Hừ, người đâu mà lại thế chứ! Bây giờ thì ta cứ thử đến trại mà xem. Mồm nói xoen xoét: "Tôi sẽ đến thăm ruộng dưa của các chú. Rồi tôi sẽ canh gác"...

Hôm sau tôi cho đệ lên Ủy ban Trọng tài một đơn kiện ông chủ tịch Ủy ban Bảo vệ nhi đồng, trong đó tôi không nhấn mạnh về mặt pháp luật của vấn đề, mà nhấn về mặt chính trị: chúng tôi không thể nào chấp nhận được rằng một người bônsêvich lại không giữ lời hứa.

Ba hôm sau, chúng tôi ngạc nhiên thấy Ủy ban Trọng tài triệu tập Lapô và tôi lên. Đứng trước cái bàn đỏ của toà án

hòa giải, Khalabuđa đã bắt đầu trình bày giải thích. Sau lưng ông ta, ngồi yên như bụt mọc, là những đại biểu của môi trường chung quanh, ai nấy đeo kính, gáy béo ụ lên thành nếp, ria mép nhỏ để theo kiểu Mỹ, thì thào bàn bạc với nhau. Ông chủ tịch Ủy ban Trọng tài, mặc áo bơ-lu Nga đen, người có cái trán rộng và đôi mắt màu hạt dẻ, đặt năm ngón tay xòe ra trên một tờ giấy gì đó mà ngắt lời Khalabuđa:

- Khoan đã, anh Xiđo. Anh hãy nói thật: anh đã có hứa cho chăn à?

Khalabuđa đỏ mặt, rồi khoa tay lên một cái:

- Nghĩa là... có nói đến chuyện đó. Trong khi nói chuyện thì cái gì mà chả nói được!

- Trước hàng ngũ các trại viên ư?

- Phải, có thế... Bọn trẻ đang đứng sắp hàng.

- Chúng đã tung anh lên trời à?

- Tụi trẻ con... Phải, đúng vậy... Anh bảo làm thế nào được với chúng?

- Anh trả tiền đi.

- Sao cơ?

- Trả tiền đi, tôi bảo anh thế. Phải cho chăn, nghị quyết như vậy đó.

Các phán quan mỉm cười. Khalabuđa ngoảnh lại phía môi trường chung quanh và lẩm bẩm những lời đe dọa mơ hồ gì đó.

Chúng tôi đợi vài hôm, rồi Zađôrốp đến tìm Khalabuđa để xin lĩnh chăn hoặc tiền về. Xiđo Kacpôvich không muốn tiếp hắn ta, và viên quản lý của ông giải thích:

- Tôi không hiểu làm sao các anh lại có thể nghĩ đến đi thưa kiện chúng tôi! Những kiểu như vậy là thế nào? Thì đấy, thưa với anh là chúng tôi đã nhận được nghị quyết tài phán. Nó đây kìa, anh thấy không?

- Vậy thì sao?

- Thì là vậy đó thôi. Và xin thưa với anh, anh đừng đến nữa. Có thể là chúng tôi còn quyết định kháng cáo. Cùng lắm, thì chúng tôi sẽ ghi vào ngân sách sang năm. Dễ thường các anh nghĩ rằng chỉ có việc chạy ra chợ, mua về bốn trăm cái chăn cho các anh đấy hẳn? Các anh phải biết, ở đây là một tổ chức hành chính hẳn hoi...

Zađôrôp ở tỉnh trở về rất chán nản. Hội đồng đội trưởng sôi sục giận dữ cả một buổi tối rồi quyết định gửi một bức thư lên ông Grigôri Ivanôvich

[74]

Pêtrôpxki . Nhưng hôm sau tìm ra

được một giải pháp hết sức đơn giản và tự nhiên, đồng thời cũng hết sức vui vẻ, thậm chí toàn trại vui cười nhảy múa vì cái giải pháp không ngờ đó; ai nấy mơ ước tới cái giây phút sung sướng Khalabuđa lại đến trại và các trại viên có thể nói chuyện với ông ta. Giải pháp ấy là viên thừa phát lại làm sai áp chi phó về tồn khoản của Ủy ban Bảo vệ nhi đồng. Hai ngày nữa qua đi: tôi lại được gọi lên cũng cái thẩm cấp cao ngày nọ, và ở đấy cũng vẫn cái đồng chí mặt mày nhẵn nhụi hồi đó đã quan tâm đến những lý do tại sao tôi không thích có những giáo viên trả lương bốn chục rúp, đồng chí ngồi trong một chiếc ghế bành rộng, mặt đỏ bừng vì khoái chí ngắm nghía

Khalabuđa đi đi lại lại trong phòng giấy, mặt cũng đỏ bừng, song lại vì một lẽ khác.

Tôi lặng lẽ dừng chân trên ngưỡng của, song người mặt mày nhẫn nhụi vừa ra hiệu bằng một ngón tay gọi tôi lại, vừa khó khăn lắm mới giữ được khỏi bật cười.

- Anh lại gần đây... Làm sao thế? Làm sao mà anh dám làm điều đó, hở anh bạn? Như thế không tốt, phải bỏ việc sai áp đi, nếu không... Anh thấy không, bác ấy đến đây, và người ta không để cho bác ta thò tay vào chính ngay túi áo mình. Bác ấy đến kêu ca về anh đấy. Bác nói: tôi không muốn làm việc nữa, viên giám

đốc trại Gorki làm nhục tôi.

Tôi im lặng, vì tôi không biết người mặt mày nhẵn nhụi định đưa câu chuyện đi đến đâu.

- Phải bỏ việc sai áp đó đi thôi, vị thủ trưởng nghiêm túc nói. Những trò mới lạ ấy là cái gì vậy, sai áp chi phó?

Rồi bỗng không thể nhịn được nữa, ông lại lăn lộn trong ghế bành vì cười. Khalabuđa thọc hai tay vào túi áo mà nhìn ra ngoài quảng trường.

- Ông ra lệnh cho bỏ việc sai áp đi ư? Tôi hỏi.

- Thì chuyện chính là ở chỗ đó: tôi không

có quyền ra lệnh. Bác hiểu không, Xiđo Kacpôvich, tôi không có quyền làm thế! Nếu tôi bảo anh ta: giải trừ sai áp, anh ta sẽ trả lời: tôi không muốn! Tôi trông thấy bác có một quyển séc trong túi áo. Vậy bác ký đi: bao nhiêu nhỉ, một vạn à? Thì đấy…

Khalabuđa rời cửa sổ, rút một tay khỏi túi áo đưa lên vuốt bộ râu đỏ hung và mỉm cười:

- Hừ, kể thì có những người cũng đểu thật, anh bảo thế nào?

Ông ta đi lại bên tôi và vỗ vào vai tôi một cái:

- Cậu cừ lắm, đối với bọn chúng tớ thì

phải làm như thế mới được. Xét cho cùng, chúng tớ là những người thế nào? Một lũ quan liêu! Phải làm như thế!

Người mặt mày nhẵn nhụi lại cười phá lên, thậm chí phải rút cả khăn mui-soa ra nữa. Khalabuđa tươi cười lấy quyển séc và điền vào một tấm séc.

Ngày mồng năm tháng bảy, Hội ngày mùa được cử hành.

Ngày hội cũ đó, với những nghi tiết ấn định sẵn từ lâu rồi, đã trở thành độ đường quan trọng nhất trong lịch hàng năm của chúng tôi. Nhưng hiện thời mục đích chủ yếu của nó là trình bày trước mắt mọi người sự phục hồi của trại sau

chiến dịch vừa qua. Ý nghĩ ấy khích động hết thảy các trại viên, cho nên các công việc chuẩn bị được xúc tiến "không ngừng", trong một đà nhiệt tình sâu sắc, kiên quyết muốn rằng: cái gì cũng phải hoàn toàn mới được. Hầu như không còn một cái gì dở dang ở chỗ nào hết thảy: những tấm chăn đỏ trên các giường mới tinh, mặt ao lấp lánh như một tấm gương trong, trên các sườn đồi trải dài bảy đợt đất bằng dành cho vườn cây quả mới. Mọi cái đều đã làm xong. Xilanti chọc tiết lợn, đội đặc biệt của Butzai treo các dây hoa và khẩu hiệu. Phía trên cổng, nổi bật trên nền trắng của những phiến đá xây vòm, Kôxchia Vetkôpxki đã sốt sắng căng lên:

VÀ CHÚNG TA SẼ LÀM TUNG BAY TRÊN TRÁI ĐẤT LÁ CỜ ĐỎ CỦA LAO ĐỘNG

Còn ở bên trong cổng người ta đọc thấy gọn lỏn:

RỐI

Ngày mồng hai, mặc đại lễ phục, đội đặc biệt mười ba do Jêvêli chỉ huy, chạy xe đi khắp tỉnh phân phát những thiếp mời.

Ngày mồng hai, mặc đại lễ phục, đội đặc biệt mười ba do Jêvêli chỉ huy, chạy xe đi khắp tỉnh phân phát những thiếp mời.

Hôm mở hội, từ sáng tinh mơ, nửa hec-ta ruộng hắc mạch phải gặt đã được quây bằng những dây cờ đỏ; con đường đi ra ruộng cũng được trang trí bằng cờ và dây hoa. Tại cổng vào là ban tiếp đón ở một chiếc bàn nhỏ. Trên bờ ao cao dốc, bàn ăn đã được đặt cho sáu trăm người; và

một làn gió hiu hiu chiều người của ngày hội ân cần phe phẩy những góc khăn trải bàn trắng, những cánh hoa của các bó hoa và những áo blu của ban phục vụ bàn tiệc.

Cưỡi con Hảo hán và con Mary, Xinenki và Zaïtsenkô, mặc một chiếc quần cụt đỏ và áo sơ mi trắng, đội mũ trắng lớn kiểu Côcadi[75] đứng canh ở ngoài cổng, trên đường cái phía dưới. Trên vai chúng phấp phới bay những áo choàng trắng, đính sao đỏ và viền lông thỏ trắng. Vania Zaïtsenkô đã học thông thạo trong một tuần lễ cả mười chín điệu kèn của trại và Gorkôpxki, đội trưởng của toán báo hiệu, đã nhận xét nó xứng đáng làm một

tay kèn phục vụ trong ngày hội của chúng tôi. Chúng đeo kèn chéo qua vai, kèn được buộc bằng một dải xa-tanh.

Đến mười giờ những vị khách đầu tiên xuất hiện, đi bộ từ ga Ryjôp tới. Đó là các đại biểu của những tổ chức thanh niên Kômxômôn ở Khackôp. Hai tay kỵ sĩ giơ kèn lên, khiến những dải lụa lướt trơn trên vai và, ngồi vững trên bàn đạp, thổi lên ba lần một điệu kèn chào mừng.

Hội bắt đầu. Ban đón tiếp ở cổng, đeo băng tay màu lam nhạt, đón các vị khách, gài lên ngực mỗi người ba bông lúa hắc mạch buộc bằng một dải lụa đỏ và trao thiếp của người nào cho người ấy. Trên thiếp chẳng hạn viết rằng:

Đội mười một của các trại viên kính mời ông dự tiệc cùng với đội.

Đội trưởng, D. JÊVÊLI

Các vị khách được dẫn đi thăm trại, trong khi ở phía dưới đường đã vang lên những hồi kèn mới của các tay kỵ sĩ bảnh bao của trại.

Khách vào đầy sân và các phòng. Đến

trại có các đại biểu các nhà máy ở Khackôp, các cán bộ của Ủy ban Chấp hành khu và Ủy ban nhân dân Giáo dục, các Xô-viết của các làng lân cận, các phái viên những tòa báo. Xe đưa Djurinxkaia, Iuriep, Klame, Brêgen và nữ đồng chí Zôia, các cán bộ trong các tổ chức của Đảng... dồn dập tới cổng. Đồng chí mặt mày nhẵn nhụi cũng đi ô-tô đến, và cả Khalabuđa với chiếc xe Ford của ông ta. Hội đồng đội trưởng đặc biệt tụ tập lại để đón tiếp ông, họ lôi ông ra khỏi xe và tung ông lên trời ngay lập tức. Đồng chí mặt mày nhẵn nhụi đứng ở phía bên kia xe cười, và khi Khalabuđa lại được đặt xuống đất, đồng chí hỏi ông:

- Lần này thì chúng rút bay của bác cái gì

thế?

Khalabuđa làm ra bộ giận dữ.

- Anh cho là chúng không rút cái gì đó hẳn? Bao giờ thì chúng cũng rút của mình một cái gì.

- Ồ, thật à? Vậy cái gì thế?

- Một chiếc máy kéo, đấy chúng rút của mình đấy! Mình cho chúng nó một chiếc máy kéo, một chiếc máy Forxôn… Thì đó, cứ tung một lần nữa đi, những của quái, nhưng bây giờ thì hết thật rồi đấy nhé.

Khalabuđa không tránh khỏi được một trận tung bay lên trời nữa, rồi bọn trai lôi

kéo ông ta đi.

Sân trại đã đông như phố lớn ở ngoài tỉnh. Các trại viên, chưng diện hàng mớ dải lụa, đi từng hàng lớn rất chỉnh tề ở các lối đi, lẫn với khách, môi đỏ thắm cười với họ; mặt chúng rạng rỡ ánh mắt khi mắc cỡ, khi ngay thực, chúng lưu ý các tân khách nhìn cái này, dẫn họ đi xem cái nọ.

Đến trưa Xinenki và Zaïtsenkô trở vào trong sân và, cúi người trên yên ngựa, trao đổi thì thầm điều gì với đội trưởng trực nhật, Natasa Pêtrenkô, rồi Xinenki làm cho các tân khách và trại viên tươi cười chạy trốn té tát, phóng nước đại thẳng một mạch đến sân trại. Một phút

sau ở bên ấy đã vang lên những nốt nhẹ nhàng của điệu kèn tập hợp, bao giờ cũng thổi cao hơn một bát độ đối với bất cứ một điệu kèn nào. Vania Zaïtsenkô lại thổi lần nữa. Bỏ các tân khách, các trại viên chạy tới sân chính. Tiếng ngân cuối cùng của bài kèn chưa kịp bay đến Ryjôp chúng đã đứng cả thành một hàng, và ở sườn bên trái, vác lá cờ màu lục, Michia Nitxinôp đi vội tới, hất cao đế giày và làm cử tọa cảm động thích thú. Từ mỗi dây cân não trong người, tôi bắt đầu cảm thấy sự đắc thắng của tôi. Cái hàng trai trẻ vui tươi kia, bỗng chốc dàn thành một dải xanh lam và trắng ở rìa vườn hoa, đã đập vào mắt, vào hứng thú và những tập quán của tân khách tụ họp, lập tức bắt họ

phải kính trọng. Mặt họ cho tới lúc bấy giờ vẫn giữ cái vẻ lượng cả bao dung, đã thành thói quen ở những người lớn hào hiệp sẵn lòng quan tâm đến trẻ nhỏ, bỗng chốc đều căng thẳng vì sức chú ý đến tột độ. Đứng sau lưng tôi, Iuriep nói to hẳn lên:

- Hoan hô, Antôn Xêmiônôvich, phải như thế mới đúng!...

Các trại viên đang chăm chú đứng vào hàng cho thẳng, thỉnh thoảng lại liếc nhìn tôi. Tin chắc rằng mọi sự đã ổn định ở khắp nơi, tôi không ngần ngại ra lệnh:

- Chào cờ, nghiêm!

Từ phía sau các tường nhà thờ đã hiện ra

Natasa, bước đi thật đúng nhịp kèn chào, dẫn đội cờ tới sườn bên phải.

Bằng đôi câu vắn tắt, tôi nói với các trại viên những lời chúc mừng ngày hội và khen ngợi thắng lợi của họ.

- Và bây giờ, chúng ta hãy tỏ lòng kính trọng đối với các đồng chí ưu tú của chúng ta, đối với đội đặc biệt tám gặt bó lúa đầu tiên, đội của Burun.

Kèn lại nổi lên. Từ những cửa rộng, mở toang hai cánh, đội đặc biệt tám ở trong sân trang trại đi ra. Ôi, các vị khách thân yêu của tôi, tôi hiểu sự xúc động của các vị, tôi hiểu sự kinh ngạc ở những cặp mắt bị thôi miên của các vị, vì chẳng phải lần

đầu tiên trong đời tôi, chính tôi đây cũng kinh dị và sung sướng vì cái vẻ đẹp tuyệt vời và trang nghiêm của đội đặc biệt tám. Hẳn là tôi sẵn có dịp được nhìn và xúc cảm hơn các vị nhiều.

Dẫn đầu đội là Burun, con người kỳ cựu cao quý, dày công lao khổ, đã từng bao lần xuất lĩnh các đội của trại đi công tác. [76]

Hắn vác cao trên vai Hecquyn của hắn một cái hái lưỡi mài sáng loáng và có tết những đoá hoa cúc lớn. Ngày hôm nay Burun đẹp một cách đường bệ, hắn càng thêm đẹp đối với tôi bởi vì tôi biết hắn không phải chỉ là một tượng hình trang trí đứng hàng đầu ở một bức tranh sinh động, nhưng trước hết hắn là một tay

chỉ huy chân chính biết rõ những người mình dẫn dắt và biết rõ mình đưa họ đi đâu. Trên gương mặt nghiêm khắc và điềm đạm của hắn, tôi đọc thấy tư tưởng hắn: ngày hôm nay, trong ba mươi phút, hắn phải gặt và đánh đống cho xong nửa hec-ta lúa hắc mạch. Các tân khách không thấy được điều đó. Họ cũng không thấy được rằng đội trưởng những tay hái ngày hôm nay là sinh viên ở Viện Y học; ấy những đường nét của phong cách xô-viết chúng ta kết hợp với nhau một cách rõ rệt đặc biệt như vậy đó. Còn có nhiều điều khác mà các tân khách không thấy và cũng không thể nào thấy được nữa kia, dù chỉ riêng vì lẽ không phải cứ nhìn Burun là đủ. Sau lưng hắn, sắp hàng bốn

tiến lên là mười sáu tay hái, áo sơ-mi cũng trắng bong như vậy, các lưỡi hái cũng kết hoa như vậy. Mười sáu tay hái! Đếm thì dễ làm sao! Nhưng trong con số mười sáu ấy có biết bao nhiêu tên quang vinh: Kharabanôp, Zađôrôp, Biêlukhin, Snaiđe, Gêorghiepxki! Chỉ có hàng cuối cùng là gồm nhưng trại viên Gorki mới: Vôxkôibônikôp, Xvatkô, Peretz và Kôrôtkôp.

Sau các tay hái, mười sáu thiếu nữ. Trên đầu mỗi cô một vành hoa và trong lòng, một vành những ngày tươi đẹp của đời sống xô-viết chúng ta. Đó là những cô bó lúa.

Đội đặc biệt tám đang tới gần chúng tôi

thì từ trong cổng phi nước kiệu đi ra hai chiếc máy gặt, mỗi cái thắng hai đôi ngựa. Bờm và dây kéo của mỗi con ngựa đều kết hoa và hoa trang trí cả những cánh cửa máy gặt, Những người đánh ngựa thì cưỡi những con ngựa bên phải; đích thân Antôn Bratsenkô ngồi trên ghế chiếc máy gặt thứ nhất, và trên máy thứ hai là Gorkôpxki. Đi sau máy gặt là những bồ cào ngựa kéo, rồi đến một xe tưới nước, trên đó ngồi chễm chệ Galatenkô, anh chàng lười nhất trại, nhưng đã được hội đồng đội trưởng nhất định thưởng công bằng cách ban cho hắn địa vị đó trong đội tám. Và bây giờ thì người ta có thể thấy với một nhiệt tình như thế nào và những bàn tay không lười

như thế nào Galatenkô đã gài hoa vào xe của hắn. Đó không phải là một cái thùng nữa mà là một bồn hoa thơm, hoa giắt cả vào những nan bánh xe. Cuối cùng, đi sau chót đằng sau Galatenkô, một chiếc đrôski trưng dấu hồng thập tự chở Êlêna Mikhailôpna và Xmêna: mọi chuyện bất trắc đều có thể xảy ra trong khi lao động.

Đội đặc biệt tám dừng lại trước mặt chúng tôi. Lapô bước ra khỏi hàng và nói:

- Đội đặc biệt tám! Vì các bạn là những thanh niên Kômxômôn tốt, những trại viên tốt và những đồng chí tốt, cho nên trại đã tặng các bạn cái phần thưởng cao quý này: các bạn được gặt bó lúa đầu

tiên của chúng ta. Các bạn hãy làm cho đúng cách phải làm và một lần nữa hãy chỉ cho tất cả các em nhỏ của chúng ta thấy phải làm việc như thế nào. Hội đồng đội trưởng khen ngợi các bạn và yêu cầu người chỉ huy các bạn, đồng chí Burun, hãy suất lĩnh tất cả chúng tôi.

Lời diễn văn ấy, cũng như hết thảy những lời theo sau, không biết do ai đã đặt ra. Nó cứ được nhắc lại năm này qua năm khác, với những từ y nguyên như thế, ghi chép ở hội đồng đội trưởng. Chính vì vậy nên ai cũng nghe với một xúc động đặc biệt và hết thảy các trại viên đều im phăng phắc khi Burun đến gần tôi và nói lên câu truyền thống:

- Thưa đồng chí giám đốc, kính xin đồng chí cho phép tôi suất lĩnh đội đặc biệt tám đi công tác và xin đồng chí cho các anh trai này đi giúp đỡ chúng tôi.

Tôi trả lời theo đúng phép:

- Đồng chí Burun, đồng chí hãy suất lĩnh đội đặc biệt tám đi công tác và hãy lấy các anh trai này đi giúp đỡ.

Từ lúc đó trở đi, Burun là người chỉ huy của trại. Hắn ra một thôi mệnh lệnh thay đổi hàng ngũ, rồi một phút sau mọi người đều xuất phát. Sau các đội trống và cờ, đến các tay hái và xe máy gặt, theo liền là toàn thể nhân viên và trại viên còn lại, rồi đến tân khách. Phục tùng kỷ luật

chung, các vị khách đều sắp hàng và đi nhịp bước. Khalabuđa đi bên cạnh tôi, bảo đồng chí mặt mày nhẵn nhụi:

- Ồ, khỉ thật!... giá không có chuyện những cái chăn kia… thì mình đã đi vào hàng… với một lưỡi hái!

Tôi hất đầu ra hiệu cho Xilanti chạy bay về sân trại. Khi chúng tôi tới ruộng lúa hắc mạch, Burun cho đội ngũ đứng lại và, phá lệ, hỏi các trại viên:

- Có đề nghị chỉ định ông Xiđo Kacpôvich Khalabuđa vào đội đặc biệt tám, làm tay hái thứ năm trong toán của Zađôrôp. Có ai phản đối không?

Các trại viên cười và vỗ tay. Burun cầm

lấy ở tay Xilanti một cái hái tết hoa và giao lại cho Khalabuđa. Xiđo Kacpôvich, với một cử chỉ nhanh nhẹn và trẻ trung, cởi ngay áo vét-tông, ném trên bờ ruộng và rung rung cái hái;

- Cảm ơn!

Ông đến đứng vào chỗ thứ năm trong trong hàng các tay hái của Zađôrôp. Zađôrôp giơ ngón tay đe dọa ông:

- Ông liệu đừng có bập lưỡi hái xuống đất, kẻo cả toán sẽ mất danh dự đấy.

- Cứ mặc tôi, Khalabuđa nói, tôi còn có thể dạy các chú được…

Đội ngũ trẻ nuôi đứng dàn ra ở một phía

thửa ruộng. Cờ được đưa tới chỗ sẽ phải buộc bó lúa đầu tiên. Đến bên cờ có Burun, Natasa và Zoren, nó đứng sẵn sàng, nhân danh là trại viên nhỏ tuổi nhất.

- Nghiêm!

- Burun bắt đầu phạt lúa. Bằng vài nhát hái, hắn đã làm đổ xuống chân Natasa một đống những bông lúa hắc mạch cao. Natasa đã lấy những cây lúa hái nhát đầu tiên bện thành một sợi dây. Bằng vài động tác khéo léo cô buộc bó lúa lại; hai thiếu nữ quấn cho nó một dây hoa, và Natasa, mặt ửng đỏ vì sự gắng sức và vì thành công, trao nó cho Burun. Burun nâng bó lúa lên vai và bảo Zoren, đang

ngẩng thật cao lên về phía hắn bộ mặt nghiêm túc của nó với một mẩu mũi hếch:

- Em hãy cầm lấy ở tay anh bó lúa này, em hãy làm việc và học tập để trở thành một thanh niên Kômxômôn, và một khi lớn lên, em cũng xứng đáng được cái vinh dự mà anh nhận được hôm nay là gặt bó lúa đầu tiên.

Đến lượt Zoren, bằng một giọng ngân vang thánh thót như giọng con sơn ca trên đồng nội, nó trả lời Burun:

- Cám ơn anh, anh Grixkô! Em sẽ làm việc và học tập. Và một khi lớn lên, em sẽ trở thành thanh niên Kômxômôn và em

cũng sẽ xứng đáng được vinh dự gặt bó lúa đầu tiên để trao nó cho em ít tuổi nhất.

Zoren ôm lấy bó lúa che lấp cả người nó. Nhưng bọn trẻ con đã chạy tới với một chiếc tranh, và Zoren đặt cái tặng phẩm phong phú của nó nằm lên một nền giải hoa trên đó.

Trống nổi lên như sấm: cờ và bó lúa đầu được đưa tới sườn bên phải.

Burun ra lệnh:

- Các tay hái và các cô bó lúa đứng vào chỗ!

Các trại viên chạy lại vị trí của chúng ở

bốn góc thửa ruộng hắc mạch. Đứng thẳng người lên trên bàn đạp, Xinenki thổi điệu kèn công tác. Nghe hiệu lệnh đó, mười bảy tay hái bắt đầu đảo đi vòng quanh ruộng, và những lưỡi hái của họ phạt ngả những lượm lúa sang bên cạnh, mở một lối đi rộng rãi cho các máy gặt.

Tôi nhìn đồng hồ túi. Năm phút và các tay hái đã nhấc lưỡi hái, đảo lên trời. Các cô bó lúa buộc nốt những bó cuối cùng và mang đi.

Lúc khẩn yếu nhất của công tác đã tới. Antôn, Vichia, với những con ngựa đã được nghỉ ngơi và được nuôi béo tốt của chúng, đã sẵn sàng.

- Chạy lên… đi-i-i!

Các máy gặt vững vàng tấn công theo những lối đi đã mở sẵn. Hai, ba giây đồng hồ nữa qua, thế là đã nghe thấy tiếng chúng lách cách trong lúa hắc mạnh, cái trước, cái sau đi trệch nhau. Burun lo ngại lắng nghe chúng làm việc. Mấy hôm nay, hắn với Antôn và Sêrê, ba người đã trù đi, tính lại, lo lắng rất nhiều vào những chiếc máy gặt và hai lần đem làm thử ở ngoài đồng. Nếu những con ngựa không chịu đi nhanh, phải hò hét chúng, nếu một chiếc máy gặt ọc ạch phải ngừng lại, thì thật là chuyện bêu riếu.

Song mặt Burun dần dần tươi lên. Hai

chiếc máy gặt đi lên với tiếng động cơ giới đều đều, những con ngựa giữ được nước kiệu dễ dàng mà cũng chẳng hề chậm bước ở các chỗ quành nữa, mấy chú trai vẫn ngồi yên trên lưng ngựa. Một vòng, rồi hai vòng. Sang đến vòng thứ ba, các máy gặt đi qua trước mặt chúng tôi vẫn theo cái đà tiến đẹp đẽ như thế và Antôn nghiêm chỉnh nói phóng lên với Burun:

- Mọi sự tốt đẹp, đồng chí đội trưởng ạ!

Burun đã quay về phía các trại viên và giơ lưỡi hái lên:

- Chú ý! Nghiêm!

Những bàn tay các trại viên đã xuôi

thẳng bên mình, nhưng mọi cái trong người họ đều đâm bổ ra đằng trước với một sự hăng hái mà các bắp thịt đã không thể nào kìm giữ nổi rồi.

- Xuống ruộng… Xuống!

- Burun hạ lưỡi hái xuống. Ba trăm rưỡi đứa trẻ đã tràn ùa vào thửa ruộng. Những cánh tay và những cẳng chân trà trộn trên các hàng lúa chưa bó. Chúng lăn lộn như những quả bóng, đứa nọ đè lên đứa kia, đùa cười, nhảy tránh sang bên, bó lại cả mùa gặt và băng lên theo các máy gặt hàng ba bốn đứa một, ép sát bụng trên mỗi lượm lúa.

- Này thu cẳng về nhé, đây là của đội

mười lăm!

Các vị khách vừa cười vừa lau nước mắt và Khalabuđa, đã trở về đứng với chúng tôi, nghiêm khắc nhìn Brêgen:

- Thế mà chị, nhà chị cứ bảo… thì chị nhìn xem!

Brêgen mỉm cười:

- Ừ thì, được, tôi nhìn: chúng làm việc rất giỏi và vui vẻ. Nhưng dù sao, đó cũng chỉ là công tác…

Khalabuđa thốt ra một thanh âm bắt đầu [77] bằng một chữ với "mật" và kết tận khác, nhưng chẳng thèm nói thêm với

Brêgen nữa, ông tức giận nhìn đồng chí mặt mày nhẵn nhụi và bảo đồng chí:

- Anh hãy nói chuyện với chị ta.

Iuriep, tâm hồn xáo động và sung sướng, xiết chặt tay tôi và gắng thử thuyết phục Brêgen.

- Không, nói thật chứ… bà thử nghĩ xem!... Tôi thì tôi cảm động, và tôi không hiểu vì sao. Đã hẳn hôm nay là một ngày hội, và một ngày hội thì tất nhiên không như một ngày thường… Nhưng mà, bà ạ, đó là… đó là cái bí quyết của lao động. Bà hiểu không?

Người mặt mày nhẵn nhụi nhìn chăm chú vào mặt Iuriep:

- Bí quyết của lao động? Tại sao là thế? Theo ý kiến tôi, thì cái hay ở đây là thế này: chúng sung sướng, chúng có tổ chức và biết làm việc. Đối với thời gian đầu, thì quả thật như thế là đủ rồi. Đồng chí nghĩ thế nào, đồng chí Brêgen?

Brêgen không có thì giờ nghĩ tới điều đó, vì Xinenki bỗng cho ngựa của nó dừng lại trước mặt chúng tôi và líu lo nói:

- Anh Burun, anh ấy bảo đến nói… Mọi người đi đánh đụn lúa ngoài đồng. Tất cả mọi người, tập hợp ở đụn lúa.

Ra chỗ đụn lúa, dưới bóng cờ, chúng tôi hát bài Quốc tế ca. Rồi có những lời phát biểu, hay hoặc không hay, nhưng tất cả

đều thành thực, và những người phát biểu là những người tốt và dễ cảm xúc, là công dân của xứ sở những người lao động, cảm động vì ngày hội, vì bọn trẻ, vì bầu trời rất gần gũi với cái nhạc điệu rít lên của những con châu chấu ngoài đồng.

Xong việc trở về, mọi người ngồi vào ăn lẫn lộn, không quản tôn ti trật tự và tuổi tác gì hết. Ngay cả đến nữ đồng chí Zôia, ngày hôm ấy, cũng nói đùa và cười.

Hội kéo dài rất lâu. Người ta còn chơi đánh cầu, kéo co, "quay bơ". Người ta băng mắt Khalabuđa lại, đặt vào tay ông một cái mui-xoa bện chặt và bắt ông đuổi theo mà không sao túm nổi một thằng bé

tinh nhanh lắc một cái chuông con. Sau đó người ta đưa các vị khách ra ao tắm, rồi các trẻ nhỏ trình bày một tiết mục kịch thần tiên ở sân chính giữa. Kịch giáo đầu bằng một bản hợp xướng:

Đến tham quan, trong năm năm sắp tới

Quý vị sẽ thấy gì ở trại chúng tôi?

Một thành phố với Xô-viết sẽ ra đời,

Trang trí sân này sẽ mọc lên công xưởng mới,

Vây quanh đồi, vườn cây quả xanh tươi mát rượi,

Và chúng tôi mơ ước, chẳng phải hão

huyền đâu,

Những cây đu bấm điện

Màn buông xuống trên câu chúc tụng này:

Và mỗi trại viên sẽ như một cái lò xo,

Chứ đâu phải như một mẩu rốc-cơ-pho[78]

Sau khi đốt pháo hoa trên bờ ao, chúng tôi đi tiễn chân khách ra ga Ryjôp. Những vị đi xe ô tô tới thì đã về sớm hơn; khi chia tay, đồng chí "thượng cấp" mặt mày nhẵn nhụi nói:

- Thế nào? Hãy giữ vững, đồng chí Makarenkô nhé!

- Rõ, giữ vững, tôi đáp lại.

12. CUỘC SỐNG TIẾP TỤC

Và rồi lại trôi qua những ngày công tác khắc khổ và vui vẻ, đầy những lo âu, những thành công nhỏ và thất bại nhỏ, chúng thường che lấp khiến chúng tôi không nhìn thấy những chặng đường lớn và những phát hiện lớn quyết định trước rất lâu cuộc sống của chúng tôi. Và cũng như trước kia, trong những ngày cần cù ấy, nhất là trong những buổi tối dài yên tĩnh, ý nghĩ của chúng tôi được chỉnh đốn, chúng tôi tổng kết lại những tư tưởng thoáng qua lúc ban ngày, và tâm trí sờ nắn thấy những đường chu vi của cái tương lai mơ hồ vô cùng êm đẹp.

Nhưng rồi tương lai đến và chúng tôi thấy rằng nó cũng chẳng phải là êm dịu đến thế và giả sử đối với nó chúng tôi giảm phần đối xử long trọng đi thì cũng chẳng sao. Không để nhiều thì giờ tiếc thương những cơ hội đã mất, chúng tôi học tập lấy một cái gì đó rồi lại tiếp tục sống, giàu kinh nghiệm hơn, để lại phạm những sai lầm mới và vẫn theo đuổi cuộc sống.

Cũng như trước kia, có những con mắt nghiêm khắc quan sát chúng tôi. Chúng tôi bị quở và người ta chứng minh cho chúng tôi thấy rằng chúng tôi không được phạm sai lầm, rằng chúng tôi phải sống theo quy củ, rằng chúng tôi không hiểu lý luận, rằng chúng tôi phải… tóm lại, rằng

chúng tôi phụ lòng tin cậy của hết thảy mọi người.

Không bao lâu một nền sản xuất công nghệ chân chính đã được dựng lên ở trại. Bằng trăm phương nghìn kế hợp pháp hay không hợp pháp, chúng tôi đã tổ chức được một xưởng mộc đầy đủ dụng cụ, có máy bào thường, bào ghép, cưa; chúng tôi tự thiết kế và làm lấy một cái máy đẽo mộng. Chúng tôi ký những hợp đồng, nhận những số tiền ứng trước và lại còn hỗn hào đến mức dám mở một tài khoản ở ngân hàng.

Chúng tôi làm những đõ ong kiểu Đađăng. Công việc đó vốn khá là phức tạp, đòi hỏi một mức chính xác lớn, song

chúng tôi làm được rất khéo và bắt đầu bán những đõ ong của chúng tôi ra hàng trăm. Chúng tôi đóng đồ gỗ, hòm đạn dược, và nhiều thứ linh tinh nữa. Chúng tôi mở cả một xưởng làm đồ sắt, nhưng trong việc này chúng tôi đã không thành công thì chớ lại còn bị một tai họa thực sự nữa.

Ngày tháng qua đi như vậy. Chống đỡ đòn bên này bên nọ, tìm cách thích ứng, giả đò giả tảng, có khi gầm gừ nhe nanh, hoặc dọa châm một vòi nọc độc thực sự và thường thường ngoạm hẳn vào một ống quần dài nào đó đi qua vừa tầm chúng tôi, chúng tôi cứ như thế mà tiếp tục sống và làm giàu.

Chúng tôi cũng trở nên giàu bạn hữu hơn. Ngoài Djurinxkaia và Iuriep ra, ở Ủy ban nhân dân Giáo dục cũng có những người thực thông minh, bản tính tự nhiên ưa công lý và sẵn lòng suy nghĩ đến chi tiết của công tác khó khăn của chúng tôi. Song chúng tôi còn có những bạn hữu đông đảo hơn nữa trong xã hội nói chung, trong các tổ chức của Đảng, của Khu, trong báo giới và trong giới công nhân. Chỉ vì nhờ được có họ cho nên dưỡng khí cần thiết để bồi dưỡng sự cố gắng của chúng tôi mới không đến nỗi thiếu.

Công tác văn hóa tiến hành mạnh. Nhà trường không bao lâu phát triển đến sáu lớp, và Vatxili Nikôlaiêvich Pecxki, một người rất xuất sắc, cũng xuất hiện ở trại.

Đó là anh chàng Đôn Quisôttơ , mà phẩm cách đã được nâng cao lên bởi mấy thế kỷ kỹ thuật, văn học và nghệ thuật. Thân hình lêu nghêu và gầy gò của anh ta phù hợp với cái mẫu người Xecvantex sáng tạo và điều này giúp đỡ nhiều cho anh ta "sắp đặt" và tổ chức sự hoạt động của câu lạc bộ. Anh ta rất giàu tưởng tượng và tếu hết sức, cho nên tôi không dám bảo đảm rằng theo ý nghĩ của anh ta thế giới không phải là đầy rẫy những tinh linh lương thiện cùng ác quỷ. Nhưng tôi khuyên tất cả mọi người chỉ nên giao công tác câu lạc bộ cho những anh chàng Đôn Quisôttơ thôi. Họ biết nhìn thấy tương lai trong mỗi cái vỏ bào,

biết tạo nên những cảnh thần tiên với giấy bìa cứng và thuốc màu; cùng với họ, bọn trẻ biên tập những bích báo dài bốn mươi thước, học phân biệt ở mẫu máy bay bằng giấy một phi cơ ném bom với một phi cơ thám thính, và biết bênh vực chí chết rằng kim khí nhất định hơn hẳn gỗ. Những anh chàng Đôn Quisôttơ đem vào công tác câu lạc bộ cái nhiệt tình cần thiết, nhóm to lên ngọn lửa của những tài năng và khích lệ những người phát minh sáng kiến. Không kể lại ở đây tất cả những công trạng của Pecxki, tôi chỉ nói vắn tắt rằng anh ta biến đổi hẳn phong cách những buổi tối ở trại, đem du nhập vào đó nào là những vỏ bào, mạt sắt, lọ hồ, đèn cồn, nào là tiếng cưa chối tai,

tiếng vù vù của những cánh quạt máy bay, tiếng ca hợp xướng và cả tuồng câm nữa.

Chúng tôi cũng bắt đầu bỏ ra nhiều tiền mua sách. Tủ đã thiếu chỗ để ở trong đàn lễ, và người đọc thiếu chỗ ngồi ở trong phòng đọc.

Và lại còn một chuyện khác nữa!

Trước hết là đội nhạc! Trại chúng tôi là trại đầu tiên ở Ukren và có lẽ trong cả Liên bang dám tự ban cho mình cái món ưu mỹ đó. Thấy thế, nữ đồng chí Zôia lại càng yên chí, không còn hồ nghi gì nữa, rằng tôi là một tay đại tá cũ. Song ngược lại, hội đồng đội trưởng thì bằng lòng.

Nói cho thực, lập một đội nhạc ở một trại nhi đồng là cả một cuộc thử thách ghê gớm đối với não cân, vì suốt bốn tháng ròng chẳng có xó nào là anh không thấy, ngất ngưởng trên ghế dựa hay trên bàn, những ông giọng thấp, giọng trầm và giọng bổng, mải miết xé ruột gan anh và ruột gan những người xung quanh bằng cách thốt ra những âm thanh khó chịu không thể tả được. Song đến ngày mùng Một tháng Năm, chúng tôi đi vào thành phố với chính đội nhạc của chúng tôi. Kể xiết bao những xúc động mạnh mẽ, bao nhiêu giọt lệ cảm xúc và bao nhiêu hưng phấn thán phục cái ngày hôm ấy đã đem lại cho các ông trí thức, các bà già quắt queo, các nhà báo và bọn trẻ con ở các

phố tỉnh Khackôp!

Việc thứ hai chúng tôi thực hiện được là chớp bóng. Nó cho phép chúng tôi ra tay hẳn hoi đối với công tác của cái tăng viện đứng sừng sững ở giữa sân trại. Hội đồng nhà thờ tha hồ khóc lóc, đe dọa, chúng tôi cứ việc bắt đầu những buổi chiếu bóng của chúng tôi đúng vào lúc chuông gọi đi lễ chiều. Chưa từng bao giờ tiếng chuông cổ lỗ ấy tập họp được các con chiên đông bằng bây giờ, và nhanh chóng được đến thế. Người kéo chuông chưa xuống khỏi tháp chuông, ông linh mục chưa bước vào qua cổng, thì ở cửa câu lạc bộ của chúng tôi đã đứng sẵn một hàng nối đuôi dài hàng hai ba trăm người. Trong khi ông linh mục

mặc áo lễ, anh quay máy cũng tra phim vào máy; con người chí thánh bắt đầu lên giọng kính tin: "Thiên đường cực lạc…", thì anh ta cũng mở máy của anh. Quan hệ hoàn toàn mật thiết.

Mối quan hệ ấy kết thúc đáng buồn cho Vêra Bêrêzôpxkaia. Trong số các trẻ nuôi của tôi, Vêra là một đứa mà giá thành cao hơn hết, trong bộ môn sản xuất của tôi, và còn vượt quá xa mọi dự toán là khác nữa.

Hồi mới đầu, sau "bệnh đau thận" của cô ta, Vêra đã dịu đi và làm việc rất nhiều. Song màu hồng vừa mới tái hiện một chút lên đôi má, da dẻ vừa mới tráng được một tí mỡ màng, Vêra đã lại bắt

đầu phô bày những vẻ yêu kiều khiêu khích của nước da, của đôi vai, đôi mắt, dáng đi, giọng nói. Nhiều lần tôi bắt chợt được cô ta trong các xó tối với hình bóng lờ mờ của một bạn trai nào đó. Tôi thấy ánh bạc trong đôi mắt cô ta ngụy tạo và trốn tránh nhường nào, với một giọng giả dối bực mình biết bao cô ta tự biện bạch:

- Rõ hay thật, bác Antôn Xêmiônôvich, bác làm sao thế! Ngay đến nói chuyện với nhau cũng không được nữa ư?

Trong công việc cải tạo, không có gì khó khăn hơn những đứa con gái nhỏ đã qua hết tay này sang tay nọ. Một đứa con trai lang thang ở ngoài phố dù lâu đến đâu,

những chuyện phiêu lưu phức tạp và phạm pháp mà nó đã tham gia dù là đến thế nào, nó phản kháng những biện pháp giáo dục của chúng tôi dù ngang ngạnh nhường bao đi nữa, miễn là trong người nó có lấy đôi chút trí tuệ, thì ở vào một tập thể tốt thể nào nó cũng trở thành một con người. Là vì quả thật, và không có sự gì khác hết, gã trai trẻ đó chỉ là chậm tiến, và cái cự ly ngăn cách nó với những trẻ bình thường vẫn có thể đo lường và điền bổ được. Song một đứa con gái bắt đầu cuộc đời nhục dục quá sớm, hầu như ngay khi vừa thoát tuổi nhi đồng, thì đã mang ở trong người, về mặt nhục thể cũng như tinh thần, một sự chấn động ngoại thương sâu sắc, tính chất vô cùng

phức tạp và đau đớn, Tứ phía chĩa vào nó những con mắt "thông cảm", khi thì đê mạt, tà dâm, khi thì trắng trợn, xót thương hoặc bi sầu đẫm lệ. Tất cả những cái nhìn đó đều tệ hại như nhau và mang tên là tội ác. Chúng không cho phép người con gái quên được nỗi thống khổ bản thân và luôn luôn nhắc nhở cho cô sự tự ti. Và đồng thời, sự cắt bỏ nhân cách ở những đứa trẻ ấy lại thỏa hiệp rất tốt với một niềm kiêu hãnh nguyên thủy rất ngu xuẩn. Nó coi những đứa con gái nhỏ khác là ngây thơ, là trẻ ranh, trong khi nó đã là một người đàn bà, tỏ tường cái sự còn là bí mật đối với những đứa kia, và đối với đàn ông đã có được một thứ quyền lực nào đấy mà nó am hiểu và biết cách sử

dụng. Trong mớ bòng bong vô cùng phức tạp đó, có chen lẫn đau thương với hư vinh, nghèo nàn với phong phú, những đêm đầm đìa nước mắt với những ngày lả lơi, nhí nhảnh, phải có một tính cách kiên cường ghê gớm lắm mới có thể tự vạch cho mình và noi theo được một phương châm xử sự, tự tạo cho mình một kinh nghiệm mới, những tập quán mới, những hình thức thận trọng và thiệp thế mới.

Vêra Bêrêzôpxkaia đối với tôi là một trong những tính cách khó khăn đó. Sau khi trại chuyển sang Kuriajê, cô ta gây cho tôi rất nhiều chuyện buồn, và tôi ngờ rằng trong thời gian ấy cô ta đã thêm vào cuộc đời rắc rối của cô nhiều nút thắt và

nhiều sự hỗn độn. Nói chuyện với cô phải hết sức gượng nhẹ, dè chừng. Cô dễ phật ý, õng ẹo, thường là tìm cách trốn thoát tôi để chạy đi vục đầu vào cỏ khô mà khóc thỏa thuê. Tuy bộ điệu thế nhưng cô vẫn không thôi mắc vào những chuyện dan díu mới, mà muốn cắt đứt cũng chẳng khó khăn gì, dù chỉ riêng vì lẽ các bạn trai của cô sợ nhất trần đời cái nông nỗi phải ra đứng giữa hội đồng đội trưởng và phải trả lời câu hỏi của Lapô:

- Đứng nghiêm, và hãy dốc hết tâm sự ra cho xong đi!

Sau cùng Vêra hiểu rằng các trại viên không thích hợp cho bản tình ca và đem những chuyện lẳng lơ của cô chuyển sang

một địa phận tương đối vững hơn. Lảng vảng xung quanh cô có một thanh niên chưa ráo máu đầu, làm điện báo viên ở Ryjôp, mặt đầy mụn mặn, tính tình khó chịu, nhất định tin rằng những đường viền quần áo bằng nỉ màu vàng của y là biểu hiện của sự văn minh bậc nhất trên trái đất. Vêra bắt đầu hẹn hò gặp y ở trong rừng; bọn trai bắt gặp hai người ở đấy và phản kháng, song chúng tôi chạy theo Vêra mãi đã chán rồi. Lapô bèn làm cái việc độc nhất có thể làm được. Hắn đưa Xinvextrôp, cậu điện báo viên, đi nói chuyện riêng ở một chỗ vắng, và bảo y:

- Cậu đến làm cho nó hỏng đời mất thôi. Cậu liệu đấy: chúng tớ sẽ bắt hai người

lấy nhau!

Cậu điện báo viên quay cái mặt bị thịt đầy mụn nhọt đi:

- Cái gì mà "bắt hai người lấy nhau"!

- Hãy coi chừng, Xinvextrôp ạ, nếu cậu không muốn lấy vợ thì chúng tớ sẽ chẳng nể nang gì đâu, cậu biết chúng tớ đấy… Dù cậu ngồi trong phòng điện báo của cậu, cậu cũng không thoát nổi chúng tớ, và cậu có đi tỉnh khác nữa, chúng tớ cũng tìm ra.

Bất chấp mọi lời bàn tán, Vêra cứ xổng được phút rỗi rãi nào là bay ngay đến chỗ hẹn hò với cậu điện báo. Khi tôi bắt gặp thì cô đỏ mặt lên, sửa lại một cái gì

ở trên đầu rồi ù té chạy trốn.

Sau cùng giờ phút của Vêra đến. Đêm đã khuya, cô bước vào phòng giấy tôi, chễnh mảng ngồi phịch xuống một cái ghế dựa, bắt chéo hai chân, mắt nhìn xuống và mặt đỏ bừng lên, nhưng rồi ngẩng đầu lên ngay, cô nói to với một giọng hằn học:

- Cháu có chuyện muốn nói với bác.

- Xin mời cô, tôi đáp với cùng một giọng quan thức ấy.

- Thể nào cũng phải cho cháu đi phá thai.

- À?

- Vâng, xin bác đấy: bác viết cho một chữ đi bệnh viện.

Tôi nhìn cô mà không nói gì. Cô cúi đầu xuống:

- Đấy, chuyện chỉ có thế.

Tôi còn im lặng trong giây lát nữa. Vêra gắng nhìn tôi qua đôi mi mắt cụp xuống, song căn cứ vào những cái nhìn của cô, vào đôi má đỏ ửng và vào cách nói năng của cô, tôi hiểu rằng cô không còn biết liêm sỉ gì nữa.

- Cô sẽ đẻ đứa con của cô ra, tôi lạnh lẽo nói.

Vêra nũng nịu liếc nhìn tôi, vẻ đầy đỏm

dáng và lắc đầu:

- Không, cháu chả muốn đâu.

Không trả lời, tôi đóng các ngăn kéo bàn giấy của tôi lại và đội mũ cát-két vào. Cô đứng dậy mà vẫn liếc ngang nhìn tôi, vẻ ngượng ngập.

- Thôi chứ! Đến giờ đi ngủ rồi, tôi nói.

- Nhưng cháu cần có… tờ giấy ấy. Cháu không thể đợi được. Bác cũng thừa hiểu!

Chúng tôi bước sang phòng hội đồng đội trưởng tối om và chúng tôi dừng chân lại.

- Tôi đã nói chuyện nghiêm chỉnh với cô

và tôi sẽ không thay đổi quyết định. Không phá thai! Cô sẽ đẻ đứa con của cô ra.

- Ồ! Vêra kêu lên, và cô chạy trốn, đóng sầm cửa lại.

Bốn ngày sau, cô gặp tôi ở ngoài, khi tôi ở trong làng về trại, vào một giờ đã khuya, và cô đến đi bên cạnh tôi, bắt chuyện một cách giả tạo với một vẻ hiền lành vờ vĩnh:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác cứ đùa luôn thôi, thế mà cháu thì cháu chả còn bụng dạ nào mà đùa nữa.

- Cô muốn cái gì?

- Ồ, bác ấy không hiểu, ra bộ thế!... Cháu cần có tờ giấy ấy, sao bác lại cứ đóng kịch thế không biết!

Tôi khoác cánh tay cô và đưa cô đi về phía con đường ra cánh đồng.

- Chúng ta nói chuyện một tí.

- Nhưng có cái gì mà nói chuyện chứ? Trời ạ, bác lại vờ trò khác nữa! Bác hãy cho cháu tờ giấy, chỉ có thế thôi.

- Nghe đây, Vêra ạ. Tôi không đóng kịch và tôi không đùa đâu. Cuộc sống là một việc nghiêm túc, không nên đùa cợt với nó: như thế nguy hiểm. Trong đời cô đã xảy ra một việc nghiêm trọng: cô đã yêu một người… Thì thôi, cô hãy nên lấy hắn

đi.

- Quái ác, làm như là cháu cần đến cái ngữ ấy vậy? Lấy hắn, bác nghĩ ra cách đó tài thật! Và bác lại còn muốn cháu trông nom những trẻ nhỏ! Bác hãy cho cháu tờ giấy ấy… Và cháu đã chẳng yêu ai cả.

- Cô đã chẳng yêu ai cả? Thế thì là trụy lạc ư?

- Trụy lạc, thôi cứ cho là thế đi. Bác thì tất nhiên bác bảo thế nào cũng được.

- Và tôi bảo cô như thế này đây: tôi sẽ không để cho cô sa vào vòng trụy lạc! Cô đã đi với một người đàn ông, vậy thì bây giờ cô sẽ trở thành người mẹ!

- Bác cho cháu tờ giấy đi, cháu bảo bác thế mà! Vêra kêu lên và òa khóc… Tại sao bác cứ thích hành hạ cháu?

- Tôi sẽ không cho cô giấy má gì hết. Nhưng nếu cô nài nỉ thì tôi sẽ đặt vấn đề với hội đồng đội trưởng.

- Ồ, trời ơi! Cô thốt lên, và buông mình ngã dụi trên bờ ruộng, cô bắt đầu khóc, nghẹn ngào nức nở, rung rung đôi vai, trông thật đáng thương.

Tôi vẫn đứng yên, cúi mình nhìn cô. Galatenkô ở ruộng dưa đi ra, lại gần chúng tôi. Hắn ngó Vêra ngồi bệt trên mặt đất hồi lâu và chậm rãi nói:

- Cháu lại cứ tự hỏi: không biết có tiếng

gì líu ríu ở ngoài ấy thế? À, thì ra Vêra… cô ta lúc nào cũng cười, trước đây… thế mà bây giờ cô ấy lại khóc kìa…

Vêra tự trấn tĩnh, đứng dậy, giũ áo cẩn thận và cũng vẫn thận trọng như vậy thốt ra một tiếng nức nở sau cùng, rồi đi con đường nhỏ trở về trại, vừa vung vẩy cánh tay vừa ngước nhìn sao.

Galatenkô nói:

- Ta đi về lều, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Cháu sẽ mời bác nếm thử một quả dưa hấu phải biết! Đáng gọi là chúa dưa hấu! Bọn trai ở cả đấy.

Hai tháng qua đi. Cuộc đời chúng tôi

chạy đều như một đoàn xe lửa điều chỉnh tốt: chỗ này mở hết tốc lực, đi trên cầu xấu thì chậm lại, hãm phanh khi xuống dốc. Và cuộc đời của Vêra cũng theo quán tính mà lăn theo đời sống chúng tôi, song cô đi trong đoàn xe của chúng tôi chỉ là với danh nghĩa đi chạc.

Tình trạng của cô không thể nào bưng bít được đối với các trại viên; vả chăng có lẽ chính cô cũng đã thổ lộ câu chuyện bí mật đó với các bạn gái, cho nên ai nấy đều biết tỏng mọi sự bí mật của các cô với nhau rồi. Việc này khiến tôi được dịp tỏ lòng mến phục cái độ lượng cao quý của các trại viên, mà thực sự tôi vẫn tin chắc từ trước. Họ không chòng ghẹo và cũng không hành hạ Vêra. Có mang và

đẻ ra một đứa con đối với họ chẳng phải là một việc đáng xấu hổ và cũng chẳng phải là một tai họa. Không một người nào trong bọn họ nói ra một lời gì phật lòng Vêra, mà cũng không nhìn cô một cách khinh bỉ. Còn về phần cậu điện báo viên, thì lại là chuyện khác. Ở phòng ngủ và trong các "phòng khách", ở đội đặc biệt, ở các câu lạc bộ, trên sân đập lúa, trong xưởng làm việc, đâu đâu người ta cũng xem xét mọi chi tiết của vấn đề, vì Lapô nói với tôi cái dự kiến này, như thể đã chín muồi:

- Hôm nay, chúng ta sẽ nói chuyện với Xinvextrôp ở hội đồng. Bác không có ý kiến gì phản đối chứ?

- Tôi không có ý kiến phản đối, nhưng Xinvextrôp thì có lẽ có chăng?

- Chúng cháu sẽ dẫn nó đến. Nó đừng có tự nhận là thanh niên Kômxômôn nữa đi!

Buổi tối Xinvextrôp bị Jôra và Vôlôkhôp dẫn đến, và mặc dù tất cả sự bi đát của tình thế, tôi cũng không thể nào nhịn được mỉm cười khi người ta bắt y ra đứng giữa phòng và Lapô vặn chặt cái đai ốc cuối cùng:

- Cậu hãy đứng nghiêm.

Đứng trước hội đồng đội trưởng, Xinvextrôp toát cả mồ hôi. Y không những đứng nghiêm, mà còn sẵn sàng làm bất cứ việc gì, giải quyết bất cứ vấn đề

hóc hiểm nào, miễn là y được an toàn ra khỏi cái tổ chức gớm ghiếc này. Song câu chuyện lại xoay ra một chiều hướng bất ngờ hết sức khiến chính hội đồng phải giải quyết những vấn đề hóc hiểm, vì Xinvextrôp ấp úng nói:

- Thưa các đồng chí trại viên, có thể nào bảo tôi là một thằng lếu láo hay một kẻ lưu manh?... Các anh bảo: lấy cô ta đi. Tôi xin sẵn sàng, rất vui lòng, nhưng nếu cô ta không muốn thì tôi làm thế nào được?

- Sao cơ, cô ta không muốn? Lapô giật mình hỏi. Ai bảo cậu thế?

- Chính cô ta bảo tôi thế… Vêra ấy.

- Được, thế thì cho gọi cô ấy ra hội đồng! Zoren!

Zoren nhảy đánh sầm một cái ra khỏi cửa, rồi sau hai phút lại trở về phòng như một trái bom, và hếch cái đầu mũi nhỏ của nó về phía Lapô, vẻnh tay bên phải lên chỉ những miền xa xôi có Vêra đang ở đấy lúc ấy:

- Chị ấy không muốn!... Anh ạ, em bảo chị ấy thế… Nhưng chị ấy bảo: Mày cút đi!

Mắt Lapô nhìn quanh khắp hội đồng rồi ngừng lại ở Fêđôrenkô. Cậu này đĩnh đạc đứng lên khỏi ghế ngồi, một bàn tay chẻnh mảng đưa lên không khí để chào,

khẽ nói một tiếng "Rõ!" ngọt sớt, rồi đi ra phía cửa. Zoren thoắt một cái đã luồn ra ngoài dưới cánh tay hắn và chạy bổ xuống cầu thang ầm ầm như sấm. Xinvextrôp, mặt nhợt nhạt và đứng trơ như đá giữa phòng, ngắm nhìn các trại viên trước mắt y đang lột da thần ái tình bị nạn.

Tôi chạy theo Fêđôrenkô và cản hắn lại ở trong sân.

- Chú hãy trở về hội đồng, tôi đi thăm Vêra.

Fêđôrenkô lặng lẽ để cho tôi đi.

Ngồi trên giường, Vêra nhẫn nại chờ đợi những tra vấn và khổ hình, lần đếm trong

tay những chiếc cúc trắng lớn. Zoren đứng sững trước mặt cô ta như một con chó săn thật sự, nói liến thoắng bằng một giọng the thé:

- Đi đi, chị Vêra, đi đi… Chẳng có, anh Fêđôrenkô… Đi đi!... Chị nên đi đi thì hơn! Nó thì thào: Đi đi! Kẻo nữa Fêđôrenkô… anh ấy sẽ xách phăng chị lên đấy cho mà xem.

Trông thấy tôi, Zoren lẩn mất, chỉ để lại ở chỗ nó đứng một làn không khí biêng biếc tung tăng nhảy nhót.

Tôi ngồi lên giường Vêra, và hất đầu ra hiệu cho hai ba bạn gái của cô ta đi ra.

- Cô không muốn lấy Xinvextrôp ư?

- Cháu không muốn.

- Ừ thì cũng chẳng cần lấy, cô nghĩ phải.

Vừa lần đếm những chiếc cúc, Vêra vừa bảo chúng chứ không phải bảo tôi:

- Các cậu ấy đều muốn gả cháu tuốt. Thế ngộ cháu không muốn thì sao? Nhưng xin bác cho cháu đi phá thai.

- Không!

- Nhưng cháu, thì cháu bảo bác: cho cháu đi! Cháu biết: nếu cháu muốn thì bác không có quyền.

- Muộn quá rồi.

- Thì như vậy đã làm sao!

- Muộn quá, không một thầy thuốc nào dám nhận làm đâu.

- Có chứ! Cháu biết, cái đó gọi là mổ bụng lấy thai.

- Cô biết như thế nào không?

- Cháu biết, người ta mổ mình ra, có thế thôi.

- Nguy hiểm lắm, cô có thể chết được.

- Thì được! Cháu ưng như thế còn hơn có một đứa con!

Tôi đặt tay lên những chiếc cúc của cô ta. Cô ngoảnh mặt đi nhìn cái gối.

- Này, Vêra. Đối với các thầy thuốc cũng

có những luật lệ. Chỉ khi nào người mẹ không thể đẻ được họ mới có thể mổ bụng lấy thai.

- Cháu cũng thế, cháu cũng không thể!

- Có chứ, cô có thể. Và cô sẽ có một đứa con!

Cô hất tay tôi ra, đứng dậy và ném mạnh những chiếc cúc xuống giường.

- Cháu không thể và cháu sẽ không có con! Bác nên biết thế! Cháu sẽ tự thắt cổ hay đi trẫm mình, chứ cháu sẽ không có con đâu!

Cô ngã dụi xuống giường và bắt đầu khóc thổn thức.

Zoren đâm bổ vào phòng ngủ:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, Lapô hỏi phải chờ Vêra hay thế nào? Còn Xinvextrôp thì làm gì hắn bây giờ?

- Xinvextrôp? Tống cổ nó đi!

Zoren ve vẩy nhanh như chớp một cái đuôi nhỏ không nhìn thấy và lại bay đánh vút một cái qua cửa.

Tôi phải làm gì đây? Loài người sống trên trái đất đã từ mấy chục thế kỷ rồi, và ái tình vẫn muôn đời gây nên rối loạn giữa bọn họ! Rômêô và Juliet, Ôtenlô và Đexđêmôna, Ônêghin và Tatiana, Vêra và Xinvextrôp. Đến bao giờ hết chuyện ấy? Đến bao giờ người ta sẽ không bắt

buộc phải chăm chú đến họ, để nghe ngóng tự hỏi: liệu hắn có tự treo cổ hay không đây?

Tức giận, tôi bỏ đi ra. Hội đồng đã đuổi anh chàng vị hôn phu đi rồi. Tôi yêu cầu các đội trưởng nữ hãy ở lại để cùng tôi bàn bạc về Vêra. Ôlia Lanôva, một cô béo tròn má như táo đỏ, lắng nghe tôi với một vẻ nghiêm túc dễ thương và nói:

- Đúng đấy: nếu làm cái trò ấy cho cô ta, thì cô ta chết mất.

Natasa Pêtrenkô im lặng, trong khi đôi mắt trầm tĩnh và thông minh của cô vẫn ngó Ôlia.

- Natasa, ý kiến cô thế nào?

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, Natasa nói, nếu có người muốn tự treo cổ thì sẽ chả ai làm gì được cả. Và không nên canh gác cô ta. Các chị khác bảo: chúng tôi sẽ theo dõi cô ấy. Cố nhiên là chúng ta sẽ để ý, nhưng chúng ta sẽ chẳng làm thế nào mà canh cô ta được đâu.

Chúng tôi chia tay nhau, các thiếu nữ thì để đi ngủ, còn tôi thì để suy nghĩ và đợi chờ một tiếng gõ vào cửa sổ của tôi.

Tôi qua vài đêm làm cái công việc hữu ích ấy. Buổi thức đêm có khi bắt đầu bằng cuộc đến thăm của Vêra. Cô ta tới, đầu bù tóc rối, rũ rượi và đau khổ, ngồi trước mặt tôi và bắt đầu nói những chuyện vớ vẩn khó chịu hết sức về cuộc

đời bỏ đi của cô, về sự tàn ác của tôi và nhiều trường hợp khác nhau mổ bụng lấy thai thành công.

Tôi lợi dụng cơ hội ấy để in vào trí não Vêra vài nguyên lý triết học thực tiễn cần thiết mà cô ta thiếu thốn quá đỗi.

- Cô đau khổ, tôi bảo cô, là vì cô tham lam quá. Cô đòi được vui vẻ và giải trí, vui thú và thỏa mãn. Cô nghĩ đời sống là một cuộc hội hè, dự không mất tiền. Con người khác nào đi chơi chợ phiên, ai nấy đều khoản đãi hắn và nhảy với hắn, chuyện gì cũng phải làm cho hắn vừa lòng ư?

- Vậy theo bác thì con người bao giờ

cũng phải đau khổ à?

- Theo tôi, đời sống không phải là một cuộc hội hè vĩnh viễn. Những ngày nghỉ thì ít, còn đại bộ phận là lao động, những mối lo nghĩ và nghĩa vụ con người; những người lao động sống như thế đấy. Và trong một đời sống như thế có nhiều niềm vui và nhiều ý nghĩa hơn cuộc yến hội của cô. Ngày xưa thì có những thứ người tự bản thân không lao động, chỉ có việc chơi nhởn và hưởng mọi lạc thú. Những con người đó, cô biết đấy, chúng ta đã đuổi họ đi rồi, chỉ có thế thôi.

- Phải, Vêra thổn thức, một khi đã là người lao động thì lúc nào người ta cũng phải đau khổ.

- Tại sao lại đau khổ? Lao động và đời sống cần lao, đó cũng là một niềm vui. Cô sắp có một đứa con, cô sẽ yêu nó, cô sẽ có một gia đình, và cô sẽ chăm nom săn sóc thằng bé con cô. Cô sẽ làm việc, như mọi người, và đôi khi cô sẽ nghỉ ngơi, cuộc sống là như thế đấy. Và khi thằng con cô lớn lên, cô sẽ luôn cảm ơn tôi vì tôi đã không cho cô tiêu hủy nó.

Dần dà, chầm chậm, rất chậm, Vêra bắt đầu lắng nghe những lời tôi nói, và nhìn tương lai của mình không sợ hãi và cũng không chán ghét. Tôi động viên tất cả lực lượng phụ nữ của trại; họ ấp ủ Vera bằng một sự ân cần đặc biệt, và hơn nữa, bằng một sự phân tích đặc biệt về cuộc sống. Hội đồng đội trưởng chỉ định cho cô ta

một buồng riêng. Kutlaty đứng đầu một tiểu ban ba người dọn tới buồng đó những đồ đạc, dụng cụ trong nhà và nhiều đồ dùng hàng ngày linh tinh khác. Ngay đến bọn trẻ nhỏ cũng bắt đầu tỏ ý thích thú những công việc chuẩn bị ấy, song lý đương nhiên là chúng không thể nào gạt bỏ được tính vô tâm nhẹ dạ đã quen và sự thiếu nghiêm túc của chúng đối với cuộc sống. Đó là lý do duy nhất khiến một lần tôi bắt gặp Xinenki đội một cái mũ trẻ nhỏ vừa mới làm xong.

- Cái gì thế này? Tại sao chú lại thó cái đó đi thế?

Xinenki nhắc vội cái mũ ra và thở dài đánh thượt một cái.

- Chú lấy cái này ở đâu vậy?

- Cái này… là cho thằng bé con chị Vêra… một cái mũ chụp mà các chị ấy làm.

- Một cái mũ chụp à? Tại sao nó lại ở trên đầu chú?

- Ấy là cháu đi qua…

- Thế nào?

- Cháu đi qua, và nhân tiện thấy nó ở đấy…

- Chú đi qua… vào xưởng may phải không?

Xinenki hiểu rằng "có lúc nên nói và có

lúc nên im" cho nên nó ngoẹo đầu không nói gì mà nhìn sang bên cạnh.

- Các chị ấy đã làm việc cho một cái đáng làm, thế mà chú, chú lại xé rách, làm bẩn, đem vứt đi… Vậy là nghĩa làm sao?

Không, buộc tội như thế thì quá sức chịu đựng yếu ớt của Xinenki.

- Không phải thế, rồi bác xem. Cháu đã cầm lấy nó, có chị Natasa bảo rằng: "Sao mày trở nên mất dạy thế". Cháu mới bảo rằng: "Em đem nó đến cho chị Vêra". Thế là chị ấy bảo: "Được, đem đến cho chị ấy". Cháu chạy đến buồng chị Vêra, nhưng chị ấy đi lên phòng

thuốc, thế mà bác lại bảo là cháu xé…

Một tháng nữa qua đi: Vêra trở lại làm lành với chúng tôi, và cũng với cái nhiệt tình mà cô ta đã đem ra đòi hỏi tôi cho phép cô đi mổ bụng lấy thai, cô toàn tâm toàn ý chăm lo bổn phận làm mẹ. Xinvextrôp lại ló mặt đến trại, và ngay đến Galatenkô, tuy là người có óc tinh tế đấy, mà cũng phải dang cánh tay ra nói:

- Thật chả còn hiểu ra làm sao nữa: thế là bây giờ họ lại lấy nhau.

Cuộc sống của chúng tôi cứ theo trình tự của nó. Đời sống đã tăng tiến thêm trên đoàn xe lửa chúng tôi và đoàn xe bay lên phía trước, tỏa một làn khói thơm và vui

vẻ trên cánh đồng của những ngày xô-viết linh lợi. Những người dân xô-viết nhìn đời sống chúng tôi và lấy làm vui mừng. Người ta đến thăm chúng tôi những ngày chủ nhật: sinh viên, các nhóm công nhân, cán bộ công tác giáo dục, nhân viên các tập san và báo chí. Trong các báo và những tờ bán nguyệt san, họ đăng lên những mẩu truyện ngắn đơn giản và thân thiện về chúng tôi, những họa tượng các trẻ nhỏ, những ảnh chụp chuồng lợn và xưởng mộc. Khách đến thăm khi ra về có phần cảm động vì chút hào quang khiêm tốn của chúng tôi, bắt tay từ biệt những người bạn mới và, trả lời câu mời họ trở lại thăm nữa, họ giơ tay chào theo lối quân nhân và đáp

“Rõ!”.

Người ta bắt đầu đưa những người nước ngoài đến thăm chúng tôi ngày càng nhiều. Những người lịch sự, ăn mặc sang trọng, nhã nhặn nheo mắt nhìn sự giàu có giản lậu của chúng tôi, những vòm tu viện cổ xưa, những quần áo vải bông mặc ngoài của bọn trẻ. Chúng tôi cũng không thế khiến họ ngạc nhiên khi khoe chuồng bò với họ. Nhưng họ ngạc nhiên vì những gương mặt gân guốc linh lợi của bọn trai, vì tiếng ồn ào hoạt động và kiềm chế của chúng, vì ánh mắt thoáng châm biếm trong những cái nhìn chĩa vào những đôi bít tất nhiều màu, những áo vét-tông ngắn cỡn, những bộ mặt trau chuốt và những quyển sổ tay nho nhỏ của

họ.

Họ tấn công các phiên dịch viên bằng những câu hỏi nguy hại, và khăng khăng một mực không chịu tin rằng chúng tôi đã phá dỡ các tường thành tu viện, mặc dầu bức tường thành ấy thực sự không còn nữa. Họ xin phép nói chuyện với bọn trẻ, tôi đồng ý điều đó nhưng nhất thiết đòi họ không được đặt một câu hỏi nào về quá khứ của chúng hết. Thế là họ đâm ra nghi kỵ và bắt đầu tranh cãi. Người phiên dịch không khỏi có phần bối rối nói với tôi:

- Họ hỏi: tại sao ông lại giấu quá khứ của các trẻ nuôi? Nếu nó xấu xa, thì cái đó càng tăng thêm vinh dự cho ông.

Và người phiên dịch, lần này thì với một vẻ hài lòng hoàn toàn, dịch lại rằng:

- Chúng tôi không màng cái vinh dự ấy. Tôi đòi hỏi sự lịch sự tối sơ đẳng. Chúng tôi không hề quan tâm đến quá khứ các vị khách của chúng tôi.

Nụ cười nở ra trên mặt họ và với những cái gật gật đầu thân thiện:

[80]

- Yes, yes! ( )

Các vị khách rời xa trong những chiếc ô tô lộng lẫy của họ và chúng tôi lại tiếp tục cuộc sống của chúng tôi.

Sang thu, một nhóm học viên khác lại từ

biệt chúng tôi để lên trường trung học công nòng. Mùa đông, trong các phòng học, chúng tôi lại bắt đầu nhẫn nại xây dựng những vòm cuốn nghiêm chỉnh của lâu đài học vấn.

Và này đây mùa xuân lại tới! Một mùa xuân sớm sủa là khác! Chỉ trong ba hôm, mọi sự đều xong hết. Trên lối đi đất chắc và sạch sẽ, một lớp tuyết mỏng màu xám đốm trắng chỉ còn sống thoi thóp quăng đời tàn. Có ai đi qua trên đường cái và trong xe bò vui vẻ vang lên tiếng lanh canh của một chiếc thùng rỗng không. Trời xanh, cao, tươi tắn. Lá cờ đem màu đỏ thắm của nó ra giũ phần phật trong những làn sóng ấm áp của gió xuân. Cửa chính của câu lạc bộ mở toang hai cánh,

và trong sự mát mẻ khác thường của phòng ngoài, mọi thứ đều sạch sẽ như lau như li; sau khi cọ rửa phòng, người ta đã trải ra một tấm thảm dài.

Một sự hoạt động sôi nổi đã biểu hiện từ lâu về phía những khung kính ấm. Ban ngày, người ta cuộn những chiếu che lại và cái mặt kính được mở hé ra trên các gọng chống. Ngồi trên thành khung, bọn con trai và con gái nhỏ cầm những chiếc que nhọn, vừa cấy lại cây vừa nói huyên thiên chuyện này chuyện nọ. Giênia Juôcbina, một em gái kháu khỉnh sinh năm một nghìn chín trăm hai mươi bốn, lần đầu tiên trong đời được tự do đi lang thang trên đất, vừa thăm xem những hố khổng lồ của các lớp đất ủ, vừa lo lắng

nhìn vào chuồng ngựa, vì ở đây có con Hảo-hán, và bi bô hỏi về những điều nó chú ý:

- Thế ai đi cày nhỉ? Các anh ấy hả? Thế con Hảo-hán nó cũng đi cày hả? Với các anh ấy, hả? Thế người ta cày thế nào nhỉ?

Dân làng đã cử hành lễ Phục sinh. Họ đã xô đẩy nhau suốt đêm ở ngoài sân, chen chúc vướng víu lẫn nhau với những gói [81] bọc và những cây nến sáp. Người ta đã kéo chuông suốt đêm ở gác chuông. Đến sáng, họ giải tản để đi ăn, chấm dứt tuần chay, rồi say bự, họ đi tràn khắp làng và chung quanh trại. Song không phải vì thế mà họ đã chịu thôi cái tiếng

đồng om sòm kia đi cho; thay phiên nhau, họ cứ lần lượt leo lên gác chuông mà giật chuông vang lừng inh ỏi. Sau cùng đội trưởng trực nhật của trại cũng leo lên đấy và xua đuổi tống trả về làng cả một bầy nhạc gia. Các hội viên của hội đồng nhà thờ ăn mặc bảnh chọe, kéo cả bè anh em con cái đến, hoa chân múa tay, táo bạo hơn bao giờ hết và la ó:

- Các người không có quyền! Chính quyền xô-'viết cho phép làm lễ thánh này! Mở gác chuông ra! Đây là một lễ trọng trong các ngày lễ! Ai được quyền cấm kéo chuông!

- Không cần phải kéo chuông báo hỏa nhà thày cũng cứ rượu bét nhè được rồi,

Lapô nói

- Tao uống rượu thì việc gì đến mày, nhưng tại sao tại không được phép kéo chuông?

- Này bố trẻ ơi, Kutlaty đáp, nói cho thực thì mọi người đã chán ngấy cả rồi đấy, bố hiểu không? Cái lễ này, là mừng chuyện gì thế? Ông Crixitô sống lại à? Thế thì can gì đến nhà thày? Ở Pôtvorki, không có ai sống lại ư? Không có! Thế tại sao các người lại can thiệp vào mọi chuyện chẳng dính líu gì đến mình?

Các hội viên hội đồng nhà thờ lảo đảo tại chỗ giơ tay lên trời và kêu be be lên:

- Mặc kệ cái chuyện ấy! Chỉ có việc

đánh chuông lên thế thôi!

Bọn trai vừa cười vừa đứng dăng dây chắn lối và quét ra khỏi cổng cả cái đống rãi rớt của lễ Phục sinh ấy.

Kôdia đứng xa vừa xem lớp kịch đó vừa vuốt râu với một vẻ không tán thành:

- Bọn người mời tệ chứ! Họ cứ việc yên ổn mà làm lễ với nhau có được không. Đằng này cứ đi lăng băng khắp chỗ, lại còn chửi người ta nữa, lạy Chúa tôi!

Buổi tối, ở trong làng, bọn họ vác dao đi đuổi lẫn nhau, kêu la ầm ỹ, giở tung ra trước mặt nhau hàng xâu hàng xốc những chuyện xung đột giữa nhà nọ với nhà kia, và người ta chở đến phòng thuốc của

chúng tôi cả từng xe bò những người bị đâm chém sứt mẻ. Trên tỉnh phái một đội cưỡi ngựa đến. Trước ngôi nhà của phòng thuốc đứng xúm xít những thân nhân, người làm chứng và người cùng phe phái với các nạn nhân, vẫn là những mặt hột viên hội đồng nhà thờ ấy, với các anh em con cháu họ. Các trại viên vây quanh họ và mỉm cười mát mẻ hỏi họ:

- Bố trẻ ơi, có phải đánh chuông không?

... Sau lễ Phục sinh, có tin đồn lan đến trại: ở phía bên kia Khackôp, cục

[82]

Gêpêu xây dựng một tòa nhà mới cho một trại nhi đồng, không phải Ủy ban Giáo dục mà là của cục Gêpêu. Bọn trẻ

coi đó là dấu hiệu của một thời đại mới:

- Này, có biết không, người ta xây một ngôi nhà mới nhé! Một nhà mới toanh!

Giữa mùa hè, một chiếc ô-tô đến trại và một người có nẹp đỏ đính cổ áo bảo tôi:

- Nếu bác có thì giờ, xin mời bác đi với chúng tôi một tí. Chúng tôi sắp xây xong một ngôi nhà cho trại Dzec-jinxki... Cần phải xem trại... về quan điểm sư phạm.

Chúng tôi đi.

Tôi ngạc nhiên. Thế nào? Cho các trẻ con vô thừa nhận? Một cung điện mông mênh xán lạn ánh mặt trời? Sàn ván và trần nhà quét sơn ư?

Tôi đã không mất công toi mơ tưởng trong bảy năm trời. Những cung điện sư phạm tương lai mà tôi nhìn thấy trong mộng đã không phải là chuyện hão huyền. Lòng trĩu nặng những ghen tị và bực bội, tôi trình bày "quan điểm sư phạm" với đồng chí cán bộ Tsêka. Anh ta tin cẩn tiếp thu nó như là kết quả kinh nghiệm giáo dục của tôi và cảm ơn tôi.

Tôi trở về trại, lòng cay đắng vì ghen tị. Ai sẽ được làm việc trong cái cung điện ấy? Xây dựng một cung điện không phải khó, song còn có chuyện khó hơn. Tuy nhiên tôi cũng không phiền muộn lâu. Cái tập thể của tôi chẳng đáng giá ngang với bất cứ cung điện nào ư?

Sang tháng chín, Vêra đẻ một đứa con trai. Nữ đồng chí Zôia đến trại, đóng cửa lại và gây gổ hỏi tôi:

- Ở trại ông, bây giờ các con gái đẻ ả?

- Tại sao lại nói số nhiều như thế? Và bà kinh hoảng vì cái gì chứ?

- Sao lại "bà kinh hoảng vì cái gì chứ"? Bọn con gái cho ra đời những đứa con à?

- Tất nhiên, những đứa con... Họ còn có thể cho ra đời cái gì khác nữa?

- Đừng nói đùa, đồng chí ạ!

- Tôi có nói đùa đâu!

- Phải lập tức thảo một văn bản.

- Hộ tịch đã làm mọi sự cần thiết rồi.

- Hộ tịch với ta, là hai cơ quan khác nhau.

- Không ai giao quyền cho bà lập những bản khai sinh.

- Không phải khai sinh, nhưng... tệ hại hơn!

- Tệ hại hơn sự sinh đẻ? Xem chừng không thể có cái gì tệ hại hơn đầu.

[83]

Sôpenaoơ , hay một người nào khác đấy, bảo rằng...

- Đồng chí, hãy bỏ cái giọng ấy đi!

- Tôi sẽ không bỏ!

- Ông sẽ không bỏ! Nghĩa là thế nào?

- Phải nói chuyên nghiêm túc với bà phải không? Thế nghĩa là tôi chán ngấy rồi, bà hiểu không, tôi chán ngấy rồi và chỉ có thế thôi. Bà đi đi, bà sẽ không lập một văn bản nào cả.

- Được lắm!

Bà ta lại đi và câu "được lắm" của hà cũng chẳng đưa tới chuyện gì sau đó. Vêra tỏ ra là một người mẹ tốt vô song, hết sức giàu tình yêu thương, ân cần và lương tri. Tôi còn đòi hỏi gì nữa? Chúng tôi tìm cho cô ta một việc làm ở phòng kế toán của chúng tôi.

Đã từ lâu chúng tôi làm xong các việc gặt hái, đập lúa, cất vào hầm kín mọi thứ cần thiết, chất đống những nguyên liệu vào các xưởng, tiếp nhận những trẻ mới đến.

Tuyết đầu mùa sa xuống rất sớm. Hôm trước, trời còn ấm áp, nhưng trong ban đêm, những bông tuyết nhỏ bay lặng lẽ và thận trọng đã quay đảo trên Kuriajê. Sáng dậy bước ra bậc tam cấp, Giênia Juôcbina giương đôi mắt nhỏ lên nhìn tấm thảm trắng phau ở ngoài sân và ngạc nhiên:

- Ai đem muối rắc ra sân thế nhỉ?... Mẹ ơi! Hẳn lại là các anh ấy, chắc thế.

13. "HÃY GIÚP ĐỠ THẰNG BÉ ĐÓ"

Các ngôi nhà của công xã Dzecjinxki đã làm xong. Ở ven một khu rừng sồi nhỏ, dựng lên một ngôi nhà đẹp đẽ màu xám, mặt trước quay về phía Khackôp, tường sơn sáng loáng, ở bên trong là những nhà ngủ cao ráo, sáng sủa, những phòng khang trang, lịch sự, những cầu thang rộng rãi, những màn cửa những bức chân dung. Mọi cái ở công xã đã được làm nên với một nghệ thuật thông minh, chứ tuyệt nhiên không theo phong cách của ủy ban Giáo dục.

Hai phòng để dành cho các xưởng. Trong

góc một phòng, tôi trông thấy xưởng giày và lấy làm ngạc nhiên hết sức.

Xưởng mộc được tranh bị những dụng cụ tốt vô cùng. Tuy nhiên ở bộ môn này, người ta cảm thấy các nhà tổ chức có phần còn chưa vững chắc lắm.

Những người xây dựng công xã đã ủy nhiệm cho tôi, tôi với trại Gorki, chuẩn bị việc khai trương cái cơ quan mới ấy. Tôi phái Kirghicôp cầm đầu một nhóm sang bên đó công tác. Họ chìm ngập ngay đến tận cổ vào những lo toan mới mẻ ấy.

Công xã dự định xây dựng để thu nhận một trăm đứa trẻ tất cả, song vì là một dinh thự kỷ niệm Fêlix Dzecjinxki, cho

nên các anh em Tsêka ở Ukren đã cống hiến vào công trình đó không những tiền của riêng mà còn cống hiến tất cả thì giờ rảnh rỗi, tất cả sức lực của tâm hồn và trí tuệ họ nữa. Chỉ có một điều mà họ không đem tới cho công xã mới được. Anh em Tsêka yếu về mặt lý luận sư phạm. Song được cái rằng thực tiễn sư phạm, không hiểu tại sao, lại không làm cho họ sợ.

Tôi rất băn khoăn muốn biết các đồng chí Tsêka sẽ làm thế nào gỡ mình ra khỏi được bước khó khăn ấy. Đã hẳn họ có thể không biết tới lý luận, song lý luận sẽ có chịu biết tới anh em Tsêka chăng? Trong công cuộc mới mẻ và quan trọng chủ yếu đến như thế đó, liệu có nên đem áp dụng những phát hiện cuối cùng của

khoa học sư phạm không, như sự "ngấm

[84]

ngầm tự quản" chẳng hạn? Có lẽ anh em Tsêka sẽ bằng lòng hy sinh những trần nhà quét sơn và đồ đạc đẹp đẽ của họ cho những lợi ích của khoa học chăng? Tình hình mấy ngày sau đó chứng tỏ rằng anh em Tsêka không có ý định hy sinh một cái gì hết thảy. Đồng chí B. đặt tôi ngồi vào một chiếc ghế bành sâu ở phòng giấy của đồng chí và nói:

- Điều mà tôi muốn yêu cầu bác là thế này: nhất định không thể nào để cho họ làm hỏng và lãng phí tất cả những cái đó. Công xã cố nhiên là cần thiết, và sẽ còn là cần thiết lâu nữa. Chúng tôi biết bác có một tập thể có kỷ luật. Bác hãy cho

chúng tôi năm chục chú trai để bắt đầu cái đã, rồi chúng tôi sẽ lấy ở ngoài phố bổ sung thêm vào. Bác thấy không? Chúng sẽ lập tức có ngay nền trật tự và tổ chức quản lý của riêng chúng. Bác hiểu không?

Tôi hiểu lắm chứ! Tôi biết chắc chắn ngay rằng con người thông minh ấy chẳng có một chút ý niệm nhỏ nào về khoa học sư phạm hết. Cứ thực tình mà nói thì, lúc ấy, tôi đã phạm một trọng tội: tôi giấu không cho đồng chí ấy biết rằng có một khoa học sư phạm và không hề đả động tí gì đến sự "ngấm ngầm tự quản" cả. Tôi nói "Rõ!" và len lén đi ra, mắt lấm lét nhìn ngang đây đó, môi nở nụ cười giảo quyệt.

Tôi lấy làm thích thú rằng các trẻ nuôi Gorki được giao cho sứ mệnh sáng lập cái tập thể mới, song vấn đề đó cũng có những mặt bi quan của nó. Đem cho đi những trẻ ưa tú nhất, có thể như thế được không? Lợi ích của trại Gorki chẳng phải là giữ lấy từng người đó ư?

Nhóm cua Kirghizốp đã làm xong công việc. Trong các xưởng của trại, người ta đã đóng các đồ đạc cho công xã mới, và các cô thợ khâu của chúng tôi đã bắt đầu may quần áo dành cho các xã viên tương lai. Để cho quần áo được máy đo theo người, chúng tôi phải lập tức chỉ định năm chục "Dzecjinxki".

Vấn đề được nghiên cứu cẩn thận ở hội

đồng đội trưởng, và Lapô nói:

- Phải gửi sang công xã những đứa trẻ tốt, nhưng không gửi những người cũ. Những cậu kỳ cựu trước thế nào thì nay cũng cứ nên nguyên như vậy, làm trại viên Gorki thôi. Vả chăng bề nào thì họ cũng sắp sửa bước vào đời.

Các đội trường đồng ý với Lapô, song đến lúc làm danh sách thì ai nấy thảo luận ra trò. Tất cả đều tìm cách chỉ định những trại viên thuộc các đội khác. Buổi họp kéo dài rất khuya, và sau cùng chúng tôi ấn định một danh sách gồm bốn mươi trẻ con trai và mười con gái. Trong số đó có hai anh em Jêvêli, Gorkôpxki, Vania Zaítsenkô, Malikôp, Ôđariuc, Zoren,

Nitxinôp, Xinenki, Sarôpxki, Gacđinôp, Ôlia Lanôva, Xmêna, Vatxia Alecxêiep, Mackơ Sơnhaoxơ. Đặc biệt và để củng cố sự vững chắc, chúng tôi thêm Misa Ôptsarenkô. Tôi xem lại danh sách một lần cuối cùng và rất lấy làm mãn nguyện: những đứa trẻ nhỏ tốt, vững chắc và tin cậy được, mặc dầu còn ít tuổi.

Các trẻ nuôi chỉ định sang công xã chuẩn bị đi. Chúng chưa được xem nhà mới của chúng và vì thế càng thêm buồn phải chia tay với anh em. Có chú lại còn nói:

- Nào biết ở bên ấy sẽ ra sao? Nhà thì tốt đấy, nhưng còn người, chả biết thế nào.

Cuối tháng mười một, việc di chuyển

chúng đã được chuẩn bị đâu vào đấy. Tôi lập danh sách nhân viên của công xã mới. Tôi gửi Kirghizôp sang: ở bên đó anh ta sẽ là một chất men tốt.

Làm bối cảnh cho tất cả những việc này là sự cắt đứt quan hệ hầu như hoàn toàn của tôi với các "giới tư tưởng gia sư phạm" của ủy ban nhân dân Giáo dục Ukren thời ấy. Hồi gần đây, thái độ của các giới đó dối với tôi không những chỉ là phản đối mà còn gần như khinh miệt nữa, Các giới ấy hình như cũng chẳng đông đảo là bao, và những người trong giới xem chừng cũng rất dễ hiểu, song sự đã rõ ràng là tôi không còn đường nào thoát nữa.

Không có ngày nào qua, mà vì những lý do hoặc ngẫu nhiên hoặc nguyên tắc, người ta không tỏ vạch cho tôi thấy tôi đã sa ngã đến mức nào. Thậm chí tôi đã bắt đầu hoài nghi ngay cả bản thân tôi nữa.

Những việc vui vẻ nhất, thích thú nhất cùng đột nhiên biến thành chuyện xung đột. Và không biết chừng tôi thực sự tội lỗi đủ mọi điều chăng.

Hội nghị "Những người bạn của nhi [85] đồng " họp ở Khackôp và trại đến chào mừng hội nghị. Đã hẹn rằng chúng tôi sẽ tới hội trường vào ba giờ đúng.

Phải đi bộ mười cây số. Chúng tôi đi không vội vã, và tôi kiểm soát tốc độ đi của chúng tôi theo đồng hồ, để cho bọn trẻ được nghỉ ngơi, uống nước, nhìn thành phố. Bọn trai rất thích những cuộc hành quân như thế. Trong các phố, chúng tôi khiến mọi người chú ý: ở những chỗ nghỉ, người ta quây lấy chúng tôi, hỏi han, làm quen. Các trại viên, diện quần áo bảnh, giải lao, trao đổi những câu bông đùa. Chúng cảm thấy vẻ đẹp của tập thể chúng. Mọi sự đều hoàn hảo, song mục đích cuộc hành quân không khỏi khiến chúng tôi cảm động đôi chút. Các kim đồng hồ chỉ ba giờ khi trại chúng tôi, đội kèn và cờ dẫn đầu, đến trụ sở hội nghị. Một bà trí thức vẻ tức giận

tất tả chạy ra tiếp chúng tôi, nói liến thoắng:

- Tại sao các người đến sớm thế? Và bây giờ, bác để cho bọn trẻ đứng ở ngoài phố à?

Tôi chỉ cho bà ta xem giờ:

- Có làm sao!... Cũng còn phải chuẩn bị chứ.

- Đã hẹn với chúng tôi là ba giờ.

- Với các đồng chí thì bao giờ cũng có chuyện thôi.

Các trại viên không hiểu chúng sai lầm điều gì và tại sao người ta lại khinh bỉ

nhìn chúng.

- Và tại sao bác lại đem theo những trẻ nhỏ?

- Chúng tôi đến đây toàn trại.

- Nhưng sao lại có thể bắt những đứa nhỏ xíu này đi mười cây số nhỉ? Bác không có quyền ác nghiệt thế chí vì bác muốn chơi trội!

- Bọn trẻ nhỏ đã vui sướng vì cuộc đi chơi này... Sau khi gặp hội nghị, chúng tôi đi xem xiếc, có thể nào để chúng ở nhà được không?

- Xem xiếc à? Thế bao giờ các người ở rạp xiếc ra về!

- Đến tối.

- Đồng chí ạ, đồng chí hãy cho ngay những đứa nhỏ về đi!

Những "đứa nhỏ": Zaïtsenkô, Malikôp, Zoren, Xinenki, đều tái mặt, và mắt chúng nhìn tôi với một hi vọng cuối cùng.

- Có thể hỏi chúng được không? tôi đề nghị.

- Chẳng có gì phải hỏi chúng cả, việc rõ ràng rồi. Bác hãy cho ngay chúng về nhà đi!

- Xin lỗi bà, nhưng tôi không phục tùng quyết định của bà.

- Nếu vậy thì chính tôi ra lệnh cho chúng.

Cố tìm cách che giấu một nụ cười, tôi nói:

- Xin mời bà.

Bà ta tới gần, sát sườn bên trái đoàn chúng tôi:

- Các em nhỏ!... Ừ, các em kia... Các em đi về nhà ngay đi... Hẳn là các em đã mệt…

Giọng nói ve vuốt của bà ta chẳng đánh lừa nổi ai. Có tiếng đáp:

- Sao lại thế, về nhà à? Ơ - ơ, không đâu nhé...

- Và các em sẽ không đi xem xiếc. Sẽ muộn quá đấy...

Những "đứa nhỏ" cười. Zoren liếc mắt trêu chọc như một cô gái nhỏ dự hội khiêu vũ:

- Ô, cái bà này láu cá, bác Antôn Xêmiônôvich a... bác xem bà ta láu cá chưa...

Bằng một cử chỉ ặc biệt của nó, Vania Zaïtsenkô long trọng giơ cánh tay lên về phía lá cờ:

- Đừng nên nói như thế... Ở trong hàng ngũ, người ta không nói như thế đâu... Phải nói như thế này: một, hai... Bà thấy không: hàng ngũ, lá cờ... Bà thấy không?

Bà ta thương hại nhìn những đứa trẻ này đã bị võ biền hóa không sao cứu chữa nổi và bỏ đi.

Những va chạm ấy dĩ nhiên không đem theo hậu quả gì nặng nề cho cuộc sống hàng ngày của chúng tôi, song nó gây ở chung quanh tôi một sự cô lập không chịu nổi trong công tác tổ chức của tôi, mà tôi đã tưởng có thể quen đi được. Vả chăng tôi đã dần dần học tập đối phó với mỗi trường hợp bằng một quyết tâm buồn rầu là nhẫn nại, tìm hết cách chịu đựng. Tôi cố gắng không bắt vào những cuộc tranh luận, và nếu có đôi khi tôi rên siết, thì quả thực đó chỉ thuần túy vì lễ độ, bởi dù sao chăng nữa cũng không thể nào không nói chuyện với các cấp trên của

mình cho được.

Sang tháng mười, xảy ra, với Ujikôp, một tai họa nó khơi giữa "họ" và tôi cái vực thẳm cuối cùng, không thể nào vượt qua được.

Các học viên trường trung học công nông về chơi trại một ngày chủ nhật. Chúng tôi thu xếp chỗ ngủ cho họ trong một lớp học và, ban ngày, chúng tôi tổ chức một cuộc liên hoan trong rừng. Trong khi bọn trẻ chơi đùa, Ujikôp lẻn vào phòng các học viên và lấy cắp cái cặp sách trong đó họ đã cất cả số tiền mà họ vừa mới được lĩnh.

Các trại viên yêu mến những học viên

của họ “như bốn vạn người anh ruột cũng [86] không sao yêu được bằng “. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy xấu hổ không sao chịu nổi. Trong một khoảng thời gian chưa biết được kẻ cắp là ai, đó là điểm nghiêm trọng nhất đối với tôi trong việc này. Trong một tập thể đoàn kết chặt chẽ, điều đáng sợ nhất trong sự ăn cắp không phải là ở chỗ một vật gì đó bị mất mát hay có một người nào đó bực tức, hoặc một kẻ khác vẫn cứ tiếp tục ăn cắp, mà chủ yếu là ở chỗ nó làm rối loạn cái không khí hạnh phúc chung, phá hoại sự tin cẩn giữa anh em bè bạn với nhau và khích động những bản năng đáng ghét nhất: sự nghi ngờ, nỗi lo gìn giữ những

của riêng tây, tính ích kỷ bo bo bom bỏm, cất cất giấu giấu. Nếu không tìm ra kẻ có tội thì tập thể sẽ bị tan rã a: những lời xì xào lan truyền trong các phòng ngủ, tên những kẻ tình nghi được nêu ra trong những cuộc bàn bạc bí mật, nhiều tính cách người phải chịu một sự thử thách nặng nề nhất, và lại đúng là những tính cách mà người ta muốn giữ gìn bảo vệ, khó khăn lắm mới đưa được vào nền nếp. Dù cho sau vài hôm, đứa ăn cắp có bị vạch mặt và chịu một hình phạt xứng đáng đi nữa, cũng mặc, sư đó không hàn dịt được các vết thương, không xóa được sự nhục mạ và nhiều người không sao tìm lại được một vị trí yên ổn trong tập thể. Một trường hợp ăn cắp như thể, xem vẻ

như cá biệt, chứa đựng trong tự thân nó những mầm mống lâu dần trở nên nguy hại nhất: tính kình địch, hờn giận, cô lập và chán đời thật sự. Trong một tập thể, có rất nhiều hiện tượng phát sinh không phải vì có người ảnh hưởng, và trong đó có nhiều phản ứng hóa học hơn là mưu mô ác ý; sự ăn cắp là một trong những loại hiện tượng đó. Sự ăn cắp chỉ là việc đáng sợ ở nơi nào không có tập thể mà cũng chẳng có dư luận quần chúng; trong trường hợp này, sự việc được giải quyết rất đơn giản: một tên ăn cắp, một kẻ bị mất cắp, còn những người khác thì bàng quan, bình chân như vại. Sự ăn cắp trong một tập thể nhen lên và để lộ trần những tư tưởng thầm kín, phá hoại sự nương

nhẹ và nhẫn nại cần thiết cho đời sống chung, điều đó đặc biệt là tai hại trong một xã hội gồm những kẻ "phạm pháp".

Tội của Ujikôp mãi hai hôm sau mới phát hiện ra. Tôi giam giữ nó ngay ở phòng giấy của trại và đặt một người gác trước cửa, để đề phòng một cuộc xử tội riêng trước Hội đồng đội trưởng quyết định đưa phạm nhân ra cho các đồng chí xét xử. Loại tòa án này rất ít khi họp ở trại vì thường thường các trại viên tín nhiệm vào những quyết định của hội đồng. Ujikôp không thể trông đợi điều gì tốt lành ở sự xét xử của các đồng bạn hết. Việc bầu các thẩm phán viên tiến hành ở hội nghị toàn trại, và các phiếu nhất trí dồn vào năm tên: Kutlaty,

Gorkôpxki, Zaïtsenkô, Xtupitxyn và Pêretz. Pêretz được bầu ra là để khỏi làm phật lòng các trẻ nuôi ở Kuriajê. Xtupitxyn vẫn nổi tiếng lớn là người công bình. Việc chọn lựa ba người đầu có đủ mọi bảo đảm về mặt xét xử công minh, không khoan dung cũng không mềm yếu.

Việc xử án khai mạc buổi tối, trước một phòng họp chật ních những người. Brêgen và Djurinxkaia cũng có mặt, chủ ý đến để dự việc xét xử này.

Ujikôp ngồi một mình trên ghế dài của nó. Suối mấy hôm nay, thái độ của nó rất trâng tráo, thô bỉ đối với tôi và các trại viên, ngạo nghễ cười thầm và khiến mọi

người tởm ghét nó thật sự. Ackađi đã sống hơn một năm ở trại, và trong khoảng thời gian ấy, nó đã cải biến - sự đó không còn nghi ngờ gì nữa - song hướng cải biến của nó vẫn còn là mơ hồ. Nó ăn mặc chỉnh chện, sạch sẽ hơn, đứng ngay người hơn, mũi nó không áp đảo cả mọi bộ phận trên mặt tệ hại như trước, và nó còn biết cả đến mỉm cười nữa. Tuy nhiên nó vẫn cứ nguyên là thằng Ackađi Ujikôp cũ, một đứa chẳng có lấy một mảy may tôn kính đối với bất cứ ai và đối với tập thể lại càng kém nữa, chỉ sống với những tham lam, dục vọng trước mắt.

Trước kia Ujikôp sợ bố nó hoặc sợ dân cảnh. Ở trại, chẳng có gì đe dọa nó, trừ hội đồng đội trưởng hay cuộc họp toàn

trại; song đối với loại những hiện tượng đó, Ujikôp chỉ cứ ù lì, trơ trơ trích trích. Ý thức trách nhiệm ở nó lại đã cùn nhụt đi rồi, và đó là nguồn gốc của nụ cười mới và bộ mặt trâng tráo mới của nó.

Song bây giờ thì mặt Ujikôp tái xanh. Dĩ nhiên là tòa án đồng bạn không khỏi làm cho nó sợ.

Đội trường trực nhật ra lệnh cho mọi người đứng dậy, pháp viện vào phòng. Kutlaty bắt đầu nghe các nhân chứng và những người bị thiệt hại. Những lời khai của họ nhiễm đầy ý phê bình nghiêm ngặt và nhiếc móc. Misa Ôptsarenkô nói:

- Thế này, các đồng chí ạ, có những anh

em bảo rằng cái thằng Ackađi kia làm mất danh dự của trại, còn tôi, các bạn ạ, thì tôi bảo rằng không có thể nào như thế, làm mất danh dự của trại là một điều mà nó không thể nào làm được. Nó không phải là một trại viên, không những thế, mà thậm chí người ta có thể bảo nó là một con người được không? Tự anh em hãy xét thử nó có là một con người không? Một con chó, chẳng hạn, một con mèo còn có giá trị hơn, thật đấy. Và bây giờ, nếu hỏi phải làm gì đối với nó à? Người ta không thế túm cổ nó và quẳng nó ra khỏi trại, như thế chẳng giúp ích gì được cho nó. Nhưng tôi đề nghị như thế này: phải làm cho nó một cái chuồng chó và dạy nó học sủa. Chỉ có việc không

cho nó ăn ba hôm là nó sẽ học được thôi, tôi cam đoan với anh em như vậy. Và đừng có để cho nó bước vào các buồng.

Đó là những lời nhục mạ nặng nề, Vania Zaïtsenkô cười lăn lộn ở bàn thẩm phán viên. Ackađi nghiêm túc nhìn Misa, xấu hổ và quay mặt đi.

Brêgen xin nói. Kutlaty đề nghị với bà:

- Có lẽ bà phát biểu sau anh em chăng?

Vì bà khẩn nài, nên Đơnít nhượng bộ. Brêgen tiến lên sân khấu và làm một bài diễn thuyết này lửa. Bây giờ tôi vẫn còn nhớ được vài đoạn của thiên hùng biện ấy:

- Các anh đem thằng bé này ra xét xử là vì nó đã ăn cắp tiền. Tất cả mọi người ở đây đều bảo rằng nó có tội, rằng phải trừng phạt nó nghiêm ngặt và một số người lại đòi phải đuổi nó di. Nó có tội, tất nhiên, song các trại viên hết thảy đều có tội hơn nữa kia.

Giá có một con ruồi bay ở trong phòng, người ta cũng nghe thấy tiếng, và các trại viên vươn cổ ra để nhìn cho rõ cái người đang nói khẳng định rằng họ có tội vì Ujikôp ăn cắp.

- Nó đã sống giữa các anh hơn một năm trời, thế mà nó ăn cắp. Như vậy có nghĩa là các anh đã giáo dục nó không tốt, là các anh đã không quan tâm săn sóc đến

nó đúng mực, với tình đồng chí, là các anh đã không giải thích cho nó biết phải sống như thế nào. Ở đây, người ta bảo rằng nó làm việc không tốt và trước kia, nó đã từng ăn cắp của các bạn nó rồi. Tất cả những điều dó chứng tỏ rằng các anh đã không chú ý đúng mức tới Ackađi.

Những con mắt sắc sảo của bọn trẻ bấy giờ chứng tỏ thấy rõ mối nguy cơ và lo lắng nhìn khắp mặt các bạn chúng, cần phải thừa nhận rằng sự kinh hoàng của chúng không phải là vô căn cứ, vì trong lúc này tập thể đang đương đầu với một đe dọa nghiêm trọng. Song Brêgen không để ý thấy sự lo âu của cử tọa. Bà kết luận bằng một tràng dài thật sự cảm động:

- Trừng phạt Ackađi sẽ là trả thù và các anh không nên hạ mình xuống tới sự trả thù. Các anh phải hiểu rằng Ackađi hiện thời cần đến sự giúp đỡ của các anh; nó đang ở trong một tình trạng nặng nề bởi vì các anh đem ra bêu nó trước mặt mọi người, và ở đây người ta đã so sánh nó với một con vật. Cần phải chọn lấy một vài chú tốt, giao cho họ bảo vệ và giúp đỡ Ackađi.

Khi Brêgen rời sân khấu, mấy hàng ghế trẻ nhỏ xôn xao ngọ nguậy, chúng mỉm cười và bàn tán ồn ào. Có chú nghiêm túc hỏi, tiếng vang vang:

- Thế nào nhỉ, bà ấy đã nói gì thế, hở?

Một tiếng khác trả lời, giọng chừng mực hơn song dưới một hình thức khá châm biếm:

- Giúp đỡ Ujikôp, các con ạ!

Cả phòng cười phá lên. Thẩm phán viên Vania Zuitsenkô ngả hẳn người vào lưng ghế dựa của nó và chân nó đập vào ngăn kéo bàn. Kutlaty nghiêm nghị bảo nó:

- Vania, mày làm thẩm phán gì mà lại thế?

Ujikôp vẫn ngồi gập mình trên đầu gối, rồi bất thình lình, nó bật cười phá lên, nhưng vội nén ngay và lại cúi đầu xuống thấp nữa. Kutlaty muốn bảo nó điều gì, nhưng rồi lại chỉ lắc đầu và nhìn kẻ bị

cáo với một cái nhìn sắc sói đôi chút.

Brêgen xem vẻ không để ý những chuyện vặt vãnh ấy, vì đang mê mải nói chuyện với Djurinxkaia.

Kutlaly tuyên bố pháp viện rút lui để mật nghị. Chúng tôi biết rằng các thẩm phán viên sẽ mất ít nhất một tiếng đồng hồ vào những cuộc tranh luận pháp lý và việc viết bản án. Tôi mời các vị khách sang phòng giấy tôi.

Djurinxkaia ngồi thu mình trong một góc đi-văng. Núp sau vai Guliaêva ở góc đó, bà ta chăm chú quan sát những người khác, hiển nhiên là để cố tìm ra chân lý. Brêgen quả quyết tin rằng ngày hôm nay,

bà đã ban cho tất cả chúng tôi một bài học về "công tác giáo dục chân chính ". Tôi cảm thấy ở trong tôi một sự ngoan cố kỳ lạ, không phải sự ngoan cố của lòng ngay thẳng hoặc của sự đắc thắng, hẳn vậy, nhưng là sự ngoan cố phát sinh từ niềm chua chát và một ý thức mơ hồ rằng những cố gắng của tôi đang đi tới chỗ bế tắc.

Brêgen hỏi:

- Tất nhiên ông không đồng ý với tôi chứ gì?

Tôi trả lời:

- Bà muốn xơi nước chè không?

Những con người này phải cái tật sinh tam đoạn luận quá đỗi. Phương pháp này tốt, phương pháp kia xấu, vậy thì bao giờ cũng phải dùng phương pháp thứ nhất. Phái mất bao nhiêu thì giờ để dạy cho họ cả môn lô-gích biện chứng nữa nhỉ? Làm thế nào chứng tỏ cho họ thấy rằng công tác của tôi bao hàm một loạt liên tục những việc làm lâu dài nhiều hay ít, có khi trải qua hàng mấy năm ròng, và ngoài ra bao giờ cũng có tính chất những cuộc xung đột, trong đó những lợi ích của tập thể và của các cá nhân nhẳng nhịt lẫn lộn nhau một cách vô cùng phức tạp? Làm thế nào nói cho họ tin được rằng suốt trong bảy năm công tác ở trại, tôi chưa từng thấy có hai trường hợp tuyệt đối

giống nhau? Làm thế nào giải thích được cho họ hiểu rằng không thể để cho trại tập chịu đựng quen cái kinh nghiệm của sự bất lực xã hội nọ, chịu đựng quen sự căng thẳng trong phân vân do dự, rằng trong cuộc xử án hôm nay đối tượng giáo dục không phải là Ujikôp, cũng không phải số bốn trăm trại viên tách riêng từng người, mà chính là cả tập thể?

Đội trưởng trực nhật mời chúng tôi trở lại phòng họp. Các trại viên đứng im phăng phắc, nghe bản án như sau:

" *Là kẻ thù của những người lao động và là kẻ ăn cắp, Ujikôp đáng bị đuổi nhục nhã ra khỏi trại, song chiểu chi Ủy ban nhân dân giáo dục đã xin cho y,*

tòa án các đồng chí của y quyết định:

1. Ujikôp sẽ được giữ lại ở trại.

2. Trong thời gian một tháng, Ujikôp sẽ coi như không phải trại viên và bị trục xuất khỏi đội của y, mà không thể được chỉ định tham gia các đội đặc biệt. Cấm hết thảy các trại viên không được nói chuyện với y, giúp đỡ y, ăn cùng bàn, ngủ cùng phòng, chơi đùa với y, ngồi và đi bên cạnh y.

3. Ujikôp sẽ vẫn ở dưới quyền đội trưởng cũ của y, Đmitri Jêvêli. Chỉ có vì lý do công tác, y mới được phép nói với đội trưởng, cũng như chỉ được phép nói với y sĩ, trong trường hợp ốm đau.

4. Ujikôp sẽ ngủ ở giường riêng đặt trong hành lang các phòng ngủ, sẽ ăn ở bàn riêng do thư ký hội đồng đội trưởng chỉ định cho, và nếu y muốn thì sẽ làm nhưng vẫn riêng biệt, những công tác do đội trưởng của y chỉ định.

5. Ai vi phạm quyết nghị này sẽ lập tức bị đuổi khỏi trại, theo lệnh của thư ký hội đồng đội trưởng.

6. Bản án này sẽ có hiệu lực ngay sau khi được giám đốc của trại phê chuẩn".

Những tiếng vỗ tay của cử tọa tán thành bản án. Kuzma Lêsi nói với chúng tôi:

- Đấy, xử thế mới đúng! Và sẽ có tác dụng! Thế mà lại có những người bảo rằng: Hãy giúp đỡ thằng bé tội nghiệp đó và cho nó những cái kìm để nạy hòm, nạy tủ, hừ!

Những tiếng vỗ tay của cử tọa tán thành bản án. Kuzma Lêsi nói với chúng tôi:

- Đấy, xử thế mới đúng! Và sẽ có tác dụng! Thế mà lại có những người bảo rằng: Hãy giúp đỡ thằng bé tội nghiệp đó và cho nó những cái kìm để nạy hòm, nạy tủ, hừ!

Kuzma hồn nhiên nói câu đó ngay trước mặt Brêgen, mà không nghĩ rằng mình thốt ra những lời xấc xược. Brêgen nhìn

cái đầu bù xù của hắn với vẻ khiển trách và nói với tôi bằng một giọng quan thức:

- Tất nhiên là ông sẽ không phê chuẩn cái quyết nghị này chứ?

- Có chứ, phải phê chuẩn, tôi nói.

Trong phòng họp hội đồng đội trưởng đã vắng không còn ai. Djurinxkaia gọi tôi ra một chỗ riêng:

- Tôi muốn nói chuyện với ông. Cái quyết nghị ấy là thế nào? Ý kiến ông về nó ra sao?

- Đó là một bản án tốt, tôi nói. Tẩy chay đã hẳn là một việc nguy hiểm, mà người ta không nên khuyên đem áp dụng nói

chung, nhưng trong trường hợp cá biệt này thì nó sẽ có ích.

- Ông tin chắc chứ.

- Vâng. Bà thấy không, cái thằng Ujikôp này bị mọi người ở trại ghét, người ta khinh bỉ nó. Tẩy chay trước hết sẽ có cái hiệu lực là đặt ra, suốt trong một tháng, một hình thức quan hệ mới mẻ, hợp pháp. Nếu Ujikôp chịu dựng được sự tẩy chay ấy, thì lòng quý trọng của mọi người đối với nó sẽ tăng lên. Đó là một thử thách vẻ vang cho thằng bé ấy.

- Nhưng nếu nó không chịu nổi thì sao?

- Bọn trẻ sẽ đuổi nó đi.

- Vậy ông sẽ phê chuẩn à?

- Nhất định.

- Sao lại có thể thế được nhỉ?

- Thì làm thế nào khác được? Tập thể có quyền tự vệ.

- Bằng cách hi sinh Ujikôp à?

- Ujikôp sẽ tìm một đoàn thể khác, và điều này cũng sẽ có lợi cho nó nữa.

Djurinxkaia mỉm cười buồn bã:

- Gọi cái lối sư phạm này là thế nào được nhỉ?

Tôi không trả lời bà. Chính bà bỗng lại

nghĩ ra:

- Có lẽ gọi là sư phạm đấu tranh chăng?

- Có lẽ.

Trong phòng giấy tôi Brêgen sửa soạn ra về. Lapô bước vào với bản án.

- Chúng ta phê chuẩn chứ, bác Antôn Xêmiônôvich?

- Cố nhiên. Đó là một nghị quyết rất tốt.

- Các anh sẽ đẩy thằng bé ấy đi đến chỗ tự tử. Brêgen nói.

- Ai kia? Ujikôp ấy à? Lapô ngạc nhiên. Tự tử? Chà! Nếu nó tự treo cổ thì cũng chẳng đáng tiếc... Nhưng nó sẽ không tự

treo cổ đâu.

- Rõ khiếp chửa! Bà ta lẩm bẩm trong miệng, và bỏ ra đi.

Mấy bà đó không hiểu rõ Ujikôp với trại. Trại, cũng như chính bản thân Ujikôp, đều nhiệt tâm chấp hành việc tẩy chay, Các trại viên thực sự cắt đứt mọi quan hệ với Ackađi, song đối với nhân vật đáng buồn ấy họ không còn giữ lại chút gì bực tức, hằn học, khinh bỉ nữa. Tuồng như bản án của tòa án đã đảm nhận lấy tất cả những cái đó rồi. Các trại viên rất hứng thú quan sát Ujikôp từ đằng xa và bàn tán liên miên không dứt về tất cả cái quá khứ và tất cả cái tương lai đang chờ đợi nó. Nhiều chú nói quả quyết rằng

cách xử phạt của tòa án chẳng ăn thua gì. Đó là ý kiến của Kôxchia Vetkôpxki nói riêng:

- Thế mà gọi là trừng phạt à? Ujikôp lên mặt anh hùng. Thử nghĩ mà xem, cả trại nhìn nó! Tuồng như nó đáng nhìn lắm ấy!

Quả thực Ujikôp đóng vai anh hùng. Trên mặt nó, rõ ràng xuất hiện một vẻ dương dương tự đắc. Nó đi giữa các trại viên như một ông vua không ai được phép tới gần để hỏi han hoặc bắt chuyện. Tại phòng ăn, Ujikôp ăn ở cái bàn nhỏ biệt lập của nó và cái bàn nhỏ ấy tựa hồ là một ngai vàng đối với nó.

Song cái thú đóng vai anh hùng ấy chẳng

bao lâu đã cạn. Qua vài hôm, Ujikôp cảm thấy những gai góc của cái vương miện nhục nhã mà bản án của đồng bạn đã đặt lên đầu nó. Các trại viên mau chóng quen với tính chất đặc biệt của tình thế của nó, nhưng sự cô lập vẫn tiếp tục. Ackađi bắt đầu cảm thấy khối nặng của những ngày hoàn toàn cô độc, và những ngày đó kéo lê thê, hàng chục tiếng đồng hồ, thành một chuỗi trống rỗng và đơn điệu, thậm chí một chút đầm ấm nhỏ được tiếp xúc với người, để tô điểm những giờ dài ấy, cũng chẳng có nữa. Vậy mà đồng thời, chung quanh Ujikôp, cũng như mọi khi, tập thể vẫn sống cuộc sống hăng say của mình, tiếng cười vang lên, những câu vui đùa trổ ra, các tính

cách nổi bật rạng rỡ, những ngọn lửa của tình bạn và thiện cảm lung linh sáng chói. Dù Ujikôp đáng thương đến mức nào, nhưng niềm vui ấy dẫu sao trước kia cũng là quen thuộc với nó.

Được một tuần lễ, đội trưởng của nó, Jêvêli bảo tôi:

- Ujikôp xin phép được nói với bác.

- Không, tôi đáp, tôi sẽ nói với nó khi nào nó đã chân thành chịu đựng được cuộc thử thách này. Chú hãy trả lời nó thế.

Và không bao lâu tôi vui mừng trông thấy đôi lông mày của Ackađi, từ trước tới giờ bất động, bắt đầu hình thành ở trên

trán nó một nếp nhăn phảng phất nhưng đầy ý nghĩa. Nó bắt đầu nhìn hàng giờ bọn trẻ, trầm ngâm suy nghĩ và mơ màng. Tất cả mọi người đều nhìn thấy thái độ của nó đối với công tác thay đổi rõ rệt. Jêvêli thường hay giao cho nó việc quét sân. Ackađi ra làm việc đúng giờ không sai một phút, quét cái sân rộng của trại, đổ các hòm đựng rác, chăm sóc hàng rào của các bồn hoa. Nhiều khi, ban đêm nó cũng vác xẻng ra sân, nhặt các mẩu giấy và đầu thuốc lá, để ý giữ gìn các khóm hoa sạch sẽ. Một lần nó ngồi cả một buổi tối trong một lớp học để viết trên một tờ giấy lớn mà hôm sau nó đặt ở một chỗ ai cũng trông thấy:

BẠN TRẠI VIÊN, HÃY TÔN TRỌNG

LAO ĐỘNG CỦA ĐỒNG CHÍ BẠN, ĐỪNG VẤT GIẤY XUỐNG ĐẤT

- Hãy xem kia, Gorkôpxki nói, nó tự coi nó là một đồng chí.

Khoảng giữa chừng cuộc thử thách của nó, nữ đồng chí Zôia đến trại. Lúc ấy đúng vào giờ ăn. Zôia đến thẳng bàn của Ujikôp và trong im lặng của phòng ăn hoảng hốt hỏi nó:

- Chú là Ujikôp phải không? Chú cảm thấy thế nào?

Ujikôp đứng đậy, nghiêm chỉnh nhìn vào mắt Zôia và ôn tồn nói:

- Tôi không được nói với bà. Phải được

đội trưởng cho phép.

Nữ đồng chí Zôia bỏ đi tìm Michia Jêvêli. Michia chạy đến, mắt đen như than, vẻ bồng bột, lanh lẹn.

- Nào, có chuyện gì thế?

- Anh cho phép tôi nói với Ujikôp.

- Không, Jêvêli đáp.

- Không là thế nào?

- Thì là... tôi không cho phép, có thế thôi.

Nữ đồng chí Zôia leo lên buồng giấy tôi và tuôn ra hàng xốc chuyện vớ vẩn:

- Nhưng thế là nghĩa lý gì? Ngộ nhỡ nó có điều kêu ca thì sao? Ngộ nhỡ nó bí thế đi tới một quyết tâm gì? Như thế này là hành hạ nó!

- Tôi chả làm thế nào được, đồng chí Zôia ạ.

Hôm sau, ở cuộc họp toàn trại. Natasa Pêtrenkô lên tiếng:

- Anh em ạ, bây giờ ta hãy tha thứ cho Ujikôp. Hắn lao động tốt và chịu đựng một cách chân thành sự trừng phạt hắn, như một trại viên chân chính. Tôi đề nghị tha cho hắn.

Một tiếng lao xao tán thành nổi lên.

- Ừ, có thể đấy...

- Ujikôp đã thay đổi tốt.

- Hoan hô!

- Ừ, đúng. Tha được rồi đấy...

- Phải giúp đỡ thằng bé đó chứ!

Đội trưởng được hỏi ý kiến. Jêvêli tuyên bố:

- Tôi sẽ nói thẳng là: nó đã trở thành một con người khác. Và hôm qua, khi mụ ta đến, cái mụ ấy... ờ, các cậu biết đấy!

- Biết rồi!

- Mụ ta đến tìm nó: em ơi, con ơi, nhưng

nó, nó cừ lắm, nó không chịu. Chính tôi, trước kia tôi nghĩ thằng Akađi sẽ chẳng ra trò trống gì đâu, nhưng bây giờ thì tôi bảo các cậu rằng: ở trong con người nó, có... có một cái gì... của chúng ta đấy.

Lapô ngoác miệng mỉm cười:

- Đã thế thì được: ân xá.

- Cậu hãy cho biểu quyết, các trại viên nói.

Ujikôp, trong khi đó, ngồi im thin thít, gần lò sưởi, đầu cúi xuống. Lapô nhìn khắp lượt những bàn tay giơ lên và vui vẻ nói:

- Thôi đấy... thế là nhất trí... Bớ Ackađi,

cậu đâu rồi? Có lời khen mừng, cậu được tự do đấy...

Ujikôp ló mặt lên sân khấu, nhìn cử tọa, mở miệng ra và... òa lên khóc.

Cả phòng bị xúc động. Có người nói to lên.

- Ngày mai, hắn sẽ nói...

Nhưng Ujikôp đưa tay áo sơ mi lên chùi mắt, và quan sát hắn, tôi thấy hắn đang đau khổ. Sau cùng hắn nói:

- Cảm ơn, anh em... và các chị em... và Natasa. Tôi đây, tôi... tôi hiểu hết, anh chị em đừng tưởng... xin anh chị em...

- Cậu hãy quên đi, Lapô nghiêm khắc nói.

Ujikôp gật đầu phục tùng. Lapô bế mạc buổi họp, và trên sân khấu bọn trai đổ xô tới Ujikôp. Lòng quảng đại của họ hôm nay đã được đền trả bằng vàng ròng.

Tôi thở khoan khoái, như mọi thày thuốc sau mọi cuộc khoan xương.

Công xã Dzecjinxki được khánh thành vào tháng chạp.

Lễ rất trọng thể và rất thắm thiết.

Trước khi đó ít hôm, vào một ngày tuyết êm nhẹ bay phơi phới, số năm mươi trẻ nuôi đầu tiên được chỉ định cho công xã,

mặc quần áo mới và khoác măng-tô vải lông kiểu hải ly, từ biệt các anh em và đi bộ qua thành phố đến chỗ ở mới. Chúng đi thành một nhóm nhỏ sát nhau chặt chẽ, trông có vẻ bé loắt choắt và giống một lũ gà con đen xinh xắn. Chúng đến công xã, mình phủ đầy bông tuyết như phủ lông tơ, vui vẻ và má đỏ hồng hào. Và, cũng vẫn như lũ gà con, chúng lanh lẹn chạy đi khắp công xã, bập mỏ vào các vấn đề tổ chức linh tinh. Mười lăm phút sau, chúng đã có hội đồng đội trưởng của chúng, và đội đặc biệt ba đã bắt đầu khiêng chuyển các giường.

Các trại viện Gorki đã đến dự lễ khánh thành, với đội nhạc và cờ dẫn đầu. Bây giờ là họ đến thăm những người anh em,

từ nay trở đi mang cái tên mới mẻ và trịnh trọng khác thường là xã viên công xã. Giữa bốn trăm đứa trẻ tụ tập lại, mới đây còn là vô thừa nhận, nhóm các đồng chí Tsêka, những người có trách nhiệm nhất, bận rộn nhất, bận rộn nhất và có công lao nhất, không có vẻ gì là một nhóm những nhà từ thiện hết thảy. Hai bên đã lập tức liên kết với nhau bâng những quan hệ thân thiết đầm ấm, trong đó nổi bật lên sự khác nhau giữa hai thế hệ và sự tôn kính đặc biệt của chúng tôi, sự tôn kính của trẻ nhỏ xô-viết đối với những người lớn tuổi. Nhưng đồng thời những trẻ nhỏ ấy không xử sự như một bầy nhi đồng được bảo hộ; chúng có tổ chức riêng, quy tắc riêng và phạm vi

hoạt động riêng, trong đó có phần của phẩm cách, trách nhiệm và bổn phận.

Như một sự dĩ nhiên, công xã được giao cho tôi quản đốc, tuy chưa có gì là nói rõ và tuyên bố cả.

So sánh với công xã, thì trại Gorki là một công việc vừa phức tạp vừa khó khăn hơn. Bị hụt đi năm chục anh em, các trại viên Gorki lấy vào năm chục người mới, đều là những trẻ ở thủ đô đã trải mùi đời. Cũng như trước kia, bọn trẻ mới tiếp thu mau chóng kỷ luật và những truyền thống của trại, song vốn văn hóa chân chính và cái nhân cách tập thể chân chính thì hình thành chậm chạp hơn nhiều. Vả chăng tất cả những cái đó cũng

là chuyện bình thường mà thôi.

Những viễn cảnh đẹp đẽ mở ra trước mặt chúng tôi: chúng tôi bắt đầu mơ tưởng trường trung học công nông của chính chúng tôi, một tòa nhà mới cho các xưởng cơ khí, những khóa tốt nghiệp mới bước vào đời. Và không bao lâu, chúng tôi đọc báo thấy tin ông Gorki của chúng tôi về Liên-bang.

14. PHẦN THƯỞNG

Thời kỳ ấy, kể từ tháng chạp đến tháng bảy, là một thời kỳ tốt đẹp. Hồi đó, con tàu của tôi bị chao đảo dữ dội vì gió bão, song ở trên tàu có hai cái tập thể, mỗi cái đều xuất sắc theo cách riêng của nó.

Không bao lâu các công xã viên Dzecjinxki phát triển số người lên tới một trăm rưởi. Số tiếp viện đến làm ba toán khoảng khoảng ba chục, tất cả đều là những trẻ vô thừa nhận thuộc nhóm "hạng nhất ", tất cả đều là của đầu nia. Các công xã viên sống một đời sống có văn hóa và lành mạnh, và nhìn xa xem chừng

người ta chỉ có thể thèm ước họ thôi. Nhiều người thật sự thèm ước họ, mà chẳng phải chỉ có riêng những trẻ vô thừa nhận.

Các trẻ nuôi Dzecjinxki đi ra ngoài mặc những bộ quần áo đẹp bằng da, cổ áo rộng màu trắng. Họ có một đội nhạc với những nhạc cụ gió bằng đồng bạch, và kèn của họ mang nhãn hiệu một xưởng chế tạo nổi tiếng ở Pragơ. Các công xã viên là những khách được hoan nghênh ở các câu lạc bộ công nhân và câu lạc bộ nhân viên Tsêka, họ đến đấy với một thái độ lịch sự đĩnh đạc, vẻ mặt hồng hào và hòa nhã. Tập thể của họ bao giờ cũng có vẻ được giáo dục bồi dưỡng cao độ, thậm chí những người có một bộ óc giản

đơn đến phát tức lên:

- Các anh đã chọn những đứa con nhà tử tế, cho ăn mặc vào để đem ra trưng. Các anh hãy thử lấy những trẻ vô thừa nhận xem!

Song tôi không được rảnh rỗi để buồn phiền về chuyện đó. Tôi khó lòng có đủ thì giờ để làm cho xong những việc cần thiết. Tôi đi đi lại lại bằng xe song mã, từ tập thể nọ sang tập thể kia, và thì giờ mất ở dọc đường xem chừng là một lỗ hổng tai hại trong thời khóa biểu của tôi. Mặc dầu đội ngũ bọn trẻ không tỏ vẻ gì xao xuyến, và chúng tôi không bao giờ rời xa những bờ hạnh phúc hoàn toàn, song các giáo viên của chúng tôi cũng đã

làm việc đến hết hơi sức. Hồi đó tôi đã đi tới một luận điểm, mà ngày nay tôi vẫn còn chủ trương, mặc dầu, nó có vẻ rất là nghịch lý. Những đứa trẻ bình thường hoặc đặt vào những điều kiện bình thường là những đứa gây cho nhà giáo dục nhiều nỗi vất vả nhất. Chúng có những thiên tính tế nhị hơn, những đòi hỏi phức tạp hơn, một trình độ văn hóa cao hơn và những quan hệ đa dạng hơn. Chúng không đòi hỏi chúng tôi phải phóng ra những chí lực mạnh mẽ hoặc những tình cảm tiêu phí lộ liễu, nhưng chúng đòi hỏi một sách lược vô cùng phức tạp.

Các trại viên, cũng như các công xã viên, không còn sống cách biệt với xã hội nữa.

Chúng thảy đều có rất nhiều mối quan hệ xã hội: với các giới Kômxômôn, thiếu niên tiền phong, thể thao, quân sự, các câu lạc bộ. Giữa bọn trại và thành phố đã vạch ra không biết bao nhiêu đường lớn, đường nhỏ, trên đó qua lại không phải chỉ có những người, mà còn có những tư tưởng, quan niệm và ảnh hưởng nữa.

Vì thế nên bức tranh bao quát của công tác sư phạm đã được tô vẽ thêm những màu sắc mới. Đã từ lâu tôi không còn phải quan tâm duy nhất về chuyện kỷ luật và trật tự thường ngày nữa. Những cái đỏ đã trở thành truyền thống của tập thể. Đối với truyền thống ấy, tập thể xử lý còn giỏi hơn tôi, và tập thể chú ý giữ gìn cho

nó được tôn trọng, không phải ngẫu nhiên nữa, không phải nhân dịp những chuyện náo động hay những cơn điên loạn nữa, mà tôn trọng từng giờ từng phút, thậm chí tôi có thể nói là theo đúng những yêu cầu của bản năng tập thể.

Dù tôi có gặp khó khăn đến thế nào chăng nữa, cuộc đời tôi hồi đó cũng là một đời sung sướng. Thực khó lòng tả được cái ấn tượng có một không hai của niềm hạnh phúc mà người ta cảm thấy trong một tập thể nhi đồng đã lớn lên cùng với ta, tin tưởng ở ta không bờ bến và cùng ta tiến bước. Trong một tập thể như vậy, ngay đến sự thất bại cũng không là phiền muộn, ngay đến nỗi buồn và sự đau đớn cũng được điểm tô một giá trị

vô cùng cao quý.

Tôi tha thiết với tập thể các trại viên Gorki hơn là với các công xã viên. Ở đấy các quan hệ thân hữu bền vững hơn và sâu sắc hơn, ở đấy có những con người mà giá thành đào tạo cao, có một cuộc đấu tranh gay gắt hơn. Tôi cũng cần thiết cho chúng hơn. Các trẻ nuôi Dzecjinxki đã có cái may mắn gặp được ngay tức khắc những người cha đỡ đầu như các đồng chí Tsêka, còn các trẻ nuôi Gorki thì, trừ tôi và một nhóm nhỏ giáo viên ra, chẳng có ai là người gần gũi hết. Vì thế cho nên tôi không bao giờ nghĩ rằng sẽ có một ngày kia tôi xa rời chúng. Nói chung tôi không tưởng tượng nổi một việc như vậy; nó chỉ có thể là một tai họa

vô biên trong cuộc đời tôi.

Về đến trại là tôi về nhà tôi, và ở buổi họp toàn trại, cũng như ở hội đồng đội trưởng, ngay cả trong sự thôi thúc của những va chạm rắc rối nhất và của những quyết định khó khăn, tôi cũng nghỉ ngơi thật sự. Trong thời gian đó, một trong những thói quen của tôi đã được in sâu mãi mãi: tôi không còn khả năng làm việc trong yên tĩnh nữa. Chỉ khi nào ở gần bên tôi, ngay tại bàn tôi vang lên tiếng trẻ nhỏ om sòm, tôi mới thực cảm thấy thư thái, tư tưởng tôi mới linh hoạt và trí tuệ tôi mới làm việc vui hơn. Và tôi đặc biệt biết ơn các trẻ nuôi Gorki về điểm đó.

Song công xã Dzecjinxki ngày càng đòi hỏi tôi nhiều hơn. Những việc phải lo tính ở đấy mới mẻ hơn và những viễn cảnh sư phạm cũng vậy.

Đặc biệt mới mẻ và bất ngờ đối với tôi là đoàn thể các anh em Tsêka. Nhân viên Tsêka, trước hết là một tập thể, còn về phần các nhân viên của Ủy ban nhân dân giáo dục thì tuyệt đối không thể nói như vậy được. Và tôi càng quan sát cái tập thể ấy, tôi càng đi sâu vào những quan hệ công tác với họ sự mới mẻ kỳ lạ của nó lại càng lộ rõ trước mắt tôi. Nguyên do vì đâu mà ra như vậy, quả thực tôi cũng không biết nữa, song tập thể các anh em Tsêka có đúng những đức tính mà suốt tám năm tôi đã muốn bồi dưỡng cho tập

thể các trại viên. Tôi bỗng chốc phát hiện thấy ở trước mặt tôi cái điển hình mà, từ trước cho tới bấy giờ, chỉ có trí tưởng tượng của tôi dựng nên thôi, mà tôi đã rút ra một cách lô-gich và có nghệ thuật từ hết thảy mọi biến cố và toàn bộ triết học của cách mạng, song tôi chưa từng trông thấy bao giờ và cũng không còn mong mỏi gặp được nữa. Sự phát hiện ấy vô vàn quý giá và giàu ý nghĩa đối với tôi, thậm chí điều tôi sợ hơn hết là bị thất vọng. Cho nên tôi hết sức giữ nó bí mật, vì tôi không muốn những quan hệ của tôi đối với những người ấy có một chút nào giả tạo.

Điều này trở thành điểm xuất phát cho tư tưởng sư phạm mới của tôi. Tôi đặc biệt

sung sướng nhận thấy rằng những đức tính của tập thể anh em Tsêka soi sáng rất dễ dàng và đơn giản vào những chỗ tối tăm mơ hồ của cái khuôn mẫu tưởng tượng kia, nó đã hướng dẫn công tác của tôi từ trước tới bấy giờ. Từ nay trở đi tôi có khả năng tưởng tượng đến từng chi tiết nhỏ nhặt nhất nhiều lĩnh vực cho đến nay vẫn là bí hiểm đối với tôi. Ở các anh em Tsêka, một óc thông minh cao độ, kết hợp với học vấn và văn hóa, không bao giờ mang cái hình thức mà tôi chúa ghét của người trí thức Nga. Tôi đã biết trước là phải như vậy, song điều này làm thế nào mà thể hiện ra được ở con người sinh động, đó là sự tôi khó tưởng tượng. Và bây giờ thì tôi có cơ hội được nghiên

cứu một lối nói năng, những kiểu hoạt động lô-gich, một hình thức mới biểu hiện tình cảm lý tính, những xu hướng hứng thú mới, những cấu tạo thần kinh mới, và - quan trọng hơn hết cả - một hình thức mới sử dụng lý tưởng. Ai cùng biết, ở các nhà trí thức của ta, lý tưởng khác nào một anh thuê nhà láo xược: một kẻ xâm nhập, chẳng trả tiền nong gì cả, một cái lưỡi rắn ráo, đầu độc hết thảy mọi người; ai nấy đều phàn nàn về người láng giềng và tìm cách dọn nhà đi ở càng xa lý tưởng càng tốt. Bây giờ tôi được thấy tình hình khác hẳn: lý tưởng không phải là một kẻ thuê nhà mà một người quản lý tốt, anh ta tôn trọng lao động của bà con hàng xóm, chăm nom mọi sửa

chữa, để ý việc sưởi ấm, làm việc ở nhà anh ta ai nấy đều thấy thuận tiện và dễ chịu. Điều thứ hai mà tôi chú ý là bản chất của tính nguyên tắc rất cao ở các anh em Tsêka, song đối với họ nguyên tắc không phải là một cái băng bịt mắt, như đối với một số "bạn" của tôi. Anh em Tsêka coi nguyên tắc là một dụng cụ đo lường mà họ sử dụng, cũng bình tĩnh như sử dụng chiếc đồng hồ, không sai sót, song cũng không vội vã hốt hoảng như mèo bị bỏng. Sau hết tôi được thấy đời sống bình thường của một nguyên tắc là như thế nao, và tôi dứt khoát tin rằng sự chán ghét của tôi đối với cái mà các nhà trí thức coi là những nguyên tắc là rất đúng. Vì ai ai cũng biết từ lâu rằng:

khi nào một ông trí thức làm cái gì đó theo nguyên tắc, thì như vậy có nghĩa là chỉ trong nửa tiếng đồng hồ nữa, chính ông ta và cả những người chung quanh ông ta đều cùng phải uống thuốc an thần.

Tôi lại còn được thấy nhiều đặc điểm khác nữa: một khí sắc lúc nào cũng linh lợi, một cách nói ngắn gọn, sự thù ghét những công thức có sẵn, cái tính không thể chịu nằm ườn trên ghế đi-văng hay cạp bụng ngồi ở bàn ăn được, sau hết một khả năng làm việc vui vẻ và vô hạn độ, không làm ra mặt tuẫn nạn cũng không giả dối, không có một chút gì nhắc nhở tới cái lệ khả ố đóng vai "vật hi sinh thần thánh". Và cuối cùng tôi được thấy và ngón tay sờ được hẳn vào cái chất

quý giá nọ mà người ta không thể gọi cách nào khác hơn là chất "keo xã hội": cảm giác về viễn cảnh chung, khả năng nhìn rõ tất cả mọi thành viên của tập thể trong từng lúc của quá trình công tác, ý thức thường xuyên về những mục tiêu chung vĩ đại, ý thức này tuy nhiên không bao giờ mang tính chất giáo lý hoặc tính chất những ngoa ngôn trống rỗng. Và chất keo xã hội ấy không phải bán ở cửa hàng, bỏ ra năm kôpéc là mua được, mà chỉ dùng tới khi đi diễn thuyết hoặc dự hội nghị, đó không phải là một hình thức cọ xát lễ độ và tươi cười với người ngồi gần mình, mà đó là sự cộng đồng chân chính, là sự nhất trí giữa hành động và công tác, giữa trách nhiệm và giúp đỡ, là

sự nhất trí của truyền thống.

Trở thành những đối tượng được các nhân viên Tsêka đặc biệt ân cần săn sóc, các trẻ nuôi của công xã Dzecjinxki ở trong hoàn cảnh rất may mắn: chúng chỉ có việc mở mắt ra nhìn thôi. Còn tôi, tôi không cần phải đập đầu vào tường nữa, để thuyết phục cho các vị lãnh đạo của tôi tin rằng khăn tay bỏ túi là thứ cần thiết và ích dụng.

Sự thỏa mãn của tôi là một thỏa mãn thuộc loại cao quý. Thử cố chung đúc nó vào một câu ngắn gọn, tôi hiểu rằng: tôi đã được quen biết gần gũi những người bônsêvich chân chính. Tôi hoàn toàn tin rằng phương pháp sư phạm của tôi là

một phương pháp sư phạm bônsêvich, rằng con người điển hình tôi đã lấy làm kiểu mẫu, không phải chỉ là kết quả rực rỡ của trí tưởng tượng và những ước mơ của tôi mà thôi, nhưng đó chính là hiện thực, cái hiện thực đã trở thành một bộ phận công tác của tôi, cho nên tôi càng cảm thấy nó rõ rệt.

Và công tác của tôi ở công xã không bị đầu độc bởi một chứng điên loạn nào hết: công tác khó khăn thật đấy, song trí lực của con người có thể đảm nhiệm được.

Đời sống của các công xã viên không được giàu có sung túc và không thoát khỏi mọi điều lo lắng đến mức như

những người chung quanh tưởng tượng. Các nhân viên Tsêka rút một số phần trăm lương bổng của họ ra để duy trì công xã, song đối với chúng tôi cũng như đối với anh em thì không thể nào chấp nhận điều đó được.

Mới được ba tháng công xã đã cảm thấy thực sự khốn quẫn. Chúng tôi hoãn trả lương và ngay đến các món chi tiêu về ăn uống, chúng tôi cũng thanh toán khó khăn. Số thu nhập của các xưởng ít ỏi, vì thực tế đó là những xưởng học nghề. Nói cho đúng, ngay từ hôm đầu, bọn trai và tôi, chúng tôi đã lôi cái xưởng đóng giày vào một xó tối, và cùng nhau ra sức ấn nó xuống dưới những chiếc gối mà đè cho chết ngạt. Anh em Tsêka giả bộ

không nhận thấy cuộc ám sát đó. Song ở các xưởng khác, chúng tôi không làm thế nào mà khởi động được một công tác sinh lợi.

Một lần, thủ trưởng của chúng tôi mời tôi qua phòng giấy của ông, cau lông mày lại, trầm ngâm suy nghĩ, đặt một tấm séc lên bàn và bảo:

- Tất cả đấy.

Tôi hiểu:

- Bao nhiêu?

- Một vạn. Những viên đạn cuối cùng. Chúng tôi đã lấy số tiền dự chi cho cả một năm sau đấy. Bây giờ thì không còn

gì nữa hết. Ông hãy nên sử dụng cái.., người đó... bác ta là người có nghị lực...

Vài hôm sau công xã thấy xuất hiện một người thuộc một điển hình chẳng sư phạm chút nào, Xôlômông Bôritxôvich Kôgan. Xôlômông Bôritxôvich đã già rồi, ngót nghét sáu mươi, mắc bệnh đau tim, bệnh suyễn, thần kinh suy nhược, viêm phổi, lại béo bệu. Song con người ấy bị con quỷ hoạt động nó ám ảnh, và Xôlômông Bôritxôvich không làm gì nổi con quỷ ấy hết. Xôlômông Bôritxôvich đến, chẳng đem theo được tiền của vốn liếng, hoặc nguyên vật liệu, hoặc thiên tài phát minh gì, song ở trong con người tàn tật của bác ta sôi sục bao nhiêu sức lực bận rộn mà bác đã không tiêu đi

được dưới chế độ cũ: óc kinh doanh, tính lạc quan, tinh thần chiến đấu, sự hiểu biết người, lại có một tí chút - có thể tha thứ được - tự do chủ nghĩa phối hợp một cách kỳ lạ với một tính thụ cảm dễ dàng xúc động và sự tận tụy với lý tưởng. Hình như lại có một niềm tự hào bao vây lấy tất cả những cái đó, vì Xôlômông Bôritxôvich thích nói:

- Các anh chưa biết Kôgan này đâu! Khi nào biết lão, thì rồi các anh sẽ nói nhé!

Bác ta nói đúng. Chúng tôi đã biết Kôgan và chúng tôi đã nói: đó là một người xuất sắc phi thường. Chúng tôi rất cần đến cái kinh nghiệm thực tiễn của bác ta. Nói cho đúng thì cái kinh nghiệm

ấy có khi biểu hiện dưới những hình thức làm cho chúng tôi thấy lạnh xương sống, không dám tin ở mắt mình nữa.

Xôlômông Bôritxôvich chở ở tỉnh về một xe tải giầm xà nhà. Để làm gì?

- Sao lại để làm gì? Dựng nhà kho gửi đồ chứ gì nữa? Tôi đã nhận đóng một số đồ gỗ cho Học viện Kiến trúc đặt, thế thì cũng phải xếp chúng vào một chỗ nào chứ.

- Chẳng cần phải xếp chúng vào chỗ nào cả. Ta đóng đồ gỗ xong rồi gửi đến Học viện.

- Hề-hề! bác tưởng đấy là một cái học viện thật à? Cái hộp ấy chỉ là một trò

bịp. Nếu là một cái học viện, thì tôi lại đi giao thiệp với họ làm gì?

- Không phải là một học viện à?

- Học viện là cái gì chứ? Thì mặc họ muốn tự gọi như thế nào thì gọi. Điều cốt yếu là họ có tiền. Một khi họ có tiền, thì họ muốn có đồ đạc. Và muốn dùng đồ đạc thì phải có một cái mái nhà, bác biết đấy. Thế mà xây một cái mái nhà thì họ cùng còn phải mất thì giờ, bởi vì hiện giờ tường nhà họ cũng còn chưa có nữa là.

- Dẫu sao thì ta cũng sẽ chẳng xây một nhà gửi đồ nào hết.

- Ấy tôi cùng bảo họ đúng như thế đấy.

Họ cứ tưởng đâu công xã Dzecjinxki là một... là một cơ quan gương mẫu. Và nó sẽ đi lo chuyện nhà kho gửi đồ vớ vẩn nào đây hẳn?! Làm như thể chúng mình có thì giờ lo chuyện ấy vậy!

- Thế họ bảo sao?

- Họ bảo: cứ xây đi! Họ đã tha thiết đến thế, thì tôi nói: cái đó tốn hai vạn. Nhưng nếu bác bảo tôi không nên xây, thì thôi không xây, tùy ý bác. Ta đi xây một kho gửi đồ làm gì, trong khi cái chúng ta đang cần là một xưởng lắp ghép?

Hai tuần lễ sau Xôlômông Bôritxôvich bắt đầu xây dựng xưởng. Các cột đã dựng xong, thợ mộc bắt đầu đặt các ván

tường.

- Bác Xôlômông Bôritxôvich, bác lấy đâu ra cái xưởng lắp ghép này thế?

- Sao lại đầu ra? Tôi không nói với bác rồi à? Họ đã chuyển khoản cho ta hai vạn...

- Ai chứ?

- Thì học viện, bác biết rõ rồi...

- Để làm gì?

- Làm gì? Họ muốn ta làm một nhà gửi đồ cho họ... Thế đã làm sao? Tôi tiếc làm quái gì?

- Khoan đã, bác Xôlômông Bôritxôvich,

các bác đang xây đây dù sao thì cũng chẳng phải là một nhà gửi đồ, mà là một xưởng lắp ghép.

Xôlômông Bôritxôvich bắt đầu phát bẳn:

- Ồ, chuyện mới hay chửa! Thế ai đã bảo tôi là không cần có một nhà gửi đồ? Không phải bác đấy à?

- Phải gửi trả lại tiền người ta.

Bộ mặt của Xôlômông Bôritxôvich nhăn lai thành những nếp khó chịu;

- Này bác ạ, không thể nào lại thiếu ý thức thực tiễn đến nước ấy được. Tiền ròng bạc chảy ai lại có đi gửi trả lại? Có lẽ bác chăng, thần kinh của bác vững

chãi thì bác làm thế được, chứ còn người yếu như tôi, tôi xin chịu, không thể đem nó ra mà thử thách như vậy được... Gửi trả lại tiền!

- Nhưng rồi sau cùng họ sẽ biết.

- Bác Antôn Xêmiônôvich này, cứ kể ra thì bác là một người thông minh mới phải. Họ có thế biết được cái gì chứ? Được, hãy cho là họ đến đây ngày mai, chẳng hạn: chúng tôi xây dựng đây, có thấy không? Nào có chỗ nào đề rằng đây là một xưởng lắp ghép không?

- Thế đến khi bác bắt đầu làm việc thì sao?

- Ai ngăn cấm tôi làm việc được? Học

viện kiến trúc chăng? Và nếu tôi muốn làm việc ở ngoài trời hay trong nhà gửi đồ, thì có luật pháp nào cấm chăng? Không, chẳng có luật nào cấm hết.

Cái lôgích của Xôlômông Bôritxôvich không biết có ranh giới nào cả. Đó là một cây chùy phá thành mạnh ghê gớm, nó thúc đổ hết mọi chướng ngại. Trong lúc này, chúng tôi không chống cự lại nó, vì những manh tâm chống cự của chúng tôi đều bị đè bẹp dí ngay từ lúc đầu.

Sang mùa xuân, khi đôi ngựa của chúng tôi bắt đầu được thả đêm ở ngoài bãi cỏ, Gorkôpxki hỏi tôi:

- Bác Xôlômông Bôritxôvich xây dựng

cái gì ở chuồng ngựa thế không biết?

- Sao cơ, bác ấy xây dựng cái gì?

- Bác ấy bắt đầu rồi đấy! Bác ấy đã đặt một cái gì như nồi hơi và đang làm một ống khói.

- Bảo bác ấy lên đây!

Xôlômông Bôritxôvich đến, người lem luốc từ đầu đến chân, mồ hôi mồ kê nhễ nhại và thở hồng hộc như mọi khi.

- Bác xây cái gì ở ngoài ấy thế?

- Tôi xây cái gì ấy a? Một cái lò đúc, bác biết rõ đấy.

- Một cái lò đúc? Nhưng đã quyết định

để nó ở sau nhà tắm kia mà.

- Tại sao lại ở ngoài ấy, trong khi đã có một gian nhà sẵn sàng?

- Xôlômông Bôritxôvich!

- Làm sao, có cái gì mà: Xôlômông Bôritxôvich?

- Nhưng còn ngựa? Gorkôpxki hỏi.

- Ngựa sẽ sống ở ngoài trời. Các chú cho là chỉ có các chú mới cần khí trời khoáng đãng thôi, chứ còn ngựa, thì đấy, chúng có thể hít thở mọi thứ bẩn thỉu à? Các chú là những người chủ tốt gớm nhỉ!

Nói cho đúng, thì là chúng tôi đã bị đánh

bật khỏi trận địa. Vichia, tuy nhiên, cũng xú lông dím lên:

- Thế khi mùa đông đến thì sao?

Nhưng Xôlômông Bôritxôvich đập cho hắn vụn ra như cám:

- Chú đã chắc lắm à, chắc là có mùa đông à?

- Xôlômông Bôritxôvich! Vichia như bị sét đánh kêu lên.

Xôlômông Bôritxôvich nhè nhẹ đánh bài rút lui:

- Mà cho rằng có mùa đông nữa, thì đã làm sao? Vậy không thể xây một cái

chuồng ngựa vào thống mười được à? Đối với các chú thì cũng thế thôi chứ có khác gì? Hay là các chú cứ nhất định muốn cho tôi lãng phí hai nghìn rúp bây giờ mới được?

Với những tiếng thở dài buồn phiền, chúng tôi đành cam chịu. Xôlômông Bôritxôvich, động lòng thương hại, gập từng ngón tay lại giải thích:

- Tháng năm, tháng sáu, tháng bảy, rồi thì tháng gì nhỉ... tháng tám, tháng chín...

Do dự hoài nghi một giây, rồi bác lại quả quyết nói tiếp:

-...Tháng mười... sáu tháng, thử nghĩ xem! Trong sáu tháng hai nghìn rúp lại

đẻ ra hai nghìn rúp nữa. Thế mà các chú lại muốn để cho chuồng ngựa trống rỗng trong sáu tháng à? Một số vốn chết, có lý nào thế?

Một số vốn chết, dù là dưới những hình thức vô tội nhất, cũng là điều không thể nào chịu được đối với Xôlômông Bôritxôvich:

- Tôi không thể ngủ được, bác ta nói. Có thể nào mà ngủ cho đang trong khi có bao nhiêu việc phải làm như vậy, mỗi phút là một trận tác chiến. Ai đã đặt ra cái chuyện ngủ lâu đến thế?

Chúng tôi thảy đều kinh ngạc hết sức: vừa mới đây thôi, chúng tôi còn nghèo

nàn như vậy, thế mà bây giờ Xôlômông Bôritxôvich đã có hàng núi gỗ, ngũ kim, máy tiện: ngày lao động của chúng tôi sáng chói lên vì những giấy báo nhập khoản, chi phiếu, tiền ứng, hóa đơn, một vạn, hai vạn, lập lòe như những lửa ma trơi, ở hội đồng đội trưởng, Xôlômông Bôritxôvich đã lắng nghe với một vẻ khinh bỉ buồn ngủ những lời bàn bạc của bọn trai về số tiền ba trăm rúp may quần. Bác nói:

- Có gì mà phải bàn bạc chứ? Bọn trẻ cần có quần... Và không phải là bỏ vào đấy ba trăm, như thế chỉ được quần xấu, mà phải bỏ một nghìn rúp...

- Thế tiền đâu? bọn trai hỏi.

- Các chủ có hai bàn tay với một cái đầu. Cái đầu của các chú sinh ra để làm gì? Để mắc một chiếc cát-két lên đấy à? Không phải thế đâu nhé! Các chú hãy làm việc thêm mười lăm phút ở xưởng rồi tới sẽ lập tức kiếm cho các chú một nghìn rúp, hơn nữa không biết chừng, tùy theo các chú kiếm ra được nhiều hay ít.

Xôlômông Bôritxôvich chất đầy những máy móc cũ rẻ tiền vào các xưởng công trình nhẹ của bác. Các xưởng này rất giống những kho chứa hàng, bác xếp đống ở đó những phế liệu vứt đi, chằng buộc cả lai bằng dây dợ và những lệnh cấm đoán, song các công xã viên đều say sưa vục đầu vào đống đồ công nghệ tập tàng ấy. Chúng làm ra đủ thứ: đồ đạc cho

câu lạc bộ, cột giường, bình đựng dầu, quần cụt nhỏ, sơ-mi kẻ ô, bàn học, ghế dựa, cần kích phát cho máy chữa cháy, nhưng cái gì chúng cũng làm ra nhiều vô kể, bởi vì trong ngành sản xuất của Xôlômông Bôritxôvich, sự phân công trong công tác được đưa lên tới cao độ:

- Có thực là chú sẽ học làm thợ mộc không? Bề nào thì chú cũng sẽ chẳng làm thợ mộc, chú sẽ làm bác sĩ, tôi biết thế. Vậy thì chú hãy tiện những chân ghế dựa đi, tại sao chú lại đi làm cả một chiếc ghế dựa làm gì? Tôi trả một kôpéc mỗi đôi bằng chân và chú sẽ kiếm được năm mươi kôpéc một ngày. Vợ con, chú chưa có...

Các ông xã viên cười ồ lên ở hội đồng đội trưởng và công kích Xôlômông Bôritxôvich vì kiểu làm "ẩu" như thế, song chúng tôi đã có kế hoạch sản xuất và kế hoạch tài vụ, đó là một sự tối ư thiêng liêng.

Tiền lương đã được du nhập vào công xã, nghiễm nhiên như thể chẳng ai nghe nói gì đến khoa sư phạm, cũng như đến [87] ma quỷ và những cám dỗ của nó hết thảy.

Khi các giáo viên lưu ý Xôlômông Bôritxôvich đến vấn đề sư phạm của tiền lương, bác ta đáp:

- Tôi thiết tưởng chúng ta có nhiệm vụ giáo dục những con người thông minh. Thế mà làm việc không lương thì thông minh làm sao được?

- Này bác Xôlômông Bôritxôvich ạ, thế theo ý kiến bác thì tư tưởng không có giá trị gì ư?

- Khi một người được lĩnh lương, thì hắn ta có vô khối tư tưởng, không biết nhét vào đâu cho hết. Còn khi hắn không tiền, thì hắn chỉ có mỗi một tư tưởng thôi: vay ai được? Đó là một sự thực tế.

Xôlômông Bôritxôvich là một chất men rất hữu ích cho tập thể cần lao của chúng tôi. Chúng tôi biết cái lô-gich của bác ta

thuộc một thế giới khác và nó buồn cười thật đấy, song cái năng động tính của nó vui vẻ đập tan nhiều thành kiến và, do phản ứng, nó đòi hỏi phải có một phong cách làm việc khác hẳn.

Việc đưa công xã Dzecjinxki vào đường kinh doanh sinh lợi đã được tiến hành rất giản dị, hầu như không tốn công sức gì, thậm chí cũng chẳng khiến chúng tôi thấy đó là một thắng lợi quan trọng đến thế nữa. Xôlômông Bôritxôvich đã chẳng phải là nói hão:

- Cái gì chứ? Một trăm rưởi công xã viên mà không kiếm ăn nổi ư? Có thể như thế nào khác được? Họ cần có rượu sâm-banh chắc? Hay là vợ họ thích trưng

diện hẳn?

Do nỗ lực chung lớn lao các công xã viên đã hoàn thành liên tiếp các kế hoạch sản xuất của chúng tôi. Các nhân viên Tsêka hàng ngày đến công xã. Cùng với bọn trẻ, họ đi sâu vào từng chi tiết nhỏ nhặt, từng sơ hở nhỏ nhặt, phản đối những khuynh hướng làm "ẩu" của Xôlômông Bôritxôvich, phản đối chất lượng sản xuất kém và phế phẩm. Kinh nghiệm sản xuất mỗi ngày một thêm phức tạp phong phú, các công xã viên bắt đầu có thái độ phê phán day dứt đối với Xôlômông Bôritxôvich, khiến bác nổi giận:

- Chuyện mới mẻ nhỉ? Bây giờ chúng đi

thông thạo đủ thứ! Chúng nói cho tôi nghe ở xưởng đầu máy xe lửa Kháckôp người ta làm như thế nào, chúng có hiểu được tí gì về những cái người ta làm ở ngoài ấy không chứ?

Một khẩu hiệu, được nhất trí công nhận, bỗng soi sáng đường đi của chúng tôi: "Chúng tôi cần có một nhà máy thật sự".

Càng ngày chúng tôi lại càng nói nhiều đến nhà máy. Những số tiền hàng ngàn rúp cứ chất đống dần lên ở tồn khoản vãng lai của chúng tôi, thì những ước mơ chung về nhà máy lại càng rõ nét chi tiết trên những viễn cảnh gần gũi nhất và dễ thực hiện nhất. Song chuyện đó mãi sau này mới tới.

Các trẻ nuôi Djecjinxki và trẻ nuôi Gorki gặp gỡ nhau luôn. Những ngày chủ nhật, chúng qua lại thăm nhau, cả từng đội đấu với nhau những trận bóng đá, bóng chuyền, đánh gậy, tắm táp, trượt tuyết, đi chơi, xem hát với nhau.

Trại và công xã luôn luôn liên hợp lại trong nhiều hoạt động, những cuộc diễn tập của thanh niên Kômxômôn hay thiếu niên tiền phong, cùng nhau đi thăm hay chào đón bạn, hoặc đi du ngoạn. Tôi đặc biệt yêu thích những ngày đó, những ngày thắng lợi thật sự của tôi. Và tôi đã biết rất rõ rằng thắng lại đó là thắng lợi cuối cùng.

Gặp những hôm như vậy, ở trại và ở

công xã đều đọc lên một bản mệnh lệnh chung, chỉ rõ cách ăn mặc, nơi và giờ gặp mặt. Quần áo đồng phục giống nhau cho cả đôi bên: quần cụt cưỡi ngựa, ghệt cao, cổ áo trắng rộng và mũ chỏm huê. Thường lệ, từ tối hôm trước, tôi ở với các trại viên Gorki, giao công xã lại cho Kirghizôp. Chúng tôi xuất phát từ Kuriajê, tính ba tiếng đồng hồ đi bộ, và xuống tỉnh đi qua Núi Lạnh. Nơi gặp mặt bao giờ cũng chỉ định ở trước dinh của Ủy ban chấp hành trung ương Ukren, trên mặt thảm dựa đường rộng rãi của quảng trường Têvêlep.

Vào thành phố đoàn Gorki bao giờ cũng có một dáng vẻ đẹp tuyệt. Chúng tôi sắp hàng sáu, đội hình rộng rãi chiếm gần hết

mặt đường, kể cả những đường xe điện. Đằng sau chúng tôi hình thành những đuôi dài hàng mấy chục toa tàu, các bác lái xe sốt ruột và dận chuông inh lên không biết mệt, song các chú nhỏ ở sườn bên trái biết bổn phận của mình: chúng đi nghiêm chỉnh, hơi dài bước ra một tí, thỉnh thoảng ranh mãnh liếc nhìn lên các bờ hè, chẳng buồn chú ý chút nào đến những xe điện, những bác lái xe, và những tiếng chuông. Đi sau tất cả mọi người là Pêtrô Kraptsenkô, với một là cờ hiệu tam giác. Công chúng nhìn nó với một vẻ tò mò và một mối thiện cảm đặc biệt và bọn trẻ con hàng phố xô đẩy nhau chung quanh nó dữ quá, khiến Pêtrô, bối rối hết sức, phải cúi nhìn

xuống. Lá cờ hiệu của nó phất phới bay ngay trước mũi bác lái xe và Pêtrô không phải đi nữa mà là bơi trong làn sóng dầy đặc như nêm của tiếng chuông xe điện leng keng ing ỏi.

Sau cùng đến quảng trường Rôda Luyxembua, đoàn quân rút khỏi đường xe điện. Các đoàn xe lần lượt vượt quá chúng tôi, những người ngồi xe vừa cười vừa nhìn qua cửa sổ và giơ ngón tay ra dọa bọn trẻ nhỏ. Còn chúng, thì vẫn không làm mất hàng thẳng vì không đi lỗi bước, nhoẻn một nụ cười xỏ lá của tụi nhãi. Tại sao lại không đùa với công chúng thành phố, và không trêu cợt họ một tí ti? Chúng mình đây, là những con người tốt cả, chẳng làm gì có quý tộc

công hầu nghênh ngang xe ngựa giữa phố, chẳng làm gì có những tiểu thư khoác tay các sĩ quan lòe loẹt, cũng chẳng có những chủ hiệu nhìn bọn mình bằng những con mắt chê bai. Và chúng tôi, đóng vai chủ nhân ông, đi qua thành phố của chúng tôi: không phải là những "trẻ nhà tế bần" nữa, mà là những trại viên Gorki. Lá cờ đó của chúng tôi phấp phới bay trước mặt, và kèn đồng của chúng tôi thổi bài "Buđionny hành khúc", đâu có phải chuyện chơi! Chúng tôi đi quành để đổ ra quảng trường Têvêlep, đi lên cao chút ít và nhìn thấy ở đằng trước cái đỉnh nhọn của lá cờ các trẻ nuôi Dzecjinxki. Rồi này là hàng thẳng những cổ áo trắng của chúng, những bộ mặt thân thiết và

chăm chú, và theo tiếng hô của Kirghizôp, những cánh tay giơ cao và nhạc khúc nổi lên. Một giây đồng hồ nữa qua và đội nhạc của chúng tôi, dứt đoạn điệu hành khúc, bỗng bùng lên như sấm, đáp lại bài chào của bạn.

Chỉ một giây đồng hồ thôi, không hơn, vừa đủ thì giờ cho Kirghizôp báo cáo, hai bên chúng tôi đứng đối mặt nhau, hoàn toàn im lặng. Và khi các hàng ngũ giải tán, bọn trẻ chạy bổ đi gặp bạn, bắt tay nhau, cười và đùa, tôi nghĩ đến bác sĩ Faoxtơ: anh chàng người Đức tinh khôn ấy hãy nên thèm ước địa vị của tôi đi! Quả thật gã bác sĩ ấy đã không gặp may, hắn đã chọn lầm thế kỷ và một cơ cấu xã hội không thích hợp.

Nếu chúng tôi gặp nhau vào chiều thứ bảy, thì thường thường Michia Jêvêli đến tìm tôi và đề nghị:

- Bác ạ, chúng ta đến cả trại Gorki đi! Hôm nay họ chiếu phim "Thiết giáp hạm Pôtemkin". Còn về cái ăn uống, thì có đủ đấy...

Và những tối hôm đó, về khuya, chúng tôi còn đánh thức dân làng Pôtvorki bằng những điệu hành khúc của hai đội nhạc chúng tôi, làm ầm ỹ hồi lâu ở bàn ăn, phòng ngủ, câu lạc bộ. Các tay kỳ cựu nhắc lại chuyện những hồi sóng gió và những ngày tươi đẹp của những năm đã qua, các chú ít tuổi lắng nghe và thèm ước.

Từ tháng tư trở đi, đầu đề chính những câu chuyện thân mật của chúng tôi là việc Gorki tới trại, ông đã viết thư báo cho chúng tôi biết sang tháng bảy ông sẽ đặc biệt đến Khackôp để ở trại ba ngày. Đã từ lâu chúng tôi trao đổi thư từ liên tiếp với ông. Các trại viên chưa được biết mặt ông bao giờ, đều cảm thấy có ông trong hàng ngũ và lấy thế làm sung sướng như con nít được thấy hình ảnh mẹ. Những chú đã mất gia đình từ khi còn thơ ấu và đã không đem theo trên con đường đời dài dặc được một chút tình cảm đầm ấm nào dự trữ, chỉ riêng các chú đó mới biết trên đời đôi khi lạnh lẽo xiết bao, mới hiểu tất cả giá trị sự ân cần và những vỗ về của một người vĩ

đại, một người có trái tim phong phú và hào hiệp.

Các trại viên Gorki không biết biểu lộ tình âu yếm, bởi vì họ đánh giá nó quá cao. Tôi đã sống với họ tám năm; nhiều người yêu mến tôi, nhưng suốt những năm đó, không một lần nào có ai trong bọn họ tỏ tình âu yếm với tôi, theo nghĩa thông thường của chữ ấy. Tôi nhận ra được tính cảm của họ ở những dấu hiệu chỉ riêng tôi biết; mắt nhìn sâu sắc, một vẻ ngượng ngùng đỏ mặt, sự chăm chú nhìn tôi từ một xó nào đấy, một tiếng nói lạc giọng đi một chút, chạy tung tăng và nhảy nhót sau những lần gặp tôi. Vì thế cho nên tôi thấy với một tình âu yếm to lớn chừng nào bọn trẻ nói đến Gorki, với

một nhiệt tình hăm hở chừng nào chúng vui mừng nghe ông báo tin vắn tắt là ông sẽ đến.

Việc Gorki đến trại là một phần thưởng cho chúng tôi. Nói thực tình thì chúng tôi tự nghĩ là không hoàn toàn xứng đáng cái phần thưởng cao quý ấy. Vậy mà nó lại được ban cho chúng tôi giữa lúc tất cả Liên bang xô-viết treo cờ mừng đón nhà đại văn hào, thành thử cái đoàn thể bé nhỏ của chúng tôi có thể bị chìm trong những làn sóng mạnh mẽ của sự phấn khởi chung.

Nhưng nó đã không chìm trong đó; điều này khiến chúng tôi cảm động và đem lại cho đời sống chúng tôi một giá trị vô

cùng cao quý.

Chúng tôi bắt đầu chuẩn bị đón tiếp Gorki, ngay từ sau hôm nhận được thư của ông. Trước khi đích thân đến ông đã gửi tới cho trại một tặng phẩm rất hậu, nhờ có nó mà chúng tôi hàn gắn được những vết thương cuối cùng của trại cũ Kujiaja để rơi rớt lại.

Ấy đúng vào lúc đó người ta đòi hỏi tôi [88] làm một bào báo cáo tổng kết (). Tôi phải trình bày trước các vị bác học uyên thâm và các bậc triết gia của khoa sư phạm tín điều sư phạm của tôi và các nguyên tắc tôi chủ trương như thế nào. Lý do đòi hỏi tôi làm báo cáo có thiếu gì

đâu.

Tôi mạnh dạn chuẩn bị chịu cuộc thử thách đó, mặc dầu tôi không mong đợi một chút thương hại nhân nhượng gì hết thảy.

Trong căn phòng cao rộng, tôi đối diện với tất cả các nhà tiên tri và sứ đồ họp

[89]

mặt. Một buổi... pháp đình , chứ không kém. Ở đấy người ta nói năng lịch sự, bằng những tràng dài hòa nhã và tròn trĩnh, để toát ra một hương vị phảng phất của những nếp óc quanh co, những sách cũ và những ghế bành mòn đi vì nghiên cứu. Song cả tiên tri lẫn sứ đồ đều không có râu bạc, cũng chẳng có tên tuổi được

sùng kính với những phát minh vĩ đại. Họ có quyền gì mà được đội vầng hào

[90]

quang và giữ kinh thánh trong tay? Đó là những gã khá hoạt bát, ở ria mép còn dính những mẩu vụn của chiếc bánh ngọt xô-viết mà họ vừa mới nhai giòn rau ráu.

Kẻ bắt giọng cầm trịch là giáo sư Tsaikin, cũng chính cái lão Tsaikin mấy năm trước đây đã khiến tôi nhớ lại một

[91]

truyện của Tsêkhôp .

Trong phần kết luận, Tsaikin phê bình tôi đến tận từ:

- Đồng chí Makarenkô muốn xây dựng phương pháp sư phạm trên quan niệm nghĩa vụ. Đã đành là ông ta có thêm chữ "vô sản", nhưng điều đó, thưa các đồng chí, không thể che dấu chúng ta cái thực chất của quan niệm. Chúng tôi khuyên đồng chí Makarenkô hãy nên theo dõi cẩn thận căn nguyên của quan niệm nghĩa vụ. Đó là một quan niệm gốc ở những quan hệ tư sản, một quan niệm có tính chất căn bản vụ lợi. Khoa sư phạm xô-viết tìm cách bồi dưỡng ở con người sự biểu hiện tự do của những động lực và xu hướng sáng tạo, bồi dưỡng tính chủ động, chứ không bao giờ bồi dưỡng cái phạm trù tư sản về nghĩa vụ.

Hôm nay chúng tôi thực lấy làm tiếc vô

cùng và không khỏi ngạc nhiên được nghe thấy ở miệng ông giám đốc quý mến của hai cơ quan gương mẫu, một lời hiệu triệu giáo dục cái ý thức danh dự. Chúng tôi không thể nào không lên tiếng phản kháng lời hiệu triệu ấy. Dư luận xô-viết cũng nối lời của mình vào lời của giới khoa học: nó cũng không cho phép quay trở lại cái ý thức danh dự ấy cái ý thức gợi cho chúng ta nhớ lại rõ rệt những đặc quyền, những chế phục và ngù vai của sĩ quan.

Chúng tôi không thể đi vào thảo luận tất cả những ý kiến trình bày trong bản báo cáo này về vấn đề sản xuất. Đứng về mặt làm giàu của cải vật chất cho trại, có thể đó là việc hữu ích, song khoa sư phạm

học không thể nào coi việc sản xuất là một trong những nhân tố của tác dụng sư phạm và lại càng không thể nào tán thành những luận điểm như: "kế hoạch sản xuất và tài vụ là nhà giáo dục tốt nhất". Một sự khẳng định như vậy không có gì khác hơn là dung tục hóa cái quan niệm giáo dục bằng lao động.

Nhiều người khác nói và có nhiều người im lặng một cách chê trách. Sau cùng tôi nổi giận và, cáu tiết, tôi dội hẳn một thùng đầy dầu hỏa vào lửa:

- Các ông nói đúng, hẳn thế, chúng ta sẽ không thống nhất ý kiến với nhau. Tôi không hiểu các ông. Theo các ông thì, chẳng hạn, tính chủ động là một cái gì do

trời phú bẩm. Nó không biết ở từ đâu đến, từ một trạng thái nhàn rỗi thuần túy, chẳng có một cái gì lấp đầy hết thảy. Lần này là lần thứ ba tôi giải thích với các ông rằng tính chủ động chỉ có khi nào có một việc làm, có trách nhiệm phải hoàn thành nó, trách nhiệm về thì giờ bị mất, khi nào có một sự đòi hỏi của tập thể. Tuy nhiên, các ông không hiểu tôi và vẫn cứ nói với tôi về một thứ tính chủ động nào không biết rỗng tuếch nội dung và lìa thoát khỏi lao động. Theo ý kiến các ông, muốn tỏ ra có tính chủ động, thì chỉ có việc tự nhìn lỗ rốn của mình...

Chà, phải biết là các vị sứ đồ phật ý, phải biết họ la ó mạt sát tôi, làm dấu phép và xỉ vả tôi! Thấy rằng hỏa hoạn đã

tung hoành, rằng tôi đã quá ư liều
[92]
lĩnh , rằng bề nào thì cũng chẳng còn cái gì mà mất nữa, vì mọi cái đều đã mất rồi, tôi nói:

- Các ông không có khả năng nhận xét về chuyện giáo dục cũng như về tính chủ động, vì các ông chẳng hiểu gì về các vấn đề ấy hết.

- Thế ông có biết Lê-nin đã nói gì về tính chủ động không?

- Tôi có biết.

- Ông không biết đâu!

Tôi rút sổ tay ra và đọc lên rành mạch:

“Tính chủ động phải là rút lui có trật tự và giữ thật vững kỷ luật”, Lê-nin đã nói, ở Đại hội Đảng Cộng sản (bônsêvich) nước Nga lần thứ XI, ngày 27 tháng ba năm 1922.

Sự kinh ngạc của các vị sứ đồ chỉ có trong khoảnh khắc, rồi họ kêu lên:

- Sự rút lui có dính líu gì đến chuyện này?

- Tôi muốn lưu ý các ông đến mối quan hệ giữa kỷ luật và tính chủ động. Ngoài ra tôi cũng cần phải rút lui có trật tự.

Mi mắt các vị sứ đồ nháy lia lịa, rồi họ vội vã ngồi chụm vào nhau và bắt đầu thầm thì trong tiếng giấy tờ sột soạt. Pháp

đình nhất trí tuyên bố quyết nghị:

"Hệ thống phương pháp giáo dục đề nghị không phải là một hệ thống xô-viết".

Nhiều bạn thân của tôi có mặt trong cử tọa, nhưng họ im tiếng. Có một nhóm anh em Tsêka: họ chăm chú lắng nghe những cuộc tranh luận, ghi chú vào sổ tay rồi ra về, không đợi quyết nghị.

Mãi tối khuya, chúng tôi mới trở về trại. Cùng đi với tôi có các giáo viên và vài ủy viên chi bộ Kômxômôn. Dọc đường, Jôra Vonkôp phỉ nhổ:

- Hừ, sao họ lại có thể nói những chuyện như thế được! Theo họ, thì ra làm sao: không có danh dự, không có cái đó, thế

thì: danh dự của trại ta sao! Như vậy là, theo ý kiến họ, không có cái đó à?

- Bác đừng để ý, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, Lapô nói. Họ đã quây quần nhau lại, bác ạ, một lũ đáng ghét..

- Không, tôi chẳng quan tâm một tí nào về chuyện đó, tôi nói, để an ủi bọn trai.

Tuy nhiên, vấn đề đã được quyết định.

Không do dự cũng không cúi đầu, tôi bắt đầu thanh toán cái tập thể. Phải mau mau đưa các bạn thân của tôi ra khỏi trại. Cần phải làm như vậy, vừa để họ khỏi phải chịu thử thách dưới chế độ mới, vừa để cho ở trại không còn lại một ngọn lửa bất bình nào nữa.

Tôi đưa đơn từ chức của tôi cho Iurep ngay hôm sau. Ông ta trầm ngâm một lát, rồi lặng lẽ bắt tay tôi. Tôi đã bước ra cửa, ông mới sực tỉnh:

- Khoan đã!... Nhưng thế nào nhỉ?... Còn ông Gorki sắp tới!

- Dễ ông nghĩ là tôi sẽ để cho bất cứ ai tiếp đón ông Gorki thay tôi hẳn?

- Được, được...

Ông ta vừa đi đi lại lại như chạy trong phòng giấy, vừa lẩm bẩm:

- Đi quách... đi quách cho rảnh!

- Ông báo gì?

- Tôi đi quách khỏi đây cho rảnh!

Tôi cáo biệt, để ông ta ở lại với ý nghĩ tốt đó. Ông đuổi theo tôi ở hành lang:

- Antôn Xêmiônôvich, ông bạn tốt của tôi ơi, ông phiền lòng, có phải không?

- Thật chuyện lạ chửa! Tôi cười đáp. Tại sao ông lại hỏi tôi thế? Rõ đúng kiểu người trí thức!... Vậy là tôi rời trại vào ngày Gorki lên đường. Tôi sẽ bàn giao công tác lại cho Juôcbin, còn ông, ông sẽ xếp đặt thế nào tùy ý...

- Được...

Tôi không nói với ai ở trại là tôi bỏ đi và Iurep đã hứa là sẽ giữ kín.

Tôi chạy đi các nhà máy, gặp các vị lãnh đạo, các nhân viên Tsêka. Việc khóa tốt nghiệp mới sắp đi đã được bàn tới từ lâu, cho nên ở trại không ai lấy làm lạ vì những cuộc chạy chọt của tôi hết. Nhờ sự giúp sức của các bạn thân chúng tôi, tôi hầu như không tốn công tìm được cho bọn trai Gorki có công tác trong các nhà máy Khackôp và có nhà ở trong thành phố. Êkatêrina Grigôriepna và Guliaêva chăm sóc may sắm cho họ một ít quân áo - hai chị đã có kinh nghiệm trong công việc đó. Tính đến ngày Gorki đến còn hai tháng nữa, chúng tôi có đủ thì giờ.

Lần lượt theo nhau, các trại viên kỳ cựu bước vào đời. Lúc cáo biệt, họ khóc, nhưng không buồn: chúng tôi sẽ gặp lại

nhau. Chúng tôi tiễn chân họ với đội nghi trượng, đội nhạc và cờ trại Gorki mở rộng. Thế là ra đi Taranet, Vôlôkhôp, Gut, Lêsi, Galatenkô, Fêđôrenkô, Kôrytô, Aliôsa và Jôra Vonkôp, Lapô, Kutlaty, Xtupitxyn, Xôrôka và nhiều người khác nữa. Chúng tôi bàn và thỏa thuận với Kôvan, thu xếp giữ lại một số người làm việc ăn lương ở trại, để cho nó khỏi mất nhóm lãnh đạo. Tôi chuyển các thí sinh lên trường trung học công nông sang ở công xã Dzecjinxki cho tới mùa thu. Các giáo viên phải ở lại trại một thời gian để khỏi gây tình hình hoảng loạn. Chỉ có Kôvan là không ở lại: hắn không đợi đến lúc kết thúc và trở về khu.

Trong hào quang của những phần thưởng

mà tôi được nhận hồi đó, có một phần thưởng lại sáng chói lên một ánh bất ngờ nữa: không thể nào thanh toán một cái tập thể sinh động gồm bốn trăm người được. Thay chân những người đã ra đi lúc đầu, có những trẻ nhỏ mới đến lấp lỗ hổng, cũng nhanh nhẹn, cũng thông minh và cùng có tinh thần dũng cảm như họ. Hàng ngũ các trại viên đã siết chặl lại, như hàng ngũ quân đội trong khi tác chiến. Không những tập thể không muốn chết, mà nó còn chẳng buồn nghĩ đến cái chết nữa. Nó sống một cách nhiệt liệt, băng đi hết tốc độ trên những đường ray chính xác và trơn tru - nó chuẩn bị đón tiếp Maxim Gorki với một khí thế đắc thắng và âu yếm.

Ngày qua và bây giờ là những ngày sung sướng tốt đẹp. Những ngày làm việc của chúng tôi được tô điểm như hoa bằng công tác, bằng những nụ cười, bằng ánh sáng những viễn cảnh và tình thân thiện hữu ái trong lời nói.

Trước mặt chúng tôi những lo âu dựng lên như một chiếc cầu vồng, thì các ước mơ của chúng tôi cũng như những chiếc đèn chiếu rọi sâu vào khoảng trời cao.

Và cũng với niềm hân hoan tin cẩn như ngày trước, chúng tôi tổ chức ngày hội của chúng tôi, ngày hội lớn nhất trong lịch sử của trại.

Thế rồi ngày đó tới.

Từ buổi sáng, dân thành phố, xe ô-tô, các nhà chức trách, cả một đại đội ký giả nhà báo, nhiếp ảnh viên, phóng viên điện ảnh, đến đóng đồn thực sự như những người hát rong ở chung quanh trại. Cờ và dây hoa trên các tòa nhà, trên tất cả các bồn hoa, đâu đâu cũng có hoa. Bọn trẻ nhỏ đứng cách quãng rộng thành hàng thẳng từ đằng xa; trên đường cái Akhtyrka, có đặt người cưỡi ngựa làm vọng gác báo tin; trong sân trại là đội nghi trượng.

Đội mũ cát-két trắng, cao lớn, cảm động, Gorki, người có bộ mặt của bậc hiền triết và có đỏi mắt của người bạn, bước xuống xe ô-tô, nhìn chung quanh ông, đưa ngón tay run rẩy lên bộ ria mép công

nhân rậm rạp và mỉm cười:

- Xin chào!.. Bọn trai của anh đấy à?... Ờ!... Nào, ta đi!

Nhạc khúc chào cờ, những bàn tay con trẻ, run run giơ lên, những đôi mắt nồng nàn của bọn trẻ nhỏ, chúng tôi đem giải tất cả những cái đó ra như một tấm thảm trước vị khách quý của chúng tôi.

Gorki đi vào trong hàng ngũ ...

15. CHUNG CỤC

Từ ấy đến nay đã bảy năm. Kể thì những chuyện đó xảy ra đã lâu rồi.

Song tôi còn nhớ rất rõ, tôi còn nhớ đến cả từng cử chỉ nhỏ nhặt trong ngày hôm đó và những việc tiếp liền ngay sau khi đoàn xe lửa đưa Gorki ra đi đã khởi hành. Ý nghĩ và tình cảm của chúng tôi phóng theo ông, mắt bọn trẻ còn ngời sáng nhiệt tình của những lời từ biệt, thì trong tâm hồn tôi bấy giờ đến lúc phải làm một việc "thông thường" nho nhỏ. Bọn trai Gorki và Dzecjinxki đứng chật suốt chiều dài sân ga, kèn của hai đội nhạc và đầu nhọn của hai lá cờ sáng chói

lên lấp lánh.

Một đoàn xe lửa ngoại ô đi Ryjôp sắp khởi hành ở sân ga bên cạnh. Juôcbin đến gần tôi:

- Các trại viên Gorki lên tàu được rồi chứ?

- Được.

Chúng chạy lướt qua bên cạnh tôi tới các toa xe. Này là những kèn và lá cờ cũ của chúng tôi bằng lụa thêu vàng.

Một phút sau từng chùm trai gái nhỏ đã ló mặt ở các cửa sổ. Mắt nhấp nháy về phía tôi, chúng kêu lên:

- Bác Antôn Xêmiênôvich, bác lên đây đi!

- Bác không lên à? Bác đi với các công xã viên, hả bác?

- Nhưng ngày mai bác về bên chúng cháu chứ?

Hồi đó tôi là một con người cứng mạnh và tôi mỉm cười với lũ trẻ nhỏ. Nhưng khi Juôcbin lại chỗ tôi, tôi trao cho anh ta tờ công lệnh trong đó nói vì tôi đi "nghỉ phép" nên quyền quản đốc trại nay giao cho anh ta đảm nhiệm.

Juôcbin bối rối nhìn tờ công lệnh:

- Thế nào, vậy là thôi à?

- Vậy là thôi đấy.

- Nhưng mà, sao lại thế....Juôcbin muốn nói, song ông xã trưởng đã thổi còi át anh ta và Juôcbin không nói gì hết; anh vung cánh tay và dời đi xa, quay lưng lại các cửa sổ toa.

Đoàn xe ngoại ô chuyển bánh. Những chùm trẻ nhỏ lướt qua trước mắt tôi như những đóa hoa ngày hội. Chúng kêu to chào tôi, hẹn "gặp lại", và vui vẻ giơ cao những chiếc mù chõm thêu của chúng trên đầu hai ngón tay. Đứng ở cửa sổ cuối cùng, Kôrôkôp chào lặng lẽ và mỉm cười.

Tôi đi ra quảng trường trước nhà ga. Các

trẻ nuôi Dzecjinxki, đứng sắp hàng, đang chờ tôi. Tôi ra hiệu lệnh và chúng tôi cùng đi bộ trên thành phố, về đến tận công xã.

Tôi không bao giờ trở lại Kujiajê nữa.

Bảy năm xô-viết đã qua đi từ ấy, và như vậy là nhiều bội phần hơn, chẳng hạn, bảy năm thời đế chế. Hồi đó, nước ta trải qua con đường vinh quang của kế hoạch năm năm lần thứ nhất, và phần lớn kế hoạch năm năm lần thứ hai. Hồi đó, người ta đã biết kính trọng cái đồng bằng phía đông của châu Âu hơn cả suốt ba trăm năm các triều đại Rômanôp. Trong thời kỳ ấy nhân dân ta có thêm những bắp thịt mới và đội ngũ tri thức mới của

chúng ta đã lớn lên.

Các trại viên Gorki của tôi cùng đã lớn lên và tản tác trên khắp nước xô-viết; bây giờ tôi thật khó lòng mà tụ tập họ lại được dù chỉ là trong tưởng tượng. Không thể nào nắm được kỹ sư Zađôrôp, vùi lấp ở một trong những công trường lớn ở Tuyecmêni, hẹn hò được với Vecsơnep, y sĩ ở Quân đội Đặc biệt Viễn đông, hoặc với bác sĩ Burun ở Iarôxlap. Cho đến cả Nitxinôp và Zoren, thực ra là những nhãi con, cùng đã bay đi xa tôi rồi, không còn phải như ngày xưa được mang trên cánh đầm ấm của mối thiện cảm sư phạm của tôi nữa, mà là trên cánh thép của những máy bay xô-viết. Và Silaputin đã không lầm khi hắn nói quả

quyết rằng hắn sẽ làm phi công; Sura Jêvêli cũng làm hoa tiêu, để khỏi bắt chước anh hắn đã chọn nghề hàng hải ở biển Bắc-cực.

Hồi đương thời, các đồng chí đi qua tạt vào thăm trại thường hay hỏi tôi:

- Này, người ta bảo rằng trong số những trẻ vô thừa nhân có nhiều đứa có thiên tư, nói thế nào nhỉ, có tài năng sáng tạo... Này, thế bác có những nhà văn và những nhà nghệ sĩ không?

Nhà văn, cố nhiên là chúng tôi có, và cả những nhà nghệ sĩ nữa; không có họ thì không một tập thể nào có thể sống được, không có họ thì chẳng có cách gì xuất

bản nổi một tờ bích báo. Nhưng tôi phải lấy làm tiếc mà thú thật rằng: từ trong đám trại viên Gorki đã không có những nhà văn và nhà nghệ sĩ ra đời, chẳng phải vì không có những tài năng trong số họ, mà vì những nguyên nhân khác: họ bị thu hút bởi cuộc sống và những đòi hỏi của thời hiện tại.

Và Karabanôp nữa cũng không trở thành nhà nông học. Ở trường trung học công nông ra, anh ta không vào Học viện canh nông, mà nói quả quyết với tôi:

- Thôi bỏ lúa mạch với lưỡi cày đi! Cháu không thể nào sống không có lũ trẻ. Còn biết bao nhiêu gã trai trẻ tốt đang đùa nhởn ở khắp nơi! Bác Antôn

Xêmiônôvich ạ, một khi mà bác, bác đã vất vả về cái nghề này, thì cháu cùng có thể làm như bác được.

Ấy thế là Xêmiôn Karabanôp bước vào sự nghiệp quang vinh của môn giáo dục xã hội và vẫn trung thành với nó cho đến ngày nay, mặc dầu anh ta đã phải chịu đựng một số phận ác nghiệt hơn bất cứ một chiến sĩ nào khác trong ngành. Xêmiôn đã lấy "cô bé ở Tsecnigôp" và họ được một thằng con nhỏ lên ba, mắt đen như mắt mẹ, và tính cũng hiếu động như bố nó. Và thằng bé con trai ấy đã bị một đứa trẻ nuôi của Xêmiôn cứa cổ vào giữa buổi trưa, một đứa mắc bệnh tinh thần được gửi đến nhà nuôi "trẻ khó dạy" của anh ta và chẳng phải là lần đầu tiên

nó làm những việc như vậy. Song trái tim Xêmiôn đã không run rẩy và không than van rên rỉ cũng chẳng nguyền rủa một ai, anh ta vẫn ở nguyên vị trí trên mặt trận của chúng tôi. Anh ta chỉ viết cho tôi một bức thư ngắn ngủi trong đó anh ta để lộ niềm đau đớn ít hơn là sự kinh ngạc.

Matvây Biêlukhin nữa cũng không theo học lên đến đại học. Một ngày kia tôi nhận được bức thư này của anh ta:

Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, quả là cháu đã cố ý không nói gì với bác, vậy xin bác hãy tha thứ cho cháu, nhưng trong khi cháu

thiết tha yêu nghề quân sự thì cháu học làm người kỹ lư ra hồn sao được. Và bây giờ cháu đang ở trong một trường kỵ binh. Trong việc này, tất nhiên, cháu đã hành động như một con lợn. Cháu đã bỏ trường trung học công nông. Dù sao thì đó cũng là một điều khó chịu. Cháu chỉ xin bác hãy viết cho cháu vài chữ, kẻo cháu thấy lòng bứt rứt không yên.

Khi mà những người như Biêlukhin cảm thấy lòng bứt rứt không yên, thì người ta vẫn còn có thể sống được. Và người ta

vẫn còn có thể sống được lâu nữa, khi có những người như Biêlukhin cầm đầu những trung đội kỵ binh xô-viết. Và tôi lại càng thêm tin tưởng chắc chắn vào điều đó, khi Mátvây đến thăm tôi, cổ áo dài quân nhân đeo một phù hiệu tráng

[93]

men vuông , cao lớn và cường tráng, một con người toàn vẹn, mọi "sản xuất phẩm hoàn hảo" không có gì chê trách được.

Không phải chỉ có riêng Matvây, mà còn những người khác tới thăm tôi nữa, người nào cũng trưởng thành một cách kỳ lạ trước mắt tôi. Ôtxatsi, bây giờ là kỹ sư công nghệ; Misa Ôptsarenkô, lái xe hơi; Ôlec Ôcnep đang công tác cải thiện

những đất đai vùng bên kia bể Caxpiên; nữ giáo viên Marutxia Leptsenkô; anh lái xe điện Xôrôka; anh lắp máy điện Vôlôkhôp; anh thợ nguội Kôrytô; anh đốc công trạm máy kéo Fêđôrenkô; những anh công tác Đảng Aliôsa Vonkốp, Đơnít Kutlaty và Jôra Vonkôp; Mácko Sơnhaoxơ, với một tính khí bônsêvich chân chính, vẫn giữ nguyên được tâm hồn tế nhị ngày xưa, và còn nhiều còn nhiều người khác nữa.

Nhưng trong vòng bảy năm tôi cũng đã mất hút nhiều người. Antôn biệt vô âm tín, không biết mất hút vào đâu, trong một bể ngựa mênh mông. Lapô, mà sự vui sống cuốn lôi đi, anh thợ giày giỏi Gut, anh chàng thiết kế vĩ đại Taranet,

đều đã lạc mất nơi nào. Tôi không lấy thế làm buồn và cũng không trách móc gì tụi trẻ hay quên ấy. Cuộc sống của chúng ta đầy quá sức, và không phải là bao giờ cũng cần nhớ đến những tình cảm thất thường của những người cha và những ông thày. Vả chăng, đứng về mặt "kỹ thuật" mà nói, cũng không làm thế nào tập hợp được tất cả bọn họ. Chỉ kể riêng ở trại Gorki, có biết bao nhiêu trai gái đã qua đi mà không được nhắc tên ở đây, song hết thảy đều sinh động, đều thân mật, đều chí thiết như vậy cả. Sau khi cái tập thể Gorki cáo chung, bảy năm đã trôi qua, năm nào cũng đầy những lớp sống trẻ thơ dồn dập như cũ, đầy những đấu tranh, thất bại và thành công của chúng,

đầy những ánh mắt quen biết và phản ảnh của những nụ cười thân thuộc.

Ngày nay cái tập thể nhưng trẻ nuôi Dzecjinxki vẫn tiếp tục cuộc sống hùng mạnh của nó, người ta có thể sáng tác hàng chục ngàn bài ca sư phạm về cuộc sống đó.

Ở đất nước Xô-viết người ta sẽ viết những sách về tập thể, vì đất nước Xô-viết trước hết là đất nước của tập thể. Tất nhiên người ta sẽ viết những sách thông mình hơn sách của những ông bạn tôi trên núi Ôlanhpơ, họ đã cho cái định nghĩa như thế này:

"Tập thể là một nhóm cá nhân có những

quan hệ tác động qua lại và cùng nhau phản ứng lại sự kích thích này hay kích thích nọ."

Bọn trẻ Gorki chỉ có năm mươi người, một ngày mùa đông êm ả kia đến ở những phòng đẹp đẽ của công xã Dzecjinxki, nhưng họ đã đem theo họ cả toàn bộ những phát hiện, truyền thống và thích ứng, cả toàn bộ cái kỹ thuật tập thể, cái kỹ thuật trẻ trung của con người được giải phóng khỏi ông chủ. Trên con đường mới mẻ và lành mạnh ấy, công xã được các nhân viên Tsêka ân cần săn sóc, đem cả tính lực, văn hóa và tài năng của họ ra nâng đỡ hàng ngày, cho nên công xã lớn dần lên, hình thành một tập thể đẹp đẽ chói lọi, có một sự trù phú cần lao chân

chính, có một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa cao, và hầu như không còn để vương sót lại một tí gì về cái vấn đề đáng buồn cười: "cải tạo con người".

Bảy năm đời sống của các công xã viên Dzecjinxki cũng là bảy năm tranh đấu, bảy năm hết sức căng thẳng.

Những xưởng bằng gỗ ván ghép của Xôlômông Bôritxôvich đã từ lâu rồi bị tiêu hủy, hóa thành tro than trong lò nồi hơi. Và kế tiếp chính bản thân Xôlômông Bôritxôvich cũng đã có một đám kỹ sư mà tên tuổi nhiều người đáng được nêu lên trong số những tên tuổi lớn của Liên bang.

Năm 1931 các công xã viên xây dựng lên nhà máy đầu tiên của họ chế tạo những đồ dùng điện. Trong gian phòng lớn, rộng rãi và sáng sủa, trang trí những hoa với chân dung, sắp hàng dài mấy chục chiếc máy cấu tạo vô cùng phức tạp: máy tiện "Wanđờre", "Xamxơn Weckơ", "Hinđơmexte", "Rainơke", "Marat". Từ tay các công xã viên sản xuất ra không còn phải là những quân cụt nhỏ và những cột giường nữa, mà là những bộ máy nho nhỏ, thanh nhã và phức tạp, gồm có hàng trăm bộ phận "cần đến vi tích phân số học cao đẳng".

Sự phải dùng đến vi tích phân số học cao đẳng ấy làm cảm động và kích thích các công xã viên, cũng như xưa kia những củ

cải, bò Ximmentan, những con "Vatxili Vatxiliêvich" và những con "Hảo hán" đã kích động chúng tôi.

Khi xưởng lắp ghép giao chiếc máy

[94]

khoét mài lớn FD-3 và người ta đặt nó lên bàn thử, thì Vatxia Aleexêiep - đã trở thành một người lớn từ lâu - bắt dòng điện vào máy. Hai chục cái đầu lo lắng của những kỹ sư, công xã viên, công nhân cúi xuống nghe tiếng máy vo vo và kỹ sư trưởng Gorbunôp buồn rầu nói:

- Nó tóe điện...

- Nó tóe điện, con khẹc! Vatxia nói.

Giấu nỗi buồn của họ dưới một nụ cười, họ đem chiếc máy khoét mài xuống xưởng, và trong ba hôm liền tháo ra, kiểm soát, tính toán những căn số với lôgarít, trong tiếng sột soạt của những bức đồ dạng. Những chạc compa chay trên giấy, những máy mài nhẵn "Kelenhecgie" rất nhạy giữa đi những nửa phần trăm cuối cùng của một ly, các ngón tay nhậy bén của bọn trẻ lắp những bộ phận tinh tế nhất, tâm hồn nhậy cảm của chúng băn khoăn chờ đợi lần thử mới.

Sau ba ngày, người ta lại đặt chiếc FD-3 lên bàn thử, hai chục cái đầu lạ cúi xuống nhìn nó và kỹ sư trưởng Gorbunôp lại buồn bã nói:

- Nó tóe điện...

- Nó tóe điện, đểu thật! … Vatxia Aleexêiep nói.

- Cái của Mỹ không tóe, Gorbunôp ghen tức nhắc lại.

- Không, nó không tóe! Một kỹ sư khác xác nhận thêm.

- Tất nhiên là nó không tóe! Tất cả bọn trẻ cùng nói lên, không biết trách cứ ai: tự trách mình, hay trách những máy tiện, trách thép số 1 đáng ngờ, trách bọn con gái đã quấn phần ứng điện, hay trách kỹ sư Gorbunôp.

Nhưng đứng kiễng chân lên ở sau lưng

bọn họ, phô ra cho mọi người tròng thấy bộ mặt tàn nhang đỏ hoe của nó, Tima Ôđariuc cúp mi mắt xuống và đỏ mặt nói:

- Cái của Mỹ cùng tóe y như thế.

- Mày xem ở đầu mà biết?

- Tôi nhớ khi người ta cho nó chạy thử và nó nhất định phải tóe, vì cái máy quạt ở đây cũng thế.

Người ta không tin Tima và người ta lại đem chiếc máy khoét mài xuống xưởng, ở đấy các bộ óc, những máy tiện và dây thần kinh lại làm việc vất vả vào đó một lần nữa. Nhiệt độ lên cao rõ rệt trong lòng tập thể: nỗi lo lắng ngự trị ở các

phòng ngủ, các cậu lạc bộ, các lớp học.

Cả một phe phái đã thành lập ở chung quanh Ôđariuc.

- Ở đây, chúng mình bí là lẽ tất nhiên, bởi vì mình làm chiếc máy đầu tiên. Nhưng máy của Mỹ còn tóe nhiều hơn nữa kia.

- Không phải!

- Đúng rồi, nó tóe!

- Không!

- Đúng rồi!

Sau cùng những dây thần kinh của chúng tôi chịu đựng không nổi nữa. Chúng tôi

phái người đi Mạc-tư-khoa, van lạy các bậc đàn anh:

- Xin cho chúng tôi một chiếc "Black and Dekker"!

Chúng tôi xin được.

Chiếc máy Mỹ được đưa về công xã và được đem ra thử.

Không còn phải là hai chục cái đầu cúi xuống bàn thử nữa, mà trong khắp xưởng là ba trăm trái tim công xã viên lo sợ. Vatxia, mặt tái nhợt, bắt dòng diện, các kỹ sư ngừng thở, và trong tiếng máy chạy vo vo, Ôđariuc bất thần nói tướng lên:

- Đấy nhé, tôi đã bảo mà...

Lúc ấy một tiếng thở dài nhẹ nhõm bốc lên trên công xã và bay lên trời, để lại thay vào chỗ nó những bộ mặt và những nụ cười đắc thắng không ngừng say sưa chuyển động.

- Tima đã nói đúng thật!

Đã từ lâu chúng tôi quên cái ngày hồi hộp ấy, bởi đã từ lâu các xưởng của chúng tôi hàng ngày sản xuất năm chục chiếc máy đó và chúng cùng đã hết tóe điện từ lâu, vì rằng nếu Tima đã nói đúng thật, thì cũng lại có một sự thật khác nữa, trong hơi thở của những vi tích phân đại số và trong đầu óc của kỹ sư Gorbunôp:

- Nó không được tóe điện!

Tất cả những cái đó đều đã bị quên bởi vì chúng tôi có những mối lo toan khác và công nghiệp khác.

Năm 1932, ở công xã có người nói:

- Chúng ta sẽ chế tạo những máy Laica!

Người nói câu đó là một nhân viên Tsêka, một người cách mạng và một công nhân, không phải là kỹ sư, cũng không là nhà quang học, cùng chẳng phải là nhà chế tạo máy ảnh. Những anh em Tsêka khác, đều là những người cách mạng và bônsêvich, nói rằng:

- Ừ thì các công xã viên làm máy Laica đi!

Các công xã viên, trong những lúc ấy, cũng không xúc động:

- Máy Laica à, tất nhiên chúng mình sẽ làm những máy Laica!

Nhưng có hàng trăm người, kỹ sư, nhà quang học, trả lời:

- Máy Laica ư? Có thật không! Ha-ha!

Một cuộc chiến đấu mới bắt đầu, một trong những chiến dịch xô-viết vô cùng phức tạp, như kiểu nhiều chiến dịch đã xảy ra những năm qua ở Tổ quốc chúng ta. Cuộc chiến đấu ấy tiến hành với hàng ngàn hơi thở, hàng ngàn tư tưởng vỗ cánh lên cao, hàng ngàn cuộc bay trên những phi cơ xô-viết, hàng ngàn bản đồ dạng và

lễ thức thầm lặng ở các phòng thí nghiệm, với bụi gạch xây dựng và.., những đợt tấn công liên tiếp, theo đuổi thêm một lần nữa, những cuộc xung phong ráo riết của hàng ngũ công xã viên vào trong các xưởng bị một đột phá khẩu làm cho lay chuyển. Và ở chung quanh chúng tôi vẫn là những tiếng thở dài hoài nghi ấy, vẫn là những cặp mục kỉnh nhấp nháy ấy:

- Máy Laica à? Bọn nhãi này à? Làm những vật kính chính xác đến một phần nghìn ly à? Hề-hề!

Song năm trăm trẻ nhỏ trai và gái đã băng mình vào thế giới những phần nghìn ly, vào lưới mạng nhện cực tinh tế của

những máy tiện chính xác cao độ, vào khu vực vô cùng tinh tế của những sai suất, quang hành sai của hình cầu và những khúc tuyến quang học, chúng cười cợt quay đầu nhìn về phía các nhân viên Tsêka.

- Cứ làm đi, các em, không sợ, các nhân viên Tsêka bảo chúng.

Trong công xã, cái nhà máy nguy nga đẹp

đẽ làm máy ảnh F.E.D. đã được mở rộng, bao vây chung quanh là những bồn hoa, đường nhựa, máy phun nước. Các công xã viên mới đây đã đặt lên bàn giấy ông ủy viên nhân dân cái F.E.D. thứ một vạn, một cái máy hoàn hảo và thanh tú.

Rất nhiều việc đã trở thành chuyện quá khứ và rất nhiều chuyện khác đã bị quên đi. Cái thói anh hùng nguyên thủy, tiếng nói lóng của môi trường và những mùi xú uế cũ kỹ khác đều đã mất từ lâu. Mỗi mùa xuân, trường trung học công nông của công xã gửi lên các trường cao đẳng hàng mấy chục sinh viên, mà một số lớn sắp sửa ở các trường đó thi ra; những kỹ sư, thầy thuốc, nhà sử học, địa chất học, phi công, thợ đóng tàu, vô tuyến điện báo viên, giáo viên, diễn viên, nhạc sĩ, ca sĩ tương lai.

Mỗi mùa hạ, nhóm trí thức ưu tú ấy lại đến thăm những anh em công nhân của họ: thợ tiện, thợ chuyên môn các bệ máy chuyển động, thợ khoan loe, thợ vẽ dạng

bản, và mỗi lần như vậy lại bắt đầu một cuộc hành quân. Cuộc hành quân hàng năm của chúng tôi trở thành một truyền thống mới. Cũng sắp hàng sáu như ngày xưa, đội nhạc và cờ dẫn đầu, các công xã viên đã đi hàng nghìn cây số: qua sông Vonga, bán đảo Crimê, núi Côcadơ, Mạc-tư-khoa, Ôđetxa, bờ biển Azôp.

Song ở công xã cũng như trong cuộc hành quân mùa hạ, vào những ngày mà "nó tóe" cũng như vào những ngày mà cuộc sống cần lao của công xã viên trải ra như mặt nước bình thản, róc rách tiếng sóng vỗ, rất thường thấy chạy bổ ra bực tam cấp một chú oắt đầu tròn, mắt sáng, chĩa ngược chiếc kèn lên trời, thổi hiệu lệnh ngắn gọn "họp đội trưởng". Và cũng y

như ngày xưa, các đội trưởng đã ngồi vào những ghế đặt sát tường, bọn tò mò đứng ngấp nghé ở các cửa, lũ trẻ nhỏ ngồi bệt trên mặt sàn. Và cũng vẫn với cái giọng nghiêm túc châm biếm ấy, viên thư ký của hội đồng đội trưởng bảo cái chú không may đến lượt ra trình:

- Cậu ra đứng giữa phòng kia!... Đứng nghiêm và hãy dốc bầu tâm sự cho xong đi!

Và cũng như ngày xưa, những chuyện ngẫu nhiên khác nhau vẫn cứ xảy ra: có khi những cá tính xù lông dím lên, và thỉnh thoảng, cũng như trong một tổ ong, tập thể vo ve hoảng sợ đổ xô cả đến chỗ bị de dọa. Và khoa sư phạm vẫn y

nguyên là một khoa học gay go và tinh tế.

Song bây giờ đã dễ chịu hơn trước. Cái ngày đầu tiên và xa xôi, rất xa xôi của tôi ở Gorki, đầy những nhục nhã và bất lực, nay tôi thấy hình như chỉ là một bức tranh nhỏ xíu của một toàn cảnh hội hè nhìn qua một khuôn kính chật hẹp. Công tác bây giờ dễ dàng hơn nhiều. Ở nhiều nơi trong Liên bang xô-viết đã thành lập nên cái mạng lưới vững chắc của một sự nghiệp sư phạm nghiêm túc, và Đảng đang ra tay phá hủy nốt những sào huyệt cuối cùng của tuổi trẻ bất hạnh và đồi bại.

Và có lẽ rất gần đây ở nước ta người ta sẽ thôi sáng tác những "bài ca sư phạm",

để viết một cuốn sách đơn giản và thực dụng: "Phương pháp giáo dục cộng sản chủ nghĩa".

Khackôp, 1925 - I935.

HẾT.

PHỤ LỤC

SƠ LƯỢC NỘI DUNG

PHẦN THỨ BA

1- Những cái đinh.

Chuẩn bị đi tiếp quản trại Kujiajê. Nỗi lo ngại về những trẻ mới đến. Kalina Ivanôvich buồn và già lẫn. Kôvan chỉ huy trại trong khi Makarenkô đi vắng, bảo vệ quyền lợi của trại đối với công xã Lunatsacxki được kế thừa điền trang của trại, Ôlia Vôrônôva dàn hòa sự tranh chấp giữa KÔvan và Xextêronkô. Ôlia lãnh đạo công xã. Giá trị vốn lao động

quá khứ bỏ vào điền trang.

Nỗi buồn của Sêrê vì những tài sản phải để lại.

Ý nghĩ của tác giả về các trại viên hồi đó. Aliôsa Vonkôp rầy la về chuyện dùng đinh mới để đóng các hòm. Những cái phiền bực với đinh cũ và các đồ vật linh tinh.

Lai lịch, họa tượng và tính cách một số trẻ mới: Ôlec Ôcnep có lẽ là dòng dõi người Normăng; nó tập lao động, đi theo máy gieo hạt, theo bừa - Achađi Ujikôp đã cùng bố dượng đi ngoại quốc theo chính phủ Đênikin, lưu lạc ở Jêruđalem, sau bố đẻ tìm nó về: nó ăn cắp, đái dầm,

ai cũng ghét - Vaxia Alexêiep tự tìm đến trại: bố mẹ chết cả, bố dượng lấy vợ khác rồi bỏ rơi cả nó lẫn mẹ nuôi của nó; nó được cả trại yêu mến - Mackơ Sơnhaoxơ giả ăn cắp để bị bắt và được gửi tới trại - Vêra Bêrêzôpxkaia gái ăn chơi, do Maria Kônđratiepna can thiệp ở ngoài ga, giao lại cho Makarenkô: cô có mang, ông cho cô đi phá thai.

Nỗi e ngại trước khi đi Kujiajê. Liubôp Xavêliepna Djurinxkaia đến khuyên can nên thôi. Nhưng sáng hôm sau bà cũng đi theo đội đặc biệt tiền phong lên đường.

9- Đội tiền phong.

Đội do Vôlôkhôp dẫn đầu. Tính cách của hắn VÀ tính cách các trại viên được hắn chọn lựa vào đội: Vichia Bôgôlaplenxki, Michia Jêvêli, Mikhailô (Misa) Ôptsarenkô, Đơnít Kutlaty, Epgêniep, Jôra Vonkôp, Kôxchia Vetkốpxki, chín người tất cả. Cùng đi ngoài Liubôp Xavêliepna Djurinxkaia, còn có một giáo viên mới của trại: Ivan Đênitxôvich Kirghizôp; họa tượng và tính cách: người lao động tích cực, đáng là người anh hùng bình thường mà văn học Nga đang tìm kiếm.

Cuộc đón tiếp ở ga Khackôp: Iuriep thích thú ca tụng tác phong của các trại viên Gorki.

Mọi người cùng với Khalabuđa đến Kujiajê. Viên giám đốc trại đi vắng, một giáo viên trực nhật miễn cưỡng đưa mọi người đi thăm trại, trong khi các trại viên đã tự động chạy đi xem các nơi với Đênitxôvich. Những lời phát biểu bực tức và cứng rắn của họ khiến Djurinxkaia lo ngại. Trại viên Kujiajê lẩn mặt hết. Nói chuyện với một đứa bé ghẻ lở. Đi thăm mọi nơi và các phòng ngủ. Hỏi chuyện Malikôp Piôtr, một trại viên Kujiajê. Thăm trường học và "nhà Thiếu niên".

Viên giám đốc ở tỉnh về. Y tiếp Makarenkô và phái đoàn với thái độ khiêu khích. Quyết định hai giờ chiều hôm sau bàn giao: tất cả nhân viên gồm

bốn mươi giáo viên. Sẽ phải giải tán và rời khỏi trại nội trong ba ngày. Viên giám đốc hằn học bỏ đi. Phái đoàn giáo dục cũng trở về tỉnh. Sắp đến bữa ăn. Bắt gặp hai đưa trẻ mang xúp, vừa đi vừa ăn vụng.

Tâm trạng băn khoăn của tác giả giữa cảnh trại vô tổ chức. Qua một buổng ngủ, ông bắt gặp và nói chuyện thân thiện với một nhóm bốn đứa trẻ trông dễ ưa: Vania Zaïtsenkô, Malikôp, Tima Ôđariuc, Ilia Fônarenkô. Nỗi băn khoăn càng tăng thêm. Ở giữa sân, Makarenkô gặp một nhóm ba đứa lớn, thái độ rất hỗn xược. Gặp Guliaêva, chị hướng dẫn viên ở xưởng may và là người đảng viên duy nhất ở Kujiajê. Chị mời Makarenkô đến

thăm phòng các con gái của trại. Họ kể chuyện cuộc sống thương tâm của họ, họ bị bọn trai bắt nạt ức hiếp đủ điều.

Những ý nghĩ buồn rầu của Makarenkô. Phẫn nộ và quyết tâm cải thiện tình hình đồi bại của Kujiajê.

Hôm sau, bàn giao xong, Vania Sêlaputin kéo chuông báo hiệu họp toàn trại, nhưng không ai đến họp. Đêm ngủ trên mặt bàn ở câu lạc bộ "nhà Thiếu niên". Makarenkô nghe các trại viên Gorki mách chuyện về các thói tục ở Kujiajê: bốn mươi buồng ở của giáo viên biến thành bốn mươi cái pháo đài chống trộm cướp, vì họ đã bị các trại viên Kujiajê cũ bẻ khóa lấy cắp hết cả đồ đạc. Giáo

viên Lôikin: những chuyện lăng nhăng lố bịch y kể lại.

Bàn cách đối phó với tình hình. Khối lượng công việc cụ thể phải làm. Trước hết các nhà xí. Bác thợ mộc Bôrôvôi đảm nhận việc dựng các nhà xí gỗ. Phái Epgêniep đi mua bốn trăm đôi dĩa và bốn trăm thìa gỗ.

Đội đặc biệt bảy do Zađôrôp dẫn đầu đến thăm trại đông đủ. Tiếp tục cùng họp bàn, có cả Guliaêva tham dự. Kế hoạch: dọn bữa ăn ngay: trong khi dân Kujiajê ăn, mọi người đến động viên họ đi họp, rồi sau bữa ăn kéo chuông họp liền.

Misa Ôptsarenkô đứng chắn ngang cửa

bếp giải thích cho Khôvrak đã bị hắn đánh sưng húp một bên mắt. Makarenkô hỏi, hắn phân trần là hắn chỉ tự vệ trong khi làm phận sự gác cửa bếp, mà thằng kia cầm dao định cứ xông vào. Misa được sự tán đồng của các học viên và của lũ trẻ Kujiajê đứng vây quanh nghe chuyện. Vania Zaïtsenkô thích thú chế giễu Khôvrak và bị thằng này dọa đánh, nhưng Karabanôp can thiệp. Khôvrak muốn hành hung. Makarenkô gọi nó, bắt nó đứng nghiêm và ra lệnh cho nó từ nay không được đánh các trẻ nhỏ. Nó chỉ miễn cưỡng nghe với thái độ ngang bướng, nhưng các trại viên Gorki bắt nó phải chỉnh đốn thái độ. Sau cùng Karabanôp lôi nó đi giải thích riêng.

Vôlôkhôp cho dọn bữa ăn. Ăn xong họp toàn trại, có khá đông trại viên Kujiajê đến dự. Makarenkô nói chuyện và không đượC chúng chú ý lắng nghe. Kutlaty động viên chúng cũng không có hiệu quả gì. Makarenkô chán nản, nhưng Zađôrôp, vẫn lạc quan, khuyến khích ông.

4. "Trôi chảy cả".

Các học viên trung học làm công việc thống kê, trong khi Makarenkô cùng Gơkôpxki đi thăm các buồng để tìm hiểu trại viên Kujiajê. Thành phần của chúng. Hình ảnh đứa trẻ vô thừa nhận trong văn chương và trong óc các nhà trí thức trưởng giả. Bác bỏ cái thuyết sai ngoa và lãng mạn về những trẻ lưu manh, vô

chính phủ. Kết quả đã đạt được của sự giáo dục xã hội đối với chúng. Tình hình thực tế ở các trại nhi đồng và tâm lý các trẻ nuôi ở những trại ấy. Phân loại những trẻ vô thừa nhận. Ba nhóm, theo lối phân loại của công xã Dzecjinxki. Các trại viên Kujiajê đa số là loại "hạng ba" mà lý lịch đã trải qua nhiều trại, do những biện pháp cải tổ của Ủy ban nhân dân Giáo đục. Tâm lý chúng; những sự sai lầm và mâu thuẫn trong việc giáo dục chúng tư trước đến nay.

Nhóm những đứa "đầu sỏ", do Kôrôtkôp cầm đầu. Vichia Gorkôpxki kể chuyện rằng Khôvrak, Pêretz, Tsurilô, Pôtnebexny đều ăn cắp nhiều ở trại. Chúng tổ chức những "cún săn" đi ăn

cắp hoặc ăn xin về cho chúng ăn chơi trác táng.

Nhóm thứ hai có độ ba chục đứa trẻ như Zaïtsenkô và Malikôp: chúng ủng hộ trại Gorki.

Nhóm "những nhà nông học", theo lời Vania Zaïtsenkô giới thiệu. Chúng kể chuyện người được Khalabuđa ủy quyền và viên giám đốc cũ của trại đã hứa hẹn với chúng như thế nào để chúng cày ruộng và gieo lúa hắc mạch. Makarenkô giải thích cho chúng hiểu mọi lẽ, nhưng Xvatkô cho là ông muốn lừa gạt chúng.

Jôra Vonkôp điểm duyệt những trại viên Kuriajê được bầu làm đội trưởng:

Pêtrenkô và Khôvrak (Xpiriđôn) cũng được bầu, nhưng chúng không thích thú. Dù sao, tối hôm đó cũng lập được hội đồng đội trưởng, kiểm điểm được số trại viên và dựng được cả một bảng công tác cho ngày mai, Vôlôkhôp và Kutlaty đã sửa chữa các nông cụ, Bôrôvôi đã bắt đầu làm các nhà xí. Nhưng vấn đề Kujiajê vẫn còn là mớ chỉ rối chưa tìm ra đầu mối.

Hôm sau, chuông sớm không đánh thức được một trại viên Kujiajê nào dậy cả, và trừ đội đặc biệt tiền phong của trại Gorki ra, cũng không có ai đi làm các công tác đã chỉ định hết. Bữa ăn sáng ngon lành kéo đài đến mười giờ, trong khi Makarenkô chán ngán nghĩ đến lực

lượng hai trăm tám mươi trại viên vô dụng. Đội của Vania Zaïtsenkô không thấy đi làm. Khôvrak cũng không đến lấy xà beng ở kho của Misa Ôptsarenkô cho đội bốn của nó phá tường thành tu viện. Nó tán chuyện với Makarenkô về gái. Nén giận, ông mắng đuổi nó và tìm đến thăm và Vania Zaïtsenkô. Vania mách chuyện tối hôm trước nó bị đánh đau lắm. Makarenkô cho đi tìm bà trợ y sinh đến săn sóc nó. Trong khi ấy, có tin báo một phái đoàn đến tìm ông: đó là Brêgen, Zôia và Klame.

5. Tình ca.

Hôm sau điện tín trao đổi với trại Gorki, giục dời trại. Hôm sau nữa, đón toàn thể

giáo viên. Nỗi vui mừng khi gặp lại nhau.

Tình hình mắc mứu với sở xe lửa khiến Makarenkô phải bỏ Kujiajê trở về trại Gorki để giải quyết. Ý nghĩ của tác giả về phương pháp sư phạm nên áp dụng ở Kujiajê trong những ngày sắp tới: tác động mạnh như thuốc nổ.

Sự mừng rỡ của các trại viên Gorki đón Makarenkô trở về. Niềm xúc cảm của Galatenkô. Tình hình tấp nập vui vẻ ở trại: quần áo mới, chuẩn bị diễn kịch "Bọ chét" liên hoan để từ biệt nông dân địa phương. Sura thu xếp chỗ ngủ cho "bà" và cho Makarenkô. Kôvan mạt sát các viên chức nhà ga.

Lapô và những nhân vật hắn đùa giễu. Hắn tranh luận với Kôđia về việc cho Guxtôivan làm trợ tế ở nhà thờ, vì hội đồng đội trưởng có thể thay đức cha làm lễ ban phúc lành cho nó. Galatenkô đến tìm hắn, nhờ phân xử chuyện Taranet coi nó như ngựa, đo người nó để đóng chuồng cho nó đứng cùng với con Hào-hán trên toa xe lửa. Ackađi Ujikôp bị hắn hỏi lại về chuyện ăn cắp tiền bị bắt quả tang. Nitzenkô ngây ngô cũng bị hắn chế giễu.

Sự thản nhiên khinh khoái của các trại viên: họ phóng tâm không nghĩ đến Kujiajê; sức truyền cảm sang Makarenkô. Cảm xúc trữ tình; miêu tả cảnh hồn nhiên thơ mộng của trại, như

cảnh sống trong một bản tình ca. Nói chuyện với Kalina Ivanôvich về tuổi già và sự làm việc của những người cộng sản.

Diễn kịch. NỗI buồn của những cô gái các làng lân cận sắp phải chia tay với các trại viên Gorki. Pêchia từ biệt Marutxia: mối tình chưa sâu nên hắn sung sướng được gọi đi chuẩn bị vai ngựa hắn đóng trong vở kịch. Kalina Ivanôvich cảm động thích thú. Makarenkô ngủ thiếp đi trong ghế bành. Bọn trẻ bàn nhau khiêng ông về phòng.

6. Năm ngày

Hôm sau, Makarenkô trở về Kujiajê. Ủy

ban điều tra gồm Brêgen, Klame, Iuriep và viên giám đốc cũ của trại: Đôrôskô ban đêm đi ăn cắp giày, đã bị một tốp trẻ đánh, Ủy ban nghi là các trại viên Gorki đánh, Đôrôskô bảo là không phải, song không chịu nói tên các thủ phạm.

Điều tra riêng của Makarenkô. Phản ứng tức giận của Kirghizôp, Vôlôkhốp, Êkatêrina Grêgoriepna và Liđa đối với Ủy ban. Vania Zaïtsenkô mách Vetkôpxki chuyện đội của Pêtruskô luộc ăn hết cả khoai giống. Bị Makarenkô hỏi về chuyện Đôrôskô, mới đầu nó còn chối là không biết, sau nhận là nó có đánh, để cho thằng kia chừa ăn cắp đi. Nó không nói tên các bạn nó. Makarenkô nghĩ ngợi, rồi bảo nó đi chịu phạt giam.

Hoạt động của đội tiền phong trong năm ngày chờ đợi trại Gorki chuyển sang. Sêrê, Vôlôkhốp, Gôrôvich, Butzai và các đội viên ra sức làm các việc cần kíp. Các trại viên Kujiajê không chịu theo gương, nhưng thái độ bắt đầu có chuyển. Làm xong nhà xí, tu sửa các nhà kho, nhà trường, nhà ở, nhà kính ấm, trạm máy điện, ống dẫn nước. Đội mười của Zaïtsenkô chạy sang phe của Makarenkô, đem theo chấy, rận. Liđa và Êkatêrina khe khắt về vấn đề đó, nhưng các chị vẫn ở phòng ngủ các trại viên Kujiajê cả ngày để tìm hiểu tình hình.

Sửa chữa lữ xá của tu viện làm nhà trường, nhưng không phục hồi các phòng ngủ. Trại viên Kujiajê chưa bị khuôn ép

vào công tác, nhưng đã phải theo nội quy nghiêm túc: đến phòng án đúng giờ, nếu không sẽ mất ăn. Misa Ôptsarenkô vẫn làm đội trưởng trạm tiếp tế. Các chướng ngại vật trên đường đi tới phòng ăn. Sự nhanh nhẹn của các đội viên Gorki và dáng bộ suy nghĩ của các trại viên Kujiajê. Những lời đe dọa của các đội viên tiền phong nói đến các trại viên Gorki sắp tới. Khôvrak tỏ về hoài nghi, bị Misa mỉa mai lên lớp cho một chặp.

Pêretz trong nhóm "quý tộc" của Kujiajê. Họa tượng. Cuộc xúc tiếp của Makarenkô với nó. Dụng ý coi thường nó để giáo dục nó. Họa tượng và tính cách một số trẻ khác có thiện cảm với Makarenkô. Bọn con gái lập thành đội

sáu, đặc biệt phấn khởi. Tất cả đều chờ đợi trại Gorki. Kôrôtkôp cũng chờ. Các đội viên tiền phong gặp riêng nó, đề nghị nó "cút" đi, nhưng nó không chịu. Nó vẫn lễ phép với Makarenkô và hỏi ông về lệ phạt giam ở trại Gorki.

Điện tín báo tin trại viên Gorki đến. Phản ứng khác nhau của các nhóm trẻ trước tin đó. Đội tiền phong bàn chương trình tiếp đón. Jorka ở ga về, bị bốn đứa đón đánh sưng một bên mắt.

7. Số ba trăm bảy mươi ba dư.

Sáng ngày 17, Makarenkô đến ga Lubôtin đón các trại viên Gorki. Cảm tưởng so sánh họ như đội quân chủ lực để xuất

trận chinh phục Kujiajê. Những xốn xang của các trẻ nuôi Kujiajê từ sáng sớm: Zoren và Nitxinôp nức nỏm mong đợi.

Chờ tàu 373 dư ở ga. Các học viên trung học công nông cùng tới đó. Tàu đến được một lát rồi mọi người mới biết. Lapô bất thình lình chui ở gầm một toa xe chở hàng ra. Vui mừng hôn nhau, hỏi chuyện đi đường. Makarenkô chạy ra đoàn tàu. Gut mách chuyện Lapô cấm xuống khỏi toa khi hắn chưa cho lệnh, Xinenki trách Gut không đánh thức nó dậy sớm, rồi thổi kèn báo thức. Các trại viên xuống toa vây quanh Makarenkô. Lapô hỏi Taranet trực nhật về các việc phải làm rồi giải tán các trại viên đi rửa mặt và quét dọn các toa xe. Vecsơnep và

Ôtxatsi khiêng Kôvan còn ngái ngủ đến. Ăn bữa sáng. Sơnhaoxơ báo tin tàu sắp chạy. Makarenkô hỏi nó đã hài lòng về tính khí của mình chưa; trao đổi ý kiến với nó về hạnh phúc chiến đấu cho một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Mọi người lại lên tàu, bốn mươi phút sau đến ga Ryjôp, ở đấy đã có Êkatêrina, Liđa, Guliaêva chờ đón. Phải đợi chuyến đoàn tàu sang đường dỡ đồ, nhưng chưa có toa máy đẩy. Con Hảo-hán phá gần vỡ hết toa nhốt nó. Taranet bản chuyện anh em tự đẩy lấy đoàn tàu. Đa số tán thành ý kiến, Makarenkô đành phải ưng cho họ hãy đẩy thử hai thước, ông trưởng ga đến, kinh hoảng chứng kiến việc đẩy thử thành công và vui lòng bảo đảm tín hiệu

cho họ đưa đoàn tàu về sân ga. Brêgen, Zôia và Khalabuđa đến; thái độ nghiêm khắc của hai bà đối với Makarenkô về việc đó, trong khi Khalabuđa thích thú và cảm phục.

Đoàn trại viên diễu hành tiến hành về Kujiajê qua các cánh đồng cỏ và thôn Pôtvorki. Cảm tưởng của tác giả về những khó khăn trở ngại trước mắt. Khí thế của các trại viên. Vania Zaïtsenkô nghe tiếng trống của đoàn, chạy ra đón trước và xin nhập vào hàng ngũ cùng về. Đoàn tiến vào sân trại Kujiajê: Gôrôvich đứng trước các hàng trại viên Kujiajê đón chào.

8- Điệu Gôpak.

Các trại viên Gorki và Kujiajê đối mặt nhau. Ấn tượng gây nên trong lòng các trại viên Kujiajê do những đội ngũ chỉnh tề của đoàn Gorki. Phân tích các nét mặt của từng nhóm trong bọn chúng. Lời hô hào của Makarenkô và sự chăm chú lắng nghe của chúng.

Đàn lợn vào qua cổng. Brêgen và Zôia mỉa mai đả kích Makarenkô về sự chưa chuẩn bị chỗ ngủ cho các trại viên, trong khi lợn thì đã có chuồng tử tế. Khalabuđa bênh vực ông. Xinenki chạy tới mách chuyện Lapô bảo thổi kèn tập họp. Va chạm giữa Zôia và Xinenki, Lapô và Kôvan tới bàn với Makarenkô về bản tuyên ngôn của chi bộ Kômxômôn. Va chạm giữa Zôia và Kôvan, khiến Kôvan

bực tức bỏ đi lên câu lạc bộ. Lapô trêu chọc Zôia, nhưng Makarenkô cho lệnh thổi kèn tập hợp. Brêgen và Zôia công kích những hiệu kèn; Lapô giải thích.

Quang cảnh các trại viên Gorki và Kujiajê đi lên câu lạc bộ họp. Thành phần hội nghị. Những sự bố trí của Taranet. Jorka và Makarenkô hội trước khi khai mạc. Jorka bắt đầu nói chuyện ứng đáp những ý kiến phát biểu của quần chúng Kujiajê, đắc thắng dẹp được những ý phản đối. Ý nghĩ của tác giả về sự quan trọng của kế hoạch trong đời sống: luôn luôn cần phải có một viễn cảnh trước mắt:

Bản nghị quyết của chi bộ đoàn

Kômxômôn; ấn tượng gây nên cho các trại viên Gorki và Kujiajê. Thành phần các đội mới. Lapô giả ngốc nghếch, vờ không thích bản tuyên ngôn, nói chuyện với Kutlaty, Xtecni về việc chấp hành nó.

Jorka đề nghị biểu thuyết. Bản tuyên ngôn được toàn thể hội nghị tán thành. Sự ngạc nhiên vui thích của Makarenkô. Bôrôvôi đến với cây thủ phong cầm để chào mừng các chủ nhân mới. Zađôrôp nói chuyện với các trại viên. Karabanôp kết thúc câu chuyện và ra lệnh chơi nhạc điệu Gôpak. Karabanôp giới thiệu Natasa Pêtrenkô và cùng cô nhảy điệu Gôpak. Điệu vũ say mê, đẹp mắt, chinh phục quần chúng Kujiajê. Pêretz không

cưỡng nổi sức hấp dẫn, cũng xông ra và được cả Karabanôp lẫn Natasa vui vẻ đón tiếp để cùng nhảy. Kôrôtkôp tấm tức buồn. Makarenkô để ý dò xét nó.

9. Biến dạng

Sau cuộc họp toàn trại, các đội tập hợp lại rồi giải tán đi các nơi. Được một lát nghỉ ngơi, Makarenkô lại gần nhóm phụ nữ: Ekatêrina Grigôriepna, Liđa và Guliaêva đang chống đỡ những câu hỏi của Zôia và Brêgen.

Các trại viên bận rộn làm các công việc đã quy định: thu dọn các phòng ngủ, Aliôsa Vonkôp nhận các thứ đưa sang buồng tẩy uế lưu động, Đmitri Jêvêli

phát quần áo.

Xinenki đến xin phép nổi hiệu kèn họp đội trưởng, theo yêu cầu của Taranet. Brêgen công kích "những tổ chức bề ngoài" ấy. Cuộc trao đổi ý kiến gay gắt về vấn đề đó với Makarenkô.

Đội một của Gut đến chiếm lĩnh trụ lang làm chỗ ngủ. Hắn gọi Xliva và Khleptsenkô - họa tượng - cắt cho việc cọ rửa bậc tam cấp và phái Kacpinxki đi lấy thùng, rồi mời các bà và Makarenkô đi chỗ khác để đội làm công tác tổng vệ sinh. Sau đó đến lượt tông-đơ và dao cạo làm việc.

Quang cảnh trước kho của Jêvêli. Đội

tám của Fêđôrenkô với các trại viên Kujiajê cũ thay đổi tốt: cuộc "biến dạng" bắt đầu. Niềm kiêu hãnh của Fêđôrenkô và Ôlec Ôcnep. Makarenkô cảm động ôm hôn chúng. Ông ngạc nhiên vì thấy Kôrôtkôp được Fêđôrenkô đề cao. Nó cũng muốn được "phạt giam" như các trại viên cũ, khi có lỗi. Fêđôrenkô giải thích cho nó nghe về tính thần kỷ luật, khiến Brêgen khó chịu.

Đội mười tám của Vania Zaïtsenkô gồm toàn trẻ nhỏ Kujiajê. Brêgen hỏi về chuyện nó bị đánh đêm trước, Makarenkô trả lời mát mẻ, khiến bà tức giận ra về. Vẻ kiêu hãnh của đội mười tám cố gắng tập theo mọi kiểu cách của trại Gorki. Báo cáo về việc tắm rửa và

xin cấp chăn đệm.

Vẻ sung sướng của các trẻ Kujiajê sau khi húi tóc, ngắm mình trong gương. Bọn con gái vui mừng được có quần áo đẹp. Makarenkô sai Pêretz đi đun nước tắm giặt giúp các thiếu nữ. Thiện chí chấp hành mệnh lệnh của nó.

Lapô họp đội trưởng, nhắc lại khẩu hiệu "nhỏ một bãi, ba ngày cọ sàn". Khalabuđa cũng được bọn trẻ nhỏ mách cho biết khẩu hiệu đó, ông vừa nhắc lại vừa xin xe ngựa đi ra ga trở về Khackôp.

Taranet báo cáo về tình hình chỗ ở của các "nhà nông học". Makarenkô ra lệnh cho chúng phải tuân theo nghị quyết

chung. Sự đầu hàng của chúng.

Cảnh phòng ăn trang trí long trọng, đội kèn, lễ chào cờ. Makarenkô huấn thị và đọc thư của Maxim Gorki viết cho Ủy ban Chấp hành khu Khackôp và thư của Ủy ban trả lời. Ấn tượng trong lòng bọn trẻ Kujiajê. Hát bài Quốc tế ca.

Sự ngạc nhiên của Djurinxkaia và Iuriep trước cảnh "biến dạng" đột ngột của các trại viên Kujiajê.

10. Ở chân núi Ôlanhpơ

Công tác lao động nặng nề ở trại Kujiajê trong tháng năm và tháng sáu. Phân tích những động cơ lao động của con người nói chung. Ý thức tốt của các trại viên

Kujiajê muốn gia nhập tập thể trại Gorki, nhưng tác phong làm việc của chúng rất kém. Tác dụng của những biện pháp kỷ luật cưỡng chế. Phong cách và truyền thống. Kỹ thuật sư phạm với giới "Ôlanhpơ sư phạm". Quan điểm sai lầm của các nhà lý luận trong ngành giáo dục đương thời đối với nhi đồng và vấn đề kỷ luật.

Quan điểm của Makarenkô về kỹ thuật sư phạm, so sánh với kỹ thuật trong các ngành sản xuất thông thường. Đả phá những ý nghĩ mơ hồ về nhi đồng của các nhà sư phạm đương thời. Phân tích tinh thần trách nhiệm, một yếu tố kỹ thuật trong vấn đề giáo dục.

Những lý do của kẻ lười bịa ra để tránh lao động. Phản ứng của tập thể trại viên đối với Krivôrutskô, một đứa trốn công tác: tấn kịch bí hiểm, long trọng tiếp đón nó ở phòng ăn: Lapô vờ thương hại để giáo dục nó. Đối phó với Khôvrak giả vờ ốm: ban "cấp cứu" của Taranet với cái bễ lò rèn của Lêsi.

Câu chuyện trao đổi với một vị giáo sư sư phạm không hiểu thế nào là một đội và tác dụng giáo dục của tập thể.

Vấn đề tiền lương, tiền thưởng.

Vấn đề viễn cảnh: cái vui của ngày mai. Sức mạnh và cái đẹp của con người.

Ảnh hưởng tốt bất ngờ của buổi tối nói

chuyện về Gorki đối với các trại viên mới. Kôrôtkôp phát biểu ý kiến, khuyến khích chúng làm việc. Sự thay đổi thái độ của chúng sau khi giác ngộ.

11. Hội ngày mùa

Những công việc tu sửa rộn ràng ở trại trong những ngày cuối tháng năm. Phá tường bao vây tu viện, lấy gạch xây chuồng lợn, rải lối đi, lấp các khe rãnh. Sửa đổi sân, vườn, ngọn đồi. Sự say mê công tác của Sêrê về mọi mặt chăn nuôi và trồng trọt.

Đội vét ao của Karabanôp. Nhặt được vũ khí dưới đáy ao. Các đội viên của "đội hai đặc biệt phi thường" chơi trò

làm người da đen. Karabanôp chỉ huy chúng đẩy tàu ván chứa bùn, do ngựa kéo. Trò tấn công các trại viên da trắng mỗi buổi chiều. Một buổi nhảy múa dưới trời mưa. Dân da đen đi chữa cháy khiến dân địa phương sợ hết hồn; giải tán một đám rước vì mê tín chung quanh đám cháy và cứu mọi ông già.

Quan hệ với những con chiên đến nhà thờ và hội đồng nhà thờ. Gợi ý việc di chuyển nhà thờ với vị trưởng lão đại diện hội đồng. Nhà thờ được quét vôi lại. Bọn trẻ vào thăm nhà thờ. Một giáo sĩ đến phàn nàn vì chúng làm phiền họ trong khi làm lễ. Thái độ của Guxtôivan đối với nhà thờ.

Giữa tháng sáu, trại có điện, nước máy, và các trại viên dọn vào ở các phòng ngủ được tu sửa sạch sẽ với giường đệm đẹp đẽ. Thiếu một vạn rúp mua chăn mới. Lapô vận động Khalabuđa về chuyện đó.

Một buổi tối, Khalabuđa vui vẻ đến trại và duyệt các đội ngũ trại viên trong giờ tập thể dục. Cảm động vì tình hình chung của trại, ông tuyên bố sẽ cho chăn và được các trại viên nhiệt liệt hoan hô, tung ông lên trời. Taranet trả lời lại các đồ vật trong túi ông, mà hắn đã "thu cất" cho khỏi rơi mất.

Hôm sau, Khalabuđa cãi lời và Makarenkô bị ông cự tuyệt. Nỗi tức giận của các trại viên trước sự bội ước đó.

Nghị quyết của Ủy ban trọng tài xử Khalabuđa phải trả tiền nhưng viên quản lý của ông không chịu thi hành. Hội đồng đội trưởng quyết định thưa lên ông chủ tịch Ủy ban chấp hành Ukren. Viên thừa phái lại làm sai áp chi phó đối với tồn khoản của Ủy ban bảo vệ nhi đồng. Giải pháp của đồng chí cao cấp khiến Khalabuđa phải ký séc một vạn rúp mua chăn.

Ngày 5 tháng 7 cử hành Hội ngày mùa. Quang cảnh trại đã được tu sửa. Công việc chuẩn bị ngày hội, các khẩu hiệu, các tay kèn (Xinenki và Xaitsenkô), ban đón tiếp, các tân khách. Khalabuđa lại được các trại viên tung lên hoan hô. Ông cho họ một chiếc máy kéo.

Các trại viên dẫn khách đi thăm trại. Đúng trưa, hội bắt đầu. Tập hợp. Các trại viên sắp hàng chỉnh chện trước sự thán phục của các tân khách. Lễ chào cờ. Đội đặc biệt tám gặt bó lúa đầu tiên ra mắt, do Burun dẫn đầu: mười sáu tay hái, mười sáu cô bó lúa, hai máy gặt, những bờ cào ngựa kéo, xe tưới nước, xe thập tự. Nghi lễ giao nhiệm vụ cho. Đội xuất phát với toàn trại và các tân khách. Khalabuđa được mời vào làm một tay hái.

Đến ruộng nghi lễ trước cờ: Burun phạt lúa, Natasa bó lại, Burun trao bó lúa cho Zoren, trại viên nhỏ tuổi nhất, và nói những lời dặn dò theo truyền thống. Zoren đáp lại, rồi bó lúa được theo cờ

tới sườn bên phải. Mười bảy tay hái phạt lúa vòng quanh ruộng, sửa soạn lối đi cho xe máy gặt. Hai chiếc máy gặt đã được chuẩn bị cẩn thận từ trước và làm việc tốt. Burun hô lệnh cho các trại viên xuống ruộng bó lúa theo xe máy. Sự hăng hái và vui sướng của chúng trong công tác khiến các tân khách cảm động. Khalabuđa trao đổi cảm tưởng với Brêgen, Iuriep và đồng chí "mặt mày nhẵn nhụi".

Tập hợp ra ruộng đánh đống lúa xong, mọi người trở về dự tiệc. Các trò chơi liên hoan kéo dài cho đến tối, kết thúc bằng một màn kịch thần tiên và cuộc đốt pháo hoa ở bờ ao. Khi tân khách ra về, đồng chí cao cấp trong buổi khuyến

khích Makarenkô nên giữ vững đường lối của trại.

12. Cuộc sống tiếp tục

Ngày tháng qua. Trụi mở mang thêm về mọi mặt. Xưởng mộc sản xuất thành công những đõ ong kiểu Đadăng và đóng đồ gỗ. Xưởng làm gỗ sắc bị thất bại.

Công tác văn hóa tiến triển mạnh. Trại có thêm một giáo viên, Vatxili Nikôlaiêvích Peexki: họa tượng và tính cách. Anh ta tổ chức câu lạc bộ rất giỏi.

Trại mua thêm nhiều sách. Đội nhạc khiến mọi người cảm phục. Chiếu bóng thu hút các con chiên của nhà thờ.

Vêra Bêrêrôpxkaia trở lại lẳng lơ. Ý nghĩ của tác giả về những sự khó khăn trong việc cải tạo những con gái sớm hư hỏng. Gian díu ám muội với các trại viên không có lợi, có hẹn họ đi lại với Xinvextôp, một điện báo viên trẻ tuổi ở Ryjôp. Lapô cảnh cáo Xinvextôp.

Một buổi tối Vêra nói chuyện với Makarenkô, xin giấy đi phá thai lần nữa, nhưng ông không cho. Cô dằn dỗi và bốn hôm sau lại nằn nì xin, nhưng ông vẫn cương quyết không nhượng bộ.

Thái độ tốt của các trại viên đối với Vêra. Hội đồng đội trưởng đưa Xinvextôp ra xét xử. Y nhận lời lấy Vêra, nhưng chính Vêra lại không muốn.

Makarenkô gạn hỏi và không ép uổng cô, nhưng vẫn kiên quyết không cho cô đi mổ lấy thai, như cô nài xin. Vêra dọa sẽ tự tử. Ý nghĩ của tác giả về ái tình. Ông kiên trì thuyết phục Vêra và tư tưởng cô dần dần biến chuyển tốt. Cả trại tích cực giúp đỡ cô, chuẩn bị cho cô làm mẹ. Xinvextôp lại tới trại.

Các khách nước ngoài đến tham quan trại. Makarenkô đồng ý cho họ nói chuyện với các trại viên, với điều kiện là họ không được hỏi gì về quá khứ các trẻ nuôi.

Một nhóm trại viên nữa lên trường trung học công nông. Mùa xuân trở lại, với cuộc sinh hoạt bình thường sôi nổi.

Giênia Juôcbina, em gái nhỏ, ngạc nhiên trước mọi sự vật quanh mình.

Lễ Phục sinh. Đội trưởng trực nhật can thiệp vào việc kéo chuông náo loạn ở nhà thờ. Đấu khẩu với các hội viên hội đồng nhà thờ. Phòng thuốc của trại chữa cho họ, sau khi họ say rượu đâm chém lẫn nhau.

Sau lễ Phục sinh, Makarenkô được mời đi thăm nhà mới xây cho trại Dzecjinxki.

Tháng chín. Vêra đẻ một đứa con trai. Makarenkô cự tuyệt nữ đồng chí Zôia đến chất vấn về việc đó. Vêra được việc làm ở phòng kế toán của trại và trở nên một người mẹ tốt.

Gặt hái xong, mọi việc đều tiến hành tốt đẹp. Sự ngạc nhiên của Giênia Juốcbina trước cảnh tuyết đầu mùa phủ kín sân trại.

13- "Hãy giúp đỡ thằng bé đó".

Vẻ tiện nghi tráng lệ của các ngôi nhà xây đựng cho công xã Dzecjinxki. Trại Gorki được ủy nhiệm chuẩn bị việc khai trương công xã. Các đồng chí Tsêka với lý luận sư phạm. Việc chỉ định năm mươi trẻ Gorki chuyển sang công xã. Chúng buồn sắp phải chia tay với các bạn.

Quan hệ ngày càng gay go giữa tác giả và các "giới tư tưởng gia sư phạm". Trại đến Khácköp chào hội nghị "Những

người bạn của nhi đồng". Một bà trí thức ra tiếp, nói chuyện giọng khinh miệt với Makarenkô, giả bộ ve vuốt bọn trẻ nhỏ và bị chúng cười giễu.

Sang tháng mười xảy ra chuyện Ujikôp ăn cắp tiền của các học viên trung học công nông về chơi trại ngày chủ nhật. Phân tích những tác hại của sự ăn cắp trong một tập thể đoàn kết chặt chẽ. Ujikôp bị đưa ra xử trước tòa án các đồng chí gồm năm thẩm phán viên nhất trí được bầu ra; Brêgen và Djurinxkaia cũng dự phiên xử án. Tính cách của Ujikôp trong quá trình cải biến ở trại. Các nhân chứng phê phán kịch liệt. Brêgen xin phát biểu ý kiến và hùng hồn can thiệp chống đỡ cho Ujikôp. Ý nghĩ

của tác giả về phương pháp giáo dục của ông. Tòa án các đồng chí tẩy chay Ujikôp trong một tháng. Bản án được Makarenkô phê chuẩn trước sự bất bình của Brêgen, trong khi Djurinxkaia tỏ ra am hiểu hơn.

Thái độ của các trại viên chấp hành bản án. Diễn biến tư tưởng của Ujikôp. Nó xin phép nói với Makarenkô, nhưng ông không đồng ý. Thái độ nghiêm túc của nó đối với lao động. Giữa cuộc thử thách, nữ đồng chí Zôia đến can thiệp, nhưng Jêvêli không cho phép bà nói chuyện với Ujikôp.

Hôm sau, Natasa Pêtrenkô đề nghị tha cho Ujikôp và được hội nghị toàn trại tán

thành. Ujikôp cảm động khóc.

Khánh thành công xã Dzecjinxki. Quan hệ đẹp đẽ giữa các công xã viên và các đồng chí Tsêka sáng lập công sá. Makarenkô mặc nhiên làm giám đốc công xã.

Trại Gorki lấy thêm năm mươi trẻ mới và vững vàng tiến tới. Viễn cảnh đẹp đẽ. Tin Gorki trở về Liên bang.

14. Phần thưởng.

Thời kỳ từ tháng 12-1927 đến tháng 7-1928. Công xã Dzecjinxki phát triển tới một trăm năm mươi công xã viên. Phong cách chung và uy tín của công xã. Quan hệ xã hội của các trại viên Gorki và và

công xã viên Dzecjinxki ngày càng mở rộng. Tình cảm của tác giả gắn bó với trại nhiều hơn là với công xã, song công xã khiến ông bận tâm lo xây dựng nhiều hơn.

Tập thể các nhân viên Tsêka. Họ thể hiện cái mẫu người mà Makarenkô mơ ước đào tạo: những người bônsêvich chân chính.

Những khó khăn buổi đầu của công xã để tự túc về mặt kinh tế. Họa tượng và tính cách của Xôlômông Bôritxôvich Kôgan, nhân viên mới của công xã. Óc thực tiễn và tài tháo vát của bác. Xây dựng xưởng lắp ghép của công xã với tiền xây nhà kho gửi đồ đặt làm của Học viện Kiến

trúc. Sử dụng chuồng ngựa để làm lò đúc. Sự hoạt động không mệt mỏi của Kôgan. Các xưởng sản xuất các dụng cụ linh tinh và sự phân công triệt để trong công tác. Chế độ tiền lương và vấn đề sư phạm. Những lợi tức kinh doanh quan trọng của công xã và sự cải thiện đời sống của các công xã viên. Mơ ước có một nhà máy thật sự.

Quan hệ mật thiết giữa trại và công xã. Những ngày trại viên và công xã viên gặp gỡ nhau: ấn tượng gây nên cho công chúng khi các trại viên đi qua thành phố; nghi lễ chào nhau khi hai bên giáp mặt; liên hoan buổi tối ở trại.

Chuẩn bị đón tiếp Gorki: ông hẹn sang

tháng bảy sẽ đến trại ở ba ngày. Tình cảm của các trại viên đối với ông.

Báo cáo trước các nhà sư phạm của Ủy ban Giáo dục Ukren: Tsaikin phê bình nghiêm khắc phương pháp giáo dục của Makarenkô. Ông cứng rắn trả lời. Hội nghị bác bỏ ý kiến của ông. Ý quyết định của Makarenkô thanh toán tập thể của trại, ông đưa đơn từ chức giám đốc trại Gorki và thu xếp cho các trại viên cũ có công tác trong các nhà máy ở Khackôp. Tuy nhiên ông được cái phần thưởng tinh thần quý giá thấy trại vẫn tiếp tục sống theo nền nếp ông đã xây dựng.

Ngày hội lớn đón mừng Gorki. Quang cảnh của trại khi Gorki tới.

15. Chung cục

Bảy năm qua. Nhớ lại buổi tiễn chân Gorki ở sân nhà ga, cũng là buổi Makarenkô giao cho Juôcbin tờ công lệnh thay ông quản đốc trại Gorki. Từ đấy ông không trở lại Kujiajê nữa.

Điểm sơ qua những thành công trong bảy năm ấy của một số trại viên Gorki cũ đã ra đời: những người mà tác giả gặp lại và những người bị mất hút.

Sự trưởng thành của công xã Dzecjinxki trong bảy năm đó. Năm 1931, xây dựng nhà máy đầu tiên chế tạo đồ dùng điện. Thử chiếc máy mài FD-3 thứ nhất; nỗi thất vọng thấy nó còn "tóe điện". Tháo

máy ra, tính toán, sửa chữa rồi thử lại: kết quả vẫn thế. Nhưng Tima Ôđariuc nói chắc rằng máy của Mỹ cũng tóe điện. Đem máy của Mỹ ở Mạc-tư-khoa đem về thử mới thấy là Tima nói đúng. Cái ngày của kỹ thuật ấu trĩ đó cũng đã bị quên và kỹ sư trưởng Gorbunôp đã từ lâu làm cho các máy khoét mài không "tóe điện" nữa.

Năm 1932, một nhân viên Tsêka nảy ra ý kiến làm máy ảnh Laica. Thái độ hoài nghi của các kỹ sư và nhà quang học. Sự kiên trì của các công xã viên đã chiến thắng mọi khó khăn và sau cùng nhà máy F. E. D. của công xã sản xuất đều những máy F.E.D. tinh xảo (máy Laica xô-viết).

Truyền thống mới: cuộc hành quân mỗi mùa hạ của các công xã viên Dzecjinxki đi thăm các anh em công nhân ở khắp nơi trên đất nước. Nếp sống kỷ luật ở công xã vẫn duy trì như cũ, với những buổi họp của hội đồng đội trưởng.

Công tác giáo dục đã dễ dàng hơn trước, phạm vi giáo dục cũng rộng lớn hơn và đi vào nền nếp hơn trước nhiều. Trên đất nước xô-viết không còn những sào huyệt của tuổi trẻ bất hạnh và hư hỏng nữa. Phương pháp giáo dục cộng sản chủ nghĩa đã thành hình.

TÁC PHẨM CỦA MAKARENKÔ

Năm 1949, Viện Hàn lâm Khoa học Sư phạm ở Mạc-tư-khoa sau khi long trọng kỷ niệm lần thứ mười ngày Makarenkô tạ thế, đã quyết định xuất bản toàn tập những tác phẩm của ông. Bộ toàn tập này gồm bảy quyển, đã được xuất bản trong những năm 1950-1952, và tái bản năm 1957.

QUYỂN I: *Bài ca sư phạm,* tác phẩm gồm 61 chương và 766 trang (bản dịch Pháp văn của Jean Champenois gồm 806 trang). Theo ý kiến của Gorki, Makarenkô thu tập những điều ông chiêm nghiệm hàng ngày và viết trong mười

năm (1925-1935), mô tả trại lao động Gorki. Quyển này còn gồm một số tài liệu lý luận khái quát về đề cương sư phạm của ông:

- Những nguyện vọng khiêm tốn của chúng tôi;

- Nhà giáo dục;

- Thời hạn của một tập thể sư phạm;

- Nhân vật điển hình và nhân vật nguyên hình của Bài ca sư phạm của tôi;

- Ảnh chụp tham khảo,

Quyển II: *Tiến hành khúc năm 1937*,

tiểu thuyết ngắn mô tả công xã F. E. Dzecjinxki. Cái tên này có tính cách biểu tượng theo lời Makarenkô giải thích, vì cuộc sống của công xã được miêu tả trong bước tiến lên của nó sau một cuộc thí nghiệm đặc biệt thành công năm 1930, nhân một kỳ nghỉ hè ở Yanta. Trong sách Makarenkô trình bày những nguyên tắc mới của phương pháp sư phạm của ông và nói nhiều đến việc tổ chức đời sống chung và những kỹ thuật giáo dục tập thể.

- *FD:* tiểu thuyết ngắn về những năm 1931- 1932 và mô tả thời kỳ công xã Dzecjinxki lập được một nhà máy chế tạo máy ảnh, mà chiếc máy ảnh đầu tiên mang tên FD (Fêlix Dzecjinxki).

- *Điệu vui* (1). kịch viết năm 1932-1933, cũng nói về thời kỳ đó của đời sống của trại với giọng lạc quan, theo điệu vui (trưởng âm điệu), là điệu Makarenkô rất thích.

- *Tài liệu về kỷ niệm năm năm thành lập công xã Dzecjinxki:*

- *Các nhà sư phạm nhún vai:* Makarenkô kể lại những chuyện tranh chấp của ông với giới sư phạm thủ cựu đương thời.

- *Ta hãy giở trang*: tóm tắt những sự việc chính trong những năm 1927-1932 của đời sống của công xã.

- *Một ngày ở công xã:* nêu chi tiết một

ngày trong đời sống của công xã.

- *Ngày mồng một tháng mười năm 1932*: kế hoạch cả ngày, ghi chú trong sổ tay các giáo viên, báo cáo linh tinh, tường thuật các cuộc họp.

- *Hiến chế của công xã:* vạch rõ những truyền thống của đời sống chung.

- *Chứng thư của những học sinh ra trại*: hướng dẫn 44 học sinh lên trường Đại học và các trường cao học.

- *Ảnh chụp tham khảo,*

QUYỂN III: *Những ngọn cờ trên tháp:* (1938), tiểu thuyết dành riêng cho việc nghiên cứu sự biến cải tính cách trong

đời sống tập thể, như đã được thực hiện ở công xã Dzecjinxki.

- Những cuộc thảo luận chung quanh tác phẩm đó.

- Trả lời các bạn đọc.

- Thư từ gửi những nhà phê bình,

QUYỂN IV: *Cuốn sách của những người làm cha mẹ*: một thiên luận bắt đầu viết năm 1936 và bị bỏ dở. Makarenkô chia làm bốn phần: 1) Tập thể gia đình; 2) Giáo dục đạo đức và chính trị trong gia đình, quan hệ với nhà trường; 3) Giáo dục lao động và việc chọn nghề; 4) Nuôi dạy trẻ thế nào cho nó trở thành một người sung sướng.

Trong phần thứ nhất, tác giả phân tích những nguyên do của tính nết và muốn đưa dẫn những người làm cha mẹ đến chỗ nhận thức một số vấn đề sư phạm. Phần này, xuất bản khi sinh thời tác giả, là khởi điểm của nhiều bài nghiên cứu lý luận và nhiều cuộc nói chuyện về sự giáo dục ở gia đình.

- *Những bài nói về việc giáo dục con trẻ,* những bài nói ở đài phát thanh Mạc-tư-khoa năm 1937, về những điều kiện chung của việc giáo dục trong gia đình, đăng năm 1940 trong *Báo cáo người giáo viên và tin tức:*

- *Uy tín của cha mẹ.*

- Kỷ luật.

- Trò chơi.

- Kinh tế gia đình.

- Giáo dục trong lao động.

- Giáo dục vì nam nữ tính.

- Giáo dục những tập quán văn hóa.

- Tham luận vì những vấn đề sư phạm ở gia đình:

- Nói chuyện với các bạn đọc (1938),

- Về cuốn sách của những người làm cha mẹ (1938).

- Gia đình và việc giáo dục con cái (1938),

- Việc giáo dục ở gia đình và ở nhà trường (1939).

QUYỂN V: *Phương pháp học của việc tổ chức quá trình (1935-1936)*

- Những bài nói về việc giáo dục ở nhà trường:

- Những phương pháp giáo dục (10-1-1938).

- Kỷ luật, chế độ, thưởng và phạt (14-1-1938).

- Phương pháp sư phạm về sự gần gũi

cá nhân (15-1-1938)

- Giáo dục trong lao động. Những quan hệ, phong cách và phong điệu của tập thể (20-1-1938),

- Vài suy luận từ một kinh nghiệm sư phạm;

- Vài suy luận từ kinh nghiện tư phạm của tôi (1938).

- Kinh nghiệm của tôi (1038).

- Quan điểm sư phạm của tôi (1938).

- Nhân vật kinh nghiệm lao động (1939).

- Những bài báo và tham luận về các

vấn đề chung trong việc giáo dục.

- Một công trình đẹp đẽ (1936).

- Mục đích của giáo dục (1937).

- Tác phẩm văn học về việc giáo dục nhi đồng (1937).

- Bước sang năm thứ ba mươi (1937).

- Chọn nghề (1937).

- Giáo dục tính khí ở nhà trường (í938).

- Ý chí, dũng cảm, lý do hành động (1939).

- Đạo đức cộng sản chủ nghĩa (1939).

- Giáo dục và lối cư xử cộng sản chủ nghĩa (1939).

Phụ lục:

- Kinh nghiệm những phương pháp lao động ở một trại nhi đồng (1931- 1932).

- Tổ chức giáo dục ở Liên-xô (1935).

- Những vấn đề giáo dục xô-viết ở nhà trường (1938).

QUYỂN VI:

- Danh dự, tiểu thuyết ngắn (1937-1938).

- Một tính cách chân chính, lược thảo kịch bản (1938).

- *Sứ mệnh,* lược thảo kịch bản (1938-1939).

Phụ lục:

- Chống tầm thường (1938).

- Bình luận về "Danh dự" (1938).

QUYỂN VII:

- Những bài báo và ký chú.

- Truyện ngắn và truyện kể.

- Về lao động sáng tạo của các nhà văn.

- Về văn học cho thiếu nhi.

- Phê bình văn học.

- Những bài báo và bài nói về vấn đề sư phạm.

- Thư từ giữa Gorki và Makarenkô.

Phụ lục:

- Những đoạn văn viết dở dang và chưa xuất bản.

- Những danh mục sách tham khảo.

GHI CHÚ: Phụ lục của bản dịch này do người dịch viết; riêng phần "Tác phẩm của Makarenkô" dựa vào những tài liệu của Iren Lêzin (Sách đã dẫn) và có tham khảo Makarenkô toàn tập, quyển I: Giáo

dục thi thiên của Hứa Lỗi Nhiên dịch (Nhân dân giáo dục xuất bản xã, Bắc kinh, 1959).

Mời các bạn ghé thăm Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.



Growing Readers

---

[1] Lười biếng

[2] Tức Jan Dac (Jeanne d' Arc): nữ anh hùng của

nước Pháp, có công thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Pháp chống lại ách xâm lăng của nước Anh, ở thế kỷ XV.

[3]

Pouce: đơn vị cũ đo chiều dài, bằng 1/12 piê (pied: chân), tức 0m027.

[4]

Normands (Người phương Bắc): nguyên lai ở bán đảo Xcanđinavơ (Na-uy, Đan-mạch;. Giữa thế kỷ IX, tràn xuống chiếm cứ vùng thượng lưu sông Dniep nước Nga, lấy tên là người Varegiơ hay Ruxơ.

[5]

Như trên.

[6]

Seño: tiếng Tây-ban-nha, nghĩa là: Quý ông, Tiên sinh, hay Ngài.

[7]

Mary là tên đàn bà.

[8]

NKVD: chữ viết tắt chỉ Ủy ban Nội vụ và Nhân dân 1917 - 1946).

[9]

Xem chú thích tr. 92, tập I.

[10]

Một chất độc rất mạnh, dùng làm thuốc kích thích các cơ trợ tim.

[11]

Nhà danh họa Nga (1862-1942).

[12]

Nhà danh họa Đức (1805-1874).

[13]

Nhà đại danh họa, kiêm điêu khắc gia, kiến trúc gia, người Ý (1483-1520).

[14]

Tiếng Nga có nghĩa là "Chúa hiển hiện"

[15]

Có nghĩa là "Của Gorki"

[16]

Con cái những nhà quý tộc đi theo các vua chúa, vương hầu để phục vụ họ và học võ nghệ gọi là thị đồng hay kiếm đồng

[17]

Một tờ họa báo của nước Nga cũ, xuất bản mỗi tuần lễ một lần, từ cuối năm 1869; là một trong những tờ tạp chí bán chạy nhất vào thời trước Cách mạng Nga. *(Chú thích của H.L.N)*

[18]

Pháp văn: *mère, chaumière, bergère* (mẹ, nhà tranh, cỏ chăn cừu).

[19]

Pháp văn: *aulnaie, cẹrisaie* (rừng cây trăn, vườn anh đào)

[20]

Pháp văn: Tôi pha thêm ít than vào chất lạnh của ý chí tôi

[21]

Chỉ những nhân tố có tác dụng gắn bó đoàn kết

[22]

Byron (1788 -1824), thi sĩ trứ danh nước Anh

[23]

Một hải cảng ở Hắc-hải, nơi danh thắng chữa bệnh. *(Chú thích của H.I.N.)*

[24]

Một thành phố Ukren, nơi giao nhau của các đường xe lửa. *(Chú thích của H.L.N).*

[25]

Chỉ đời sống lưu đãng ở trên đường phố

(Chú thích của H.L.N)

[26]

Drochki: Xe ngựa bốn bánh ở Nga.

[27]

Archimêde (287 – 212 trước Công nguyên): nhà vật lý học Hy-lạp trứ danh, phát minh được nhiều định luật khoa học quan trọng. Theo truyền thuyết, ông đã nói: chỉ cần cho ông một cái đòn bẩy và một điểm tựa, ông sẽ có thể nâng được quả địa cầu.

[28]

Vakula, nhân vật chính trong truyên ngắn Đêm Nôen cảu Gôgôn, *(chú thích cảu bản dịch Pháp).*

[29]

Darius đệ nhát, vua Ba-tư từ 521 đến 486 trước công nguyên; trong quân đội của ông có quân cưỡi voi trận, mục đích để dọa cho quân địch sợ ra *(Chú thích của H.L.N)*

[30]

Nhẫn nay: đến nay (từ cổ).

[31]

Platôp là một bá tước, anh hùng nổi tiếng trong cuộc chiến tranh chống Napôlêông từ 1812 đến 1815 (Chú thích của H.L.N)

[32]

Vania chơi chữ, Dưa hấu, tiếng Pháp (pastêque) bắt đầu bằng chữ P, mà tên đội đặc biệt cũng là chữ P. Chúng tôi tạm đổi ta D để giữ tinh thần câu nói của Vania.

[33]

Shakespeare: nhà viết kịch thơ lớn nhất của nước Anh (1564 - 1616), đã đề lại những vở kịch, hài kịch bất hủ. Những vở bi kịch Hamlet và Côriôlan, mang tên những nhân vật chính được nhắc tới ở dưới, đều ở trong số những tác phẩm ưu tú của ông.

[34]

Một câu nói nổi tiếng của Hamlet.

[35]

Pháp văn: Le loir, vật bốn chân, giống con sóc, suốt mùa đông tê cóng chỉ ngủ, cho nên có câu nói: ngủ như con sơn thử. Misa đặt tên cho Khôvrak là con Sơn-thử hay con Dím là ý muốn nói thằng này lười biếng.

[36]

Quan tài (từ cổ)

[37]

Đi đến

[38]

Một câu nói của Hamlet trong kịch Hamlet: "Hôraxiô ạ, ở trên trời và ở dưới đất còn có nhiều điều mà các nhà triết học của chúng ta chưa biết đến."

[39]

Một câu thơ của Lecmôtôp, chỉ Napôlêông (chú thích của H.L.N) Rơ-đanh-gốt (Redingote) – nguyên ngữ tiếng Anh (riding coat): áo mặc cưỡi ngựa – là áo lễ của đàn ông, dài và rộng. Napôlêông ra trận thường mặc rơ-đanh-gốt màu xám và đội mũ ba sừng.

[40]

Aoxteclitz nay là Xlavkov của Tiệp-khắc, nơi đã xảy ra trận đánh lớn ngày 2-12-1805, còn gọi *trận ba Hoàng đế I,* trong đó Napôlêông đã đánh bại liên quân của Áo hoàng và Nga hoàng, và càng được thêm uy tín về mặt cầm quân từ đấy. Cho nên đến năm 1812, buổi sáng hôm mở trận đánh Môxkôva, mặt trời cũng rạng rỡ như buổi sáng ngày thắng trận nổi tiếng đó, Napôlêông đã khích lệ quân sĩ trước khi ra trận: "Hỡi quân sĩ, đây là mặt trời Aoxteclitz", một câu nói được truyền tụng cho đến ngày nay.

Trong câu văn tiếp theo dưới, Makarenkô cũng gợi nhắc lại sự việc ấy.

[41]

Tức nữ hoàng Catowrrin Đệ nhị, trị vì từ 1762 đến 1796, đại biểu điển hình của chính thể chuyên chế ở nước Nga trong thế kỷ 18.

[42]

Sémiramis: hoàng hậu xứ Atxyri và Babylôni, theo truyền thuyết đã có công xây dựng thành Babylôn và có nhiều thành tích vinh quang dũng cảm hơn cả chồng, là vua Ninus. Ở đây nói Xeemiramit phương Bắc là muốn chỉ nữ hoàng Catorwrin Vĩ đại nói trên.

[43]

Ý nói Zôia còn đang tức giận lắm.

[44]

"tỏ ý cảm ơn"

[45]

Chamberlain: chính khách Anh (1869-1940), một trong những người chủ xướng của phong

trào đế quốc chủ nghĩa.

[46]

Méng: kém

[47]

Pháp văn: từ thời đại đồ dùng bằng đá. Thời kỳ tiền sử mà loài người mới chỉ biết đẽo đá là đồ dùng.

[48]

Không

[49]

Nói mục sư nghèo, đi chợ không có tiền mua gì được, nên không vui.

[50]

Thần Thủy-tinh hay Mecquya (Mercure): Con Thiên vương Jupite, sứ giả của các thiên thần, trong thần thoại Hy-lạp. Được hình dung có đôi cánh nhỏ ở mỗi bên gót chân. Ở đây chỉ các đội viên được các đội sai phái đi các việc.

[51]

Lễ biến dạng hay biến dung của Cơ-đốc giáo, vào ngày mồng 6 tháng 8, kỷ niệm việc Chúa Giê-xu hiển hiện trong hào quang rực rỡ cho ba tông đồ được thấy ở trên núi Thabor.

[52]

Pháp văn: salopeite, quần áo mặc ngoài để làm việc cho khỏi bẩn quần áo trong.

[53]

Lapô muốn nhắc tới chuyện Vetkôpxki đi du lịch tới hòn "Lạy-Chúa-cho-qua" (xem chương 2)

[54]

Một hội kín có tính cách vừa tôn giáo vừa chính trị, rải rác ở nhiều nơi trên thế giới từ thế kỷ 18; khi nhập hội các hội viên phải qua nhiều nghi lễ khai tâm, như L.Tônxtôi đã tả trong *Chiến tranh và hòa bình*, khi Pie vào hội đó.

[55]

Cabriolet: xe ngựa nhẹ hai hay bốn bánh, thường có mui che bằng vải.

[56]

Câu này theo bản ca Ukren; còn cả đoạn điệp khúc này, theo bản ca của ta là:

Đấu tranh này là trận cuối cùng.

Kết đoàn lại để ngày mai

Lanhtecnaxlonalơ

Sẽ là xã hội tương lai.

[57]

Pháp văn: cervoise, rượu mạnh của người Gôloa xưa.

[58]

Manilôp là nhân vật của *Những linh hồn chết* của Gôgôn. Tên y trở thành đồng nghĩa với sự hài lòng bình tĩnh, đa cảm nhẹ nhàng hời hợt, không tưởng

hão huyền.

[59]

Pháp văn: điều hình (hình phạt ở trên tàu, treo tội nhân lên trục buồm, bỏ rớt xuống nước, rồi cứ kéo lên bỏ xuống mãi).

[60]

Tên tiếng Nga viết tắt của Ủy ban nhân dân nội vụ.

[61]

Galilê (1564-1642) là nhà vật lý học, thiên văn học nước Ý, người đầu tiên dùng kính viễn vọng quan sát thiên thể và chứng minh rằng quả đất xoay quanh mặt trời, khiến Giáo hoàng nổi giận, buộc ông phải phủ nhận thuyết pháp đó. Về sau, ông viết sách (1632) chứng minh thuyết của ông. Vì sách đó, ông bị pháp đình tôn giáo hạ ngục.

[62]

Một trong số mười hai tông đồ của Chúa Giê-xu, kẻ đã phản bội Giê-xu vì tiền. Tên y đã trở

thành đồng nghĩa với tên phản bội.

[63]

Ý nói người ta chết vì tiền.

[64]

Đạo Cơ-đốc cho rằng rẩy nước phép có thể trừ diệt được ảnh hưởng ác hại của ma quái.

[65]

Toise: thước xưa, dài 1.949m

[66]

Chim ưng nhỏ.

[67]

Ý nói là phân, nhắc lại trước đây các trại viên Kuriajê đã đại tiện bừa bãi.

[68]

Trông có bốn tay cầm như băng-ca để chở vật nặng

[69]

Xe ngựa bốn bánh.

[70]

Pháp văn: Cái củ cải đen.

[71]

Pháp văn *scaphandre*, mũ áo để lặn dưới nước.

[72]

Pháp văn: Thêm một giáng âm (dấu chỉ phải hạ giọng xuống nửa âm) vào khóa nhạc

[73]

Thuyết tiến hóa của Đacwin cho rằng theo lẽ tự nhiên đào thải, các sinh vật trong vũ trụ đua tranh nhau, rút cục chỉ có giống ưu tú là còn sống được, tuồng như do trời lựa chọn (thiên trạch). Makarenkô cho rằng Khalabuđa vì muốn thích ứng với hoàn cảnh trong đó ông sống (Xem chương 17, tập II) nên phải thất tín (Theo chú thích của H.L.N).

[74]

Chủ tịch Ủy ban chấp hành Trung ương Ukren đương thời.

[75]

Miền nam nước Nga, ở chân núi Côcadơ

[76]

Xem chú thích tập II, trang

[77]

Có thể đoán Khalabuđa nói là "mẹc" (*merde!* Nghĩa là: cứt).

[78]

Một thứ phó-mát

[79]

Xem chú thích trang 265 tập II

[80]

Tiếng Anh: Vâng, vâng

[81]

Theo tục lễ cũ ở nước Nga, đến lễ Phục sinh nhà nào cũng làm những bánh bột mì ngọt hình trụ, đêm trước lễ lấy vải bọc những bánh đó đem tới nhà thờ, để linh mục làm lễ cầu phúc cho rồi mới ăn. (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên).

[82]

Xem chú thích trang 306, quyển 1.

[83]

Triết gia Đức (1788—1860)

[84]

Là nói dựa vào dự chủ động của các trại viên, tự quản một cách ngầm kín. (chú thích của Hứa Lỗi Nhiên).

[85]

"Những người bạn của nhi đồng" là một đoàn thể của các nhân sĩ xã hội Liên-xô tự nguyện kết hợp, giúp súc các bộ môn của ủy ban nhân dân Giáo dục bảo hộ các trẻ vị thành niên về các mặt xã hội và pháp luật (Chú thích của H.L.N).

[86]

Một câu của Hamlet, trong bi kịch Hamlet của Sêcxpia, nói với Laơctơ, anh ruột của Ôphêlia, về tình yêu của chàng đối với nàng.

[87]

Xem chương 10, trang 236: "Các nhà tư tưởng sư phạm tin tưởng sâu sắc rằng tiền bạc do ma quỷ đưa tới …"

[88]

Bản báo cáo của Makarenkô làm vào ngày 14-3-1928 ở hội nghị tổ giáo dục xã hội của sở Nghiên cứu giáo dục Ukren. (Chú thích của H. L. N)

[89]

Pháp văn: *sanhédđrin*, pháp đình của người Do-thái xưa, có quyền bạo tôi CHO vì các mặt tôn giảo, hành chính và tư pháp.

[90]

Pháp văn: *nimbe*, vầng hào quang do thợ vẽ hay thợ khắc làm ở quanh đầu các tượng thánh. Tác gỉa vẫn tiếp tục ý châm biếm các nhà sư phạm tự coi mình như thánh.

[91]

Xem tập II, chương 15 "Những người khó chịu" tr. 244.

[92]

Pháp văn: "đi vượt quá xa mọi con sông Rubicông". Rubicông là một con sông nhỏ ngăn nước Ý với nước Gôlơ (nước Pháp xưa). Để bảo đảm cho La-mã chống lại quân nước Gôlơ, Nguyên lão viện đã ra một quyết nghị mệnh lệnh nổi tiếng, coi là phản quốc và bị các thần địa ngục trừng phạt bất cứ ai vượt qua

sông ấy, với một sư đoàn hay chỉ một đội quân cũng vậy. Lệnh cấm ấy đã bị Xêđa coi khinh, khi vượt qua sông Rubicông mà kêu lèn: "Alez jacta est!" (Vận mệnh đã định!). Cân nói này thường được nhắc đến mỗi khi người ta quyết định một việc gì quyết liệt, cũng như người ta nói: vượt sông Rubicông.

[93]

Các hạ sĩ quan Hồng quân đeo phù hiệu tráng men vuông mãi cho đến năm 1943 (Chú thích bản dịch của Pháp).

[94]

FD: Fêlix Dzecjinxki (chú thích bản dịch tiếng Pháp)

[95]

FD: Fêlix Etmunđôvich Dzecjinxki, trở thành tên của máy Laica xô-viết (*chú thích bản dịch tiếng Pháp)*